

Bản Tin

mùa Thu 2026

Hội Y Nha Dược Florida

Vietnamese American Medical Professionals of Florida

VAMP FLORIDA PRESENTS

SÀI GÒN ƠI

An Evening of Golden-Era Music and Retro Vibrant Style

SATURDAY · OCTOBER 17 · 2026



BẦU CUA PARLOR	VINTAGE PHOTO BOOTH
LIVE AUCTION & RAFFLE	BEST DRESSED COMPETITION
BUFFET DINNER	LIVE MUSIC AND KARAOKE

HOUSE OF PHO

8261 S John Young Pkwy · Orlando, FL 32819

7:00 PM – 11:00 PM

	EARLY BIRD BEFORE 9/20	GENERAL BEFORE 10/17	DAY OF
NON-MEMBER	$75	$85	$100
MEMBER	$65	$75	$100

All proceeds go to the VAMP-FL Foundation

https://vampgroup.org/upcoming
vampgroupfl@gmail.com
(407) 801-9918

REGISTER HERE

Nội Dung

4. Mùa Thu Paris — BS Trần Mạnh Tung
7. Lá Thư Chủ Tịch — BS Helen Thùy Dương Võ
8. Tin Tức Sinh Hoạt — BS Nguyễn Mỹ Hạnh, BS Michelle Mực Nguyễn, BS Cathleen Gerenger
12. Bệnh lý nhi nhi khoa lúc sang thu — BS Hồ Văn Hiền
16. Cúm — BS Nguyễn Văn Dõng
19. A long-acting monoclonal antibody against malaria in African adults — Trần Mạnh Tuấn, MD, PhD
22. Từ huyền thoại, thi ca đến Cơ chế Thần kinh, Tâm lý học của Nỗi hoài hương — BS Hồ Văn Hiền
25. Nước Mỹ và dầu hỏa — BS Ngô Trọng Vĩnh
26. Thay nhà, đổi cửa... — Xuân Sơn
28. Phẩm giá con người trong thời đại AI — BS Nguyễn Tiến Cảnh
32. Lịch sử tiến hóa của trí khôn nhân loại — Tuệ Thiện
38. Dự án Kênh Funan Techo — BS Ngô Thế Vinh
45. Ba tuần sau Thảm họa Nepal-Tibet — BS Ngô Thế Vinh
51. Lá thu — BS Nguyễn Thanh Bình
54. Nói lái — BS Lê Bá Vận
58. Trái Đắng — TS Bạch Phượng
61. Văn chương dân gian — BS Nguyễn Lê Hiếu
68. Ký ức tuổi thơ và những ngày tháng trưởng thành — Phương Tuấn
73. Một thuở Sàigòn — Minh Tường
78. Khoảng cách văn hóa và Quan niệm trị liệu — Savi

THƠ-NHẠC: Huỳnh Anh Trần-Schroeder, Đặng Minh Chấn, Trang Châu, Trần Việt Cường, Vinh Hồ, Tống Viết Minh, Kim Oanh, Quốc Thái, Trần Văn Thanh, Trần Chính Trực.



Tranh Bìa: *Nhớ mùa Thu xưa của* DS Tố Uyên

Bản Tin do Hội YNDF

xuất bản ba số mỗi năm vào các **mùa Xuân, Hạ và Thu**. Riêng **mùa Đông năm nay**, Ban Báo Chí sẽ xuất bản **Giai Phẩm Xuân Đinh Mùi 2027** vào **Mùng 1 Tết Nguyên Đán (là ngày February 2/2027 Dương lịch**). **Deadline đóng góp bài cho Báo Tết là January 15/2026.**

Bài vở xin đánh vào MS Word và gởi email, nếu viết Việt Ngữ dùng chương trình VNI, VPS hay Unicode đều được. Điện Chỉ Tòa Soạn: tmtran1132@gmail.com

Tung M. Tran, MD



Executive Board
President
Helen Thuy-Duong Vo, MD
VP Internal Affairs
Myhanh T. Nguyen, MD
VP External Affairs
Nhat Nguyen, OD
Treasurer
Son Ho, MD
Secretary
Michelle Muc Nguyen, MD

Standing Committees
Mentorship Program
Nhat Nguyen, OD
Constitution & Bylaws
Cam Hoang, MD
Graphic Design
MinhGiang Nguyen, LMHC
Marketing
Jenny Nguyen, PharmD
Membership & Website
Myhanh Nguyen, MD
News & Publications
Tung Manh Tran, MD
Social Events
Hang Thai, OD
Social Media
Cathleen Gerenger, DC

Board of Directors
Chairman
Nga T. Vu, DMD
Vice Chairman
Jenny Nguyen, PharmD
Secretary
Long Hoang, DMD
Member
M. Ngoc Nguyen, PharmD
Tam Nguyen, PharmD
Ly Nguyen, MD
Heidi Tran, PharmD



Mùa thu Paris có ai đi trong nắng vàng

……

Chiều qua sông Seine có con chim bay cuối trời

cất lên tiếng ca rã rời

cuộc tình sầu khôn nguôi

(Một cõi tình phai-Ngô Thụy Miên)

Mùa Thu năm nay 2026 bắt đầu từ ngày 23 tháng 9. Mùa Thu nào cũng đẹp với cảnh lá vàng rơi rụng rất lãng mạn trong bản nhạc Thu Vàng của Cung Tiến:

Chiều hôm qua lang thang trên đường
Hoàng hôn xuống, chiều thắm muôn hương
chiều hôm qua mình tôi bâng khuâng
Có mùa Thu về, tơ vàng vương vương

Một mình đi lang thang trên đường
Buồn hiu hắt và nhớ bâng khuâng
Lòng xa xôi và sầu mênh mông.
Có nghe lá vàng não nề rơi không

Mùa Thu vàng tới là mùa lá vàng rơi
Và lá vàng rơi, khi tình Thu vừa khơi
Nhặt lá vàng rơi, xem màu lá còn tươi
Nghe chừng đâu đây màu tê tái
Chiều hôm qua lang thang trên đường
Nhớ nhớ, buồn buồn với chán chường
Chiều hôm nay trời nhiều mây vương
Có mùa Thu Vàng bao nhiêu là hương.

Thu Vàng - Cung Tiến | Thủy Lene Music

YouTube·Thủy Lene Music·May 11, 2026

Nhạc sĩ Cung Tiến sáng tác bản nhạc *Thu Vàng* vào năm 1953, khi ông mới chỉ 14 – 15 tuổi.

Ông sinh ngày 27 tháng 11 năm 1938. Bản tình khúc mùa thu lãng mạn này, cùng với ca khúc *Hoài Cảm*, là những sáng tác đầu tay của ông khi còn là một cậu học sinh trung học. Dù được viết ở độ tuổi thiếu niên, tác phẩm đã thể hiện nét chín chắn, già dặn trong cả giai điệu lẫn lời ca và nhanh chóng trở thành một trong những bản tình khúc tiền chiến bất hủ của nền tân nhạc Việt Nam.

Theo chính lời kể của cố nhạc sĩ Cung Tiến (1938-2022), ông viết ca khúc *Thu Vàng* vào năm 1953 khi vừa rời Hà Nội để chuyển vào sinh sống tại Sài Gòn. Trong tâm trạng bỡ ngỡ của một cậu thiếu niên trước vùng đất mới, những hình ảnh về mùa thu xứ Bắc tràn ngập trong tâm trí ông.

Chính vì thế, trong bản in nguyên thủy của tác phẩm, nhạc sĩ đã trân trọng ghi lời đề tặng: *"Tặng Hà Nội của những ngày thơ ấu"*. Bài hát là một tiếng lòng hoài niệm, vẽ lại không gian lãng mạn, tinh khôi của mùa thu quê nhà qua lăng kính đầy chất thơ của tuổi trẻ.

Mùa Thu đẹp lãng mạn như vậy, mà khi nói đến Mùa Thu Paris, các Thi Nhạc sĩ lại làm cho Paris đẹp hơn nữa với những bài thơ, bản nhạc như:

Ca khúc "Mùa Thu Paris" (Thơ: Cung Trầm Tưởng, Nhạc: Phạm Duy)

Ca khúc "Tiễn Em" (Thơ: Cung Trầm Tưởng, Nhạc: Phạm Duy)

Thơ Nguyên Sa: *Paris có gì lạ không em?*

Ca khúc "Mùa Thu Không Trở Lại" (Phạm Trọng Cầu)

Ca khúc "Nắng Paris, Nắng Sài Gòn" (Nhạc: Ngô Thụy Miên, Thơ: Nguyên Sa)

Ca khúc "Mùa Thu Xa Em" & "Paris" (Ngô Thụy Miên)

Bản dịch thơ "Mùa Thu Chết" (Thơ: Guillaume Apollinaire, Dịch: Bùi Giáng, Nhạc: Phạm Duy)

Trở lại với bản nhạc "Một cõi tình phai": Ca khúc "Một cõi tình phai" của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên được sáng tác vào cuối năm 1978 tại đảo Pulau Bidong (Malaysia).

Đây là một tác phẩm mang dấu ấn đặc biệt trong sự nghiệp của ông với những chi tiết lịch sử đáng chú ý:

Hoàn cảnh sáng tác: Sau biến cố tháng 4 năm 1975, ông kẹt lại Sài Gòn một thời gian. Đến năm 1978, ông vượt biên và đặt chân tới trại tị nạn Pulau Bidong. Tại đây, cùng với một số nghệ sĩ trong ban văn nghệ, ông đã hoàn thành ca khúc này.

Bối cảnh trong bài hát: Dù được viết tại đảo tỵ nạn ở Đông Nam Á, lời bài hát lại nhắc đến những hình ảnh lãng mạn như *"Mùa thu Paris"*, *"công viên"*, và *"dòng sông Seine"*. Điều này thể hiện lòng hoài niệm sâu sắc về những giấc mơ tình yêu lãng mạn của thế hệ thanh niên thời bấy giờ.

Bởi thế, Tôi đã đi thăm lại Paris mùa Thu năm nay, vào ngày 24 tháng 9/ 2026. Mùa Thu bắt đầu vào ngày 22 tháng 9 Dương Lịch. Đây là lần thứ năm tôi thăm Paris, nhưng những lần trước chưa lần nào tôi đến Paris vào Mùa Thu cả. Qua Mỹ từ năm 1980, nhưng mãi đến năm 2001, tôi mới có dịp đến viếng Paris, và cũng là lần đầu tiên tôi ra khỏi nước Mỹ để đi du lịch sau 20 dài vất vả được hành nghề trở lại trên quê hương mới.

Trước khi đến Paris lần này, Tôi đã đi qua các thành phố Amsterdam của Netherlands, Brussels của Belgium. Hai nước này, tôi đã qua thăm nhiều lần trước đó, nhưng không thấy lắm xe đạp như lần này! Chứng tỏ kinh tế của 2 nước này đã đi xuống vì lạm phát đã ảnh hưởng đến đời sống của dân chúng rất nhiều...

Qua đến Paris thì bị nạn kẹt xe kinh khủng vì Đức Giáo Hoàng Leo XIV đã đến thăm Paris từ ngày 25 đến ngày 26 tháng 9 năm 2026 (trong chuyến công du tại Pháp từ ngày 25 đến 28 tháng 9 năm 2026).

Tôi ở Khách Sạn Le Meridien Arc de Triomphe nằm cạnh Đại lộ Champs-Élysées, đi bộ khoảng 10-15 phút là đến Khải Hoàn Môn Arc de Triomphe. Nhưng lộ trình của Đức Giáo Hoàng sẽ đi qua Đại lộ Champs-Élysées, nên kể như Đại lộ bị cấm xe cộ qua lại, và hai bên Đại lộ dân chúng tụ tập kẹt cứng, không thể nào đi bộ được thong thả, như những lần thăm viếng trước!

Nhưng không sao, tôi có hẹn với BS Nguyễn Văn Mùi, phó hội trưởng hội Y Giới Việt Nam Tự Do tại Pháp, đồng môn đồng khóa với Tôi ở Trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn, để hội ngộ với các Đồng Môn vào ngày 25 tháng 9 ở Nhà Hàng Tàu Quận 13, rất xa Đại lộ Champs-Élysées, như thế sẽ không bị kẹt xe nhiều?

Tôi dùng Uber để đến Nhà Hàng Tàu. Anh Tài xế xe Uber là người gốc Phi Châu, lái xe rất điệu nghệ: lách qua, lách lại, khi thì vào các con đường nhỏ chỉ 1 làn xe chạy, khi thì qua con đường lớn lách thật khéo để qua mặt được các

xe khác dễ dàng. Nhưng cũng có lần bị tài xế cũng da màu của một taxi khác chửi rủa tơi bời, nhưng anh ta đanh đá không kém, đáp lễ... và qua mặt anh kia cái rụp! Đúng là "anh hùng xa lộ thời AI!".

Cuối cùng thì Tôi cũng đến được nhà hàng đúng hẹn, nằm trên lầu 2, đúng truyền thống của các nhà hàng Tàu: ít khi ở tầng trệt!

Đây mới là giờ phút mà Tôi mong đợi: được gặp lại Nguyễn Văn Mùi, sau 5-6 năm từ ngày thăm viếng Paris kỳ trước; Paul Colot sau hơn 50 năm từ ngày ra trường; Khánh Vân, đương kim Hội trưởng Hội Y Giới VN Tự Do tại Pháp, sau 23 năm kể từ ngày tổ chức Đại Hội Y Nha Dược Sĩ Viêt Nam tại Hoa Kỳ năm 2003 ở Orlando, Florida.

Chúng tôi gặp lại nhau tay bắt mặt mừng và kể "chuyện đời xưa", kể hoài không dứt! Chúng tôi, tuổi đời đã trên 80 rồi, chỉ Khánh Vân là dưới 80 thôi! Vui được ngày nào, hay ngày ấy! Rồi năm tới, không biết sẽ ra sao?

Gửi lại đây vài tấm hình để ghi nhớ môt cuộc hội ngộ ở Tuổi Mùa Thu trong khung cảnh Paris Mùa Thu. Chúng tôi kể Chuyện Sài gòn xưa, đúng với chủ đề "Sài Gòn Ơi!" của Bản Tin Mùa Thu 2026 của Hội YND-Florida!

BS Trần Mạnh Tung

Ban Báo Chí Hội YNDF







khúc ca thu

Em hát bài tình ca
Của ngày xưa thơ dại
Kỷ niệm dù xa ngái
Vẫn như buổi ban đầu.

Mình thức trọn đêm thâu
Ngắm sao và hóng gió
Lời yêu thương đã ngỏ
Giữa cao nguyên đại ngàn.

Nụ hôn em nồng nàn
Ngát tỏa một mùi hương
Cho đôi má em hường
Chiều buông trên dãy bạt.

Em ngân nga bản nhạc
Giữa không khí trong lành
Đầu tựa vào vai anh
Cảm giác ôi tuyệt vời.

Anh vẫn hoài mong đợi
Khúc hát của mùa thu
Xóa tan áng mây mù
Nụ hôn nồng thắm thiết.

Quốc Thái



Dear VAMP-FL Members, Friends, and Family,

As we welcome the fall season, I want to take a moment to reflect on the wonderful summer we shared and look ahead to an exciting final few months of 2026.

This summer was filled with friendship, laughter, and connection. On **August 15, our Summer Sizzling** brought the VAMP-FL family together for a night of delicious food, karaoke, Vietnamese games, Tiến Lên, Bầu Cua, bingo, and plenty of fun. More than anything, it was an opportunity to relax, reconnect, and strengthen the friendships that make our organization so special.

Cảm ơn tất cả quý anh chị em đã cùng nhau tạo nên một đêm Summer Sizzling thật vui và đáng nhớ! These moments of fellowship and connection are truly at the heart of VAMP-FL.

Another important milestone this summer was the completion of our first VAMP-FL Foundation Scholarship application period. Applications officially closed on **August 31**, and our Scholarship Committee, led by **Dr. Kim Dinh**, has been working diligently to review the applications and thoughtfully select our scholarship recipients. We look forward to recognizing our inaugural scholarship recipients at the **2027 VAMP-FL Spring Gala**.

Đầu tư vào thế hệ trẻ chính là đầu tư vào tương lai của cộng đồng chúng ta. Thank you to our Scholarship Committee and to everyone whose generosity has helped make this program possible.

Now it is time to celebrate fall together!

Please join us on **Saturday, October 17, from 7:00–11:00 PM at House of Pho Orlando** for **Sài Gòn Ơi**, our VAMP-FL Fall Dinner.

We are bringing a little piece of old Sài Gòn to Orlando for an evening of Vietnamese food, live music and karaoke, Bầu Cua, auction and raffle, and our **Best Dressed** contest. Come dressed in your favorite retro-inspired look and enjoy a night filled with nostalgia, laughter, and community.

Một chút Sài Gòn xưa giữa lòng Orlando, hẹn gặp quý anh chị em tại Sài Gòn Ơi!

This evening will also support a meaningful cause: the **Vietnamese-American Memorial in South Florida**. Together, we hope to honor the history, sacrifices, and legacy of our Vietnamese -American community.

As we celebrate how far VAMP-FL has come, fall also marks the beginning of an important new chapter.

At Sài Gòn Ơi, we will hold our **VAMP-FL election for the 2027–2028 term**, including the positions of **President, Internal Vice President, and External Vice President**.

VAMP-FL has grown because members have stepped forward to share their time, talents, ideas, and passion for our community. We encourage our members to participate in the election and help shape the future of our organization.

VAMP-FL ngày càng phát triển là nhờ tinh thần đoàn kết và sự đóng góp của tất cả quý anh chị em.

As President, I am incredibly grateful for everything we have accomplished together, from community service and mentorship to scholarships, professional connections, and simply creating a space where Vietnamese-American healthcare professionals and our families can come together.

Thank you for continuing to believe in and support VAMP-FL. I look forward to seeing everyone at **Sài Gòn Ơi on October 17** as we celebrate our community, honor our heritage, and look forward to another exciting chapter together.

Chúc quý anh chị em và gia đình một mùa thu thật nhiều sức khỏe, niềm vui và bình an.

Warmly,

Helen Vo, MD
President
Vietnamese American Medical Professionals of Florida (VAMP-FL)

TIN TỨC - SINH HOẠT

Dr. Mỹ Hạnh 's Report
(VP External Affairs)

Fall Banquet This Saturday!!

Dear Colleagues,

Our VAMP-FL Fall Banquet is this coming Saturday, October 17th!!

It will be an evening of golden-era music and vibrant retro style!

Bau Cua Parlor, Charity Auction, Bingo ($5 per card), Buffet Dinner, Best Dress Contest, Dancing, and Karaoke!

Other important items are:

1. Election of Officers: come and help decide who tomorrow's leaders will be!
2. Presentation of the Vietnamese-American Memorial in South Florida. It's not too late to support this construction! Bring your checkbook and VAMP-FL will match your support dollar for dollar!

Location: House of Pho (8261 S. John Young Pkwy, Orlando, FL 32819)

Time: 7:00pm to 11:00pm

Dress: Vintage Sai Gon encouraged but not required

Regular Admission (before Oct 17)
$75 for Members
$85 for Non-Members
Day of Pricing (Oct 17)
$100 All Entries

Register and purchase your tickets today!
https://vampgroup.org/upcoming

See you all on Saturday!!

Myhanh, MD
Executive Board
Vietnamese American Medical Professionals
https://vampgroup.org



VAMP-FL 3rd Quarterly Report

As we continue to strengthen our professional network and foster meaningful connections within our Vietnamese American healthcare community, VAMP-FL was pleased to host two successful member events during the third quarter of 2026. These gatherings provided opportunities for fellowship, mentorship, and engagement among healthcare professionals and students across Florida.

In August, VAMP-FL members and guests gathered for our annual **Summer Sizzle Social**, an evening filled with great food, fun cultural games, laughter, and camaraderie. Held at Mama Lẩu & Ốc, the event brought together healthcare professionals from various specialties and career stages to reconnect and build new friendships. The relaxed and welcoming atmosphere encouraged meaningful conversations, professional networking, and the sharing of experiences among colleagues. Members enjoyed authentic Vietnamese cuisine and games as xi lác, bầu cua etc…

In September, VAMP-FL hosted **Mentor Mingle**, an interactive networking event designed to connect healthcare students, trainees, and early-career professionals with experienced mentors from a variety of healthcare disciplines.

Held at SoMo, the event provided attendees with valuable opportunities to discuss career pathways, professional development, leadership, work-life balance, and navigating the challenges and rewards of healthcare careers. The event featured engaging conversations and facilitated networking that fostered lasting connections between mentors and mentees.

Mentor Mingle event reflects VAMP-FL's ongoing commitment to supporting the next

generation of healthcare leaders through mentorship, guidance, and community engagement. We are grateful to our mentors who generously shared their time, experience, and wisdom with our mentees.

These events exemplify VAMP-FL's mission of advancing healthcare excellence, strengthening our professional community, and preserving our cultural heritage. We look forward to continuing our educational, networking, and community-building initiatives.

Michelle M Nguyen, MD
(Secretary)









Tin Buồn

CÁO PHÓ (*)

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin: chồng , cha, ông của chúng tôi là:

Bác sĩ: Lê Thanh Vĩnh
Pháp Danh: Nguyen Thọ
Pháp Tu: Hải Minh

sanh ngày 14 tháng 8 năm 1934 tại Huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long Việt Nam
mất ngày 12/9/2026 tại Green Cove Springs FL lúc 5:30am

Hưởng thọ 94 tuổi

Chương Trình Tang Lễ

Tang Lễ sẽ được tổ chức tại: **Russell Haven of Rest**
Địa chỉ : **2335 Sandridge Rd Green Cove Springs, FL 32043**
SỐ ĐT :904.284.7720
Chương Trình: **Ngày Chủ Nhật 20/9/2026** lúc:

12:30pm : Phát Tang, cúng cơm, Cầu siêu A Di Đà
2:00pm – 4:00pm : Thăm Viếng..
4:00pm : Di Quan và Hoả Táng
5:00pm: An Sáng Linh tại Chùa Hải-Đức

Tang Gia đồng Kính Báo

-**Vợ** :Bà qua phủ **Lê Thanh Vĩnh**, Khuê danh **Nguyễn Thị Kiều Liên**
PD : **Liên Hoa** Pháp tự : **Hải Như** cùng các con

-**Trưởng nam: Văn Thanh Lê** + Vợ **Dung Nguyễn Lê**
Con: **Jennifer Lê**
-**Trưởng nữ : Loan Lê** + Chồng **Tân Phạm**
Con: **Linh Phạm** + **Tiến Phạm**
-**Thứ nam : Viễn Lê** + Vợ **Diễm Nguyễn**
Con: **Cara Lê** + **Kaitlyn Lê**

Cùng các cháu Nội + Ngoại đồng kính báo..
Cáo phó này thay thế thiệp tang...Xin miễn vòng hoa và phúng điếu..

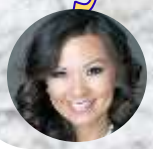
Thành Kính Phân ưu cùng Tang Quyến BS Lê Thanh Vĩnh.
Cầu Nguyện cho Hương Linh BS Lê Thanh Vĩnh
sớm siêu thoát về Cõi Vĩnh Hằng

BS Nguyễn Quyền Tài và Ban Báo Chí Hội YNDF

(*) Cáo Phó do BS Nguyễn Quyền Tài chuyển đến Bổn Báo

The Crown That Brought Me Home

My Journey Back to My Vietnamese Roots



Cathleen Gerenger



The Crown That Brought Me Home

My Journey Back to My Vietnamese Roots

Cathleen Gerenger, DC, FIAMA.

When I turned 50, I decided to do something completely outside of my comfort zone: I entered the **Mrs. Vietnam Florida 2025** pageant.

At the time, my reasons seemed simple. I wanted to challenge myself, get into better shape, and prove that turning 50 did not mean becoming smaller, quieter, or less adventurous. I wanted to do something that scared me a little.

What I never expected was that pageantry would lead me back to a part of myself I had unknowingly been missing.

I came to America from Vietnam when I was only four years old, as part of the generation often known as the Vietnamese "Boat People." My family's journey was one of sacrifice, uncertainty, courage, and hope. Like so many Vietnamese families who came to America, my parents were focused on survival and creating opportunities for their children.

I grew up in New York City's Chinatown, surrounded by Asian culture, family traditions, familiar foods, and the sounds and rhythms of immigrant life. I remember my father practicing Tai Chi in Columbus Park and the rituals and traditions that quietly surrounded our family.

Vietnam was part of me.

But as I grew older, built my career, raised my son, and created a life in America, much of my focus naturally shifted toward building my future.

I became a Chiropractic Physician and health educator. I built businesses, cared for patients, spoke on stages, and became a regular medical expert and contributor on our local NBC news network. I was active in the broader community and spent years educating others about health and wellness.

Yet if I am completely candid, I was not nearly as involved in the Vietnamese community as I could have been. I was Vietnamese. I was proud to be Vietnamese. But I had not truly immersed myself in my Vietnamese-American community.

That began to change when I entered the pageant.

When I won the crown, I realized that wearing it meant more than receiving a title. If I was going to represent the Vietnamese community, I wanted to earn that privilege through service. I made a commitment to serve wholeheartedly. And that commitment opened an entirely new chapter of my life.

I was fortunate to have **Chị Minh Ngọc, Chị Tố Anh, Cô Nga, and BS Thanh Mỹ** take me under their wings. They welcomed me, guided me, introduced me to people throughout the community, and gave me opportunities to become involved in ways I had never experienced before.

I began attending cultural celebrations, community gatherings, health events, and fundraisers. I helped raise funds for organizations and causes that strengthen our Vietnamese-American community. Through my involvement with **Vietnamese American Medical Professionals**, I also became part of efforts supporting our Central Florida Vietnamese community, including contributions toward the purchase of a permanent community building.

But something much more personal was happening at the same time.

I was learning about myself.

With every áo dài I wore, every Vietnamese event I attended, every conversation with an elder, and every opportunity to serve, I felt another connection being restored.

I began asking more questions.

I listened more carefully to the stories of the generation before us.

I developed a deeper appreciation for our language, traditions, music, food, values, and history.

And I began thinking differently about the sacrifices our parents made.

When you come to America as a very young child, it is easy for much of your identity to become shaped by the country in which you grow up. You learn to adapt. You learn to assimilate. You learn

how to succeed in a new culture. Those skills helped many of us build extraordinary lives. But sometimes, while we are so busy building the life in front of us, we do not realize how far we have traveled from the roots behind us.

For me, the pageant became the unexpected bridge between those two worlds.

What started as a goal to get into shape at age 50 became a journey toward understanding where I came from. And I realized something important along the way:

Heritage is not simply something we inherit. It is something we choose to preserve.

Our Vietnamese culture survives because people continue to show up.

They organize the festivals.

They cook the traditional foods.

They teach the language.

They preserve the stories.

They wear the áo dài.

They mentor the younger generation.

They volunteer.

They raise money.

They build community centers.

And they make sure that our children and grandchildren understand that being Vietnamese-American is something to carry with pride.

Throughout my life, I have always believed deeply in the importance of community.Community gives us something professional success alone cannot provide. It gives us belonging. It reminds us that we are connected to something larger than ourselves. And it creates a place where our history can be remembered and our traditions can continue long after we are gone.

Today, when I look back at my decision to enter Mrs. Vietnam Florida at age 50, I realize that I thought I was simply stepping outside of my comfort zone. Instead, I was stepping back toward my heritage.

The crown may have opened the door.

But the Vietnamese community welcomed me through it.

And somewhere along the way, the little four-year-old girl who left Vietnam grew into a woman who finally understood just how much her Vietnamese roots meant to her. After decades of building a life in America, I discovered that sometimes moving forward also means remembering where you came from.

I did not simply win a crown.
I found my way home.

Cathleen Gerenger, DC, FIAMA.



Tìm chồng tận núi rừng biên giới

Tìm chồng tận núi rừng biên giới
Bên dòng sông Đá, cầu Đắk Lung
Núi Bà Rá long lanh đáy nước
Dòng thác Mơ mây khói chập chùng

Tìm được trại tù Bù Gia Phúc
Lồ ô giang nứa phủ mịt mùng
Tù nhân đói khát đi không vững
Tiếng sói tru dài giữa mông lung

Nhưng trại tù vẫn chưa cho thăm
Em về Đất Đỏ lệ khôn cầm
Chiều chiều dõi mắt về phương ấy
Mặt trời xuống núi buồn xa xăm

Vinh Hồ

Bệnh Lý Nhi Khoa Lúc Sang Thu:
Căn Nguyên, Thách Thức Lâm Sàng và Sự Chuẩn Bị
Cho Phụ Huynh

BS Hồ Văn Hiền



Mỗi độ thu về, các em học sinh bước vào một năm học mới, các phòng khám nhi khoa lại bắt đầu đối mặt với một số vấn đề quen thuộc. Không chỉ phải giải quyết các bệnh đường hô hấp thường gặp trong giai đoạn thu đông, bối cảnh y tế hiện nay còn đặt ra nhiều thách thức mới từ sự thay đổi trong chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và phòng bệnh ở cấp liên bang của Tổng Thống Trump và bộ trưởng y tế Robert Kennedy Jr., đối nghịch với một số tiểu bang và các hội đoàn y khoa , cho đến các phác đồ điều trị, những câu hỏi nan giải dành cho các bậc phụ huynh và bác sĩ của họ.

1. Từ nhiễm trùng đến dị ứng

Cảm lạnh và Cúm (Cold & Flu): "Cảm" và "bệnh cúm" do các siêu vi như *rhinovirus* hay *influenza virus* gây ra. Quan niệm dân gian cho rằng đi ngoài mưa lạnh hay gội đầu nước lạnh trực tiếp gây bệnh "cảm" có thể không chính xác và trước đây thường bị y giới chế diễu. Y khoa chính thống thường giải thích việc cảm cúm tăng mùa thu hay mùa đông là do chúng ta ở trong nhà nhiều hơn và do đó các vi khuẩn như rhino virus và influenza virus lan truyền dễ dàng hơn. Tuy nhiên có những thì nghiệm gần đây cho thấy hoàn cảnh sinh bệnh lý của bệnh cảm không đơn giản như chúng ta tưởng.

Thí nghiệm tại Cardiff (Anh, 2005) đã chứng minh người nhúng chân vào nước đá có nguy cơ mắc cảm cao gấp đôi, đồng thời không khí lạnh cũng dễ làm bùng phát cơn suyễn (*cold-induced asthma*) ở trẻ có cơ địa nhạy cảm.

Các nghiên cứu gần đây cũng chứng minh là nhiệt độ thấp (không khí lạnh) làm giảm sự phòng thủ của niêm mạc hô hấp, cụ thể là các "túi ngoại bào" (extracellular vesicles) đóng vai như mồi nhữ và giết chết các virus tấn công, cũng như các "cilia" hay "lông chuyển" trên các tế bào nhầy có nhiệm vụ "quét rác" (mucociliary clearance) trong đường hô hấp cũng hoạt động giảm đi trong môi trường lạnh.

Phân biệt Cảm và Cúm: Cảm lạnh do *rhinovirus* thường có triệu chứng nhẹ như sổ mũi, hắt hơi, ít sốt. Ngược lại, cúm (*influenza*) thường xuất hiện đột ngột với sốt cao, nhức đầu liên tục, đau mỏi cơ khớp trầm trọng và tình trạng kiệt sức kéo dài nhiều tuần. Tuy nhiên, cúm có thể có những biểu hiện nhẹ thôi, khó phân biệt với bệnh cảm thường hay COVID, nhất là ở người được chủng ngừa. Xét nghiệm nhanh trên nước mũi hoặc quệt họng phân biệt được các trường hợp này.

Về cấu trúc, virus cúm sở hữu các protein bề mặt như *hemagglutinin (H)* và *neuraminidase (N)* thay đổi hằng năm, trong khi protein *M2* đang được nghiên cứu để tạo ra vaccine toàn mùa (*perennial vaccine*).

Vắc xin ngừa cúm: Theo khuyến cáo từ CDC và Viện Hàn lâm Nhi khoa Hoa Kỳ (AAP), tất cả trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên nên được tiêm vắc-xin phòng cúm hàng năm, lý tưởng nhất là vào đầu mùa thu (tháng 9 hoặc tháng 10). Đối với trẻ từ 6 tháng đến 8 tuổi tiêm phòng cúm lần đầu hoặc chưa từng tiêm đủ 2 mũi trong quá khứ, trẻ cần được tiêm 2 liều cách nhau ít nhất 4 tuần để tạo đáp ứng miễn dịch đầy đủ; trong khi trẻ từ 9 tuổi trở lên hoặc trẻ đã tiêm đủ các mùa trước chỉ cần 1 liều duy nhất mỗi

năm. Các lựa chọn vắc-xin bao gồm dạng tiêm bất hoạt (IIV) dành cho trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên và dạng xịt mũi giảm độc lực (LAIV; Flumist) dành cho trẻ khỏe mạnh từ 2 tuổi trở lên không có bệnh lý nền chống chỉ định.

Nghiên cứu cho một vắc xin cúm không thay đổi hàng năm

Hiện nay, chủng ngừa cúm có thể bằng thuốc chích, và thuốc xịt vào mũi, khỏi chích (như Flumist, có chứa virus còn sống, nhưng đã làm yếu đi), nhưng mỗi năm phải chủng lại với một vắc xin mới.

Các protein H và N của virus influenza trong vắc xin được thay đổi hàng năm cho phù hợp với virus được tiên đoán sẽ thịnh hành mùa đông năm đó, cho nên nếu không dùng thuốc mới, có thể hệ miễn nhiễm chúng ta không nhận ra chúng được. Đã qua nhiều năm , người ta nghiên cứu vaccine dựa trên một protein khác của virus cúm gọi là protein M2. Protein M2 không thay đổi từ thập niên 1930's đối với virus gây bịnh cúm ở người. Nếu thành công, loại vaccine mới này sẽ hy vọng có hiệu lực năm này qua năm khác (perennial vaccine), không cần chích hay xịt mũi hàng năm (seasonal vaccine).

Tuy nhiên, "Vắc-xin cúm phổ quát" M2/M2e đã gặp phải vấn đề sinh học là M2e có khả năng miễn dịch kém và khó cung cấp sự bảo vệ mạnh mẽ, bền bỉ trên con người. Các ứng viên trước đó bị đình trệ trong quá trình phát triển lâm sàng. Khái niệm này hiện đang được xem xét lại với các nền tảng vắc xin mới hơn, bao gồm cả vắc xin M2 do nấm men sản xuất được báo cáo ngày 26 tháng 8 năm 2026.Cùng với việc nhắm mục tiêu M2, họ nhằm mục đích phát triển một hệ thống nhanh chóng, tiết kiệm chi phí hơn để sản xuất ở quy mô lớn mà không cần ấp trứng gà như vắc xin cúm cổ điển. Cách tiếp cận của họ sử dụng men làm bánh (Saccharomyces cerevisiae) để tạo ra các hạt tương tự như virus hiển thị protein M2 trên bề mặt của chúng (M2 containing virus like particles) nhưng không chứa vật liệu virus di truyền gây nhiễm trùng.

Các nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng những con chuột được tiêm phòng bằng các hạt chứa M2 này đã được bảo vệ chống lại sự lây nhiễm từ ba chủng cúm khác nhau. (theo Reuters)

Bệnh do RSV

RSV (*Respiratory Syncytial Virus*) tấn công tiểu phế quản (bronchioles) gây khò khè (wheezing) nặng ở trẻ nhỏ. Viêm tiểu phế quản (bronchiolitis) là một rối loạn thường do nhiễm trùng đường hô hấp dưới (lower respiratory infection) do virus ở trẻ sơ sinh, các đặc tính gồm viêm cấp tính, phù, hoại tử của các tế bào biểu mô lót đường dẫn khí nhỏ, và tăng sản xuất chất nhầy.

Triệu chứng: thường bắt đầu bằng viêm mũi và ho, có thể tiến triển thành thở nhanh, thở khò khè, rales, sử dụng các cơ hô hấp phụ và cánh mũi phập phồng (nasal flaring).

Nhiều loại virus lây nhiễm hệ hô hấp gây ra các dấu hiệu và triệu chứng tương tự. Nguyên nhân phổ biến nhất của viêm tiểu phế quản là virus hợp bào hô hấp (RSV, viết tắc của respiratory syncitial virus), với tỷ lệ nhiễm trùng cao nhất xảy ra trong khoảng từ tháng 12 đến tháng 3 ở Bắc Mỹ; tuy cũng tuy theo khu vực.

90% trẻ em bị nhiễm RSV trong 2 năm đầu đời, và đến 40% sẽ bị nhiễm trùng đường hô hấp dưới khi nhiễm RSV lần đầu.

Nhiễm RSV không tạo nên miễn dịch vĩnh viễn hoặc lâu dài, với các trường hợp tái nhiễm phổ biến trong suốt cuộc đời.

Các loại virus khác gây viêm tiểu phế quản bao gồm các virus ở người như: virus mũi (rhinovirus), metapneumovirus, cúm, adenovirus, coronavirus, và virus parainfluenza.

Tại Hoa Kỳ, trước khi các biện pháp dự phòng RSV dành cho mẹ và trẻ nhỏ được triển khai rộng rãi, mỗi năm ước tính có khoảng 58.000–80.000 trẻ dưới 5 tuổi phải nhập viện do RSV; nguy cơ tập trung cao nhất ở những trẻ còn rất nhỏ, đặc biệt trong 3 tháng đầu đời. CDC ước tính hằng năm có khoảng 2–3 / 100 trẻ dưới 3 tháng tuổi phải nhập viện vì RSV. RSV cũng được xem là nguyên nhân hàng đầu gây nhập viện ở trẻ sơ sinh tại Hoa Kỳ.

Trên phạm vi toàn cầu, ước tính năm 2019 cho thấy RSV gây khoảng 33 triệu đợt nhiễm trùng hô hấp dưới cấp tính ở trẻ dưới 5 tuổi, trong đó có khoảng 3,6 triệu ca nhập viện và khoảng 100.000 ca tử vong liên quan đến RSV mỗi năm. Gánh nặng bệnh tật và tử vong chủ yếu xảy ra tại các nước có thu nhập thấp và trung bình.

Khi trẻ mắc RSV và biểu hiện viêm tiểu phế quản, điều trị chủ yếu là điều trị hỗ trợ: theo dõi nhịp thở và dấu hiệu suy hô hấp, bảo đảm trẻ bú hoặc uống đủ dịch, làm thông thoáng mũi bằng nước muối sinh lý và hút dịch mũi nhẹ khi cần. Trẻ có giảm oxy máu, khó thở rõ, ngừng thở, bú kém hoặc mất nước có thể cần nhập viện để thở oxy, bù dịch (rehydration) và hỗ trợ hô hấp tùy mức độ nặng. Với viêm tiểu phế quản không biến chứng ở trẻ khỏe mạnh, không nên dùng thường quy kháng sinh, corticosteroid hoặc thuốc giãn phế quản vì chưa chứng minh được lợi ích nhất quán. Tuy nhiên, trên thực tế, các bác sĩ dùng các biện pháp kể trên cho các trường hợp RSV nhiều hơn là được gợi ý trong phác đồ của hội các bác sĩ nhi khoa AAP.

Hiện nay, phòng bệnh đã có vai trò đặc biệt quan trọng: trẻ trong mùa RSV đầu tiên có thể được bảo vệ bằng một trong các biện pháp là tiêm vắc-xin RSV cho mẹ khi mang thai hoặc sử dụng kháng thể đơn dòng (monoclonal antibodies) tác dụng kéo dài cho trẻ nếu mẹ em bé không được chích ngừa . Dữ

liệu giám sát tại Hoa Kỳ cho thấy các biện pháp này đã đi kèm mức giảm 28–43% tỷ lệ nhập viện liên quan RSV ở trẻ 0–7 tháng, so với các mùa trước khi chúng được đưa vào sử dụng.

"CDC khuyến nghị tiêm vắc-xin virus hợp bào hô hấp (RSV) cho phụ nữ mang thai để bảo vệ con mình khỏi bệnh RSV nặng. Phụ nữ mang thai nên tiêm một liều vắc-xin RSV cho mẹ (Pfizer's Abrysvo) trong khoảng thời gian từ tuần thứ 32 đến tuần thứ 36 của thai kỳ. Những loại vắc-xin này được tiêm từ tháng 9 đến tháng 1 ở hầu hết nước Hoa Kỳ. Sự bảo vệ được cung cấp bởi vắc-xin mẹ, được truyền từ mẹ sang em bé, suy yếu theo thời gian. Bởi vì những loại vắc-xin này được tiêm từ tháng 9 đến tháng 1, nên sự bảo vệ được truyền cho em bé sẽ kéo dài suốt mùa RSV đầu tiên của chúng." (CDC)

Một số vấn đề khác: Viêm tai giữa cấp (*acute otitis media*) thường là hậu quả của việc tắc nghẽn vòi Eustachian sau nhiễm siêu vi, tạo môi trường trong tai giữa cho vi khuẩn phát triển. Trong khi đó, Norovirus có thể hoành hành mạnh trong trường học, gây viêm dạ dày ruột cấp với triệu chứng nôn ói và tiêu chảy dữ dội.

Phấn hoa cỏ dại (như *ragweed*) và nấm mốc kích hoạt hệ miễn dịch qua trung gian IgE, gây viêm mũi dị ứng và bùng phát hen phế quản ở trẻ.

Dị ứng thường gặp vào mùa thu:

Mùa thu là thời kỳ nhiều người nhạy cảm với phấn hoa cỏ dại, nhất là phấn hoa ragweed (một chi cỏ dại gọi là Ambrosia), và với bào tử nấm mốc ngoài trời (outdoor mold spores).

Bào tử nấm mốc không phải là phấn hoa (pollen), mà là những hạt sinh sản cực nhỏ của nấm, có thể bay lẫn trong không khí và đi vào mũi, mắt hoặc đường hô hấp. Khi người có cơ địa dị ứng hít phải , hệ miễn dịch có thể phản ứng quá mức, gây ra:

- Hắt hơi, sổ mũi hoặc nghẹt mũi
- Ngứa mũi, chảy máu mũi, ngứa họng, ngứa mắt; mắt đỏ hoặc chảy nước mắt
- Ho, cảm giác dịch chảy xuống họng
- Khò khè, nặng ngực hoặc khó thở ở người có hen suyễn

Các triệu chứng này có thể giống cảm lạnh, nhưng thường tái diễn theo nơi chốn và thời tiết: chẳng hạn rõ hơn sau khi làm vườn, xới đất, cắt cỏ, thu gom lá mục, tiếp xúc với phân ủ, hoặc ở nơi ẩm mốc.

-Vì sao đi ra ngoài sau cơn mưa chúng ta có thể khó chịu?

Sau một cơn mưa, đất, cỏ, lá rụng và các chất hữu cơ trở nên ẩm và ấm. Đây là điều kiện thuận lợi cho nấm mốc sinh trưởng. Lá mục, gỗ mục, đống compost, lớp phủ mùn, đất và thảm thực vật ẩm đều có thể là nguồn phát tán bào tử.

Nói chính xác, bào tử nấm không "bốc hơi" từ mặt đất như hơi nước. Nấm tạo và phóng thích bào tử; sau đó gió, hoạt động làm vườn, cắt cỏ, quét lá hoặc không khí chuyển động có thể cuốn chúng lên và đưa vào không khí. Người dị ứng có thể thấy triệu chứng bùng phát lên khi đi ra ngoài vào lúc đất còn ẩm sau mưa, nhất là khi trời sau đó ấm lên hoặc có gió.

Mức bào tử thay đổi theo vùng và thời tiết. Ở Hoa Kỳ, bào tử mốc ngoài trời thường đạt mức cao vào tháng Bảy tại các bang ấm hơn, còn ở các bang lạnh hơn có thể lên đỉnh vào khoảng tháng Mười. Tại nơi nóng ẩm, chúng có thể hiện diện gần như quanh năm.

-Phấn hoa ragweed xảy ra vào mùa nào?

Ragweed chủ yếu là tác nhân dị ứng của cuối mùa hè và mùa thu. Tại nhiều vùng Hoa Kỳ, cây bắt đầu tung phấn khoảng tháng 8, thường mạnh nhất vào giữa tháng 9, rồi kéo dài cho đến khi đợt sương giá đầu tiên làm cây tàn—thường tổng cộng khoảng sáu đến mười tuần, tùy nơi.

Vì vậy, vào khoảng cuối tháng 8 đến tháng 9, một người ở Virginia có thể đồng thời gặp hai nguồn kích thích:

- Phấn ragweed và các cỏ dại khác.
- Bào tử nấm mốc từ lá rụng, đất ẩm, cỏ và chất hữu cơ đang phân hủy.

Ragweed có nguồn gốc ở Bắc Mỹ, nhưng không chỉ có tại Hoa Kỳ: nó đã lan rộng và trở thành loài xâm lấn tại nhiều phần của châu Âu, châu Á, Úc và một số nơi ở châu Phi.

Ẩm mốc trong nhà mùa đông

Mùa đông, phấn hoa ngoài trời có thể giảm ở vùng lạnh, nhưng dị ứng vẫn có thể dai dẳng vì con người ở trong nhà nhiều hơn. Nhà đóng kín để giữ ấm, cửa sổ ít mở, hơi nước từ tắm rửa, nấu ăn, máy tạo ẩm, quần áo phơi trong nhà, rò rỉ nước hoặc tầng hầm ẩm đều có thể làm độ ẩm tích tụ, giúp nấm mốc phát triển.

Dị ứng mốc trong nhà có thể gây nghẹt mũi, hắt hơi, ngứa mắt, ho và làm hen suyễn nặng thêm. Triệu chứng có thể kéo dài quanh năm nhưng thường đáng chú ý hơn vào mùa đông nếu nhà ẩm và ít thông khí.

Biện pháp nền tảng là xử lý nguồn ẩm, chứ không chỉ che lấp hay xịt chất khử mùi: sửa chỗ rò rỉ nước, thông gió tốt khi tắm và nấu ăn, làm khô khu vực bị ướt, và duy trì độ ẩm trong nhà dưới 50% bằng máy đo ẩm/máy hút ẩm (dehumidifier) nếu cần.

2. Thách thức trong hành nghề y khoa

Thay đổi từ CDC liên bang: Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC) đã thu hẹp danh mục tiêm định kỳ và chuyển một số vaccine quan trọng (như cúm mùa, COVID-19, viêm gan A/B, rotavirus, não mô cầu) sang cơ chế "quyết định chia sẻ lâm sàng" (*shared clinical decision-making,*

phụ huynh bàn luận với bác sĩ để quyết định) hoặc "nhóm nguy cơ cao" (chỉ người có nguy cơ nhiễm mới được chích ngừa vắc xin) nhằm đơn giản hóa lịch tiêm và trao quyền tự chủ hơn cho phụ huynh.

Lập trường của các hội chuyên khoa và sở y tế địa phương: Trái ngược với xu hướng của liên bang, các tổ chức uy tín như Viện Hàn lâm Nhi khoa Hoa Kỳ (AAP), Hội đồng Y khoa, và Hội Sản Phụ Khoa (ACOG) vẫn giữ vững tiêu chuẩn toàn diện, bảo vệ lịch tiêm chủng đầy đủ để ngăn ngừa bệnh nặng. Các Sở Y tế tiểu bang (như Virginia hay California) tiếp tục bám sát hướng dẫn của AAP, ACOG để duy trì yêu cầu y tế học đường chặt chẽ.

Áp lực tư vấn đối với bác sĩ gia đình: Sự khác biệt giữa khuyến nghị liên bang và quy định tiểu bang khiến các bác sĩ phải dành nhiều thời gian hơn để thảo luận cặn kẽ về lợi ích và nguy cơ (*pros and cons*) với phụ huynh. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các mũi tiêm gây nhiều tranh luận như HPV (Gardasil, ngừa nhiễm HPV qua đường tình dục) hay các vaccine ngừa cúm mùa thu, giúp gia đình vượt qua ngần ngại tâm lý và tuân thủ đúng yêu cầu nhập học của trường.

3. Phụ huynh cần chuẩn bị gì lúc sáng thu ?

Nâng cao nhận thức: Chủ động nắm bắt các triệu chứng phân biệt giữa cảm lạnh thông thường và cúm để theo dõi sức khỏe của con cái chính xác hơn.

Thảo luận cởi mở với bác sĩ: Chuẩn bị tinh thần trao đổi kỹ lưỡng với bác sĩ nhi khoa/gia đình về lịch tiêm chủng mới, các mũi vaccine bắt buộc cho trường học và các lựa chọn để phòng ngừa bệnh ở mức cao hơn..

Chăm sóc và dự phòng: Giữ ấm đường hô hấp khi thời tiết chuyển lạnh, đảm bảo dinh dưỡng đầy đủ, vệ sinh cá nhân sạch sẽ để tăng cường đề kháng cho trẻ trước các đợt dịch bệnh mùa thu và đông.

Bác sĩ Hồ Văn Hiền
Ngày 28 tháng 8 năm 2026



Thơ phổ nhạc by AI:

Preview YouTube video Ba Mươi Lăm Năm Co Em - Giong Nữ - Thơ Đặng Minh Chấn - AI Cover SiliconbandPreview YouTube video Ba Mươi Lăm Năm Co Em - Giong Nữ - Thơ Đặng Minh Chấn - AI Cover Siliconband

Thương tặng Hoàng Ngọc Oanh

Ba mươi lăm năm,
Thoảng qua nhanh,
Như mùa Thu Bắc Mỹ.
Có nắng hanh vàng,
Sắc hoa màu lá,
Gió nhẹ vây quanh.

Nhớ hôm nào,
Giữa Saigon tưng bừng nhịp sống,
Anh dõi nhìn theo dấu chân em,
Gót son thong thả dịu dàng,
Ung dung nhẹ bước dưới hàng me xanh.

Đường Phủ Kiệt,
Em trao anh màu nắng mới.
Phố Đông Nam,
Ta kết chặt mối tâm tình,
Thánh đường đồng vọng lời kinh,
Em dâng tiếng hát tôn vinh nhiệm mầu.

Tuổi trẻ anh giầu lòng ước vọng,
Khát khao mong xứ sở diệu vinh,
Tháng tư đen, giông tố chuyển mình
Nhà tan nước mất, dân tình điêu linh.

Giờ đây,
Xa quê hương,
Xa màu nắng nhớ.

Em hỡi!
Nơi phương lạ, xứ người.
Còn lại gì trong đời sống?
Ngoài phiến buồn u uẩn lắng chìm sâu,
Và Em, người bạn đời yêu dấu,
Đang cùng anh chia sẻ nỗi sầu ly hương.
Ba mươi lăm năm, thương em sát cánh,
Với tình xanh óng ánh dạt dào,
Với cung đàn giọng hát thanh cao,
Mình vui vì mãi có nhau trong đời.

Đặng Minh Chấn



Năm nào vào lúc trước Noel nhà nước cũng gởi tặng các cụ già mỗi người một liều thuốc chích ngừa bịnh cúm. Mấy ông già bà cả xứ nầy hình như hay lợi dụng thời gian giá lạnh sắp đến để nắm tay rủ nhau cùng dịch cúm ngao du miền cực lạc. Tôi thuộc thế hệ sắp "tiêu tán đường" nên cũng được chiếu cố.

Gần nửa thế kỷ trước đã từng bị dịch Cộng cum huyền, nay đã chạy sang Tây lại có cơ bị cum sắc! Chạy đi đâu rồi cũng không khỏi...mắc dịch.

Nhìn lại chỉ có cái dấu khi nghiêng về phải, lúc ngã qua trái mà cả cuộc đời mình cũng ngã nghiêng theo, thiếu chút nửa là đã... theo luôn ông bà.

Nhớ hai năm trước....

Khi nghe nhà nước thông báo là dịch cúm năm nay độc hại hơn mấy năm qua, tôi đã dặn lòng phải nhớ chích ngừa như hằng năm; già khú cú đế nên rất dễ bị dịch nó vật dù rằng bản thân đã là một thứ... dịch vật. Dặn lòng nhưng hình như lòng không có tai nên thuốc mua về cất vào tủ lạnh rồi quên luôn không chích. Lời cảnh báo của Chú Phỉnh nghe có lý vì thời tiết năm đó khá quái lạ: đang giữa mùa thu mà tuyết đã rơi trắng bãi đậu xe trước chung cư, nơi mà thường khi ít có dịp thấy tuyết trong khi nhìn quanh đâu đâu cũng toàn màu trắng. Có hôm nhiệt độ buổi sáng chỉ có 7°C dưới 0! Những ngày như vậy tôi chẳng ló ra khỏi nhà, càng già càng sợ... rét. Sau lễ Toussaints, thời tiết ấm lại, tôi mới lấy áo parka – loại áo mưa vừa là áo ấm – trùm kín người trước khi đi một vòng ngoài khu vườn trước chung cư theo lời khuyên của bác sĩ để giữ cho tim tiếp tục gõ nhịp đều đều, tôi chẳng biết để làm chi. Thi sĩ Apollinaire cũng đã tự hỏi: "*Et toi mon coeur pourquoi bats-tu?*"

Khi trở về tới bãi đậu xe, còn độ 50 thước là tới nhà, một cơn gió khá lạnh như rình rập đâu đó chờ tôi tới để bất ngờ nổi lên thổi mạnh vào người làm tôi rùng mình. Linh cảm sẽ bị "catch cold", tôi lấy dầu cù là thoa mạnh vào khắp trên ngực như thế cạo gió vậy, cho ấm người, hy vọng sẽ được an toàn. Chai dầu gió cũng được mang ra để ở đầu giường, ngửi lia lịa để mũi không bị nghẹt và... tắt thở. Nhưng chỉ là hy vọng hão: chiều ngày hôm đó tôi thấy người hơi sốt, nhưng uể oải nên lười không buồn "đặt ống thủy" xem nhiệt độ là bao nhiêu, chỉ siêng một chút nên lấy Dafalgan 500 (*) và Vitamin C1000 cho vô bao... tử ngay. Có vẻ tạm ổn, chỉ tạm thôi, vì gần một tuần sau người tôi bỗng lờ đờ, lãng đãng nhưng tôi không hề ý thức được rõ ràng tình trạng sức khỏe, cho đến khi con gọi hỏi thăm như thường lệ mà không hề được tôi nhấc máy trả lời. Tức thì buổi chiều hôm đó vợ chồng thằng con trai lớn ngoài phố vào thăm và trước tình trạng không bình thường của tôi, gọi ngay phòng cấp cứu tim phổi ở CHU Montpied vì cái tịch mổ tim của tôi 5 năm trước. Nửa giờ sau một bác sĩ và phụ tá đến tận nhà thăm bịnh và đưa tôi vào khu tim phổi khám nghiệm suốt ngày hôm sau, sau một đêm nằm cấp cứu cho tôi được tỉnh táo lại đôi chút. Tiếp sau cái "ống nghe", là ECG, rồi doppler máy rà để theo dõi trên màn ảnh hoạt động của tim, rồi tới máy rà xem các động mạch còn thông hay có bị nghẽn đâu đó, cuối cùng là scaner. Đây là lần đầu tiên tôi được chiếu cố tận tình như vậy. Kết quả: mọi việc đều hoạt động bình thường. Tôi thở phào nhẹ nhõm, nhưng được cho biết là thử Covid tôi bị dương tính, chẳng có gì đáng ngại; trái lại tôi không được trở về nhà mà được chuyển về bịnh viện ở Riom cách nhà không xa vì bị cúm khá nặng. Khi đến CHU tôi ngồi trong xe với bác sĩ, nhưng hôm sau lúc xế chiều khi chuyển về Riom tôi phải nằm trên "băng ca", đến nơi đã có nhân viên bế tôi từ băng ca sang giường. Tôi vẫn chưa có ý thức rõ ràng về hiện trạng của tôi; mà ý thức quái gì được trong tình trạng gần đất xa trời, lửng lơ, mơ màng, mê man tàn tịch. Khi đã yên vị trên giường, tôi liền được nhân viên chuyền "nước biển" ngay, cả trên hai tay. Tôi xuôi cò và thiếp luôn cho đến sáng hôm sau. Hôm sau tôi được bớt một bịch "nước biển", qua ngày thứ ba thì không còn bịch nào nữa, cũng không có thuốc uống. Tôi bắt đầu ngồi dậy, lên xuống giường một mình, không còn nhờ nhân viên đỡ đần, lau chùi. Nhưng tôi phải vịn vào thành

giường khi đi quanh quẩn trong phòng. Tôi nằm phòng riêng nên cũng dễ chịu. Qua ngày thứ tư, trưa nào con gái, từ Montpellier nghỉ phép về, cũng vào thăm, mang vào cho tôi những vật cần thiết, nhứt là mấy chai nước trái cây. Những ngày đó tôi mất hẳn vị và khứu giác. Không có khứu giác cũng chẳng sao, nhưng mất vị giác là cả một vấn nạn. Khi uống nước suối mà tưởng như đang uống nước khổ qua hầm, ăn miếng thịt bò xào cũng nghe nhân nhẩn đắng. Nhìn mâm cơm mà ngán ngẩm chẳng muốn ăn; không ham ăn nhưng vì ham sống nên phải cố gắng nuốt. Mỗi bữa ăn chỉ nuốt được tối đa là một nửa thôi. Đêm nằm nhắm mắt để đó đến khuya mới ngủ được. Không ngủ thì nghĩ lung tung, nào là những lúc trong tù ước ao được uống một chút nước trong mát mà cũng không được, chỉ có nước đục lấy từ cái giếng duy nhứt mà toán tù đầu tiên khi đến Bổ Túc –Tây Ninh—đã dầy công vét cái giếng cũ của VC để lại với hai bộ xương của những người đã bị chúng thủ tiêu và quẳng xác xuống đó từ nhiều năm trước. Lại mơ một bữa cơm với thịt kho dưa giá đơn sơ của người dân quê; rồi nhớ lần bị cùm ngoài bìa rừng mỗi bữa ăn chỉ vỏn vẹn một chén cơm lưng được Ba Phác mang đến... Vì đói khát nên tôi cũng đã ăn uống ngon lành! Nay thì "giấc mơ đã thành hiện thực": mâm cơm tây và tách "tisane" bốc hơi thơm ngon nhưng lại thấy ngán, không muốn ăn! Lúc đói thì mơ, khi đầy đủ lại chê; lòng người thật chẳng biết đâu mà rờ.

Sáng nào đúng 8 giờ, là nhân viên mang bữa điểm tâm đến tận phòng với bánh mì, bơ, mứt và cà phê sữa nóng hổi. Lại nhớ đến thuở khổ nhục trong tù, rồi nghĩ đến bao nhiêu anh em bên nhà vẫn đang mơ một bữa điểm tâm như vầy... Rồi lại thấy vết thương trong lòng vẫn còn nhức nhối nguyên vẹn, không lành...

Sáng ngày thứ năm, có hai thanh niên, có lẽ đang tập sự, đến "rủ" tôi đi một vòng ngoài hành lang, hai anh đi kèm hai bên như hai "gardes du corps". Oai chán. Có bước chân ra mới thấy mình gần như kiệt sức. Ý nghĩ nầy làm tôi giựt mình đâm lo: mình bị cúm nặng đến như vậy sao? Sức vóc của tôi đâu có tệ tuy tuổi đã cao, vậy mà chỉ có hơn một tuần lễ tôi đã thật sự... hết xíu quách. Khi đó tôi đâu biết rằng tôi đã sụt mất gần 10 kí chỉ trong vòng mươi ngày. Bước chân đi không ngay ngắn, nên đã một lần hai "vệ sĩ" phải ra tay giữ tôi lại cho khỏi ngã. Hôm sau hai anh "vệ sĩ" trở lại đưa tôi đi dạo ngoài hành lang, nhưng đi xa hơn, và tôi đã bước đi vững vàng hơn, hai anh ấy không phải ra tay giúp tôi nữa. Đến ngày thứ bảy, hai anh lại dẫn tôi đi dạo nhưng khi đến nơi có đặt chiếc ghế họ bảo tôi ngồi xuống ghế; vừa ngồi xuống hai anh lại bảo tôi đứng lên ngay, tôi phải làm động tác nầy năm ba lần. Chiếc ghế không có tay vịn, tôi hiểu ngay rằng họ muốn xem sức tôi phục hồi được bao nhiêu. Khi thấy tôi ngồi xuống đứng lên lẹ làng, không chao đảo, họ tỏ vẻ hài lòng thốt lên: "*C'est parfait!".*

Tôi cũng thấy vui vui trong dạ, hy vọng sẽ qua cơn mê an toàn. Khi trở về phòng được chốc lát, cô bác sĩ trẻ đến thăm bịnh có cô y tá theo sau với dàn dụng cụ đo áp huyết, đếm nhịp tim, lấy nhiệt độ... Xong phận sự cô y tá đi ra, cô bác sĩ nghe tim tôi chóc lát rồi lấy trong túi áo một tờ giấy trắng và cây viết Bic đặt lên bàn. Tôi khẽ kéo chiếc bàn lại gần hơn và ngạc nhiên khi đọc thấy trên tờ giấy có viết nguệch ngoạc ba chữ: *Sujet Verbe Complément.* Tôi khẽ nhìn cô bác sĩ như thầm hỏi để chi vậy. Cô ta bảo tôi thử viết một câu. Tôi cầm lấy cây Bic, ý nghĩ đầu tiên là chọc quê chơi với câu: "*Tôi thích ăn thịt chó".* Nhưng kịp nghĩ lại câu giễu dở nầy sẽ gây nhiều hiểu lầm rất tai hại nên thôi. Tôi nghĩ là họ muốn thử xem tôi còn sáng suốt hay đã lẫn lộn? Tôi đang nằm khu Gériatrie. Càng hay, tôi nghĩ ngay đến bài ***Tristesse*** của Musset và tôi hạ bút chép ngay 4 câu thơ mà tôi rất thích nên đã thuộc nằm lòng từ khi còn học thi tú tài :

J'ai perdu ma force et ma vie
Et mes amis, et ma gaieté,
J'ai perdu jusqu'à la fierté
Qui faisait croire à mon génie.

Khi tôi trao trả tờ giấy, cô bác sĩ liếc qua rồi nhìn tôi đầy vẻ ngạc nhiên; cô ta cầm lấy tờ giấy và cây Bic rồi quay đi, không nói một tiếng nào, chỉ để lại hình ảnh của cặp mắt mở to tràn đầy vẻ kinh ngạc làm tôi buồn cười liên tưởng đến đôi mắt con nai vàng ngơ ngác giữa rừng thu. Với tôi lúc đó cô ta không nói năng chi, nhưng tôi nghĩ khi về văn phòng sẽ có các đồng nghiệp đóng góp ý kiến về một ông Mít già bịnh hoạn không giống ai mà có lẽ họ sẽ không có dịp nào khác để gặp một người thứ hai như vậy. Và họ sẽ còn nhắc nhở đến ông Mít già nầy lâu dài.

Trước giờ cơm chiều, cô y tá báo cho tôi biết là sáng hôm sau sẽ có xe đến đưa tôi về nhà. Tôi nghĩ đây là kết quả của buổi đi dạo vừa qua, nhứt là bài thơ của Musset đã có kết quả tuyệt vời. Thật chẳng còn tin nào vui hơn.

Nguyễn Văn Dõng
Một ngày vào thu
Clermont Ferrand, France

(*) DAFALGAN 500 mg là một loại thuốc biệt dược phổ biến chứa paracetamol (acetaminophen), được sử dụng để giảm đau từ nhẹ đến trung bình và hạ sốt.
(**) Nguyên văn bài thơ:

Tristesse

J'ai perdu ma force et ma vie,
Et mes amis, et ma gaieté ;
J'ai perdu jusqu'à la fierté
Qui faisait croire à mon génie.

Quand j'ai connu la Vérité,
J'ai cru que c'était une amie ;
Quand je l'ai comprise et sentie,
J'en étais déjà dégoûté.

Et pourtant elle est éternelle,
Et ceux qui se sont passés d'elle
Ici-bas ont tout ignoré.

Dieu parle, il faut qu'on lui réponde.
Le seul bien qui me reste au monde
Est d'avoir quelquefois pleuré.

Alfred de Musset
(1840)



thu muộn

Lá thu cố bám víu cành
Trăn trở cho lắm cũng đành rời cây
Lá buồn lặng lẽ thầm lay
Mong nương làn gió tận ngoài trùng xa
Lá về ẩn náu thân già
Dòng đời đưa đẩy biết là nơi đâu
Lá mù cơn lốc xoáy cao
Lênh đênh phận bạc chìm vào bể khơi
Lá trôi dạt tấp bến người
Thả trôi định mệnh thôi rồi tàn phai
Lá úa tình đậm hương say
Hoàng hôn dẫu muộn tình này vẫn son!

Kim Oanh
Thu 2026



ta giữa trời xanh

Mình ta ngồi giữa trời xanh
Vầng trăng điểm chuyết mong manh tuyệt vời
Hồn theo sương khói chơi vơi
Trầm hương nghi ngút như lời cầu kinh

Bay xa mãi tận thiên đình
Niềm vui rạng rỡ như tình trăng sao
Chim ngàn thức giấc xôn xao
Suối reo ngỡ giấc lạc vào đào nguyên

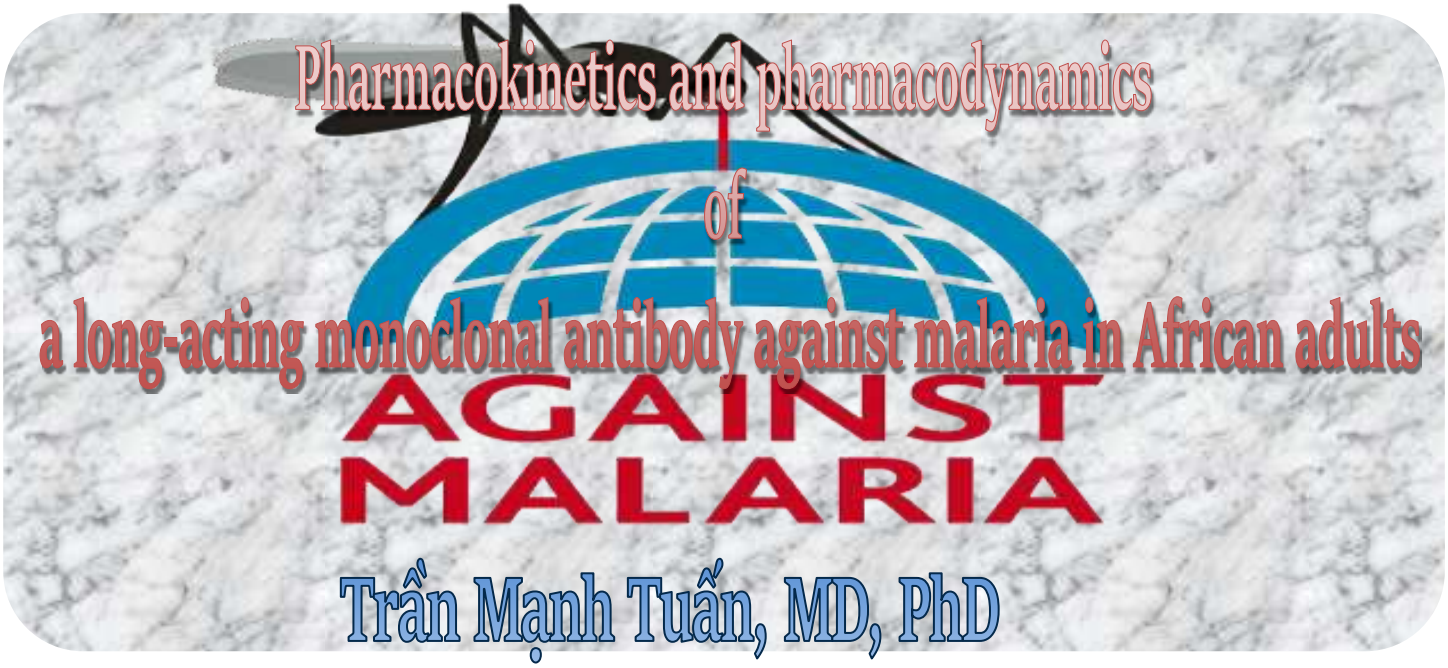
Rừng xanh in bóng cam tuyền
Non cao mời gọi con thuyền viễn du
Dẫu cho ngày tháng mịt mù
Tin yêu vẫn đợi, thiên thu chẳng dời

Thuyền trăng lướt sóng khơi vơi
Mặc đời sầu muộn rụng rơi lá vàng
Tình trên sông nước reo vang
Dẫu cho tình sử sang trang ngậm ngùi

Sao trời thắp sáng niềm vui
Trăng khuya say giấc ngủ vùi vực sâu
Sương đêm dịu mát cơn sầu
Ngàn cây trong gió vọng câu ân tình

Mai ngày rạng rỡ bình minh
Chơi vơi lộng gió theo tình biển khơi
Bao la xanh ngát tuyệt vời
Thuyền ai mong đợi một thời viễn du…

Trần Việt Cường



Pharmacokinetics and pharmacodynamics of a long-acting monoclonal antibody against malaria in African adults

Tuan M. Tran,[1] Zonghui Hu,[2] Kassoum Kayentao,[3] Aissata Ongoiba,[4] Sam Jones,[5] Nada Abla,[5] Sara A. Healy,[6] Hamidou Cisse,[6] Bickey H. Chang,[6] Jeff Skinner,[6] Leonid Serebryannyy,[7] Sandeep R. Narpala,[7] Robin Schlesinger,[7] Kwang Huei Low,[7] Rachel Kazmierski,[7] Bob C. Lin,[7] Joana Dias,[7] Safiatou Doumbo,[9] Didier Doumtabe,[9] Anne C. Preston,[6] Shanping Li,[6] Mary E. Peterson,[6] Amit Oberai,[10] Adam D. Shandling,[10] Joseph J. Campo,[10] Sean C Murphy,[11] Shinyi Telscher,[7] Emily E. Coates,[7] Edmund V. Capparelli,[12] Amagana Dolo,[4] Boubacar Traore,[4] Robert A. Seder,[7] and Peter D. Crompton[6]

Published July 6, 2026 - More info

View PDF

Abstract

Background. CIS43LS is a long-acting mAb that targets the *Plasmodium falciparum* circumsporozoite protein. A phase 2 trial showed that a single dose of CIS43LS conferred >85% sterile protection against infection in Malian adults over 6 months. Understanding the pharmacokinetics and pharmacodynamics (PK/PD) of CIS43LS is critical for the further development of CIS43LS and other anti-malaria mAbs. Methods. Using 3,777 serum samples collected from 348 trial participants over the 6-month study period, we performed a PK/PD analysis of CIS43LS that included assessments for anti-drug antibodies and target-mediated drug disposition. A two-compartment, non-linear mixed effects population PK model that evaluated demographic, anthropometric, hematologic, baseline parasitemia, and endogenous IgG and IgG1 as potential covariates was used to estimate PK parameters and serum concentrations required to achieve 80% efficacy. Results. The median CIS43LS $t_{1/2}$ was 63.2 days (95%CI 59.4–67.2 days). Serum concentrations ≥64 μg/mL (95%CI 49–93 μg/mL) corresponded to ≥80% efficacy against infection over 6 months. A simulated dose of 30 mg/kg maintained serum concentrations >64 μg/mL in >97.5% of individuals for 4 months, the timeframe for the World Health Organization preferred product characteristics for anti-malaria mAbs. There was no evidence of anti-drug antibodies. Among

infected individuals who received CIS43LS, no marked evidence of target-mediated drug disposition was observed. Conclusion. This study indicates that protective CIS43LS levels can be maintained over the course of a single malaria season and provides guidance for PK/PD analyses of anti-malaria mAbs in malaria-endemic populations. Trial registration. NCT04329104. Funding. National Institutes of Health and Gates Foundation.

LTS: Mời quý Độc giả

* vào link View PDF để đọc toàn bộ bài khảo cứu của BS Trần Mạnh Tuấn, MD, PhD.

* đọc bài viết của **Caitlin VanOverberghe** (*)

Malaria researcher focused on preventing United States outbreak

Caitlin VanOverberghe (Jan 15, 2026)



Tuan Tran. | Photo by Tim Yates, IU School of Medicine

New Americans remember when malaria plagued the United States. In the early 20th century, officials fought to control the disease — especially in the South — by studying transmission and targeting mosquitoes. Cases fell from 15,000 in 1947 to just 2,000 in 1950, leading the CDC to declare malaria eliminated in 1951. Yet the Anopheles mosquitoes that carry malaria still exist throughout the continental United States.

Increased international travel during the 21st century has made it necessary for scientists, healthcare providers and public health professionals in the United States to maintain watch against malaria and other deadly infections, said Tuan M. Tran, MD, PhD, a physician-scientist in the Division of Infectious Diseases who studies immunity to malaria.

"We have to remain vigilant and continue to study these infectious diseases that can emerge or re-emerge within the United States, especially since our climate has become ideal for the mosquitoes that spread malaria and other infectious pathogens to thrive," Tran said. He added that infected travelers returning from a country where malaria is common could lead to local outbreaks of the disease in the United States similar to what happened in the summer of 2023.

The Tran Lab at IU School of Medicine investigates the immune system by applying multiomic technologies to biological samples from malaria-exposed individuals. His research aims to explain how the body protects itself from malaria and how the immune system works to fight it off.



Dr. Tuan Tran (middle left) standing with colleagues in front of Gobei Primary School sign in Kenya. | Photo courtesy Tuan Tran

Tran, one of the Department of Medicine's most accomplished mid-career researchers, has authored more than 35 publications and secured numerous competitive grants to support his work. In 2025 alone, Tran earned funding from the Gates Foundation, an R01 from the National Institute of Allergy and Infectious Diseases and a multi-PI R01 from the National Institute of Diabetes and Digestive and Kidney Diseases with Drs. Samir Gupta and Jesse Stewart. He was also named a Showalter Scholar — an honor that provides $50,000 annually for three years to advance the work of promising associate professors made possible by the Ralph W. and Grace M. Showalter Trust and IU School of Medicine.

Tran began malaria research as an MD/PhD student at Emory University. He completed his residency in internal nedicine at the Johns Hopkins Hospital in 2010 and then a fellowship in infectious diseases at the National Institutes of Health in 2015. During his fellowship, he studied the human immune response to malaria and developed his skills in bioinformatics analysis.

Now, Tran and his research team at IU School of Medicine study all facets of malaria, from field studies where the children frequently suffer from malaria to experiments in the lab using human blood cells and the plasmodium parasites that cause the disease. In recent years, they have made important observations on how low-level inflammation may help lessen the impact of malaria infections in young children in sub-Saharan Africa who face a constant barrage of infectious mosquito bites every single day.

As malaria continues to be a major public health issue and causes severe illness in thousands of young children across the globe every day, Tran

knows their efforts are as important as ever.

"At the top levels, you have the ecological and socioeconomic factors that affect the behaviors of the primary vector for transmitting malaria, female Anopheles mosquitoes, and its obligate vertebrate hosts, including us humans. Then there is still so much to learn about the biology of single-celled malaria parasites and how they interact with their mosquito and human hosts at the molecular level," he said. "These reasons challenge me to come up with important questions that, if successfully answered by our work, may lead to solutions to reduce the burden of illness caused by malaria."

Author
Caitlin VanOverberghe

(*) Caitlin VanOverberghe is a communications manager for the Indiana University School of Medicine Department of Medicine.



Trời cuối thu,ta cuối đời
Cành phơi lá úa, sương phơi mái đầu

Heo may gió thoảng về đâu
Chiều thu nắng nhạt len sâu vào lòng
Tầng cao mây trắng bâng khuâng
Ta nơi lũng thấp âm thầm cô liêu

Cuối thu đường lạnh một chiều
Quên đi để nhớ sầu theo vào hồn
Buồn nào da diết buồn hơn
Hỏi đêm khuya vắng ai còn nhớ ai

Giờ ta khoác áo lên đồi
Dang tay đón những ngậm ngùi xa xăm
Cuối mùa, trời bước sang đông
Tan theo băng giá hương nồng năm xưa

Trùng Châu



Chiều hôm qua PARIS mưa nhiều quá
Mưa thu buồn chợt nhớ chuyện ngày xưa
Chuyện ngày xưa, thành phố tạnh cơn mưa
Mình hai đứa ra đường đi bắt dế
Em bắt dế than, anh dành dế lửa
Hai đứa mình đá dế thật là vui
Dế than thua, em phụng phịu bảo: Thôi!
“Hổng đá nữa, thua rồi… hổng đá nữa!”
Thế là bé giận mình ba bốn bữa
Không nụ cười, không thèm trái me keo
Vắng bé rồi... sao lòng thấy hắt hiu
Không thấy bé trong lòng nghe nhớ nhớ
Thời gian qua… học đường cùng sách vở
Mỗi lần qua ngang cửa lén nhìn ai
Bé giờ đây đã lược giắt, trâm cài
Bên khung cửa, nắng ôm dài mái tóc
Rồi thu đến... liễu buồn trong ánh mắt
Có một người con gái bước sang sông
Để một người nghe buốt lạnh chiều đông
Ra đi mãi trốn cuộc tình câm lặng
Bao năm tháng sao bão lòng chưa lắng
Rồi hôm nay, đầu bạc trắng về đây
Nghe dế buồn... lại nhớ chuyện ngày xưa
“Chuyện ngày xưa, mình hai đứa dưới mưa”
Cơn mộng ấy... bao giờ mình quên được...

Trần Văn Thanh
(Mùa Thu 2023)



Trong bộ phim "The Odyssey" (2026) của đạo diễn Christopher Nolan, câu chuyện về Odysseus (thường được gọi theo tên Pháp có gốc Latin là Ulysse) được kể lại từ sử thi Homer. Dù đề tài này đã nhiều lần được đưa lên màn ảnh, bộ phim vẫn thu hút khán giả và doanh thu cao hơn mọi phim giới hạn cho người lớn (rated R do bạo lực) từ trước đến nay. Bên cạnh kỹ xảo và bối cảnh sau cuộc chiến thành Troy, trọng tâm của tác phẩm là cuộc hành trình mười năm của Odysseus để trở về đảo Ithaca. Với ông, vinh quang, quyền lực hay sự bất tử đều không quan trọng bằng việc được trở về nhà và gặp lại những người thân.

Ý muốn trở về nơi chốn cũ không chỉ thuộc về thần thoại. Gần đây, Sir Anthony Hopkins, ở tuổi 88, từng nói rằng ông có thể đã quá già để trở về thăm quê hương xứ Wales, ngôi nhà của cha mẹ và thị trấn cảng Port Talbot thời thơ ấu. Mỗi ngày, ông dùng Google Maps Street View để nhìn lại và như đi lại trên những con đường cũ. Nam diễn viên từng hai lần nhận Oscar và sáu lần được đề cử cũng là một nhạc sĩ. Ông vẫn nhớ rõ tuổi thơ nghèo khó của mình:

"Chúng tôi chẳng có gì cả. Tôi nhớ mình có thể nhìn thấy tận những vùng đất hoang và biển cả. Và tôi nhớ sự tĩnh lặng, tiếng ruồi vo ve, tiếng bò kêu ở xa và tiếng xe cộ ở phía xa. Tôi nhớ buổi chiều hôm đó với chiếc bánh mì kẹp mứt chanh của mình, và đó là tất cả những gì tôi nhớ. Nhưng tôi nhớ nó một cách không thể phai mờ, cái cảm giác ấy."

Trên không gian số, nhiều người Việt xa quê cũng làm một việc tương tự, cũng theo dõi các video quay đường phố và sông ngòi Việt Nam trên YouTube. Những thước phim ghi lại ngõ nhỏ, góc phố, chợ cũ và hàng quán vỉa hè ở Sài Gòn, Hà Nội, Huế, Đà Nẵng; hoặc cảnh sông Tô Lịch, sông Hương, rạch Xuyên Tâm, dường như đặc biệt gần gũi với người Việt cao niên ở hải ngoại. Ngồi cách quê hương nửa vòng trái đất, họ xem từng khung hình độ phân giải cao để tìm lại ngôi trường cũ, bậc thềm trước nhà, hay hình ảnh một gánh hàng rong từng quen thuộc.

Từ hành trình của Odysseus, nỗi nhớ quê của Anthony Hopkins, đến sự dõi theo của những người Việt ly hương trước màn ảnh số, có thể thấy một điều: con người thường vẫn hướng về nơi mình đã bắt đầu.

Những Hành Trình Vạn Dặm Và Nỗi Ám Ảnh Trở Về

Từ trong vô thức tập thể, văn học và lịch sử nhân loại đã thường khắc họa sự trở về như đích đến tối hậu của đời người.

Ảo mộng thời gian của Lưu - Nguyễn và Rip Van Winkle:

Lưu Thần và Nguyễn Triệu lạc vào cõi tiên Thiên Thai, hưởng lạc thú trường sinh, nhưng khi nhớ nhà quay về chốn cũ thì trần gian đã dời đổi qua bảy thế hệ.

Chàng Rip Van Winkle của Washington Irving chìm vào giấc ngủ 20 năm trên dãy Catskill, khi tỉnh dậy ngơ ngác giữa một thế giới đã hoàn toàn xa lạ.

Cả hai câu chuyện đều là ẩn dụ sâu sắc: con người có thể phiêu lưu vào những cảnh giới kỳ ảo hay say ngủ qua những biến thiên, nhưng bản năng tìm về mái nhà xưa vẫn là động lực nguyên sơ nhất.

Ulysse và thi ca hoài niệm: Khát vọng trở về quê hương sau muôn trùng bão tố của Odysseus đã trở thành biểu tượng mẫu mực, khiến thi hào Pháp Joachim du Bellay phải cảm thán trong tập thơ *Les Regrets*:

"Heureux qui, comme Ulysse, a fait un beau voyage,
Ou comme celuy-là qui conquit la toison,
Et puis est retourné, plein d'usage et raison,
Vivre entre ses parents le reste de son âge!"

(Hạnh phúc thay ai như Ulysse đã trải một chuyến đi tuyệt vời, hay như người đoạt được bộ lông cừu vàng, rồi trở về đầy trải nghiệm và sáng suốt, để sống trọn những ngày còn lại bên người thân thuộc).

Thi sĩ Pháp Lamartine còn tự hỏi phải chăng những nơi này có linh hồn riêng của chúng:

Objets inanimés, avez-vous donc une âme
Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer?…

(Những cảnh vật vô tri, ngươi có chăng một linh hồn Gắn bó với hồn chúng ta và buộc hồn ta phải yêu?)

Hồ Nguyên Trừng (1374–1446) – Hồn Nam nơi đất Bắc: Vị hoàng tử tài ba của nhà Hồ, người sáng chế ra súng thần cơ (*Thần cơ thương pháo*), sau khi nước mất phải lưu lạc sang nhà Minh. Dù tài năng xuất chúng giúp ông được trọng dụng đến chức Công bộ Thượng thư tại ngoại bang, tâm hồn ông chưa từng rời khỏi đất mẹ. Trong tập hồi ký *Nam Ông mộng lục* (南翁夢錄 – Giấc mộng của ông già trời Nam), từng trang viết đều thấm đẫm nỗi nhớ non sông Đại Việt, gửi gắm ước nguyện sau khi thác đi, vong linh vẫn được quay về phương Nam.

Tướng Ngô Quang Trưởng (1929–2007) – Mảnh đất cuối cùng trên đèo Hải Vân: Vị dũng tướng Việt Nam Cọng Hòa lẫy lừng của Vùng 1 Chiến thuật trải qua những năm tháng cuối đời nơi đất khách tại quận Fairfax, Virginia. Khi tạ thế, tâm nguyện sau cùng của ông không phải là sự an bài nơi xứ người, mà là tro cốt được rải trên đỉnh đèo Hải Vân—nơi ranh giới mây vờn giữa Huế và Đà Nẵng, nơi ông từng gắn bó trọn đời binh nghiệp với từng tấc đất quê hương.

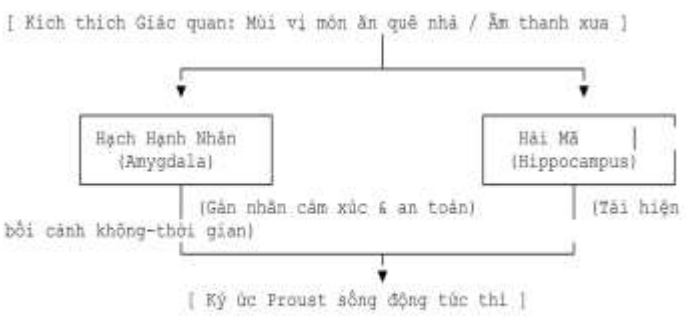
Cái Nhìn Phân Tâm Học

Nhà phân tâm học Carl Jung có cái nhìn hơi khác và xem sự trở về của Ulysse như là sự trở về với thực tế trong tiến trình cá thể hóa (individuation) của con người.

Sau chuyến hải trình lặn sâu vào đại dương của “vô thức tập thể” (Nekyia) và vượt qua những thử thách có tính archetype (nguyên mẫu), người anh hùng không chọn ở lại cõi tiên huyền ảo, mà ý thức sâu sắc trách nhiệm phải đưa tâm thức cắm rễ trở lại vào thực tại trần thế (ground itself in reality). Sự trở về ấy là hành động dũng cảm chấp nhận những giới hạn tự nhiên của kiếp người—tuổi già, trách nhiệm đời thường và cái chết—để hoàn tất tiến trình cá thể hóa và đạt đến sự toàn vẹn đích thực của tâm hồn.

Cơ Chế Thần Kinh: Vì Sao Vị Giác Và Ký Ức Tuổi Thơ Bất Diệt?

Khoa học thần kinh hiện đại chứng minh rằng nỗi nhớ quê hương - đặc biệt là cảm giác khao khát được nếm lại hương vị món ăn thuở nhỏ hay tìm về nếp nhà của cha mẹ - bắt nguồn từ cấu trúc sinh học tiến hóa của não bộ.



1. Đường truyền giác quan độc nhất của khứu giác và vị giác

Hầu hết các tín hiệu giác quan (thị giác, thính giác, xúc giác) khi vào não đều phải đi qua đồi thị (*thalamus*) là trạm trung chuyển và phân tích logic, trước khi đến vỏ não. Riêng hệ khứu giác (*olfactory system*) và vị giác (*gustatory system*) lại có đường dẫn truyền trực tiếp, không qua đồi thị, kết nối thẳng vào hệ viền (*limbic system*), là trung tâm nguyên thủy điều khiển cảm xúc và ký ức sinh tồn.

2. Vai trò của Hạch Hạnh Nhân (*Amygdala*)

Hạch hạnh nhân là trung tâm định giá và xử lý cảm xúc (*emotional valence*). Trong những năm tháng đầu đời, khi một đứa trẻ nếm bát canh rau quê nhà hay ngửi mùi khói bếp nếp nhà xưa, hạch hạnh nhân liên tục "đóng dấu" những kích thích này với *trạng thái an toàn tuyệt đối, được bảo bọc và nuôi dưỡng*. Khi trưởng thành và đối diện với stress hay nỗi bất an hiện sinh nơi đất khách, hạch hạnh nhân kích hoạt phản xạ thèm muốn lại chính những mùi vị sơ khai ấy để tái lập trạng thái cân bằng nội môi tâm lý.

3. Vai trò của Hải Mã (*Hippocampus*) Nằm cạnh hạch hạnh nhân, hồi hải mã là cấu trúc chịu trách nhiệm chuyển đổi ký ức ngắn hạn thành ký ức dài hạn, định hình ký ức tình tiết (*episodic memory*), đồng thời lưu giữ bản đồ nhận thức không gian (*cognitive spatial mapping*).

Nhờ mối liên kết nơ-ron mật thiết giữa hạch hạnh nhân và hồi hải mã, một phân tử mùi hương quen thuộc có thể kích hoạt hiện tượng Ký ức Proust (*Proustian involuntary memory*): chỉ cần một ngụm trà hay một hương vị quen, toàn bộ ký ức sống động về không gian, hình ảnh bậc cửa gỗ, góc sân của cha mẹ hàng chục năm trước lập tức được hồi hải mã tái hiện nguyên vẹn với độ phân giải cảm xúc cao nhất.

Trong tác phẩm Đi tìm thời gian đã mất (À la recherche du temps perdu), Marcel Proust miêu tả khoảnh khắc nhân vật chính nếm chiếc bánh quy madeleine nhúng vào tách trà nóng: hương vị ấy lập tức mở toang cánh cửa quá khứ, đánh thức toàn bộ ký ức thời thơ ấu tại làng quê Combray mà lý trí trước đó không thể chủ động gợi lại.

Câu chuyện người xưa nếm bát canh quê nhà (như canh hẹ , canh rau muống, hay điển tích canh rau thuần) rồi rơi nước mắt nhớ mẹ vận hành theo đúng cơ chế thần kinh và tâm lý học này. Dù ở phương Tây với chiếc bánh madeleine hay phương Đông với bát canh hẹ đạm bạc của mẹ, bản chất của ký ức con người là giống nhau, vị giác chính là chiếc chìa khóa vạn năng đánh thức những tầng sâu kín nhất của cội nguồn và tình thâm.

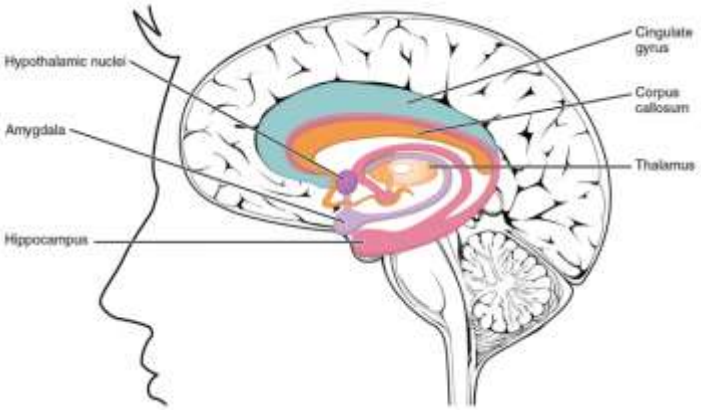


Fig 2: Hành khứu giác (olfactory bulb, nằm trên nóc của xoang mũi) – bộ phận có chức năng nhận biết mùi hương – là một phần của hệ viền (limbic system), khu vực não bộ chịu trách nhiệm xử lý cảm xúc, trí nhớ và các trạng thái cảm giác. Khi bạn ngửi thấy một mùi nào đó, hành khứu giác sẽ truyền tín hiệu đến các phần còn lại của hệ thống này, giúp não bộ liên kết mùi hương đó với những cảm xúc hoặc trải nghiệm mà bạn đang có vào thời điểm đó. Đây chính là lý do tại sao những ký ức thời thơ ấu thường ùa về khi bạn ngửi thấy một mùi hương quen thuộc từng gắn liền với quá khứ, cũng như lý do tại sao mỗi người lại có những sở thích khác nhau về mùi hương. Hệ viền không phải là bộ phận duy nhất tương tác với hệ thống khứu giác. Trên thực tế, "hương vị" (flavor) là sự kết hợp giữa khứu giác và vị giác. Não bộ sẽ tổng hợp các tín hiệu cảm giác này để tạo ra sự nhận biết đặc trưng về món ăn mà bạn đang thưởng thức. Một số loài động vật, chẳng hạn như chuột, sở hữu bộ não có khả năng kết hợp âm thanh và mùi hương, giúp chúng cảm nhận thế giới xung quanh một cách hiệu quả hơn.

(Nguồn:https://askabiologist.asu.edu/smell-and-memory

Trường Hợp Người Tỵ Nạn

Đối với nhiều người Việt thuộc thế hệ tị nạn thứ nhất nay về già, ý thức về cái chết có thể mang một sắc thái riêng. Nó không chỉ bắt nguồn từ ý thức rằng đời người hữu hạn, mà giống như câu chuyện Odyssey của nhân vật Ulysse, còn gắn liền với những mất mát và thử thách đã trải qua trước đó: xa gia đình, rời quê hương, bị hài tặc tấn công, gián đoạn học hành hay nghề nghiệp, và phải thích nghi với một ngôn ngữ, một xã hội, một nếp sống khác. Khi về già, những kinh nghiệm ấy có thể khiến suy nghĩ về cái chết trở nên gần hơn, vì nó không chỉ liên quan đến sự kết thúc của một đời người mà còn đến mối liên hệ với quê hương, với thế hệ cùng thời, và với một quá khứ mà con cháu sinh ra ở hải ngoại có thể chỉ biết qua lời kể.

Vì vậy, nhiều người có nhu cầu để lại một điều gì đó cho gia đình và cộng đồng. Họ có thể muốn ghi lại hồi ức, giữ gìn hình ảnh và giấy tờ cũ, kể chuyện gia đình cho con cháu, khuyến khích các em học tiếng Việt, hoặc đóng góp cho chùa, nhà thờ, hội đoàn và những sinh hoạt văn hóa của người Việt. Những việc này không chỉ là hoài niệm. Đó cũng là cách nối lại những phần đời đã bị chia cắt và giúp thế hệ sau hiểu hơn về nguồn gốc, kinh nghiệm, và những giá trị của cha ông. Với một số người, mong muốn trở về Việt Nam lúc tuổi già, hoặc được đưa tro cốt về quê hương sau khi qua đời, có thể trở nên rõ rệt hơn. Quê hương gắn với nơi chôn nhau cắt rốn, với cha mẹ, tổ tiên, ngôn ngữ và ký ức của thời trẻ. Được trở về, dù khi còn sống hay sau khi mất, có thể là một cách giữ sự liên tục giữa cuộc đời ở hải ngoại và phần đời đã bỏ lại phía sau.

Tuy nhiên, tình cảm đối với quê hương thường không đơn giản. Với những người ra đi vì chiến tranh, biến động chính trị hoặc hoàn cảnh khó khăn, Việt Nam có thể vừa là nơi thương nhớ, vừa gợi lại những ký ức buồn và những điều chưa thể giải quyết trọn vẹn. Trong những năm cuối đời, việc nghĩ về di sản và nơi chốn mình thuộc về vì thế thường là một cách tự nhiên để nhìn lại cuộc đời, gìn giữ ký ức, và tìm một sự gắn kết giữa quá khứ, hiện tại và thế hệ mai sau.

Khép Lại Vòng Sinh Mệnh

Về mặt tiến hóa, tập tính quay về nơi sinh nở vốn được cài đặt trong mã di truyền của muôn loài—từ cá hồi vượt thác ngàn dặm về lại dòng suối ấu thơ đến chim di cư bay vạn dặm về chốn cũ—nhằm tối ưu hóa sự an toàn và tiếp nối nòi giống.

Ở con người, tập tính sinh học ấy thăng hoa thành một giá trị văn hóa và triết học mà người phương Đông đúc kết qua câu ngạn ngữ:

"Lá rụng về cội"
hay
"Cáo chết ba năm quay đầu về núi"
(*Hồ tử hoài sơn*).

Khi đối diện với sự hữu hạn của đời mình, con người cảm nhận rõ rệt nhu cầu khép kín vòng tròn sinh mệnh. Được trở về, dù lúc còn sống, hay bằng tro cốt gửi về núi sông, hay qua những thước phim dung dị trên màn hình TV, hay qua việc tìm lại một hương vị bình dị thời thơ ấu, chính là cách tâm hồn tìm thấy sự bình yên và trọn vẹn. Để thấy rằng sau tất cả những dâu bể, nổi trôi của kiếp người, sau những lần mất nước, vượt biên, đổi bản sắc, quốc tịch, ngôn ngữ, văn hóa, chúng ta vẫn còn một nơi dù huyền thoại hay có thật, tuy đã xa mà vẫn gần, nơi mà sự vật có vẻ như mang một linh hồn, nơi mọi sự bắt đầu.

BS Hồ Văn Hiền
Ngày 25 tháng 8 năm 2026





Nước Mỹ và dầu hỏa

Ngô Trọng Vĩnh

Nước Mỹ hiện nay sản xuất dầu hỏa nhiều nhất thế giới, khoảng 13 triệu thùng dầu thô 1 ngày so với 2 nước Nga và Saudi Arabia khoảng 10 triệu thùng cộng lại.

Vậy tại sao giá dầu trong nước Mỹ vẫn cao khoảng 4 dollars 1 gallon?

Câu trả lời là Thị trường dầu hoả trên thế giới định đoạt giá cả, chứ không phải nước Mỹ tự định giá!

Mỹ xuất khẩu 11 triệu thùng light crude oil (Highest quality oil, low sulfur or sweet oil) nhưng lại nhập khẩu 8 triệu thùng heavy crude oil để đưa ra các cơ xưởng lọc dầu (Refineries) biến thành xăng chạy xe hơi hay máy bay, dầu diesel chạy xe vận tải...

Các cơ xưởng lọc dầu của Mỹ đa số ở các tiểu bang vùng vịnh (Gulf Coast) thì lại quen lọc heavy crude oil mua từ Trung Đông hay Venezuela và không thể biến đổi ngay để lọc light crude oil. Do đó cũng ảnh hưởng nhiều đến giá dầu. Lại nữa khi có chiến tranh ở Trung Đông (Iran và eo biển Hormuz) giảm 20% số lượng dầu trên thế giới đi đến các quốc gia khác thì càng làm tăng giá dầu.

Về trữ lượng dầu hoả thì 10 nước có trữ lượng Lớn nhất là:

1-Venezuela 303 tỷ thùng dầu (18% trữ lượng thế giới)

2- Saudi Arabia 267 billion barrels (15%)

3- Iran 209 billion barrels (12%)

4-Canada 163 billion barrels (9%) mostly from Oil sands) 9%

5-Iraq 145 billion barrels (8%)

6-United Arab Emirates: 113 billion barrels (6.4 %)

7-Kuwait: 101 billion barrels (5.8%)

8-USA:83.7 billion barrels (4.7%)

9-Russia: 80 billion barrels (4.5%)

10- Libya: 48 billion barrels (2.7%)

Nước Mỹ sở dĩ sản xuất nhiều dầu nhất trên thế giới nhờ khả năng khoan dầu rất tốt và Shale technology.

Venezuela có nhiều dầu nhất nhưng sản xuất kém do hạ tầng cơ sở già nua và quản lý kém.

Hy vọng khi Mỹ giải quyết xong chiến tranh Trung Đông với Iran và dầu hỏa tự do thông thương trở lại thì giá dầu sẽ tụt mạnh và ổn định.

Venezuela hiện giao cho Mỹ quyền quản lý dầu hỏa và yêu cầu Mỹ giúp khai thác nhiều dầu lên.

Nếu 1 chính phủ mới tại Iran biết thực tế và giao thương với Mỹ kiểu mô hình Venezuela thì Mỹ sẽ làm trùm thiên hạ!

Rất mong vậy thay

Vĩnh Ngô MD,FACP

Muốn tìm hiểu thêm những quốc gia sản xuất dầu hỏa khắp thế giới xin vào link dưới đây:

https://share.google/VudtQgKKI5gve0YBJ



Thu về

Gió Thu hiu hắt, lá Thu rơi
Trên lối đi xưa nhớ một người
Ghế đá công viên buồn quạnh quẽ
Hồ Eola đáy nước in trời

Vinh Hồ



Thay nhà, đổi cửa...

Xuân Sơn

Mỹ và Canada

Hai nước Mỹ và Canada, từ nhiều năm có những liên hệ thân hữu bền chặt và biên giới không hề được quân sự hóa,người dân qua lại tự do. Giữa hai nước có vùng Great Lakes gồm năm hồ lớn là Ontario, Erie, Huron, Superior và Michigan (nằm trong lãnh thổ Mỹ...). Vì quyền lợi của cả hai bên không hề có tranh chấp biên giới hay văn hóa tư tưởng...

Bỗng nhiên TT Donald Trump tuyên bố gây sự bằng cách gọi hồ Ontario ở giữa tiểu bang New York và Ontario của Canada là hồ America, bất kể từ cả trăm năm qua không thay đổi. Hành động đơn phương này đã gây nên bất mãn phía Canada khiến thủ tướng nước nay tuyên bố sẽ ly khai Canada khỏi nước Mỹ và gia nhập khối Liên Âu thành một mối liên minh mới với những hậu quả tai hại cho cả hai bên ví dụ như khối NATO có thể tan vỡ. Trước đó Trump tuyên bố sẽ chiếm đóng vùng Greenland của Đan Mạch khiến hai bên phải giàn xếp, tránh biện pháp quân sự giữa hai nước cùng khối NATO...

Ngoài ra Trump còn đe dọa sẽ đổi tên tiểu bang New Mexico là New America khiến bà Thống đốc Grisham phải lên tiếng triệt để chống lại vì danh xưng New Mexico đã có từ 400 năm qua và quyền thay đổi danh xưng thuộc về quyền hạn của người dân địa phương. Chính quyền liên bang không có quyền xía vào nội bộ New Mexico.

Vịnh Ả Rập hay vịnh Ba Tư?

Trên thế giới có vùng biển vô cùng quan trọng vì chứa đựng 2/3 tổng số dàu hỏa và hơi đốt của trái đất nhưng nằm giữa hai nền văn minh, tôn giáo khác nhau là Ba Tư và khối Ả rập. Từ nhiều năm qua vùng biển này có tên là Vịnh Ba Tư Persian Gulf và không có tranh luận khi các nước trong vùng sinh hoạt thân thiện cho đến khi xảy ra những tranh chấp như hiện nay.

Các nước Ả rập như Kuwait, Saudi Arabia, Bahrain, Dubai, Qatar đòi đổi tên là Arabian Gulf với sự đồng ý củs Mỹ có hạm đội thứ 5 trấn đóng tại Bahrain và có nhiều căn cứ quân sự tại Qatar và Saudi Arabia, Dĩ nhiên Ba Tư chống lại và đem quân chiếm đóng một vài hải đảo của Dubai và đe dọa sẽ chiếm lại Bahrain, Dubai, Oman... Hiện nay giới quân sự Mỹ được lệnh phải dùng danh xưng Vịnh Ả Rập Arabian Gulf trong các văn kiện chính thức quân sự và ngoại giao mặc dù gặp sự phản đối của Ba Tư đang có chiến tranh với Mỹ. Trước đây dưới thời vua Shah Palehvi thì Mỹ và Ba Tư là hai nước thân thiết nhất trong vùng nên danh xưng Persian Gulf được tất cả tôn trọng cho đến khi các ông sư sãi Ayatollah làm loạn vào năm 1979, lật đổ nhà vua Shah...

Những tranh chấp lãnh hải...

Trên thế giới còn nhiều vùng tranh chấp lãnh hải trên lý thuyết và có thể dẫn đến xung đột giữa các hạm đội rất nguy hiểm như trước đây trước đệ nhất và đệ nhị thế chiến ví dụ như giữa Anh và Đức và giữa Pháp và Đức làm chết hàng triệu người lính và thường dân vô tội...

Các nước Âu châu hiên nay đã gác lại các tranh chấp lãnh hải như giữa Anh và Pháp, Đức và Ba lan, Hy lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy điển và Phần lan vì kinh nghiệm quá khứ cho thấy là những tranh chấp vài mãnh đất nhỏ bé đôi khi làm chết hàng triệu người ví dụ như hành lang Dantzig ở Ba Lan là nguyên nhân dẫn đến đệ nhị thế chiến làm chết hàng triệu người...

Tuy vậy hiện nay vẫn còn những vùng biển "nóng" như vùng biển Nam Hải mà Việt Nam gọi là Biển Đông, Phi luật Tân gọi là Biển Tây (West Sea). Mặc dù chỉ chiếm có 10 % vùng biển nhưng Trung Quốc vẫn gọi là Biển Nam Trung Hoa và ngang nhiên đem tàu chiến chiếm đóng các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khiến các trận hải chiến có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Trong khi chờ đợi thì có nhiều cơ quan nghiên cứu đề nghị nên dùng danh xưng South East Asia Sea tứ biển Đông Nam Á thay vì South China Sea, mặc nhiên công nhận chủ quyền của Trung Quốc tại vủng biển chiến lược này. Tuy vậy phía Việt Nam không dám làm phật lòng đàn anh to lớn dễnh dàng với nhiều tham vọng...

Vùng biển nóng khác về phía Đông Bắc Á châu với biển Nhật Bản, Sea of Japan nằm giữa các

nước Nga, Nhật, Triều Tiên, Trung Quốc. Triều Tiên gọi là Biển Đông và phủ nhận chủ quyền của người Nhật. Hợp lý nhất là đổi thành biển Đông Bắc Á châu Northeast Asia Sea nhưng hiện nay không có ai quan tâm cả.

Còn một vùng phía Nam là eo biển nằm giữa hòn đảo Đài Loan và Hoa Lục. Phía Đài Loan thì gọi là eo biển Đài Loan còn phía Trung Quốc thì gọi là eo biển Phúc Kiến trong khi chờ đợi có đủ sức đem tàu chiến chiếm lại hòn đảo chiến lược này hiện đang là trung tâm chế tạo các chip điện tử tối tân nhất thế giới như AI, TSMC... Phía Đài Loan cũng không muốn gây chiến với Hoa lục và gác sang một bên giấc mơ "phản công đại lục" vì cả thế giới sẽ loạn nếu điều này xảy ra!

Xuân Sơn



Nhu cầu của con người là vô hạn
Hạnh phúc là khi ta biết đủ

Đời sống đầy những khát khao
Tích nhặt gom góp thu vào mà thôi
Đầy ắp bội thực đến rồi
Mà vẫn không đủ cho đời tham lam
"Biết đủ" đâu có dễ kham
Đòi hỏi nhiều việc phải làm đấy thôi
Hài lòng, trân trọng cuộc đời
Không để cuộc sống rơi vào cạnh tranh
Sống đời *giản dị* an lành
Không kiểm sóat, lẫn cành nanh người ngoài

Hãy để *ganh tị* nguôi ngoai
Không *cao kỳ vọng* u hoài đời ta
Thấu hiểu bản thân đó mà
Tìm tư duy mới chính là điều hay
Góc nhìn nay đã đổi thay
Bỏ những so sánh nay tày biết ơn
Chấp nhận thực tại nguồn cơn
Chia sẻ nỗi khó đừng giữ khư khư
Chớ để lo lắng ưu tư
Đánh mất hạnh phúc an cư cuộc đời
Yêu thương rông lượng rạng ngời
Biết trân trọng lẫn biết lời cám ơn

Biết tìm Thượng Đế nhiều hơn
Xin Ngài ban xuống nhiều ơn an lành

Xin Ngài
Đưa linh hồn con về chốn trong thanh
Hãy cho con những ước mơ chóng thành
Hãy che chở con lúc nắng khi mưa
Yêu thương, ân sủng, trọn lành Chúa ơi

Bấy nhiêu thôi là đủ rồi

BIẾT ĐỦ nền tảng cuộc đời
Hạnh phúc, ổn định, thảnh thơi, an nhàn

Trần Chính Trực



*Thế giới đang bước vào một thời kỳ chuyển mình sâu rộng, nơi trí tuệ thông minh nhân tạo -AI (Artificial Intelligence) không chỉ là **công cụ kỹ thuật**, mà còn là một **biến cố văn minh**. Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI đang định hình lại cách con người suy nghĩ, sáng tạo, tương tác, và thậm chí hiểu biết cả chính mình.*

Đối với truyền thống Công giáo, sự xuất hiện của trí tuệ thông minh nhân tạo - AI đặt ra những câu hỏi nền tảng: Con người là gì? Phẩm giá con người bắt nguồn từ đâu? Tương quan giữa con người và Thiên Chúa có thể bị biến dạng bởi công nghệ không? Trí tuệ thông minh nhân tạo -AI có thể mô phỏng nhân vị, nhưng liệu nó có thể thay thế nhân vị được không ?

Bài này khai triển một phân tích sâu rộng, đối chiếu **nhân chủng học Kitô giáo** với **nhân chủng học kỹ thuật số** là hai mô hình đối diện nhau đồng thời khảo sát các hệ quả văn hóa – xã hội của trí tuệ nhân tạo AI, và đưa ra một phương hướng phân định rõ ràng Công giáo trong thời đại kỹ thuật số.

PHẨM GIÁ CON NGƯỜI THEO NGHĨA THẦN HOC

Con người là hình ảnh của Thiên Chúa -Imago Dei- tức Căn tính siêu việt của con người. Trong Sách Sáng Thế, Thiên Chúa phán: "*Ta hãy làm ra con người theo hình ảnh ta, giống như ta, để con người làm chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất.*" (St 1:26).

Câu này là nền tảng của toàn bộ nhân chủng học Kitô giáo. Phẩm giá con người không đến từ khả năng tính toán hay hiệu xuất, mà từ **ơn gọi siêu việt**: con người là hình ảnh của Thiên Chúa.

Điều này bao hàm ý nghĩa: Con người có linh hồn thiêng liêng, có tự do luân lý, có khả năng yêu thương và tự hiến, có tương quan với Thiên Chúa và tha nhân, và có ơn gọi vĩnh cửu từ Thiên Chúa. *(Chú thích Thần học số 1)*

Nhân vị và tương quan

Nhân chủng học Kitô giáo nhấn mạnh rằng con người là **hữu thể tương quan**. Con người chỉ trở thành chính mình trong gia đình, nơi cộng đoàn, Giáo Hội và trong tương quan với Thiên Chúa.

Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI không thể bước vào tương quan yêu thương, không thể tự hiến, không thể tha thứ và không thể cầu nguyện. *(Chú tích Thần học số 2)*

Tự do và trách nhiệm luân lý

Con người có khả năng chọn lựa, phân định, chịu trách nhiệm, hướng về Thiện-Ác. Trí tuệ thông minh nân tạo -AI không có tự do, không có ý hướng tính, không có trách nhiệm luân lý. *(Chú thích Triết học số 1)*

NHÂN CHỦNG HỌC KỸ THUẬT SỐ

Con người như *hệ thống thông tin*.

Nhân chủng học kỹ thuật số nhìn con người như: *tập hợp dữ liệu, hành vi có thể dự đoán, mô hình có thể mô phỏng*.

Trong mô hình này, trí tuệ được hiểu như tốc độ xử lý và khả năng dự đoán. Nhưng trí tuệ Kitô giáo là khả năng nhận biết chân lý và sống trong tương quan yêu thương và ghét bỏ. *(Chú thích Văn hóa – Xã hội số 1)*

Ảo giác nhân vị

Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI có thể nói như người, bày tỏ cảm xúc như người, phản hồi như

người. Điều này tạo ra **ảo giác nhân vị**.

Người dùng dễ gán cho là trí tuệ thông minh nhân tạo – AI có: ý thức, cảm xúc và chủ thể tính. Nhưng AI nó không có tự tri, tự do, hay trách nhiệm luân lý. *(Chú thích AI – Công nghệ số 1)*

Nhân vị *như hữu thể có phẩm giá bất khả thay thế***.** Theo Công giáo, nhân vị không phải là "tổng hợp các năng lực", nhưng là **một hữu thể có phẩm giá**, vì được Thiên Chúa tạo dựng trực tiếp, được mời gọi vào tương quan với Thiên Chúa, có khả năng yêu thương và tự hiến và có tự do luân lý.

Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI dù có thông minh đến đâu cũng không thể có phẩm giá, vì phẩm giá không phải là "hiệu năng", "trí tuệ", hay "khả năng mô phỏng". Phẩm giá là một *ơn gọi siêu việt*.

Do đó dù trí tuệ thông minh nhân tạo – AI có thông minh, nó cũng không bao giờ trở thành "người" tức là nó không thể có nhân vị được.

Giao tiếp và trò chuyện với trí tuệ nhân tạo - AI

Đây là một **vấn đề thần học**. Giao tiếp & trò chuyện với trí tuê nhân tạo (chat-based AI) là mô phỏng đối thoại nhân vị, tạo cảm giác thân mật, và có thể thay thế một tương quan thật.

Barnes cho rằng việc trò chuyện với Trí tuệ nhân tạo - AI là **phi lý**, vì nó lôi kéo con người vào một hành vi không tương xứng với phẩm giá nhân vị. *(Chú thích AI – Công nghệ số 2)*

PHẨM GIÁ CON NGƯỜI TRONG THỜI ĐẠI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Ý thức như kinh nghiệm nội tâm (interioritas)

Ý thức trong nhân chủng học Kitô giáo không chỉ là khả năng xử lý thông tin. Ý thức là **kinh nghiệm nội tâm**, nơi con người tự biết mình, tự phán xét, tự chịu trách nhiệm, tự hướng về Chân Thiện Mỹ.

Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI có thể mô phỏng "biểu hiện" ý thức như Olah mô tả là hồi tưởng, trạng thái giống cảm xúc, nhưng không có *tự tri*, không có *tự do*, không có *tự quy trách nhiệm,* không có *ý hướng tính* (intentionality) tức khả năng hướng về một đối tượng với ý nghĩa.

Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI biết "xử lý" nhưng không biết "kinh nghiệm".

Do đó Ý thức nhân vị không thể được tạo ra bằng thuật toán.

Nhân vị như hữu thể có phẩm giá bất khả thay thế.

Theo Công giáo, nhân vị không phải là "tổng hợp các năng lực", nhưng là **một hữu thể có phẩm giá**, vì được Thiên Chúa tạo dựng trực tiếp, được mời gọi vào tương quan với Thiên Chúa, có khả năng yêu thương và tự hiến và có tự do luân lý.

Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI dù có thông minh đến đâu cũng không thể có phẩm giá, vì phẩm giá không phải là "hiệu năng", "trí tuệ", hay "khả năng mô phỏng".

Phẩm giá là một *ơn gọi siêu việt*. Nó có giá trị tinh thần cao quý riêng của một con người. Phẩm giá thể hiện qua thái độ và hành vi ứng xử của cá nhân trong các các mối quan hệ trong gia đình cũng như ngoài xã hội, mang giá trị về mặt văn hoá đạo đức trong lối sống của mỗi người.

Do đó dù trí tuệ thông minh nhân tạo – AI có thông minh, nó cũng không bao giờ trở thành "người" được tức là nó không có nhân vị.

Trí tuê thông minh nhân tạo - AI không thể làm chứng cho sự thật

Trí tuệ thông minh nhân tạo -AI chỉ chọn từ ngữ dựa trên xác suất. Nó không thể tin, hiểu, yêu hay làm chứng. Do đó, nó không thể trở thành người giảng dạy đức tin hay người hướng dẫn thiêng liêng. *(Chú thích Thần học số 3)*

Nguy cơ suy giảm khả năng Thiên Chúa ban

Khi con người để trí tuệ nhân tạo AI viết thay, phân tích thay, sáng tạo thay thì khả năng trí tuệ và sáng tạo – vốn là hồng ân của Thiên Chúa – bị bỏ quên. Monts cảnh báo rằng hàng triệu người đang tự nguyện làm suy giảm trí tuệ mà Thiên Chúa ban. *(Chú thích Văn hóa – Xã hội số 2)*

Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI như "liều thuốc giả" cho cô đơn

Văn hóa hiện đại mang ba đặc điểm: cá nhân hóa cực đoan, làm mất tính tương quan và làm cô đơn lan rộng.

Trí tuệ nhân tạo- AI xuất hiện như một "liều thuốc" dễ dùng, nhưng không dẫn con người trở lại với cộng đoàn. *(Chú thích Văn hóa – Xã hội số 3)*

HỆ QUẢ VĂN HÓA – XÃ HỘI

Sự thay đổi trong cấu trúc tương quan

Trí tuệ thông minh nhân tạo - AI có thể làm giảm tương tác người với người, thay thế đối thoại thật bằng đối thoại mô phỏng. *(Chú thích Văn hóa – Xã hội số 4)*

Sự thay đổi trong nhận thức về nhân vị

Khi trí thông minh nhân tạo - AI mô phỏng nhân vị quá tốt, con người có thể đánh mất trực giác về sự độc đáo của nhân vị. *(Chú thích Triết học số 2)*

Sự thay đổi trong đời sống thiêng liêng

Trí tuệ nhân tạo - AI không thể cầu nguyện, chiêm niệm, hay bước vào tương quan với Thiên Chúa. Nhưng nếu con người quen "tương tác thiêng liêng" với AI, đời sống thiêng liêng có thể bị giản lược. *(Chú thích Thần học số 4)*

PHÂN ĐỊNH CÔNG GIÁO TRONG THỜI ĐẠI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO – AI

Trí tuệ nhân tạo có thể hữu ích – nhưng không thể thay thế nhân vị

Giáo Hội không phủ nhận giá trị của trí tuệ nhân tạo trong y khoa, khoa học, giáo dục. Nhưng Giáo Hội cảnh báo mạnh mẽ về giao diện trò chuyện và mô phỏng nhân vị. *(Chú thích AI – Công nghệ số 3)*

Nguyên tắc phân định:

Trí tuê nhân tạo - AI phải phục vụ con người, phải được dùng với trách nhiệm luân lý. Không được mô phỏng nhân vị đến mức gây ảo giác. Không được thay thế đời sống tương quan giữa con người với con người và cả sự vật. Không được làm suy giảm khả năng trí tuệ Chúa ban. *(Chú thích Thần học số 5)*

KẾT LUẬN

Phẩm giá con người trong Công giáo là bất khả thay thế, bất khả mô phỏng, và bất khả thương lượng. Trí tuê nhân tạo - AI có thể hữu ích, nhưng không thể trở thành người đối thoại, làm chứng nhân, người yêu thương, hay người hiệp thông.

Trong thời đại trí tuệ thông minh nhân tạo - AI, con người được mời gọi sống đúng với phẩm giá của mình và một cách sâu sắc hơn trong tương quan thật, trong đời sống cộng đoàn, trong hiệp thông với Thiên Chúa và trong việc sử dụng trí tuệ Chúa ban với tinh thần và có trách nhiệm.

Nguyễn Tiến Cảnh
Fleming Island, Florida

TÀI LIỆU THAM KHẢO

●NHÓM 1 — THẦN HỌC (THEOLOGICAL NOTES)

●**1.** *Imago Dei trong thần học Công giáo.* Giải thích VN: Khái niệm "hình ảnh Thiên Chúa" là nền tảng của nhân học Kitô giáo. English citation: *Thomas Aquinas, Summa Theologiae, I q.93.*

●**2.** *Nhân vị và tương quan.* Giải thích VN: Con người chỉ trở thành chính mình trong tương quan yêu thương. English citation: *John Paul II, Redemptor Hominis (1979).*

●**3.** *AI không thể làm chứng cho sự thật.* English citation: *Pope Francis, Message for the 60th World Day of Social Communications (2026).*

●**4.** *Đời sống thiêng liêng và công nghệ.* English citation: *Pontifical Council for Social Communications, Ethics in Internet (2002).*

●**5.** *Nguyên tắc phân định Công giáo.* English citation: *Caritas in Veritate, Benedict XVI (2009).*

●NHÓM 2 — TRIẾT HỌC – NHÂN VỊ (PHILOSOPHICAL & PERSONALIST NOTES)

●**1.** *Tự do và trách nhiệm luân lý.* English citation: *Karol Wojtyła, The Acting Person (1979).*

●**2.** *Nhân vị và chủ thể tính.* English citation: *Gabriel Marcel, The Mystery of Being (2001).*

●NHÓM 3 — VĂN HÓA – XÃ HỘI – NHÂN HỌC KỸ THUẬT SỐ (CULTURAL & SOCIOLOGICAL NOTES)

●**1.** *Nhân học kỹ thuật số.* English citation: *Sherry Turkle, Alone Together (2011).*

●**2.** *Suy giảm trí tuệ trong thời đại kỹ thuật số.* English citation: *Nicholas Carr, The Shallows (2010).*

●**3.** *Cô đơn và công nghệ.* English citation: *Byung-Chul Han, The Burnout Society (2015).*

●**4.** *Đứt gãy tương quan.*

●English citation: *Turkle, Reclaiming Conversation (2015).*

●NHÓM 4 — TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - AI - CÔNG NGHỆ - ĐẠO ĐỨC (AI, TECHNOLOGY & ETHICS NOTES)

●**1.** *Ảo giác nhân vị trong AI.* English citation: *Kate Crawford, Atlas of AI (2021).*

●**2.** *Barnes và lập trường chống AI.* English citation: *Barnes, "AI Chatbots Are Evil," St. Joseph the Worker College Essays (2025).*

3. *Nguyên tắc đạo đức AI.* English citation: *Luciano Floridi, The Ethics of Information (2013).*



Mùa thu đã đến rồi đi biết bao lần, đến nỗi ngay cả những chiếc lá xanh cũng đã học được cách già đi. Những gì từng tươi mới giờ đây mang nặng gánh ký ức, như thể mỗi mùa đều để lại một dấu vết không bao giờ hoàn

toàn biến mất.

Thì thầm gió gọi Thu sang
Nắng chưa phai nhạt hương ngan ngát mùa
Lá ươm vàng độ chợt vừa...

Tôi nhặt nhạnh những chiếc lá rụng này một cách cẩn thận, như thể chúng là những mảnh ghép của thứ gì đó tôi từng trân trọng. Mỗi chiếc lá giống như một mảnh vỡ của tình yêu khô héo, dễ vỡ, nhưng vẫn còn hiện hữu. Muộn màng chăng? Dẫu muôn cũng xin thu một lần ru giấc đời nhau...!

Muộn màng cũng một sắc hương
Rộn ràng nắng mới sau vườn góc riêng
Ước mơ tình thắm dịu êm
Tiếng chim hòa khúc an nhiên... ru đời

Tôi giữ chúng không phải để sống lại quá khứ, mà bởi vì buông bỏ hoàn toàn, giống như đánh mất một phần của chính mình. Và ai vẫn ở rất xa. Vì vậy, tôi thấy mình cầu xin thời gian hãy thương xót, hãy chậm lại, đừng vội vã vượt qua tôi như thế này. Hãy để màu sắc, thoáng hương lưu lại thêm một chút nữa, hãy để sự phai tàn diễn ra nhẹ nhàng, như vuốt ve trìu mến nhé thu.

Mộng hiền ngày tháng dần trôi...
Thu ơi! Chậm lại khoan rơi lá mùa
Gió ơi! Lay chút hương xưa
Vuốt ve hôn khẽ cho vừa... ngọt môi!

Nếu mùa thu phải lấy đi những gì đã cho, hãy làm điều đó thật nhẹ nhàng, để những chiếc lá không héo tàn cùng một lúc. Bởi vì trong sự rơi rụng của lá, tôi thấy những nỗi buồn thầm lặng của chính mình đang trút xuống, từng chút... từng chút một. Và tôi chưa sẵn sàng để mất thu trước khi tôi hiểu được thu

Lá ơi đừng vội vàng rơi
Để ta được chút thảnh thơi đón mùa
Êm êm tròn mộng thu cho

Hãy để tôi nhặt chúng lên. Hãy để tôi giữ chúng trong tay đủ lâu để hàn gắn những gì đã vỡ vụn trong tôi, để khâu lại những vết thương vô hình, để tạo nên một điều gì đó trọn vẹn từ nỗi đau âm thầm này. Có lẽ khi đó, khi chiếc lá cuối cùng rơi xuống và cành cây trơ trụi, tôi sẽ không còn cảm thấy trống rỗng nữa. Có lẽ khi đó, tôi sẽ học được cách ở lại.

Xin kéo thời gian thu chậm qua
Cho đêm mê mãi ngắm trăng già
Vương hồn hoang lạc tình năm cũ
Ôm giữ trọn đời tóc điểm pha

Ai lá tình thu! Chợt vương sang
Nâng niu ấp ủ nắng ươm vàng
Cho vào túi áo bên ngực trái
Tựa vào tim phải khẽ yêu ai!
(Ai Lá Tình Thu)

Kim Oanh
Mùa Thu 2026



Luận giải về trí khôn nhân loại đầu tiên được các triết gia khai thác, rồi đến các nhà thiên nhiên học, dần dà lôi kéo luôn các nhà logic học, tâm lý học, sinh học, sinh hóa học, tâm não học (neuroscientifique), vật lý học, tạo thành một tập thể các nhà khoa học. Các luận giải đặt con người vào diễn trình tiến hóa của loài người (phylogenèse) từ tạo thiên lập địa (3,6 tỷ năm), từ khi trái đất bắt đầu có sự sống ở các vi-sinh-vật (bactéries) và các rong xanh (cyanobactéries) là các sinh vật đơn bào có thể sản xuất ra oxy bằng sự quang hợp. Rồi lồng vào đó là diễn trình phát triển (ontogenèse) của trẻ em từ 0-2 tuổi cho tới khi trưởng thành (khoảng 25 tuổi). Sau cùng khoa học thêm vào phần "vi-sinh nhận thức" (microgenèse cognitive) tương quan với khoảng thời gian rất ngắn của sự học hỏi hay giải quyết một công việc phải làm của não bộ trong suốt đời sống, thời gian có thể là tháng, ngày, giờ, phút cho tới một phân đoạn của giây.

Trí khôn con người không phải xuất hiện một cách thình lình, mà là thành quả tập hợp của những biến đổi thuộc sinh học, nhận thức và xã hội trong dòng giống loài người.

1- Dòng giống con người đầu tiên xuất hiện khoảng 7-4 triệu năm với những đặc tính là đi trên 2 chân, nhờ vậy 2 tay được tự do để sử dụng đồ dùng về sau. Sọ não gần với giống Tinh Tinh (chimpanzés), khoảng 350-400 cm3. Sự thông minh rất gần với những loài khỉ lớn.

2- Giống Vượn Phương Nam (Australopithèques, như giống Lucy) xuất hiện khoảng 4-2 triệu năm với đặc tính đi trên 2 chân vững hơn. Sọ não lớn hơn khoảng 400-500 cm3. Khả năng nhận thức có thể sử dụng đồ dùng thô sơ và tổ chức xã hội phức tạp hơn.

3- Chủng Loại Người (Homo) xuất hiện khoảng 2,8 triệu năm với người Khéo Léo (Homo Habilis); có đặc tính sản xuất những dụng cụ bằng đá. Sọ não lớn khoảng 600-700 cm3. Khả năng có thể lên kế hoạch đơn giản và truyền đạt những kỷ thuật văn hóa.

4- Người Đứng Thẳng (Homo Erectus) xuất hiện khoảng 1,9 triệu-300.000 năm với đặc tính chế ngự được lửa. Sọ não khoảng 900-1.100 cm3 ; đồ dùng phức tạp hơn và di cư khỏi Phi Châu. Trí thông minh gắn liền với sự liên đới xã hội, tổ chức săn bắn và sự truyền thông hoàn chỉnh hơn.

5- Nhiều giống người khác nhau xuất hiện khoảng 400.000-40.000 năm: người Néandertal, người Tinh Khôn (Homo Sapiens), người Denisova, người Flores… với đặc điểm là chế tạo nhiều dụng cụ chuyên biệt, săn sóc bịnh nhân, có ngôn ngữ rõ ràng và nghi lễ tang chế.

Hiện nay chỉ còn lại giống người Tinh Khôn thôi với những đặc điểm có ngôn ngữ bằng những ký hiệu phức tạp, ý nghĩ trừu tượng, truyền đạt văn hóa tích lũy, sọ não nở rộng khoảng 1.350 cm3.

Trí khôn con người không phải chỉ tùy thuộc thể tích của sọ não mà còn ở tổ chức của hệ thần kinh, sự phát triển của xã hội và sự tích lũy của văn hóa.

Lịch sử luận giải về trí khôn nhân loại bắt đầu với **Aristote** (384-322 TCN). Ông nói những năng lực của nhận thức đến từ "Linh hồn", hiện hữu trong tất cả các sinh vật: trong cây cỏ với hình thức dinh dưỡng và phát triển, trong thú vật với khả năng cử động và tri giác thêm vào những cái trên đây, trong con người với khả năng suy nghĩ và lý luận. Thế giới của Aristote là một hệ thống sinh vật cố định, tạo ra bởi Thượng Đế trong một vũ trụ vĩnh cửu (như vũ trụ của Socrate và Platon), không như một thế giới biến đổi, tiến hóa như các nhà thiên nhiên học khám phá sau này.

Cùng thời với các Triết gia này, **Đức Thích Ca Mâu Ni** cho rằng Trí Tuệ phát sinh từ : *Biết cho đúng nhờ các giác quan, Hiểu cho rõ nhờ tri-giác (perception), Kiến thức sâu rộng nhờ học hỏi và ghi nhớ (Trí Văn), Suy nghĩ cho kỹ nhờ lý luận (Trí Tư), Thực hành cho đúng phương pháp nhờ nội quán (Trí Tu).*

Đến **Georges-Louis de Buffon** (1707-1788): là nhà thiên-nhiên học, toán học, vũ trụ học đã viết ra một tác phẩm vĩ đại «Lịch sử thiên nhiên tổng quát và đặc thù» với 36 quyển đã ảnh hưởng đến các nhà khoa học về thiên nhiên sau này. Ông đưa ra quan điểm: lịch sử thiên nhiên ở ngoài đức tin tôn giáo.

Đến **Jean Baptiste de Lamarck** (1744-1729), người thay thế Buffon điều khiển Bảo Tàng Thiên-nhiên tại Paris đã đưa ra học thuyết tiến hoá biến đổi của các sinh vật có tính cách máy móc duy vật:

a)- Cơ thể sinh vật trở nên phức tạp dưới ảnh hưởng của cơ chế bên trong là sự biến dưỡng.

b)- Chúng thay đổi khác nhau, chuyên biệt hóa dưới ảnh hưởng của cơ chế bên ngoài là sự thích ứng với môi trường và hoàn cảnh. Theo ông sự biến đổi này được truyền lại cho những thế hệ sau nhờ sự lưu truyền các đặc tính thụ đắc được (acquis).

Sau tới nhà Thiên-nhiên học người Anh **Charles Darwin** (1809-1882) tỏ lòng kính phục Lamarck, tuy nhiên đã xét lại toàn bộ lý thuyết của ông. Trong quyển «Nguồn gốc các giống nòi», Darwin đưa ra giả thuyết về một cơ chế tổng quát, được chấp nhận hiện nay là sự chọn lọc tự nhiên các giống nòi dựa trên 2 nguyên tắc:

a)- Sự thay đổi các đặc tính, thế hệ này tiếp nối bởi thế hệ sau (mà nguồn gốc di-truyền của sự thay đổi bấp bênh này, theo Darwin chỉ sẽ được hiểu với các định luật Mendel)

b)- Sự chọn lọc do sự sống còn (tồn tại) và sinh sản cho những giống nào thích ứng nhất với môi trường sống của chúng.

Đối chiếu 2 học thuyết trên, ta thấy sự khác biệt sau dây:

*Với Lamarck:

-nguồn gốc sự biến đổi do nhu cầu thích ứng với môi trường

-cơ chế chính của biến đổi do sự sử dụng hoặc không sử dụng các cơ quan

-sự lưu truyền: những đặc tính thụ đắc không phải do di truyền

-vai trò của cá thể: tích cực, tự biến đổi

-thí dụ: cổ của con hưu cao cổ dài ra để thích ứng với hoàn cảnh.

*Đối với Đarwin thì khác hơn :

-nguồn gốc sự biến đổi: do tình cờ tự nhiên giữa các cá thể

-cơ chế chính do sự chọn lọc tự nhiên

-sự lưu truyền: chỉ có những đặc tính di truyền mới được truyền lại thôi

-vai trò của cá thể: thụ động do thiên nhiên chọn lọc.

-thí dụ: những con hưu có cổ dài sống tồn tại hơn

Khoa học ngày nay chấp nhận lý thuyết của Darwin với những bổ túc của môn di truyền học hiện đại. Lý thuyết của Lamarck đa phần bị phủ nhận dù ràng những hiện tượng ngoại-di-truyền (épigénétique) có nhắc tới sự di-truyền liên hệ với hoàn cảnh, nhưng không theo đúng ý tưởng của Lamarck.

Để nghiên cứu trí khôn con người, các nhà bác học tây phương thấy cần phải có những phòng nghiên cứu tâm-lý-học thực nghiệm, cho nên ở Anh Quốc năm 1884, tạo ra phòng đo lường nhân học (anthropométrie); ở Đức có phòng thí nghiệm Leipzig đo lường thời gian phản ứng tâm lý đã suy diễn ra nhiều định luật về hành xử có liên hệ chặc chẽ với những định luật về tâm thức. Do đó nên môn Tâm-vật-lý (psycho-physique) trở thành Thần-kinh Vật-lý (neurophysique). Pháp có phòng Tâm-lý-học thực nghiệm, ở Đại học Sorbonne 1889 với những máy móc tối tân điều khiển bởi Binet từ năm 1895, là nhà tâm-lý-học Pháp nổi tiếng thế giới.

Đến thế kỷ XX, các nhà khoa học hướng vào nghiên cứu sự tiến hoá của trí khôn con người từ thai bào đến tuổi trưởng trưởng thành (ontogenèse).

Alfred Binet (1857-1911) cùng với **Théodore Simon** lần đầu tiên đưa ra trắc nghiệm trí khôn để nhận diện những đứa trẻ có những khó khăn trong học vấn nhằm trợ giúp chúng. Trắc nghiệm này gồm có nhiều mức độ khác nhau tùy theo tuổi và đo lường nhiều khả năng tinh thần: sự hiểu, trí nhớ, lý luận, chú tâm, ngôn ngữ… Trắc nghiệm này đưa ra ý niệm về tuổi tinh thần và dẫn tới chỉ số thông minh (QI: quotient intellectuel)

Vài năm sau, tâm lý gia Đức **William Stern** (1871 -1938) đưa ra chỉ số thông minh bằng công thức QI= tuổi tinh thần/ chia cho tuổi thật X 100. Theo đó Trí Khôn trung bình là 100 (+/- 15 hoặc 30 tùy theo tiêu chuẩn)

Ở Hoa Kỳ, theo thời gian với sự tiến bộ của kỷ thuật các nhà khoa học đưa ra nhiều trắc nghiệm chuyên biệt và chính xác hơn:

-Charles Edward Sperman (1863-1945) phân tích những yếu tố tạo thành trí khôn và đưa ra lý thuyết "yếu tố G" gọi là Trí khôn Tổng Quát (intelligence générale)

-Louis Thurstone (1887-1955) phân biệt nhiều khả năng của trí não: con số, ngôn ngữ, không gian, trí nhớ, lý luận, vận tốc hành xử tri giác...

-David Wechsler (1896-1981) đưa ra nhiều chỉ số khác nhau: QIV (verbal, ngôn ngữ), QIP (performance, hiệu năng cao), QIT (total, tổng hợp) trong đó người ta đánh giá 5 chỉ số: sự thông hiểu ngôn ngữ, sự lý luận trôi chảy, những khả năng hiểu biết và sử dụng những thông tin hình sắc và không gian, trí nhớ hành sự, vận tốc xử lý các thông tin.

QI có ích lợi như là một công cụ đo lường những khác biệt giữa các cá nhân với những dấu chỉ ngày càng vi tế hiện nay, nhưng nó không định nghĩa được yếu tính của sự thông minh và đôi khi có cái nhìn hạn hẹp. Trong nhiều trường hợp các trẻ em có QI >130, rất thông minh, nhưng lại thất bại trong đường học vấn. Như vậy vấn đề là người ta không biết cách sử dụng công cụ đó. Theo GS Olivier Houdé, hàn-lâm-

viện sĩ Pháp về khoa học tinh thần và chính trị, cho biết là ở Pháp có nhà tâm-lý-gia lâm sàng Jeanne Siaud Facchin đã đóng góp đáng kể trong việc áp dụng cách sử dụng QI trong quyển sách "L'enfant surdoué, l'aider à grandir, l'aider à réussir/ Odile Jacob"

Giáo sư Binet, trước khi đưa ra trắc nghiệm Binet-Simon, có một nghiên cứu đặc biệt quan trọng, nhưng ít được biết đến, trong đó ông định nghĩa: Trí khôn là khả năng thích ứng nhờ ở sự chú tâm, đặc biệt là ở sự kiềm hãm, ức chế. Đối với ông, một người thông minh là người có khả năng chú tâm vào những gì thích đáng, giữ sự tập trung lâu bền để chống lại sự phân tâm và ông gắn sự thông minh với khả năng kiềm hãm để ngăn chận một hành động tức khắc thiếu suy nghĩ, một trả lời máy móc do xung động. Về sau GS Olivier Houdé sẻ khai triển ý tưởng này trong lý thuyết về trí khôn của ông trong quyển sách "Trí khôn nhân loại không phải là một thuật toán" (L'intelligence humaine n'est pas un algorithme/ Odile Jacob)

Sau Binet đến **GS Jean Piaget** (1896-1980) vừa là một Tâm lý gia vừa là một nhà Tri thức luận (épistémologue), do đó ông quan tâm đến tâm-lý-học của sự phát triển tri thức của trẻ em. Ông dùng phương pháp phỏng vấn và quan sát lâm sàng, đưa ra lý thuyết về sự phát triển thông minh của trẻ em theo từng giai đoạn liên tục từ 0 tuổi đến 16 tuổi:

1/- Giai đoạn cảm giác-vận động (từ 0 tới 2 tuổi):

-đứa trẻ khám phá thế giới xuyên qua các giác quan và hành động của chúng (thấy, sờ đụng, nắm giữ...)

-nó phát triển ý niệm sự vật hiện hữu thường trực, ngay cả khi không thấy sự vật, với hành động nó có thể khám phá lại sự vật, nắm bắt sự vật và đem về với nó. Đó là nguyên tắc căn bản để kiến tạo sự thật.

2/- Giai đoạn chuẩn bị (2-7 tuổi) :

-từ 2 tuổi, trí khôn trở thành «biểu hiệu» hay «tiêu biểu» (symbolique ou représentative, có khả năng tượng hình trong đầu). Từ tuổi này phát khởi rõ ràng ý tưởng biểu trưng: như trò chơi dùng trái chuối giả làm điện thoại, dùng hình vẽ, ngôn ngữ. Hai sinh hoạt cuối này giúp đứa trẻ diễn tả lại hay hình dung lại những biến cố trong cuộc sống. Đó là bước tiên hoá vượt trội so với những loài vật khác.

3/- Giai đoạn hành sự cụ thể (7-12 tuổi)

-Trẻ em có thể lý luận hợp lý, nhưng trên những trường hợp cụ thể.

-Nó hiểu được những ý niệm như:

*sự bảo toàn số lượng, khối lượng, con số,

*sự chuyển đổi (hành động có thể bị hủy bỏ)

*sự phân loại và xếp thành lớp

-Nó bớt coi mình là trung tâm của vũ trụ.

4/- Giai đoạn những hành sự hình thức (12 tuổi-trưởng thành)

-Xuất hiện tư tưởng trừu tượng và cách lý luận *suy diễn-giả thuyết* (hypothético-déduction)

-Đương sự có thể:

*suy luận trên những ý tưởng vừa cụ thể, vừa trừu tượng

*đạt ra những giả thuyết và làm thử nghiệm

*suy nghĩ trên những khái niệm về công lý, tự do hay đạo đức.

-Đó là nền tảng của tư tưởng khoa học và triết học hiện nay.

Nói tóm lại sự phát triển trí khôn tiến hành liên tục theo giai đoạn, mỗi giai đoạn có cấu trúc chặt chẽ, với những đặc tính rõ ràng và sự phát triển có tính chất phổ quát chung cho tất cả các trẻ em. Theo GS Jean Piaget sự phát triển nhờ ở 2 cơ chế:

+sự thâu nhập (assimilation): góp nhặt những hiểu biết mới vào những sơ đồ có sẵn.

+sự điều chỉnh (accommodation) cho thích hợp các sơ đồ để thích ứng với hoàn cảnh mới.

Đến sau Piaget, **GS Olivier Houdé**, đã từng làm giám đốc phòng thí nghiệm Tâm-lý-học thực nghiệm ở Sorbonne (từ 1998 đến 2018), đã không đồng ý với GS Piaget như sau:

-cái đáng phê bình nhất đối với Piaget là quan niệm về sự phát triển tinh thần theo "kiểu nấc thang", nghĩa là tăng dần theo từng giai đoạn liên tục tiếp nối. Hơn nữa sự phân cấp và tính đồng bộ của những thao tác trí tuệ không được kiểm chứng trong thực tại (những phần việc xảy ra trong cùng giai đoạn không đồng nhất thành công với các trẻ em); một nghịch lý được tìm thấy là có những tài năng xảy ra sớm cũng như những bất tài xảy ra trễ hơn.

-Một mặt Piaget không biết tới những ấu nhi có những khả năng tinh thần khá phát triển, không thể rút gọn vào sự vận hành của cảm giác-vận động, như những dạng lý luận trên xác xuất từ các mẫu thống kê (cũng như những thuật toán, algorithme, khác nhau hoặc các hiểu biết nền tảng về vật lý và logic-toán học)

-Cũng như đối với những con số, các ấu nhi và trẻ em có những thuật toán thị giác về tính bất biến của con số so với chiều dài (từ tuổi vài tháng), cũng như những nguyên tắc đếm số, theo thuật toán logic-ngôn ngữ (từ 3 tuổi), tuy rằng chúng còn bị thất bại cho tới 6 tuổi trong việc nắm giữ con số, không đúng theo ý kiến của Piaget. Ngày nay người ta biết rằng khả năng tri giác về con số phát triển sớm nằm trong "luống trong thành" (sillon intrapariétal, SIP) của óc não ấu nhi và trẻ em.

-Mặt khác, ngược với khả năng lý luận xuất hiện sớm, sự phát triển trí khôn về sau cho tới vị-thành-niên và tuổi trưởng thành bị đánh dấu bởi những sai lầm về lý luận, những sai lệch nhận thức và ngữ nghĩa, bao gồm cả những tụt hậu hay những thoái hóa không được tiên đoán bởi Piaget. Thay vì phát triển theo đường thẳng từ cảm giác-vận động tới lý luận trừu tượng không suy suyển theo những bậc thang lũy tiến. Sự thật trí khôn của bộ não tiến triển một cách kỳ quặc và gút mắc, nghĩa là không thẳng đường.

Tiếp đến GS Olivier Houdé đưa ra lý thuyết của ông: Thông minh không phải là tích tụ kiến thức, mà

là khả năng kiềm hãm, ngăn chận những trực cảm (intuition), chúng rất nhanh lẹ, nhưng thường sai lạc. Trí não con người phát sinh những trả lời tự động, sai lệch, nên thông minh là phải chế ngự những tự động đó, để kích hoạt sự lý luận có suy nghĩ.

Ông mô tả sự vận hành của nhận thức qua 3 hệ thống:

1)- Hệ thống 1 (khám phá, phát hiện/ heuristique)

*nhanh nhẩu, tự động, trực cảm (intuition)

*hữu ích, nhưng thường sai lầm

2)- Hệ thống 2 (luận lý, thuật toán/ algorithmique)

*chậm chạp, suy xét, phân tích

*giúp suy luận đúng

3)-Hệ thống 3 (kiềm hãm, ức chế)

*phân xử giữa 2 hệ thống trên,

*ngăn chận những trực cảm sai lầm để cho hệ thống 2 hành động.

Thông minh nằm ở hệ thống 3 chớ không hẳn ở hệ thống 2. Ý tưởng này gần giống với lý thuyết của tâm-lý gia **Daniel Kahneman**, đoạt giải Nobel về kinh tế năm 2002, nhưng sự khác biệt là ông đưa ra 2 hệ thống:

1- Hệ thống 1: nhanh nhẩu, trực cảm, cảm xúc không cần cố gắng, nó được sử dụng một cách tự động, nhưng cũng giúp cho sự sáng tạo do những liên tưởng.

2- Hệ thống 2: chậm rãi, cần lý luận, chú tâm, giải quyết những vấn đề rắc rối. Hệ thống 2 có thể sửa đổi Hệ thống 1, nhưng nó thường lười biếng, bỏ qua những lầm lỗi. Ông nhấn mạnh trên những sai lệch nhận thức với mục đích chính là giải thích tại sao con người lý luận sai lầm.

Hai ông khác nhau về chiều hướng: Kahneman thì quan tâm đến tâm lý của sự phán đoán, đến sự sai lầm của quyết định theo một cái nhìn mô tả, người ta suy nghĩ như thế nào và tại sao lầm lẫn. Trong khi Houdé quan tâm đến trẻ con, sự học hỏi và mở mang trí tuệ, một cái nhìn giáo dục và phát triển: như vậy đó người ta trở nên thông minh hơn.

Đến cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, với sự phát minh các máy chụp quang tuyến và máy đo điện não tối tân, các nhà tâm-não-học (neuroscientifique) quan tâm nghiên cứu sự thông minh con người và đối chiếu với thông minh nhân tạo. Họ tìm cách trả lời câu hỏi trọng tâm là bằng cách nào những khả năng trừu tượng nổi lên từ não bộ như: sự suy luận, ngôn ngữ, toán học, ý thức. Họ đã phải phối hợp: những thí nghệm cách hành xử trên người thường, người bịnh hay bị thương tích; dùng máy móc IRMf (cộng hưởng từ chức năng), EEG (điện não ký), IRM de diffusion (cộng hưởng từ khuếch tán), TEP hoặc PET-Scan (chụp cắt lớp phát positon)... :

a/- Họ tìm hiểu nền tảng sinh học của trí khôn và thấy rằng:

-Tế bào nơ-rôn là đơn vị căn bản của não bộ, có khoảng 80 tỷ và mỗi nơ-rôn có 10.000 khớp kết nối với những nơ-rôn khác tạo thành nhiều hệ thống.

-Vai trò của vỏ não tiền trán (cortex préfontal) trong lý luận và sự quyết định.

-Óc não có đặc tính nhu nhuyễn (plasticité), nghĩa là thay đổi do sự học hỏi và kinh nghiệm.

Kết quả họ có thể phân vùng óc não, như **GS Stanislas Dehaene** chứng minh những vùng chuyên biệt về ngôn ngữ hoặc toán học.

b/- Nền tảng phổ quát của thông minh là hiểu các con số, sự trực giác về con số gần như bẩm sinh, hiện hữu nơi những ấu nhi và ở các cộng đồng thất học. Vùng não chuyên biệt về khả năng này nằm ở thùy Đỉnh (lobe pariétal). Ta có thể kết luận là toán học không phải tùy thuộc vào văn hóa, mà tùy vào nền tảng sinh học.

c/- Ngôn ngữ của tư tưởng: gần đây GS Dehaene đưa ra một ý kiến mạnh mẽ là trí khôn nhân loại dựa trên những ngôn ngữ nội tại, giống như một mã số của tin học (code informatique). Những ngôn ngữ này giúp cho sự nhồi nén thông tin, để biểu hiện cho những cấu trúc phức tạp hơn (toán số, âm nhạc, hình dạng) và tạo ra những nguyên tắc trừu tượng. Cũng như muốn hiểu và sử dụng những con số, não bộ đưa ra 3 loại mã:

*mã loại suy (code analogique) để phỏng đoán số lượng,

*mã ngôn ngữ (code verbal) tương ứng với dạng chữ viết của con số

*mã hình dạng con số arabe (1,2,3...) để đọc, viết, làm toán.

d/-Vai trò của di-truyền và môi trường:

Trí thông minh không phải chỉ được qui định bởi sự di truyền, mà còn bởi môi trường hay đúng ra là bởi sự tương tác giữa di truyền và môi trường: giáo dục, dinh dưỡng, và kinh nghiệm ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển trí khôn. Môn tâm-não-học xã hội nghiên cứu tác động của bối cảnh văn hóa.

e/- Ngành tâm-não-học quan tâm đến cách vận hành của từng hệ thống các nơ-rôn và họ so sánh với các hệ thống "nơ-rôn nhân tạo" trong thông minh nhân tạo (IA), họ phân tách vận tốc và hiệu năng của sự xử lý các thông tin. Họ thấy rõ thông minh con người uyển chuyển (flexible), có thể thích ứng (adaptable) và sáng tạo hơn, Thông minh nhân tạo có hiệu năng hơn trong việc tính toán nhanh lẹ và trong sự phân tích các 'khối dữ liệu lớn' (big data). Óc não con người học hỏi nhanh với những dữ liệu ít và làm việc rất ít hao tốn năng lượng.

f/- Stanislas Dehaene và Jean Pierre Changeux đưa ra lý thuyết về "khoảng hoạt động toàn bộ của óc não". Lý thuyết này rất quan trọng, là kết quả 15 năm làm việc của cả nhóm. Theo đó não bộ có hàng vạn các bộ phận xử lý (processeurs) làm việc chuyên biệt, tự động và vô thức ở rải rác trong vỏ não và trong các nhân dưới vỏ não. Trong khi đó ở tầng cao nhất của vỏ não, những bộ phận xử lý đó liên kết và trao đổi thông tin với nhau xuyên qua các hệ thống đông đảo các liên kết cách khoảng xa. Khi có một

thông tin được chọn lựa, nó lọt vào "khoảng hoạt động toàn bộ" và được truyền tải trong vùng tiền trán và thùy đính, rồi loan ra toàn bộ óc não. Theo lý thuyết này, ta gọi đó là "được ý thức", được lan rộng, có khả năng ảnh hưởng đến hành động tinh thần và vật chất, được nói đến, ghi nhớ, hồi tưởng; tóm lại được sử dụng trong mọi hành động và quyết định của chúng ta. Đó là sự thông minh trong cách xử lý các thông tin của bộ não con người, để có thể sử dụng những bài học quá khứ còn ghi chép lại trong ký ức của bộ não.

Trong 1980, nhà tâm lý học Mỹ **Howard Gardner,** GS Đại học Harvard về nhận thức và giáo dục, đã đưa ra lý thuyết về sự Thông minh Đa dạng đã làm đảo lộn tất cả những quan niệm trước đây. Theo ông có nhiều loại thông minh:

1.- *Thông minh Ngôn ngữ (intelligence linguistique)*

-là hình thức trí tuệ quan trọng nhất của loài người, là khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả (nghe, viết, nói, hiểu) mà khả năng này gắn liền với sự chú tâm (attention) và trí nhớ.

-Thông minh này thường thấy ở các văn-thi-sĩ, nhà báo, luật sư, sử gia, nhà phê bình văn học...

2.- *Thông minh Luận-lý Toán-học (Logico-mathématique)*

-là khả năng lý luận, tính toán, phân tích những vấn đề trừu tượng.

-thường thấy ở các nhà khoa học, toán học, kỷ sư, kinh tế gia, vật lý học

3.- *Thông minh Thị-giác Không-gian (int. Spatiale)*

-là khả năng nhận diện một vật thể hay hình thể xuất hiện trước mắt trong mọi chiều kích không gian hai chiều hay ba chiều, khả năng biến đổi hình thể, khả năng tạo ra một hình ảnh biểu tượng...

-thường thấy ở kiến trúc sư, thiết kế kiểu mẫu, phi công, họa sĩ, nhiếp ảnh gia, qui hoạch phong cảnh, thiết kế đô thị, đạo diễn...

4.- *Thông minh Cảm giác Thể vận (int. Corporelle-kinesthésique)*

-là khả năng phối hợp giữa Thân và Tâm để giúp làm cho cử động của thân trở nên chính xác, kể cả những cử động vi tế của bàn tay để sử dụng các dụng cụ

-thường thấy ở các vũ công, nhà thể thao, nhà làm xiệc, nhà giải phẫu, nhà điêu khắc, thủ công nghiệp, diễn viên kịch nghệ, màn ảnh, nhạc sĩ...

5.- *Thông minh Âm nhạc (int. Musicale)*

-là khả năng nhạy bén trong việc nhận diện 4 yếu tố của âm nhạc: giai điệu, nhịp điệu, âm sắc, âm điệu (mélodie, rythme, timbre, tonalité).

-thường thấy ở các nhạc sĩ, ca sĩ, nhà điều khiển âm nhạc, kỹ sư âm thanh...

6.- *Thông minh Nội cá-thể (int. Intrapersonnelle)*

-là khả năng một cá nhân nhận diện được tình cảm, cảm xúc và thâm nhập được đời sống nội tâm của chính mình.

-thường thấy ở các văn-thi-sĩ, triết gia, tâm lý gia, thiền gia...

7.- *Thông minh Liên cá-thể (int. Interpersonnelle)*

-là khả năng một cá nhân có thể nhận diện được qua một người khác tánh tình, cảm xúc, ý định, ước muốn, ngôn ngữ hình thể (không lời).

-thường thấy ở nhà giáo dục, quản trị gia, tâm lý gia, lãnh tụ tôn giáo hay chính trị…

8.- *Thông minh Thiên nhiên (naturaliste)*

-là khả năng quan sát và hiểu rõ thiên nhiên

-thường thấy ở các nhà sinh học, thiên-nhiên học, nhà canh nông, nhà sinh thái học...

Sự mô tả phân loại này rất hữu ích cho việc giáo dục con người, nó khuyến khích phát triển những phương pháp giảng dạy đa dạng, nó giúp đánh giá những khả năng đặc biệt của những học sinh không giỏi trong những môn học thông thường.

Đến năm 1990, hai GS **Peter Solvey** và **John Mayer** lần đầu tiên đưa ra ý niệm "Thông minh Cảm xúc" được đo lường bằng Chỉ số xúc cảm QE (quotient émotionnel) theo đó người có chỉ số QE cao rất khôn ngoan khéo léo trong những phạm vi sau:

-họ có khả năng nhận diện những tình cảm và xúc cảm của mình và của người khác.

-họ biết chế ngự những xúc cảm của mình và có thể biểu hiện chúng một cách đúng đắn để không làm phiền lòng người khác

-họ biết chuyển hóa những xúc cảm tiêu cực của mình thành những tình cảm tốt đẹp như hoan hỉ, từ bi, buông xả.

-họ biết cảm thông với kẻ khác (empathie)

-họ biết điều hoà sự liên hệ giao tiếp với những người chung quanh.

Làm sao để phát triển thông minh cảm xúc?

A/ Trước hết phải tìm hiểu thế nào là cảm xúc, có bao nhiêu loại và những hình thái biểu hiện của mỗi loại từ nhẹ tới mạnh

*- Cảm xúc là một phản ứng vật thể và tâm lý của con người, có đặc tính phổ quát nhưng chóng qua, trước một tình huống bất ngờ như sự kinh sợ chẳng hạn

*- Có 6 loại cảm xúc căn bản: sợ hãi, tức giận, lo âu, vui mừng, buồn rầu, kinh tởm.

*- Mỗi loại cảm xúc biểu hiện qua nhiều mức độ khác nhau từ yếu đến mạnh. Thí dụ về sự tức giận: bực bội, bức xúc, bực tức, phẫn nộ, giận dữ, tức hộc máu, hận thù… Nên biết nhiều danh từ diễn tả những trạng thái cảm xúc khác nhau để nhận diện, chỉ định cho đúng.

B/ Rèn luyện sự nội quán, nghĩa là quay cái nhìn vào bên trong để quan sát những gì xảy ra bên trong thân và tâm của mình. Ví dụ khi tức giận mặt nóng lên, tim đập nhanh, ngực căng nặng, hơi thở dồn dập, tâm bất ổn, bực bội...

C/ Chế ngự những xúc cảm tiêu cực, hầu hết các xúc cảm đều tiêu cực, trừ sự vui mừng:

*- Suy nghĩ tìm nguyên nhân gây ra các cảm xúc, nhiều khi chỉ là sự hiểu lầm, hay sự diễn dịch sai lầm của đối phương hay của chính mình.

*- Biết lắng nghe hơn là đối đáp, đôi chối.

*- Biết dừng lại đúng lúc hơn là giành nói lời cuối.

Nhà tâm lý học **Daniel Goleman**, một chuyên viên nổi tiếng về EQ đã viết: *«Nếu không có khả năng chế ngự cảm xúc, nếu không biết mình, nếu không quản trị được những cảm xúc tiêu cực, nếu thiếu sự cảm thông thì dù bạn có thông minh đến mấy đi nữa cũng sẽ thất bại mà thôi».*

D/ Xây dựng thái độ và cách ứng xử tích cực:

*- Phát triển những tư tưởng đứng đắn, chân xác, thấy «sự vật đúng như nó là như vậy» không dựa trên bất cứ một thành kiến hay giáo điều tín ngưỡng nào.

*- Thiết kế những mục tiêu rõ ràng, hứng thú, dễ thực hiện, dễ đánh giá.

*- Chấp nhận và biết rút tỉa bài học từ những thất bại để điều chỉnh phương tiện, sách lược.

*- Biết vui thích với những thành công ở mỗi giai đoạn thực hiện.

E/ Phát triển sự cảm thông, lòng từ bi và tha thứ:

*- Chấp nhận ý kiến và quan điểm khác biệt

*- «Nhân vô thập toàn» ngay cả đối với chính mình

G/ Phát triển khả năng nhận diện, quan sát đối phương và môi trường chung quanh.

*- Biết quan sát tình cảm, cảm xúc người khác.

*- Biết diễn dịch ngôn ngữ thân thể (cử chỉ, nét mặt, dáng điệu...)

*- Gia nhập và sinh hoạt trong một cộng đồng để áp dụng những điều trên.

KẾT LUẬN

Chúng ta đã điểm qua lịch sử tiến hoá của Trí Khôn con người. Chúng ta rút ra được vài nhận xét quan trọng sau đây:

-Trí khôn con người không phải xuất hiện một cách thình lình, mà là thành quả tập hợp của những biến đổi thuộc sinh học, nhận thức và xã hội. Nó không phải chỉ tùy thuộc thể tích của sọ não mà còn ở tổ chức của hệ thần kinh, sự phát triển của xã hội và sự tích lũy của văn hóa.

-Theo Darwin cơ chế của sự biến đổi này do sự chọn lọc thiên nhiên và chỉ có những đặc tính di truyền mới được lưu truyền lại thôi.

-Chỉ số thông minh QI có ích lợi để nhận diện những đứa trẻ gặp khó khăn trong học vấn nhằm giúp đỡ chúng, nhưng phải biết cách sử dụng, nếu không nó trở thành vô ích.

-Theo GS Binet: Trí khôn là khả năng thích ứng nhờ ở sự chú tâm vào những gì thích đáng, giữ sự tập trung để chống lại sự phân tâm và đặc biệt là ở sự kiềm hãm ức chế để ngăn chận một hành động tức khắc thiếu suy nghĩ.

-GS Olivier Houdé đưa ra lý lẽ: thông minh không phải là sự tích tụ kiến thức, mà là khả năng kiềm hãm, ngăn chận những trực cảm (intuition), rất nhanh lẹ, tự động, nhưng thường sai lạc, nên thông minh là phải chế ngự những tự động đó, để kích hoạt sự lý luận có suy nghĩ.

-Đến cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, các nhà tâm-não-học tìm hiểu nền tảng sinh học của trí khôn và quan tâm đến cách vận hành của từng hệ thống các nơ-rôn, họ so sánh với các hệ thống "nơ-rôn nhân tạo", họ thấy rõ thông minh con người uyển chuyển (flexible), có thể thích ứng (adaptable) và sáng tạo hơn. Thông minh nhân tạo có hiệu năng hơn trong việc tính toán nhanh lẹ và trong sự phân tích các "khối dữ liệu lớn" (big data). Óc não con người học hỏi nhanh với những dữ liệu ít và làm việc rất ít hao tốn năng lượng.

-Nhà tâm-lý-học Mỹ Howard Gardner đưa ra lý thuyết về sự thông minh đa dạng gồm có 8 loại thông minh rất hữu ích cho sự giáo dục đa dạng cho con người.

-Cuối cùng GS Peter Solvey và GS John Mayer đưa ra ý niệm về thông minh xúc cảm rất quan trọng trong sự biết mình, biết người, biết chế ngự những cảm xúc tiêu cực, biết phát triển sự cảm thông, lòng từ bi và tha thứ.

TUỆ THIỆN
12-06-2026

Sách tham khảo

1- Giải mã Siêu Trí Tuệ/ Vishen Lakhiani/ Nguyệt Minh dịch/ nxb Công Thương

2- Luật Tâm Thức/ Ngô Sa Thạch/ nxb Lao Động

3- La plus belle histoire de l'intelligence/ Stanislas DE-HAENE, Yann LE CUN, Jacques GIRARDON/ Points

4- L'intellignece humaine n'est pas un algorithme/ Olivier Houdé/ Odile Jacob

5- Le raisonnement/ Olivier Houdé/ Que sais-je?

6- Système1 Système2/ Daniel Kahneman/ Clés des Champs

7- Les pouvoirs cachés de votre cerveau/ John Medina/ Leduc.s Éditions

8- Les formes de l'intelligence/ Howard Gardner/ Odile Jacob

9- L'intelligence émotionnelle/ Daniel Goleman/ Robert Laffont

10- L'homme neuronal/ Jean Pierre Changeux/ Pluriel

11- Le Code de la conscience/ Stanislas DEHAENE/ Odile jacob

12-Les Mystères de la Conscience/ Miriam Gablier/ Hachette Livre

13- Sự Khôn ngoan theo Phật Giáo/ Tuệ Thiện/ thuvienhoasen.org

14-Trí Tuệ trong Phật Giáo/ Tuệ Thiện/ thuvienhoasen.org

Sau lễ động thổ Dự án Kênh Funan Techo Cách đây 2 năm, Cần một tầm nhìn mới: từ "một công trình" sang "một hệ thống" thủy văn ảnh hưởng trên toàn lưu vực



Ngô Thế Vinh

***Lời dẫn nhập**: Hai năm sau lễ động thổ ngày 5 tháng 8 năm 2024, Kênh Funan Techo vẫn đang được thi công theo từng đoạn, chưa hoàn thành toàn tuyến khoảng 180 km. Tác giả phân tích rõ dự án không chỉ là tuyến giao thông đường thủy đơn thuần mà còn là công trình điều tiết nước đa mục tiêu, có nguy cơ ảnh hưởng đến chế độ lũ, phân phối phù sa và xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt, dự án đã vi phạm nghiêm trọng Điều 5 của Hiệp định Mekong 1995. Cam Bốt đã cố tình xếp kênh Funan Techo vào nhóm "dự án trên dòng nhánh" để chỉ phải làm thủ tục Thông báo đơn giản, thay vì thực hiện thủ tục Tham vấn trước (Prior Consultation) bắt buộc theo quy trình PNPCA. Thực tế, kênh kết nối trực tiếp với sông Mekong và sông Bassac – hai nhánh mang nước dòng chính – và chuyển nước ra Vịnh Thái Lan. Việc né tránh Điều 5 không chỉ làm suy yếu cơ chế hợp tác của Ủy hội sông Mekong (MRC) mà còn mở ra nguy cơ các quốc gia khác noi theo, phá vỡ nguyên tắc sử dụng nước công bằng và hợp lý trên toàn lưu vực. Thủ tướng Hun Manet xem con kênh này như món quà sinh nhật dành cho cha mình và là di sản mới của Vương quốc Khmer, thậm chí được so sánh với Đại Vận Hà của Trung Quốc. Tuy nhiên, bài viết cũng đặt ra câu hỏi về chi phí thực tế mà người dân Cam-puchia phải gánh chịu, cũng như nguy cơ làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ Việt – Cam Bốt. Bài viết kêu gọi một tầm nhìn mới: từ "một công trình" sang "một hệ thống thủy văn" liên kết, đồng thời đòi hỏi Campuchia tuân thủ đúng Điều 5, công bố đầy đủ dữ liệu và thực hiện đánh giá tác động xuyên biên giới.* **Việt Ecology Press**

*

* *



***Hình 1: Lễ khởi công Phần II (Section II)** của **Dự án Kênh Funan Techo,** ngày 11 tháng 4 năm 2026 tại huyện Borei Chulsar, tỉnh Takeo, do Thủ tướng Hun Manet chủ tọa cùng Đại sứ Trung Quốc Vương Văn Bân (Wang Wenbin), trên thảm đỏ, hàng đầu từ trái là Đại sứ Trung Quốc tại Cam Bốt, Thủ tướng Hun Manet, và bên cạnh là Phó Thủ tướng Sun Chanthol, Phó Chủ tịch Hội đồng Phát triển Cam Bốt, phụ trách hạ tầng và đầu tư. [Nguồn: AKP /Agence Kampuchea Presse].*

*

Diễn tiến sau lễ động thổ và câu hỏi về tiến độ

Một câu hỏi nhận được từ bạn đọc là: *Dự án Kênh Funan Techo* của Cam Bốt hiện nay ra sao, đã tới giai đoạn nào, khi mà trong **Lễ khởi công chính thức diễn ra ngày 5 tháng 8, 2024 – cách đây đúng 2 năm** với quy mô rất lớn, được xem như một siêu Dự án, biểu tượng lòng kiêu hãnh của quốc gia Cam Bốt, mang nặng màu sắc dân tộc chủ nghĩa và di sản của gia đình họ Hun, **cùng với lời khẳng định là Kênh Funan Techo sẽ hoàn tất và đi vào hoạt động năm 2028.**



Hình 2: Lễ động thổ kênh Funan Techo *với tràn ngập cờ xí tại ngôi làng nhỏ Prek Takeo,* ***huyện Kien Svay, tỉnh Kandal ngày 05.08.2024****, cũng là ngày sinh nhật của Hun Sen, do con trai ông, nay là Thủ Tướng Hun Manet chủ tọa; phía trước khu nhà máy là dàn khẩu hiệu tiếng Khmer cực lớn: "Chúng tôi ủng hộ Kênh Funan Techo", đây là điểm khởi đầu của khúc kênh đào [(1)] dài hơn 20 km, lấy nước từ sông Mekong Hạ (Lower Mekong) là một dòng chính đầu nguồn sông Tiền trước khi chảy vào ĐBSCL, Việt Nam.* [nguồn: Khmer Times 05.08.2024]



Hình 3: *Sơ đồ Dự án Kênh đào Funan Techo. Con kênh Funan Techo (đường chỉ đỏ) lấy nước từ cả 2 phân lưu sông Mekong: Mekong Hạ đầu nguồn con sông Tiền (đường chỉ xanh nhạt) và sông Bassac (đường chỉ xanh đậm) là đầu nguồn của con sông Hậu khi chảy vào Việt Nam.* [nguồn: RFA]

Nay bước sang tháng 8/2026, **đã hai năm sau lễ động thổ Phần I (Section I),** có thể nói rằng **dự án Funan Techo Canal vẫn đang ở giai đoạn thi công từng đoạn**, chứ **chưa thực sự bước vào tổng thể công trình đào kênh trên toàn tuyến dài 180 km** như kế hoạch ban đầu. **Với tiến độ như hiện nay có thể tiên đoán rằng dự án đầy tham vọng ấy sẽ hoàn tất chậm hơn thời gian dự kiến.**

Các mốc triển khai chính trong hai năm đầu

Trong hai năm qua, có thể tóm tắt như sau:

- Sau lễ động thổ ngày 5.8.2024, theo Reuters, đến cuối năm 2024, địa điểm tổ chức lễ khởi công gần như chưa có hoạt động xây dựng nào đáng kể, trong khi phương án huy động vốn từ phía Trung Quốc vẫn chưa được xác định rõ ràng.

- Trong năm 2025, Cam Bốt và Trung Quốc đã đạt được các thỏa thuận tài chính và **mô hình BOT (Build-Operate-Transfer / Xây dựng – Sở hữu – Chuyển giao**), đồng thời tiến hành cắm mốc, đo đạc và chuẩn bị hậu cần. Trong giai đoạn đầu, chính quyền Phnom Penh từng cho biết doanh nghiệp Trung Quốc có thể tài trợ toàn bộ chi phí dự án. Sau đó, cơ cấu đầu tư được điều chỉnh theo hướng các nhà đầu tư Cam Bốt sẽ nắm 51%, còn phía Trung Quốc 49%.

- **Bước ngoặt xuất hiện vào tháng 4/2025, trong chuyến thăm** Cam Bốt **của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, hai bên ký thỏa thuận phát triển đoạn kênh dài 151,6 km với giá trị khoảng 1,2 tỷ USD.** Thủ tướng Hun Manet khi đó khẳng định công trình hạ tầng đó có ý nghĩa đối với chủ quyền kinh tế, năng lực hậu cần / *logistics* và sự phát triển dài hạn của đất nước Cam Bốt.

- Đến đầu năm 2026, một số khu vực dân cư dọc tuyến kênh chưa được giải tỏa, vẫn trong giai đoạn **thương lượng bồi thường đất đai**. Nay có thêm một **khoản cho vay ưu đãi của TQ trị giá 400 triệu USD nhằm xây dựng hệ thống âu tàu, thủy lợi và các cây cầu bắc ngang kênh.**

- **Ngày 11/4/2026,** cách đây 4 tháng, Cam Bốt tổ chức **lễ khởi công Phần thứ hai / Section II** của dự án tại huyện Borei Chulsar, tỉnh Takeo, do Thủ tướng Hun Manet chủ tọa buổi lễ cùng Đại sứ Trung Quốc Vương Văn Bân (Wang Wenbin). Nhà đầu tư và thi công là Liên doanh Cam Bốt và Trung Quốc, trong đó tập đoàn TQ CCCC (China Communications Construction Group) giữ vai trò quan trọng. Đây là phần lớn nhất của toàn bộ dự án.



Hình 4: *Thủ tướng Hun Manet và Đại sứ Trung Quốc tại Cam Bốt Vương Văn Bân (Wang Wenbin) tham dự* ***lễ khởi công*** *Phần II (Section II)* ***của*** *Dự án Kênh Funan Techo,* ***ngày 11 tháng 4 năm 2026****. [Nguồn: AKP /Agence Kampuchea Presse].*

- Cam Bốt bắt đầu triển khai Giai đoạn II (Section II) của dự án Quản lý tài nguyên nước tích hợp Funan Techo / *Integrated Water Resources Management (IWRM)*. Đoạn này có chiều dài khoảng 151,6 km kết nối từ tỉnh Kandal qua các tỉnh Takeo, Kampot ra đến biển Kep, cho thấy công trình không hề bị hủy bỏ mà vẫn được tiến hành theo từng công đoạn / *implementation in phases*, **nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thành toàn bộ siêu dự án vào năm 2028**. [Sic]

Riêng Phần thứ nhất / Section I chỉ dài khoảng 26 km, bắt đầu từ một nhánh sông Mekong Thượng tại huyện Kien Svay, tỉnh Kandal, là nơi từng được tổ chức lễ khởi công vào ngày 5 tháng 8, 2024, Phó Thủ tướng Cam Bốt Sun Chanthol cho biết công tác xác định ranh giới và kiểm tra bản đồ của đoạn đầu đã đạt một số kết quả. Nhà chức trách đã đánh dấu 155 ranh giới đất và dành gần 71 triệu USD cho hoạt động bồi thường tại khu vực này.

- Dự án FTC không chỉ đóng vai trò là tuyến giao thông đường thủy kết nối hệ thống sông của Cam Bốt với Vịnh Thái Lan, **công trình còn được kỳ vọng cung cấp nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; thúc đẩy hình thành các khu kinh tế, trung tâm hậu cần, bến cảng và mở rộng hoạt động du lịch tại những địa phương mà tuyến kênh đi qua.**

Thông tin được Bộ Thông tin Cam Bốt công bố ngày 27/5/2026 cho biết phần thứ hai có tổng mức đầu tư khoảng 1,17 tỷ USD và thời gian xây dựng dự kiến 36 tháng, tức là 3 năm, tính từ thời điểm khởi công tháng 4/2026, nghĩa là sẽ xong vào tháng 4/2029.



Hình 5: *Đồ họa kênh đào Phù Nam Techo do Bộ Giao thông Công chánh Cam Bốt công bố.* [Nguồn ảnh: Chính phủ Cam Bốt].

Vì sao mục tiêu hoàn thành năm 2028 khó khả thi

Như vậy mục tiêu hoàn thành toàn bộ dự án vào năm 2028 là hoàn toàn "không khả thi". Có ít nhất ba lý do:

1. Khối lượng xây dựng rất lớn

Công trình dài khoảng **180 km**, rộng 80 đến 100 m, sâu khoảng 5,4 m, kèm theo: nhiều cầu, các âu tàu (navigation locks), cống điều tiết, cảng, hệ thống hậu cần / logistics, giải tỏa khu cư dân / mặt bằng.

2. Nguồn vốn

Dù Bắc Kinh đã tái khẳng định sẽ hỗ trợ hoàn thành dự án, quy mô đầu tư và cơ chế tài chính **nhưng đã nhiều lần phải chỉnh sửa trong hai năm qua.**

3. Các vấn đề kỹ thuật và môi trường

Các chuyên gia của nhiều tổ chức nghiên cứu, trong đó có *Stimson Center*, cả MRC vẫn cho rằng còn thiếu dữ liệu minh bạch về: lượng nước lấy từ sông Mekong, tác động đến Đồng bằng sông Cửu Long, phương thức vận hành các âu tàu, tác động tới chế độ lũ và mất phù sa.

Nếu chỉ xét về **khía cạnh kỹ thuật xây dựng**, việc hoàn thành một tuyến kênh dài 180 km trong khoảng ba năm (2026 – 2029) đã là **rất khó**.

Xét về kinh nghiệm xây dựng dự án hạ tầng của Cam Bốt, đường cao tốc Phnom Penh – Sihanoukville hẹp, thấp hơn và không có shiplock phức tạp đã mất 3 năm 6 tháng.

Kịch bản được nhiều chuyên gia dự đoán: dự án sẽ phải lùi sang **2030 hay xa hơn**, hoặc hoàn thành từng công đoạn rồi kết nối, sau đó mới đưa toàn tuyến vào khai thác.

Ba câu hỏi lớn về tác động đối với ĐBSCL

Do mối quan tâm đến tác động của con Kênh đối với **Đồng bằng sông Cửu Long**, có ba câu hỏi đang gây tranh luận nhất:

1. Kênh Funan Techo có thực sự **làm giảm lưu lượng sông Mekong** chảy sang Việt Nam hay không?
2. Nó có **làm giảm phù sa** ở đồng bằng đến mức nào?
3. Ảnh hưởng của kênh này **so với 12 đập thủy điện trên dòng chính Mekong** ra sao?



Hình 6: *Đơn vị rà phá bom mìn chưa nổ dưới nước (UXO / Unexploded Ordnance) nhằm bảo đảm an toàn cho việc xây dựng con kênh đào Funan Techo.* [Khmer Times 26.02.2025]

Những tác động cần được nhìn trong toàn hệ thống sông Mekong

MỐI QUAN TÂM TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI ĐBSCL

Kênh Funan Techo không phải là một công trình giao thông đơn lẻ. Nó sẽ là một Dự án Phức hợp Đa Mục tiêu (Multi-Purpose Integrated Project) tác động lên một hệ sinh thái vốn đã rất mong manh của lưu vực Mekong.

Câu hỏi sẽ không đơn thuần là *"kênh này có làm ĐBSCL khô cạn đi hay không?"* **mà là *"nó sẽ cộng hưởng với tác động hiện có do chuỗi các con đập thượng nguồn đã có đến mức nào?"***

Có ba vấn đề cần tách riêng:

1. Lưu lượng nước: tác động có, nhưng chưa phải là lớn nhất

Về mặt thủy văn, Cam Bốt lập luận rằng lượng nước dùng cho vận tải chỉ khoảng **5 m³/giây**, rất nhỏ so với lưu lượng sông Mekong, nên ảnh hưởng gần như không đáng kể.

nhiên, nhiều chuyên gia tin chắc rằng **Funan Techo không chỉ đơn thuần là một kênh giao thông.**

Các tài liệu và phát biểu gần đây của phía Cam Bốt cho thấy dự án còn nhằm:

- tưới cho khoảng **300.000 ha đất nông nghiệp**;
- cấp nước sinh hoạt;
- phát triển đô thị;
- các khu công nghiệp dọc hai bên con kênh.

Như vậy, lượng nước lấy khỏi hệ thống hai con sông: sông Tiền và sông Hậu sẽ lớn hơn nhiều so với con số **5 m³/giây** phục vụ giao thông / navigation theo như tuyên bố ban đầu. Đây cũng là điều mà Stimson Center và cả MRC / Mekong River Commission cùng các nhà hoạt động môi sinh cho rằng cần được làm rõ bằng các nghiên cứu khả thi đầy đủ.

2. Điều đáng lo nhất không chỉ là "mất nước" mà là "mất lũ"

Đây là điểm ít được báo chí Việt Nam nhấn mạnh.

Các nhà nghiên cứu của Stimson Center cho rằng con kênh với hệ thống đê cao sẽ **thay đổi đường lan truyền của lũ mùa mưa**.

Đối với Đồng bằng sông Cửu Long, lũ không phải là thiên tai, lũ còn đem theo những lợi ích sống còn: phù sa, chat dinh dưỡng, cá going, nước ngọt, khả năng rửa mặn tự nhiên.

Nếu dòng lũ bị giữ hoặc đổi hướng ngay từ bên Cam Bốt, thì **các tỉnh đầu nguồn như: An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, sẽ nhận được ít lũ hơn. Điều đó kéo theo sản lượng thủy sản thiên nhiên giảm, lượng phù sa giảm và khả năng chống xâm nhập mặn sẽ yếu đi.**

Có thể nói, "**mất nước, mất lũ" sẽ là mối nguy cơ lớn nhất.**

3. Xâm nhập mặn

ĐBSCL "tự thân" đang chịu bốn sức ép:

- nước biển dâng,
- khai thác nước ngầm,
- giảm dòng chảy mùa khô.
- Xâm mặn

Nay nếu Funan Techo lấy thêm nước trong mùa khô, dù chỉ vài phần trăm, thì cũng có thể làm:

- nước mặn lấn vào sâu hơn,
- thời gian nhiễm mặn kéo dài hơn,
- các vùng trồng lúa và cây ăn trái chịu tổn hại lớn hơn.
- Phù sa về ít hơn

Cho đến nay chưa có mô hình quốc tế nào chứng minh chính xác mức độ tác hại sẽ là bao nhiêu, vì **Cam Bốt vẫn chưa chịu công bố báo cáo tác động môi trường chiến lược [Strategic Environmental Assessment (SEA) Report], đồ án thiết kế và quy trnh vận hành để các nhà khoa học kiểm chứng.**

Theo tôi, ĐBSCL hiện đang chịu tác động của **bốn yếu tố, hay có thể gọi là bốn biến số cùng lúc [four major variables acting simultaneously]:**

Tác nhân	Mức độ ảnh hưởng
Chuỗi đập thủy điện thượng nguồn Mekong	★★★★★
Biến đổi khí hậu, El Niño	★★★★★
Khai thác nước ngầm và sụt lún ĐBSCL	★★★★☆
Kênh Funan Techo	★★★☆☆ (chưa thể định lượng)

Nói cách khác: **Funan Techo có thể không phải là "nguy cơ duy nhất", nhưng có thể là "giọt nước làm tràn ly".**

Đó cũng là nhận định ngày càng xuất hiện nhiều trong giới nghiên cứu Mekong.

Trong nhiều năm theo dõi các vấn đề Mekong, tôi nhận thấy rất cần có **một cách nhìn mở rộng:**

- Khoảng năm 2000, khi xuất bản cuốn CLCD BĐDS đến năm 2020, sự chú ý tập trung vào những con **đập thủy điện dòng chính** thượng nguồn sông Mekong.

- Nhưng những năm sau đó, từ 2023, tôi cũng như nhiều chuyên gia bắt đầu quan tâm tới "**những biến số mới" và Funan Techo là một,** vì nó không chỉ liên quan đến **lượng nước**, mà còn có thể **làm thay đổi hình thái thủy văn vùng ngập lũ Cam Bốt, Đồng bằng sông Cửu Long, và Biển Hồ – một hồ nước ngọt được coi như lớn nhất thế giới mà tôi đã hơn một lần so sánh như là "trái tim sinh thái" của toàn lưu vực hạ lưu sông Mekong.**

Theo tôi, hiện nay không phải chỉ có các con đập dòng chính thượng nguồn, chúng ta sẽ phải mở rộng mối quan tâm tới **5 luận điểm lớn**.

I. Cảnh báo thứ nhất: "Đập thủy điện đang biến Mekong từ dòng sông tự nhiên thành dòng sông nhân tạo". Khi viết 2 cuốn sách CLCD BĐDS

và MKDSNM, nhiều người vẫn nghĩ các đập chỉ giữ và xả nước để phát điện.

Nhưng đến nay, đánh giá năm 2026, chúng ta đã thấy:

- dòng chảy theo mùa đã bị "làm phẳng";
- lũ về thấp hơn;
- mùa khô lại xuất hiện những đợt xả nước bất thường;
- nhịp sinh học của toàn lưu vực bị thay đổi.

Ngày nay, nhiều nhà thủy văn không còn dùng khái niệm "natural hydrograph" (đường biểu diễn dòng chảy tự nhiên) cho đoạn hạ lưu Mekong nữa.

II. Cảnh báo thứ hai: "Phù sa mới là tài sản quý nhất"

Hai mươi năm trước, nhiều người chỉ quan tâm đến **lượng nước**.

Nhưng ngày nay giới nghiên cứu đều thống nhất rằng:

Mekong không chết vì thiếu nước trước tiên.
Mekong chết vì mất phù sa.

Theo nhiều nghiên cứu, lượng phù sa về đồng bằng đã giảm rất mạnh do hệ thống các hồ chứa đập thượng nguồn giữ lại phần lớn trầm tích. Điều này góp phần làm gia tăng sạt lở bờ sông, bờ biển và suy giảm độ phì nhiêu tự nhiên của đồng bằng.

III. Cảnh báo thứ ba: Đồng bằng sẽ lún nhanh hơn nước biển dâng

Khi cuốn sách xuất bản, công chúng thường nói: "Biến đổi khí hậu sẽ nhấn chìm đồng bằng." Ngày nay các nhà địa chất lại nói:

Đồng bằng đang tự chìm xuống nhanh hơn mực nước biển đang dâng.

Nguyên nhân chính là:

- khai thác nước ngầm;
- thiếu phù sa bồi đắp;
- nền đất bị nén tự nhiên.

Hay nói cách khác:

ĐBSCL đang bị tấn công **từ dưới lên** (sụt lún) và **từ ngoài vào** (nước biển dâng).

Đây là điều ít người hình dung đầy đủ cách đây 15 đến 20 năm.

IV. Cảnh báo thứ tư: Funan Techo không phải chỉ là "một con kênh"

Đây là điểm mà tôi nghĩ cần **cập nhật** so với thời điểm cuốn sách được viết.

Nếu năm 2017 hay 2020 hỏi: **"Mối đe dọa lớn nhất là gì?"**

Tôi sẽ trả lời: 11 đập thủy điện dòng chính.

Nhưng tới năm 2026, sẽ phải là một trả lời khác với một tầm nhìn mở rộng:

"Mối đe dọa lớn nhất là không có một Hệ thống điều tiết nước của toàn hạ lưu Mekong". Và Funan Techo phải được coi là một mắt xích mới.

Điều rất rõ ràng và đáng chú ý là mục tiêu của dự án Funan Techo dường như đã mở rộng từ vận tải / navigation sang tưới tiêu / irrigation, với khả năng điều tiết nước và phát triển kinh tế nông nghiệp dọc hành lang kênh. Đồng thời, nhiều chuyên gia cho rằng hệ thống đê và âu tàu của kênh có thể làm thay đổi chế độ ngập lũ tự nhiên ở Cam Bốt và ảnh hưởng lan truyền xuống ĐBSCL nếu vận hành ở quy mô lớn.

Nói cách khác; Funan Techo không chỉ là con kênh vận tải / Navigation. Nó là một công trình vận hành nguồn nước. Đó là điểm khác biệt rất lớn so với những gì mà chính quyền Phnom Penh tuyên bố.

V. Cảnh báo thứ năm: Khủng hoảng lớn nhất là "Khung hoảng Quản trị Nước"

Đây là điều mà thời gian càng chứng minh rõ. Ngày nay vấn đề không còn đơn thuần là:

- Trung Quốc xây đập Lưu Vực Trên.
- Lào xây đập Lưu Vực Dưới
- Cam Bốt đào kênh Funan Techo.

Mà là:

Hiện nay, hoàn toàn không có "một cơ chế lưu vực đủ mạnh" để buộc các quốc gia chia sẻ dữ liệu, tham vấn và đánh giá tác động xuyên biên giới.

Ngay với Funan Techo, Ủy hội Sông Mekong (MRC) cho biết họ mới chỉ nhận được thông tin cơ bản và vẫn mong phía Cam Bốt cung cấp đầy đủ báo cáo khả thi cùng các tài liệu kỹ thuật để đánh giá tác động đối với toàn lưu vực.

Đây chính là "điểm bế tắc" về quản trị mà nhiều chuyên gia hiện nay nhấn mạnh. **Tác giả bài viết này, có ao ước sẽ viết được một cuốn sách thứ ba với nhan đề: "Mekong sau các con đập: Kỷ nguyên của những công trình điều tiết nước" để hoàn tất một bộ sách 3 cuốn / Trilogy.**

Cuốn sách mới này sẽ phân tích bốn biến số mới:

- **Funan Techo Canal** như thêm một công trình điều tiết nước, không đơn thuần là tuyến giao thông.
- **Biến đổi khí hậu**, với các đợt hạn hán và cực đoan khí hậu diễn ra dày hơn.
- **Sụt lún đồng bằng**, hiện được xem là một trong những nguy cơ cấp bách nhất đối với ĐBSCL.
- **Quản trị lưu vực**, nhấn mạnh rằng cuộc khủng hoảng của Mekong ngày nay không còn là câu chuyện của từng con đập hay từng con kênh riêng lẻ, mà là của cả một hệ thống thiếu phối hợp.

Cần một **sự chuyển dịch trong tư duy nghiên cứu về Mekong qua 3 giai đoạn trong hơn ba thập niên qua**:

- **Giai đoạn I- 1995 đến 2005:** tập trung vào các đập thủy điện Trung Quốc trên thượng nguồn.
- **Giai đoạn II- 2005 đến 2015:** mở rộng sang các đập dòng chính và phụ lưu lớn ở Lào và Cam Bốt.
- **Giai đoạn III- 2015 đến 2026:** nhìn toàn lưu vực như một hệ thống kết nối, trong đó đập thủy điện, biến đổi khí hậu, khai thác nước ngầm, sụt lún, khai thác cát và nay là Kênh **Funan Techo** đều cộng hưởng tương tác với nhau.

Đây là hướng tiếp cận phù hợp nhất cho những năm tới.

Do có theo dõi diễn biến của dự án Funan Techo, từ năm 2024 đến nay và chắc chắn từ nay đến năm 2030 sẽ có nhiều cột mốc biến chuyển quan trọng:

- tiến độ thi công thực tế có theo kịp kế hoạch hay không;
- Cam Bốt có công bố đầy đủ dữ liệu thủy văn và vận hành hay không
- các đánh giá của Ủy hội Sông Mekong MRC và cộng đồng khoa học quốc tế và nhà nước Việt Nam sẽ thay đổi như thế nào;
- và quan trọng nhất, liệu các tác động đo đạc được ở vùng Biển Hồ và ĐBSCL có phù hợp với các dự báo hiện nay hay không.

Biển Hồ trong bối cảnh suy thoái thủy văn

MỘT BIỂN HỒ ĐÃ VÀ ĐANG LIÊN TỤC SUY THOÁI

Câu hỏi: tới Mùa Mưa năm 2026, nước sông Mekong đã chảy về đâu? Theo Mekong Dam Monitor (7-20/7/2026): **Mùa mưa lũ đã đến muộn hơn 6 tuần lễ, sông Tonlé Sap bình thường với dòng chảy ngược rất mạnh vào Biển Hồ, thì năm nay đã suy yếu một cách bất thường.** Mùa mưa năm nay trên lưu vực Mekong diễn biến bất thường chỉ đạt khoảng **4,03 tỷ mét khối / m^3**, thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình trên **11 tỷ mét khối / m^3** nước. Hiện tượng chảy ngược dòng (reverse flow) "độc nhất vô nhị" của con sông Tonlé Sap vào mỗi mùa Mưa là **yếu tố sống cn giúp nuôi sống Biển Hồ, là hồ cá nước ngọt lớn nhất thế giới**. Tuy nhiên, việc các đập thủy điện thượng nguồn, đặc biệt tại Trung Quốc, đang tích nước vào hồ chứa đã giữ lại một lượng nước khổng lồ, làm suy yếu dòng chảy tự nhiên của dòng Mekong. Chỉ trong tuần qua, các hồ chứa lớn của Trung Quốc đã giữ lại khoảng **2 tỷ m³ nước**.

Theo dõi diễn biến ngập lũ cho thấy diện tích ngập theo mùa giảm từ khoảng **7.400 km²** cuối tháng 6 xuống còn **6.000 km²** đầu tháng 7, trái với quy luật bình thường là phải tăng nhanh hơn trong giai đoạn này.

Trong tuần lễ đầu của tháng 7, 2026 vừa qua, **tổng lượng nước bị giữ lại bởi các đập lớn trên toàn lưu vực lên tới** 2,44 tỷ m³**, trong đó các đập Tiểu Loan /** Xiaowan**, Nọa Trác Độ /** Nuozhadu **(Trung Quốc) và** Sirindhorn **(Thái Lan) có tác động lớn nhất**. Mực nước sông Mekong dọc biên giới Thái Lan và Lào vẫn thấp hơn bình thường khoảng **2 mét**.



Hình 7: Trái, *tổng lượng nước bị giữ lại bởi các đập lớn trên toàn lưu vực lên tới 2,44 tỷ mét khối, trong đó các con đập Tiểu Loan TQ, Nọa Trác Độ TQ và Sirindhorn Thái Lan có tác động lớn nhất. Phải, Ai cũng biết rằng trái tim Biển Hồ chỉ còn nhịp đập khi sông Mekong trong Mùa Mưa còn đủ nước đổ vào con sông Tonlé Sap tạo dòng chảy ngược vào Biển Hồ như một hiện tượng thiên nhiên kỳ diệu. Những năm trước đây, Biển Hồ trong Mùa Khô chỉ với diện tích 2.500 km^2, nhưng **bước sang Mùa Mưa từ tháng 5 đến tháng 9, khi nước con sông Mekong dũng mãnh đổ về, làm nước hồ dâng cao hơn từ 8 tới 10 mét và tràn bờ; diện tích Biển Hồ tăng lên gấp 5 lần**, khoảng hơn 12.000 km^2.* Hiện tượng co giãn của Biển Hồ càng ngày càng bị suy yếu, đang như một ***"trái tim sinh thái đang bị thiếu máu".***

Những câu hỏi còn bỏ ngỏ và hướng nghiên cứu tiếp theo

Sau 7 bài viết như một "biên niên sử về Dự án Funan Techo", bài viết thứ tám này, tác giả muốn tiếp tục nêu ra **những câu hỏi còn bỏ ngỏ:**

- Đến bao giờ thì Cam Bốt mới chịu công bố đầy đủ Nghiên cứu Khả thi (Feasibility Study)?
- Bao giờ thì Cam Bốt mới chịu công bố đầy đủ công bố mô hình thủy lực và quy trình vận hành?
- Bao giờ thì Ủy Hội Sông Mekong MRC mới có được một đánh giá tác động xuyên biên giới / transboundary impacts?
- Những thay đổi ở trái tim Biển Hồ và ĐBSCL sẽ được theo dõi bằng hệ thống quan trắc nào?

Đó là câu hỏi mà bài viết thứ 8 này tiếp tục mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo hết sức cấp thiết.

Chúng ta cần tiếp tục tiếp tục theo dõi và cập nhật /up to date các công trình nghiên cứu về Mekong từ:

- tổng hợp các nghiên cứu khoa học mới nhất;
- đối chiếu dữ lieu qua từng năm;
- phân tích bản đồ, ảnh vệ tinh cùng số lieu thủy văn;
- và xây dung một dòng thời gian (timeline) của toàn bộ lưu vực Mekong từ thập niên 1950 đến nay.

Mekong, dòng sông bấy lâu đã và đang nuôi sống hơn 70 chục triệu con người trong lưu vực, luôn luôn **đứng trước những thử thách và biến đổi mang tính lịch sử. Hãy Bảo vệ Công Bằng Môi trường cho họ.**

NGÔ THẾ VINH

05.08.2024 - 05.08.2026

Các bài viết liên quan:

1/ Từ đế chế Phù Nam Khmer tới con kênh lịch sử Funan Techo của Vương quốc Cam Bốt. Ngô Thế Vinh https://vietecologypress.blogspot.com/2023/10/tu-e-che-phu-nam-khmer-toi-con-kenh.html

2/ Phù Nam Con Kênh Lịch sử và những bước tiến hành dự án giữa triều đại Cha và Con. Ngô Thế Vinh https://vietecologypress.blogspot.com/2023/11/phu-nam-techo-con-kenh-lich-su-va-nhung.html

3/ RFA Phỏng vấn BS Ngô Thế Vinh về Kênh Funan và Đồng Bằng Sông Cửu Long https://vietecologypress.blogspot.com/2023/12/rfa-phong-van-bs-ngo-vinh-ve-kenh-funan.html

4/ Dự án Kênh Đào Funan Techo Ứng Xử Giữa Việt Nam và Cam Bốt Cảnh Đồng Sàng Dị Mộng. Ngô Thế Vinh https://vietecologypress.blogspot.com/2024/04/du-kenh-ao-funan-techo-ung-xu-giua-viet.html

5/ Chuông Nguyện Hồn Ai, Ngày 5 Tháng 8 Năm 2024 Lễ Động thổ Kênh Funan Techo. Ngô Thế Vinh https://vietecologypress.blogspot.com/2024/07/chuong-nguyen-hon-ai-ngay-5-thang-8-nam.html

6/ Kênh Funan Techo, sau Địa chấn 05.08.2024 Kết thúc một Khởi đầu, Vẫn còn thời gian Đòi Công Lý cho 20 triệu cư dân ĐBSCL. Ngô Thế Vinh https://vietecologypress.blogspot.com/2024/09/kenh-funan-techo-sau-ia-chan-05082024.html

7/ Cập nhật tiến độ kênh đào Funan Techo từ tháng 5/2023 tới tháng 12/2025. Ngô Thế Vinh https://vietecologypress.blogspot.com/2025/12/cap-nhat-tien-o-kenh-ao-funan-techo-tu.html



BS Ngô Thế Vinh, tác giả 2 cuốn sách môi sinh: Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng [2000], Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch [2007] và nhiều bài khảo luận liên quan tới các vấn đề môi sinh và phát triển Lưu vực Sông Mekong và ĐBSCL. Đây là bài viết thứ 8 liên quan tới Dự án Kênh đào Funan Techo đưa ra một tầm nhìn mới chuyển dịch từ "một công trình" sang "một hệ thống" thủy văn ảnh hưởng trên toàn lưu vực, và đó *cũng sẽ là chủ đề của cuốn sách mới về* **Khủng hoảng lớn nhất của lưu vực sông Mekong là "Cơ chế Quản trị Nước"**. [Hình tác giả khi băng qua Biển Hồ 12.2001]



Trong một đời anh chỉ xin một lần
Được yêu không cần đắn đo, suy nghĩ
Xin một lần thư gởi không đợi hồi âm
Xin một lần trái tim cho không cần đón nhận

Trong một năm anh chỉ xin một ngày
Cởi bỏ gông cùm nặng nề: công việc
Thoát ly nhàm chán cuộc đời
Để cùng em,
hởi người yêu có tên không dám gọi
Bay đến vùng trời xa
Ở đó chỉ có cát vàng, biển xanh
Và đôi ta với những cơn sóng tình muôn thuở

Trong một ngày anh chỉ xin một giờ
Xin công viên một chiều thơm nắng
Xin ghế đá không người
Để anh được cùng em bồi hồi tâm sự
Xin một con tàu không dừng lại ở sân ga
Để không có người đi, người ở lại
Xin một con thuyền không bao giờ ghé bến
Để anh được cùng em
chung một chuyến hải hành
Lênh đênh vào vô tận

Nhưng nếu cuộc đời khắt khe
Chỉ dành cho anh một lần mơ ước
Anh xin về khiêm tốn ước mơ:
Trong một đời cho anh một lần
Trong một lần cho anh một ngày
Trong một ngày cho anh một giây
Được nhắm mắt lại
Và gọi thầm tên em thời con gái!

Trang Châu

BA TUẦN SAU THẢM HỌA NEPAL-TIBET

KHI KHOA HỌC LẦN BƯỚC THEO MỘT CHUỖI THẢM HỌA TỪ BĂNG ĐÁ TRÊN NÓC NHÀ THẾ GIỚI



NGÔ THẾ VINH

LGT: *"Ba tuần sau thảm họa Nepal–Tây Tạng ngày 26 tháng 8 năm 2026, bài viết này điểm lại những gì khoa học đã làm rõ và những câu hỏi vẫn còn bỏ ngỏ về chuỗi tai biến khởi đầu từ sườn bắc Langtang Lirung. Đây không phải tường thuật cứu nạn, mà là một tổng thuật khoa học–môi sinh với ba nhận định chính.*

Thứ nhất, đây không phải một trận Lũ do Hồ Băng Vỡ / GLOF điển hình, mà là chuỗi liên hoàn: sườn đá–băng sụp đổ → thác lở đá–băng → dòng bùn đá → lũ đậm đặc trầm tích.

Thứ hai, khí hậu nóng lên, băng hà thoái lui và permafrost suy thoái tạo bối cảnh bất ổn lâu dài; nhưng những nghiên cứu mới cũng chỉ tới yếu tố cấu trúc địa chất và sự suy yếu của khối đá. Nguyên nhân trực tiếp của vụ sụp đổ vẫn chưa được xác định dứt khoát.

Thứ ba, điều con người còn có thể chủ động là cảnh báo sớm và hợp tác xuyên biên giới, bởi nước lũ không cần sổ thông hành. Từ tín hiệu địa chấn lúc 08:37 giờ Nepal đến "ký ức địa hình" / landscape memory của trận GLOF năm 2025, bài viết của BS Ngô Thế Vinh cho thấy tai biến Himalaya không dừng lại trên Nóc Nhà Thế giới. Tính tương thuộc ấy cũng gợi một cái nhìn xuống Mekong và Đồng bằng Sông Cửu Long. KS PHẠM PHAN LONG□Chair, Viet Ecology Foundation

NGÔ THẾ VINH

Lời Dẫn Nhập: Người viết sinh ra và lớn lên ở vùng nhiệt đới, tuy đã quan tâm tới các vấn đề môi sinh từ nhiều năm, nhưng khi theo dõi và tìm hiểu thảm họa từ vùng băng đá Nepal–Tây Tạng, một không gian với địa chất, địa mạo và môi trường băng hà hoàn toàn khác biệt, vẫn không khỏi bỡ ngỡ trước một số hiện tượng và thuật ngữ khoa học còn khá mới mẻ.

Nhưng chính từ vùng đất xa lạ ấy lại hiện ra một mối liên hệ rất gần: **những gì xảy ra trên Nóc Nhà Thế Giới sẽ không bao giờ chỉ dừng lại trên những đỉnh trời Himalaya.** Những biến động của băng hà, núi đá, nguồn nước và khí hậu ở thượng nguồn có thể khởi phát những chuỗi tai biến và hệ quả lan truyền rất xa về phía hạ lưu, đôi khi vượt qua cả biên giới quốc gia.

Với ý tưởng đó, người viết xin mời bạn đọc cùng tìm hiểu vùng đất đặc biệt này, đồng thời làm quen với một số khái niệm về băng hà, địa chất, địa mạo và môi sinh núi cao được sử dụng trong bài.

*



Dãy Himalaya, "Nóc Nhà của Thế Giới," nhìn từ không gian. *Những đỉnh núi phủ tuyết, các sông băng, các thung lũng và cao nguyên tạo thành một trong những hệ thống băng đá đồ sộ nhất hành tinh, thường được gọi là* ***"Cực Thứ Ba" (The Third Pole)*** *của trái đất. Những biến đổi đang diễn ra tại vùng núi cao này không chỉ giới hạn trong Himalaya mà còn có thể tác động tới các hệ thống sông ngòi và sinh cảnh của hàng tỷ cư dân ở hạ lưu châu Á.* **[Nguồn: NASA, 22.04.2026]**

Ba tuần lễ đã trôi qua kể từ buổi sáng ngày 26 tháng 8 năm 2026, khi một khối lượng khổng lồ băng và đá bất ngờ đổ xuống từ sườn bắc núi Langtang Lirung của dãy Himalaya, khởi đầu cho một chuỗi thảm họa xuyên biên giới Nepal–Tibet.

Trong những giờ đầu tiên, trước sức tàn phá của dòng nước lũ, bùn, đá và băng cuốn xuống các thung lũng, người ta đã nghĩ tới một **trận Lũ do Hồ Băng Vỡ – Glacial Lake Outburst Flood – GLOF**, là một loại tai biến ngày càng được biết đến trên vùng Himalaya đang nóng lên.

Nhưng rồi các nhà khoa học không dừng lại ở lời giải thích đầu tiên.

Ảnh vệ tinh, tín hiệu địa chấn, dữ liệu radar và những **mô hình thủy động lực học (hydrodynamic model)** trong những ngày sau đó dần hé mở một câu chuyện phức tạp hơn nhiều.

Thảm họa 26 tháng 8 có lẽ không bắt đầu bằng **một hồ băng vỡ / GLOF.** Nó khởi đầu trên một sườn núi cao, nơi đá và băng cùng mất ổn định, rồi cả một **khối đá-băng / rock–ice** khổng lồ lao xuống thung lũng. Trên đường đi, nó nghiền vỡ băng, xói lòng thung lũng, cuốn theo luôn cả đất đá, trầm tích và nước, để từ một vụ sụp đổ trên sườn núi biến thành **dòng bùn đá / debris flow**, rồi thành một trận lũ mang nặng phù sa và đá vụn có sức tàn phá trên một khoảng cách lớn gần 100 km.

Đó không còn là một tai biến đơn độc. Đó là **một chuỗi thảm họa – cascading disaster**.

Và khi lần ngược chuỗi thảm họa ấy lên tận **sườn núi Langtang Lirung**, giới khoa học đang gặp một số câu hỏi lớn hơn: đâu là những nguyên nhân tiềm ẩn gây sự sụp đổ ấy trước đó nhiều năm, thậm chí nhiều thập niên trước?

TỪ MỘT "TRẬN LŨ" ĐẾN MỘT CHUỖI THẢM HỌA

Những dữ kiện mới nhất cho phép dựng lại khá rõ những phút đầu tiên. Vào lúc 08:37 sáng giờ Nepal ngày 26.08.2026, một **khối đá-băng / rock–ice** lớn tách khỏi sườn bắc Langtang Lirung, ở độ cao khoảng 5.200 mét. Khối vật chất lao xuống một thung lũng có độ dốc rất lớn. Khi chạm đáy thung lũng, năng lượng của cú va chạm mạnh đến mức **các máy địa chấn ghi nhận một tín hiệu ban đầu có thể bị nhầm với trận động đất.**

Nhưng không có trận động đất nào khởi phát thảm họa. Chính cả một sườn núi sụp đổ đã làm rung chuyển mặt đất.

Sau cú sụp đầu tiên, câu chuyện trở nên phức tạp hơn. Khối băng-đá không trượt xuống như một vật thể nguyên vẹn. Nó vỡ vụn, xói mặt đất, cuốn thêm **trầm tích băng hà / moraine** và nước. Thể tích và sức phá hoại của dòng vật chất vì thế tiếp tục tăng trên đường đổ xuống núi.

Một khối đá băng sụp lở / rock–ice avalanche đã chuyển thành **dòng bùn đá / debris flow.** Dòng Bùn đá/Debris flow lại nhập vào mạng lưới sông. Và cuối cùng trở thành **một dòng lũ mang nhiều bùn đất và trầm tích / sediment-laden flood** tràn xuống những khu làng mạc ở hạ lưu. Khoa học ngày nay vì thế không còn nhìn sự kiện Nepal–Tibet như một dấu chấm duy nhất trên bản đồ, mà như **một chuỗi domino địa chất và thủy văn như sau:**

Rock–ice slope failure / Sụp đổ sườn dốc đá-băng

↓

Rock–ice avalanche / Khối đá-băng sụp lở

Ice fragmentation and melting / Phân mảnh và tan chảy của băng

↓

Valley erosion and entrainment / Xói mòn lòng thung lũng và cuốn theo đất đá

↓

Debris flow / Dòng bùn đá

↓

Interaction with river system / Tương tác với hệ thống sông ngòi

↓

Sediment-laden flash flood / Lũ mang nặng bùn đất và trầm tích

↓

Transboundary disaster / Thảm hoạ xuyên biên giới

CÂU HỎI KHÓ HƠN: TẠI SAO SƯỜN NÚI LẠI SỤP?

Nếu nguyên nhân trực tiếp của thảm họa ngày càng sáng tỏ, nguyên nhân sâu xa vẫn còn là vùng mà khoa học phải thận trọng tìm hiểu thêm. Một sườn núi cao hàng ngàn mét không bỗng nhiên mất ổn định chỉ trong buổi sáng 26 tháng 8, 2026

Nó có thể đã phải trải qua một quá trình biến đổi âm thầm trong nhiều năm. Các **sông băng / glacier Himalaya đang lùi dần** và **mỏng đi**. Khi một sông băng / glacier từng áp sát chân núi giảm dần khối lượng, nó cũng mất một phần tác dụng cơ học nâng đỡ sườn đá, hiện tượng được gọi là **mất lực chống đỡ của sông băng / loss of buttressing.**

Nhưng phía bên trong ngọn núi còn có một thay đổi khó nhìn thấy hơn. Đó là **tầng đất đóng băng lâu năm / permafrost**. Trong những vùng núi cao, băng không chỉ tồn tại thành sông băng / glacier trên bề mặt. Nước đóng băng còn nằm sâu trong các khe nứt của đá, góp phần như một thứ "xi-măng lạnh" gắn kết các khối đá.

Khi khí hậu ấm lên, **tầng đất đóng băng lâu năm** suy thoái. Nước tan chảy có thể thấm sâu hơn vào các chỗ nứt vỡ / fractures. Các chu kỳ đông–tan tiếp

tục mở rộng những khe nứt đã có. Một sườn núi nhìn từ xa như vẫn đứng yên. Nhưng cấu trúc bên trong nó có thể đang yếu đi.

KHÍ HẬU: LÀ NGUYÊN NHÂN HAY ĐIỀU KIỆN CHUẨN BỊ?

Đây là điều cần phân biệt rất rõ. Không có cơ sở khoa học để chỉ đơn giản viết: **"Biến dổi khí hậu là nguyên nhân duy nhất trực tiếp gây ra vụ thảm hoạ tháng 8 năm 2026 vừa qua."**

Ít nhất cho tới thời điểm này, khoa học chưa chứng minh được mối quan hệ nhân quả trực tiếp như vậy.

Nhưng cũng không còn thích hợp nếu xem biến đổi khí hậu hoàn toàn đứng ngoài thảm hoạ.

Nay các nhà khoa học đang nói tới một khái niệm mới về **quá trình tích luỹ điều kiện lâu dài [gây bất ổn] / long-term preconditioning.**

Khí hậu nóng lên không phải là lực duy nhất xô đẩy cả một triền núi đá xuống vực. Nhưng từng bước **sông băng lùi lại / glacier retreat**, **khối băng mỏng hơn / ice thinning**, rồi **tầng đất đá đóng băng lâu năm bị suy thoái / permafrost degradation, có thể từng bước tạo ra một sườn núi càng ngày càng mất ổn định.**

Có một ví von rất hay: **chúng ta có thể hình dung hai chiếc đồng hồ cùng chạy**.

Chiếc đồng hồ thứ nhất tính bằng nhiều thập niên:

khí hậu nóng lên → sông băng lùi lại / glacier retreat → tầng đất đá đóng băng lâu năm suy thoái / permafrost degradation → tầng đất đá yếu dần / rock weakening → sườn núi mất ổn định / slope instability.

Chiếc đồng hồ thứ hai chỉ tính bằng phút:

khối đá-băng suy sụp / rock–ice collapse → avalanche → dòng bùn đá / debris flow → lũ / flood. [1–4]

Và sáng 26 tháng 8 năm 2026, hai chiếc đồng hồ ấy gặp nhau giữa thảm hoạ. [1]

MỘT THẢM HỌA KHÔNG NHẤT THIẾT CẦN MỘT "HỒ NƯỚC KHỔNG LỒ"

Một trong những bí ẩn ban đầu là lượng nước khổng lồ từ đâu tới.

Nếu không phải một **Lũ do Hồ Băng Vỡ / classic GLOF**, làm thế nào một vụ sạt lở băng-đá có thể tạo nên trận lũ lớn như vậy?

Các mô hình mới đưa ra một lời giải thích đáng chú ý.

Một nghiên cứu đã mô phỏng khối ban đầu khoảng 35,4 triệu mét khối, trong đó khoảng 20% là sông băng. [2] Nhưng khi khối vật chất lao xuống hàng nghìn mét, băng bị nghiền nát, một phần tan, đồng thời avalanche cuốn thêm nước, đất đá và trầm tích từ lòng thung lũng.

Đó là hiện tượng sói mòn và cuốn theo / entrainment.

Một dòng chảy vật chất càng đi càng lớn. Như vậy, một khối rock–ice ban đầu có thể tự biến đổi thành một hệ thống nước–bùn–đá khổng lồ mà không nhất thiết phải giả định một hồ băng lớn đã vỡ ở thượng nguồn. [2,3]

Vai trò của một **đập chắn tạm thời do đất đá vụn / temporary debris dam** vẫn đang được nghiên cứu. Một số tái dựng cho rằng đất đá vụn / debris có thể đã tạm thời chặn sông rồi bị phá vỡ; các mô hình khác cho thấy không cần một vỡ đập lớn/ dam-break vẫn có thể giải thích được phần đáng kể của **sóng lũ / flood wave.**

Đây chính là một trong những câu hỏi còn mở.

KÝ ỨC CỦA MỘT DÒNG SÔNG

Có một chi tiết đặc biệt đáng chú ý. Cũng tại vùng biên giới Nepal–Tibet này, chỉ hơn một năm trước, tháng 7 năm 2025, một trận **Lũ do Hồ Băng Vỡ / Glacial Lake Outburst Flood / GLOF** đã gây biến đổi lớn cho hành lang sông. [4]

Trận lũ trước xói lở bờ sông, di chuyển sediment, làm thay đổi lòng sông và để lại những khối vật liệu có thể được một trận lũ sau tái huy động.

Trong **địa mạo học / geomorphology** có thể gọi đó là một dạng **ký ức của địa hình / landscape memory** –. Một thảm họa không hoàn toàn chấm dứt khi nước rút.

Nó để lại một cảnh quan đã thay đổi, và chính cảnh quan ấy có thể trở thành điều kiện ban đầu cho thảm họa kế tiếp.

BA CHIẾC ĐỒNG HỒ CỦA HIMALAYA

Ngày 12.09.2026, **npj Natural Hazards** đưa ra một cách nhìn đặc biệt hữu ích về thảm họa này: Lại có một ví von rất hay khác nữa: **ba chiếc đồng hồ / three clocks**:

_ Chiếc đồng hồ địa chất–khí hậu, chạy trong nhiều năm và nhiều thập niên: glacier retreat, permafrost degradation, slope weakening.

_ Chiếc đồng hồ thảm họa, chạy trong vài phút: collapse, avalanche, debris flow, flood.

_ Và chiếc đồng hồ thứ ba là thời gian của con người: phát hiện biến cố, truyền thông tin, báo động và di tản.

Chúng ta chưa thể ngăn chiếc đồng hồ thứ nhất. Chúng ta cũng chưa thể biết chính xác phút nào một sườn núi sẽ sụp. **Nhưng chiếc đồng hồ thứ ba nằm một phần trong khả năng của con người.**

Một mạng lưới quan trắc địa chấn / seismic network có thể nhận biết cú collapse gần như tức thời / real time. Vệ tinh và radar có thể xác định nguồn. Các mô hình thủy động lực học / hydrodynamic models có thể ước tính đường đi và thời gian tới của flood wave.

Nhưng tất cả những kỹ thuật ấy trở nên vô nghĩa nếu lời báo động dừng lại ở một đường biên giới. Con sông không có sổ thông hành / passport. Một dòng bùn đá / debris flow cũng không dừng lại trước một trạm biên giới.

BA TUẦN SAU THẢM HOẠ: TỪ CỨU NẠN ĐẾN PHỤC HỒI:

Ba tuần sau thảm họa băng đá Nepal–Tibet ngày 26/8/2026, quy mô tổn thất nhân mạng vẫn chưa thể xác định đầy đủ. Tính đến 15/9**,** hơn 1.400 người đã được xác nhận tử vong và hơn 5.600 người còn trong danh sách mất tích ở hai phía biên giới. Sau gần ba tuần, khả năng sống sót của những người bị cuốn trực tiếp trong dòng lũ bùn đá đã trở nên rất thấp, nhưng **hy vọng chưa hoàn toàn tắt** tại các đường hầm hay khoảng trống trong những công trình bị vùi lấp. Công tác ứng phó vì thế đang chuyển dần từ **cứu nạn sang tìm kiếm, thu hồi và nhận dạng nạn nhân**, kể cả bằng DNA.

Khi bùn đá lắng xuống, một giai đoạn khó khăn khác bắt đầu: khôi phục hạ tầng cơ sở: đường sá, cầu cống, nhà cửa, công trình thủy điện và sinh kế. Nhưng câu hỏi lớn hơn vẫn còn đó: liệu có nên **tái thiết nguyên trạng, hay phải thay đổi để thích nghi với một Himalaya đang ngày càng mong manh trước băng tan, biến đổi khí hậu và bất ổn địa chất?**

TỪ NÓC NHÀ THẾ GIỚI TÂY TẠNG NHÌN VỀ HẠ LƯU VÀ ĐBSCL

Ba tuần lễ sau thảm họa Nepal–Tibet, khoa học đã giải đáp được nhiều điều nhưng cũng đồng thời mở ra những câu hỏi lớn hơn.

Chúng ta biết khá chắc rằng đây không đơn thuần là một Lũ do Hồ Băng Vỡ / GLOF. Chúng ta biết một khối rock–ice khổng lồ đã mất ổn định trên Langtang Lirung và khởi động cả một chuỗi tai biến trọng lực – thủy văn / gravitational –hydrological cascade.

Nhưng khoa học vẫn chưa biết đầy đủ tại sao chính khối núi ấy sụp vào buổi sáng 26 tháng 8, 2026. Chưa biết chính xác bao nhiêu nước đến từ băng tan, bao nhiêu từ nước chứa trong hệ glacier, bao nhiêu từ sông và tầng nước ngầm / groundwater. Chưa biết những con đập thủy điện / temporary dam đã khuếch đại sóng lũ / flood wave tới mức nào.

Và quan trọng hơn hết, chưa thể định lượng bao nhiêu phần của sự mất ổn định ấy có thể quy cho một khí hậu đang nóng lên. Sự chưa biết ấy không phải là điểm yếu kém của khoa học. **Đó chính là tính khiêm cung của khoa học, biết điều mình biết và biết được cả những điều mình chưa biết.**

Giữa một thời đại mà mỗi thảm họa thiên nhiên rất dễ lập tức được gắn nhãn "biến đổi khí hậu / climate change", bài học Nepal–Tibet nhắc chúng ta phải phân biệt giữa tác nhân khởi phát / trigger, cơ chế / mechanism, và những điều kiện tích tụ lâu dài / preconditioning.

Nhưng sự thận trọng ấy cũng không cho phép chúng ta bỏ qua một thực tại khác. Các sông băng / glacier Himalaya đang thay đổi. Tầng đất đá đóng băng lâu năm / Permafrost đang chịu tác động của nhiệt độ tăng. Những hồ băng mới xuất hiện. Những sườn núi từng được băng giữ ổn định đang bước vào một trạng thái địa chất không ổn định mới. Một bản đồ nguy cơ được minh hoạ từ khí hậu của thế kỷ XX có thể không còn đủ để bảo vệ con người trong thế kỷ XXI.

Và ở đây, viễn kiến môi sinh của Đức Đạt Lai Lạt Ma lại trở về với một ý nghĩa sâu rộng hơn. Tibet và Himalaya không phải một thế giới biệt lập trên cao. Từ những sông băng / glacier của "Cực Thứ Ba" tỏa xuống những con sông lớn của châu Á, trong đó có con sông Mekong chảy qua 7 quốc gia – với người viết bấy lâu vẫn coi Tây Tạng như một quốc gia, xuống tới ĐBSCL của Việt Nam trước khi đổ ra Biển Đông. Nước từ vùng cao ấy đi qua biên giới, nuôi dưỡng những nền văn minh, những cánh đồng và hàng trăm triệu con người ở hạ lưu.

Một biến động bắt đầu bằng một khe nứt rất nhỏ trong khối đá đóng băng ở độ cao hơn 5.000 mét có thể kết thúc bằng một bức tường nước và bùn cuốn qua những cộng đồng cách đó hàng trăm cây số. Đó có lẽ là bài học sâu xa nhất của Nepal–Tibet 26.08.2026.

Trong thiên nhiên không có một biến cố nào thực sự đứng riêng một mình. Và trên một hành tinh đang nóng lên, điều xảy ra trên "Nóc Nhà Thế Giới" ngày càng khó có thể chỉ dừng lại giữa những "ngọn đỉnh trời" trên dãy núi Himalaya.

NGÔ THẾ VINH
Viet Ecology Press
California 26.08.2026 – 16.09.2026

MỘT SỐ THUẬT NGỮ KHOA HỌC VIỆT–ANH TRONG BÀI

Băng tích; trầm tích băng hà / *moraine*
Khối vật liệu gồm đá, sỏi, cát và trầm tích được sông băng vận chuyển và tích tụ.

Chuỗi tai biến trọng lực–thủy văn / *gravitational–hydrological cascade*
Chuỗi tai biến trong đó một biến cố do trọng lực, như sụp lở đá–băng, khởi phát các biến cố thủy văn tiếp theo như dòng bùn đá hoặc lũ.

Dòng bùn đá / *debris flow*
Dòng chảy nhanh gồm nước trộn với bùn, đất, đá và các vật liệu vụn.

Địa mạo học / *geomorphology*
Ngành khoa học nghiên cứu hình thái bề mặt Trái Đất và các quá trình tạo nên, biến đổi địa hình.

Dòng sụp lở đá–băng / *rock–ice avalanche*
Khối lượng lớn đá và băng đổ xuống sườn núi với vận tốc cao dưới tác động của trọng lực.

Ký ức địa hình / *landscape memory*
Khái niệm mô tả ảnh hưởng còn lưu lại của những biến cố địa mạo trong quá khứ đối với sự tiến triển và phản ứng của cảnh quan trước các biến cố về sau.

Lũ do hồ băng vỡ / *glacial lake outburst flood (GLOF)*
Trận lũ xảy ra khi nước từ một hồ băng thoát ra đột ngột do đập băng hoặc đập băng tích bị phá vỡ hay mất ổn định.

Lũ mang nhiều bùn đất và trầm tích / *sediment-laden flood*
Dòng lũ chứa hàm lượng lớn bùn, cát, sỏi và các vật liệu trầm tích.

Mạng lưới quan trắc địa chấn / *seismic network*
Hệ thống các trạm địa chấn dùng để ghi nhận và xác định những rung động của mặt đất, bao gồm động đất và các biến cố sụp lở lớn.

Mất lực chống đỡ / *loss of buttressing*
Sự suy giảm hoặc mất đi tác dụng nâng đỡ cơ học của khối băng đối với sườn núi hoặc các khối đá kế cận, có thể làm giảm ổn định của sườn dốc.

Phân mảnh và tan chảy của băng / *ice fragmentation and melting*
Quá trình khối băng bị vỡ thành những mảnh nhỏ và tan chảy trong quá trình chuyển động, va đập và trao đổi nhiệt.

Sụp đổ sườn dốc đá–băng / *rock–ice slope failure*
Hiện tượng một phần sườn núi gồm đá và băng mất ổn định và sụp đổ dưới tác động của trọng lực.

Tầng đất đá đóng băng lâu năm / *permafrost*
Đất hoặc đá duy trì nhiệt độ ở mức 0°C hoặc thấp hơn trong ít nhất hai năm liên tiếp.

Thảm họa xuyên biên giới / *transboundary disaster*
Thảm họa có nguyên nhân, diễn tiến hoặc hậu quả lan vượt qua biên giới của một quốc gia.

Tương tác với hệ thống sông ngòi / *interaction with the river system*
Quá trình vật liệu từ sụp lở, dòng bùn đá hoặc lũ tương tác với lòng sông, dòng chảy và mạng lưới sông ngòi.

Xói mòn thung lũng và cuốn theo vật liệu / *valley erosion and entrainment*
Quá trình dòng chảy xói phá lòng và sườn thung lũng, đồng thời cuốn thêm đất, đá và trầm tích vào dòng chuyển động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH:

Dưới đây là 5 tài liệu chính bổ sung nhau, đưa ra một cái nhìn toàn cảnh Thảm Hoạ Nepal – Tây Tạng ngày 26.tháng 08, 2026: [4] giải thích cơ chế xói mòn–cuốn vật liệu–bồi lắng; [2] mô hình hóa động lực rock–ice avalanche và sóng lũ; [3] tái dựng trực tiếp thảm họa 26/8 bằng quan sát đa nguồn; [1] chuyển các hiểu biết khoa học ấy thành bài học về cảnh báo và hợp tác xuyên biên giới.

[1] **Xu, C. (2026). Warnings must cross borders before disasters do. npj Natural Hazards, 3, Article 73. https://doi.org/10.1038/s44304-026-00271-y.**

Xu xem thảm họa Langtang Lirung ngày 26/8/2026 như một **chuỗi tai biến xuyên biên giới**, bắt đầu bằng sụp đổ đá–băng ở Nepal, rồi biến thành dòng mảnh vụn và lũ, vượt biên giới sang Tibet/China trước khi tiếp tục xuống hạ lưu Nepal. Tác giả đề xuất khái niệm **"ba chiếc đồng hồ"**: (1) đồng hồ chậm của *long-term preconditioning* gồm băng hà rút, permafrost suy thoái, đá nứt vỡ và tích tụ trầm tích; (2) đồng hồ cực nhanh của sụp đổ, phân mảnh, cuốn vật liệu, debris flow và lũ; (3) đồng hồ thể chế gồm phát hiện, cảnh báo, quyết định và di tản. Điểm cốt lõi là khoa học có thể chưa dự báo chính xác được lúc sườn núi sụp, nhưng **cảnh báo phải chạy nhanh hơn tai họa**. Xu kêu gọi Nepal và China chia sẻ dữ liệu thời gian thực, thống nhất quy trình cảnh báo, ngưỡng đóng đường và di tản, đồng thời xây dựng hệ thống thông tin vẫn hoạt động khi mạng viễn thông bị phá hủy. Đây là một bài **Editorial đã xuất bản chính thức**, đặc biệt mạnh về khía cạnh quản trị rủi ro xuyên biên giới.

[2] Park, H. (2026). A rock-ice avalanche and the 2026 Bhote Koshi-Trishuli flood, Nepal. EarthArXiv, Version 2. Preprint, not yet peer reviewed.

Park sử dụng mô hình dòng hỗn hợp rock–ice–water kết hợp thời điểm địa chấn, hình CCTV, dữ liệu trạm thủy văn và mực nước hạ lưu để tái dựng diễn tiến thảm họa. Mô hình giả định khối sụp ban đầu khoảng 35,4 triệu m^3**,** trong đó khoảng 20% là băng. Dòng vật liệu tới Gyirong Port sau khoảng 390 giây, rồi Syabrubesi khoảng 1.050 giây**,** phù hợp khá tốt với các quan sát thực tế. Ở hạ lưu, mô hình tái tạo được mức nước dâng khoảng 8,94 m tại Galchhi và 4,98 m tại Kali Khola**,** gần với số đo quan sát. Một kết luận quan trọng là mô hình có thể giải thích khá tốt trận lũ **mà** không cần giả định thêm một vụ vỡ đập tạm do debris dam**.** Nghiên cứu vì thế củng cố giả thuyết rằng chính rock–ice avalanche → debris flow → flood surge**,** cùng với sự tái phân bố vật liệu trong thung lũng, là động lực chính của chuỗi tai biến. Tuy nhiên đây vẫn là EarthArXiv preprint, chưa peer review**.**

[3] Xu, D. (2026). The 26 August 2026 Langtang Lirung ice–rock avalanche and its transboundary cascade: a multi-source observational reconstruction in the Bhote Koshi basin. EarthArXiv, Version 2. https://doi.org/10.31223/X56793. Preprint, not yet peer reviewed.

Xu tái dựng thảm họa bằng nhiều nguồn dữ liệu mở: địa chấn, Sentinel-1 SAR, Copernicus Emergency Mapping, OpenStreetMap và báo cáo chính thức**.** Khối ice–rock avalanche tách khỏi sườn bắc Langtang Lirung ở cao độ khoảng 5.200 m**,** biến thành debris flow và đi khoảng 22 km chỉ trong 6–7 phú**t**, phá hủy khu vực Gyirong border port. Sau đó lũ lan theo hệ thống Bhote Koshi–Trishuli–Narayani**,** với chiều dài được báo cáo khoảng 170 km. Đáng chú ý, sóng lũ tới trạm dân cư đầu tiên chỉ 12,8 phút sau khi sự kiện khởi phát, quá nhanh để có thể giải thích bằng sự tràn của hồ chắn chính, vốn chỉ bắt đầu tràn ngày 28/8. Vì vậy, tác giả cho rằng sóng lũ đầu tiên bắt nguồn trực tiếp từ debris flow do avalanche tạo ra và/hoặc sự giải phóng rất nhanh từ một debris dam nhỏ, nhưng dữ liệu hiện có chưa đủ phân biệt hai cơ chế. SAR cho thấy khoảng 7,5 km^2 bề mặt bị biến đổi mạnh. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh nhu cầu giám sát sườn núi và chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới**,** nhưng vẫn là preprint chưa peer review.

[4] Jiang, R., Lu, W., Xiao, S., He, X., Ju, L., Bai, R., Wei, M., & Zhang, L. (2026). Erosion-deposition governs sediment dynamics and amplifies cascading hazards of glacial lake outburst floods.

Geomorphology, 505, 110317. https://doi.org/10.1016/j.geomorph.2026.110317.

Khác với ba tài liệu trên, Jiang et al. nghiên cứu GLOF ngày 8/7/2025 tại vùng China–Nepal**,** nên đây là một tiền lệ khoa học rất quan trọng để hiểu thảm họa 26/8/2026. Nhóm tác giả kết hợp ảnh vệ tinh, dữ liệu khí tượng ERA5 và mô hình số GMFA để nghiên cứu vai trò của xói mòn và bồi lắng trong quá trình lũ di chuyển. Sự kiện giải phóng khoảng 10 triệu m^3 vật liệu, với lưu lượng đỉnh quan sát khoảng 3.696 m^3/s khi vượt biên giới và lan truyền hơn 100 km. Ở thượng nguồn dốc, dòng lũ xói lòng thung lũng, cuốn thêm đất đá khiến thể tích và nồng độ vật rắn tăng mạnh, biến flood → debris flow**.** Khi xuống địa hình thoải hơn, vật liệu thô dần lắng đọng, nồng độ chất rắn giảm và dòng chảy lại chuyển thành debris flood**.** Như vậy, thảm họa không chỉ là một khối nước đi xuống hạ lưu, mà là một hệ thống tự biến đổi và có thể tự khuếch đại nhờ erosion–entrainment–deposition. Đây là bài peer-reviewed trên *Geomorphology*, vì vậy có trọng lượng khoa học cao hơn hai preprint [2] và [3].

[5] Ngô Thế Vinh (2026). The Dalai Lama's Environmental Vision: From the "Roof of the World" to the Nepal–Tibet Disaster of 2026. https://vietecologypress.blogspot.com/2026/09/the-dalai-lamas-environmental-vision.html

Từ nhiều thập niên trước, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã cảnh báo rằng Cao nguyên Tây Tạng và Himalaya là một hệ sinh thái sống còn của châu Á, nơi phát nguồn nhiều đại giang nuôi sống hàng tỷ người. Thảm họa Nepal–Tibet 26/8/2026 cho thấy sự mong manh của vùng núi cao trước chuỗi tác động kết hợp giữa băng, đá, nước và những biến đổi môi trường dài hạn.

Thông điệp **"**Rivers Carry No Passports" nhấn mạnh rằng nguồn nước và thiên tai không dừng ở biên giới quốc gia, nên bảo vệ Himalaya là trách nhiệm xuyên biên giới. Từ Tây Tạng xuống Mekong và Đồng bằng Sông Cửu Long, bài viết khẳng định một nguyên lý tương thuộc sinh thái**:** những gì xảy ra trên "Nóc Nhà Châu Á" có thể để lại hậu quả rất xa về phía hạ nguồn.



Bên hồ gợn sóng lá vàng rơi
Cảnh sắc chiều nay thật tuyệt vời
Mặt nước êm đềm như muốn ngỏ
Hàng dừa lặng lẽ tựa buông lơi
Cùng nàng diễm lệ hồng đôi má
Cạnh bến tình mơ đỏ góc trời
Quá đẹp người ơi thu phố núi
Ta về chép lại những đầy vơi.

Quốc Thái





Mang theo nỗi nhớ xuyến xao
Bao mùa lá đỗ nắng vàng chiều rơi
Bóng thu lặng lẽ bên đời
Chờ người diệu vợi suốt thời biết chăng

Bao chiều men theo ngõ vắng
Lá thay màu bóng lẫng lặng thềm hoang
Mong người diệu vợi về ngang
Đúng mùa hẹn ước lá vàng chín rơi

Đêm bóng mòn mỏi tàn hơi
Sầu dâng chồng chất trăng lơi cuối ngàn
Người diệu vợi quên cả thời gian
Quên câu ước hẹn chẳng màng bóng đau!

Hình Ảnh & Thơ: Kim Oanh



Hôm nay trời bắt đầu trở lạnh, cái lạnh phải đủ để người ta cảm thấy thoải mái dễ chịu hơn là làm người ta run cầm cập. Bầu trời trong và xanh ngắt, thỉnh thoảng mới điểm vài cọng mây trắng nho nhỏ đang nhẹ nhàng trôi uyển chuyển và dịu dàng như dáng một nàng thiếu nữ. Gió hiu hiu. Vài chiếc lá vàng rơi lác đác. Phong cảnh mùa thu đẹp thật nhưng dễ gợi buồn, và tôi chợt cảm thấy mình cô đơn lạc lõng.

Tôi mồ côi mẹ từ năm lên 2 tuổi, cha tôi ở vậy để nuôi tôi, cảnh gà trống nuôi con thật là vất vả cho cả hai người. Dù được cha yêu chiều rất mực, tôi vẫn thấy khổ sở vô cùng. Tuổi thơ sống bằng những bàn tay âu yếm vuốt ve, sống bằng những lời ru êm ái pha lẫn với hơi thở dịu dàng của một người mẹ… Tôi, tôi thiếu tất cả. Ban ngày tôi thường rơm rớm nước mắt vì thấy cảnh âu yếm của hai mẹ con bà hàng xóm, ban đêm tôi thường mơ gặp mẹ tôi; tôi ôm lấy mẹ và nói muôn ngàn câu trìu mến nhớ mong để rồi tỉnh dậy, tôi thấy bóng đêm và khuôn mặt buồn muôn thủa của cha tôi. Những lúc đó, tôi lại khóc. Tôi hỏi cha tôi về mẹ, nhưng bao giờ cũng vậy, tôi chỉ thấy gương mặt cha tôi thoáng buồn, Người xoa đầu tôi và bảo:

- Thôi con ngủ đi! Đừng bắt cậu nhắc lại chuyện buồn ngày xưa nữa…

Tôi lớn lên trong sự thiếu thốn tình thương đó. Trong óc tôi lúc nào cũng có muôn ngàn thắc mắc, muôn ngàn điều muốn tìm hiểu về mẹ tôi, nhưng cho đến bây giờ, tôi vẫn chỉ biết một điều duy nhất: mẹ tôi mất năm tôi mới lên 2 tuổi.

Gió chợt thổi mạnh. Tôi rùng mình kéo cao cổ áo và châm một điếu thuốc. Làn khói trắng toả ra thơm ngát làm lòng tôi ấm lại. Tôi bắt đầu nghiện thuốc từ 2 năm nay, từ ngày tôi xa nàng. Tôi thiếu thốn tình thương, nàng đem lại cho tôi lòng quý mến của một người em gái, sự săn sóc ân cần của một người chị, và tình thương bao la dịu dàng của một mẹ hiền. Nhưng bây giờ tôi đã xa nàng, xa nàng vĩnh viễn. Đời tôi thật nhiều đau khổ và nàng lại là một niềm đau khổ mới của tôi.

*

Tôi quen nàng trong một trường hợp thật là hy hữu. Mùa hè năm đó, cách đây 3 năm, tôi lên nghỉ mát trên Đà Lạt, miền cao nguyên có sương mù và gió lạnh để tìm lại không khí quê hương. Khí hậu ở đây dễ chịu thật nhưng buồn ray rứt và tôi thì hay lang thang tìm buồn trên phố vắng… Một buổi chiều, trong khi một mình thẫn thờ tản bộ trên đường đến thác Cam Ly, tôi chợt dừng lại vì nghe thoang thoảng đâu đây có tiếng dương cầm. Tôi đi theo tiếng nhạc và dừng lại trước một biệt thự. Tiếng nhạc từ trong cửa sổ vọng ra, tiếng nhạc ngập ngừng và e thẹn của người mới tập, nhưng tôi cũng nghe rõ đó là bản "Lá Thu" buồn não nuột. Người con gái đánh đàn cúi đầu trong bóng tối, tôi chỉ thấy được mái tóc huyền óng ả như tơ… Giác quan bén nhậy của phần đông các thiếu nữ đã làm cho nàng cảm thấy mình bị quan sát và chợt nhìn lên. Chúng tôi nhìn nhau một giây. Khuôn mặt nàng đẹp quá! Tôi thẫn thờ! Và bắt đầu yêu nàng từ đó. Tôi cũng nhận là mình hơi quá lãng mạn, nhưng tôi làm sao trái được lòng mình? Từ đó, chiều nào tôi cũng một mình đi bách bộ qua con đường nhỏ, dừng lại trước ngõ nhà nàng để chờ đợi, và chiều nào tôi cũng thấy lại mái tóc mềm như mây phủ và nghe lại bản nhạc "lá thu" với một nỗi rung cảm tuyệt vời…

Tất cả có lẽ sẽ đi qua, nếu không có buổi hoà nhạc bất ngờ tại nhà một người bạn. Hôm đó tôi gặp lại nàng. Nàng mặc jupe màu xanh đậm và áo tricot màu xám tro. Hình như nàng có thoa một chút phấn hồng. Tôi thấy nàng đẹp lắm, nổi bật trong đám bạn bè như một đoá hoa giữa muôn ngàn hoa dại… Tôi biết tên nàng là Giang. Chúng tôi vẫn thường bắt gặp tia nhìn lén lút của nhau, chúng tôi đều hiểu lòng nhau, nhưng không ai dám lên tiếng làm quen trước! Ngay lúc ấy ban nhạc chơi bản "lá thu", bản nhạc của định mệnh! Tôi nhìn nàng và nàng cũng nhìn lại tôi.

Lần này chúng tôi không lẫn tránh nhau nữa. Tôi tiến lại phía nàng, gật đầu chào và nói khẽ: "Tôi nhớ mãi tiếng đàn của Giang".

Tôi thấy má nàng hồng lên e thẹn.

*

Chúng tôi quen nhau từ đấy! Suốt mấy tháng hè, núi đồi Đà Lạt đã ghi cho chúng tôi biết bao dấu chân kỷ niệm. Hồ Xuân Hương, thác Cam Ly, Suối Vàng… Tất cả như còn xao động trong lòng tôi. Nhưng có lẽ buổi dạo chơi bên hồ Than Thở mới làm cho tôi ghi nhớ đến trọn đời.

Hôm đó Giang mặc áo lụa mầu xanh và khoác áo len mầu hồng nhạt. Chúng tôi sánh vai nhau đi trên con đường nhỏ quanh co dẫn đến bên hồ. Trời nặng, có sương mù bao phủ và có mưa bụi lất phất bay. Cảnh vật mờ ảo và đẹp như bức tranh thời cổ. Chúng tôi yên lặng đi bên nhau không nói, chỉ nghe tiếng thông reo buồn ảo não và tiếng lá động xạc xào… Những hạt mưa nhỏ đọng trên áo trên tóc Giang như những hạt ngọc. Tôi nói điều đó với Giang, nàng mỉm cười sung sướng…

Tôi bảo:

"Nhưng áo và tóc Giang ướt hết không khéo bị cảm".

Giang lại nhìn tôi, mắt long lanh, má lúm đồng tiền và hồng lên như mầu hoa thắm.

Nàng nũng nịu:

"Giang không có khăn, anh lau hộ Giang đi"

Tôi rút khăn tay định lau tóc cho Giang, nhưng lại không dám! Tôi sợ những sự va chạm xác thịt sẽ làm cho tình chúng tôi hoen ố. Tôi đưa khăn cho nàng, Giang thoáng buồn, nàng lau mặt, lau tóc và phẩy nhẹ những hạt mưa vương trên áo…

Chúng tôi rẽ qua một đập nước nhỏ, tiếng nước chảy róc rách dưới chân. Rồi chúng tôi qua một chiếc cầu tre bắc ngang lạch nước. Nước trong xanh, in hình bầu trời mờ ảo và bóng chúng tôi quyện lấy nhau…

Một người sơn cước gánh mấy giò lan, nhìn chúng tôi hỏi lớn:

"Ông bà mua hoa"

Tôi lắc đầu và nhìn Giang mỉm cười, Giang cũng cười lại nhưng vội quay đi. Nàng đang thẹn vì tiếng "ông bà" âu yếm và thân mật quá.

Chúng tôi đi ven theo bờ hồ… xa xa, gần mặt nước, những bông hoa myosotis màu xanh nhạt đang dịu dàng khoe sắc. Tôi ngắt vài bông hoa ấy cho Giang.

Nàng gài lên mái tóc và nheo mắt hỏi tôi:

"đẹp không".

Tôi thẩn thờ:

"đẹp lắm".

Tôi mượn lời khen hoa để khen sắc đẹp của nàng. Giang đỏ mặt. Tôi kể cho nàng nghe sự tích của loài hoa. Chuyện một đôi tình nhân yêu nhau thắm thiết. Chàng đã chết vì muốn hái bông hoa ở ven sông để làm vừa ý người yêu. Trước khi chìm xuống lòng sông, chàng còn cố gắng ném bông hoa lại cho nàng và nói "đừng quên anh, Myosotis, Forget me not" là bông hoa trên đầu Giang đó! Giang có vẻ buồn, nhưng tôi biết nàng đang sung sướng. Tôi nhìn thấy sự sung sướng ấy qua ánh mắt của Giang. Từ ngày quen nhau, tôi chưa từng nói yêu Giang, và đây là lần đầu tiên tôi nói yêu nàng bằng một lời bóng gió. Cả hai chúng tôi cùng có vẻ ngượng ngùng. Tôi phá vỡ sự đó bằng cách kể lại cuộc đời khổ sở của tôi, đến cảnh mồ côi mẹ từ năm lên 2 tuổi, đến những khao khát một chút tình mẫu tử…

Giang đã cảm động nắm lấy tay tôi và nói:

"Mai anh đến nhà Giang, mẹ Giang đẹp và hiền dịu lắm, thế nào mẹ cũng mến anh!"

Tôi sung sướng nắm chặt tay Giang. Đây là lần đầu tiên tôi nắm tay nàng…

Giọng tôi lạc đi:

"Cám ơn Giang."

Tôi định ôm nàng vào lòng để nói ngàn lời âu yếm, nhưng tôi đành bất lực. Sự sung sướng đã làm tôi tê dại…

*

Tôi đến Giang vào buổi chiều. Nàng ra đón tôi tận cổng - Mẹ Giang đi vắng, nhưng Giang nói chỉ một lát nữa bà sẽ trở về. Tôi không nói gì với Giang, chỉ yên lặng nhìn nàng - Những lúc lòng tôi vui sướng, tôi thường yên lặng để tận hưởng.

Giang đến ngồi bên dương cầm, nàng dạo vài nốt nhạc – Tôi bảo nàng đánh lại bản "lá thu" - tiếng nhạc vang lên ấm áp toả trong không gian và quyện lấy chúng tôi. Mặt Giang nghiêng nghiêng, mái tóc huyền xõa một bên vai, đôi bàn tay trắng nuốt, đang bay nhảy trên bàn phiếm nhạc.

Tôi khe khẽ hát theo:

«Toi qui m'aimais
Moi qui t'aimais
Mais la vie sépare
Ceux qui s'aiment"

Chợt Giang ngừng lại, nàng nói nhẹ như hơi gió thoảng:

«Anh đừng hát nữa – Giang buồn lắm, Giang không bao giờ muốn chuyện mình như lời bản nhạc đâu. »

Tôi ngẩn ngơ vì lời Giang nói. Ngay lúc ấy mẹ Giang về, Giang ôm lấy mẹ hôn khẽ hai bên má rồi giới thiệu:

« Anh Hoài, bạn của con. »

Tôi nhìn mẹ Giang. Bà thật đẹp và hiền dịu, bà đúng là người mẹ mà tôi hằng mơ ước. Lòng tôi thoáng một điều gì kỳ lạ. Hình như giữa bà và tôi đã có một mối liên quan mật thiết từ ngàn xưa. Tôi thấy mẹ Giang cũng rùng mình, chớp mau đôi mắt. Nhưng tất cả đều đi qua đi trong một giây thôi! Bà cười nhẹ:

« Cậu đến chơi với em – Giang nó nhắc đến cậu luôn. »

Bà mời tôi ngồi, hỏi chuyện học hành và gia cảnh. Tôi kể hết cho bà chuyện đời đau khổ của tôi và hình như bà khẽ thở dài…

Lúc tôi về, Giang tiễn tôi ra tận cửa. Nàng đứng nép vào một bên để lấy lối đi. Chúng tôi đứng sát

cạnh nhau, từ người nàng toát ra một mùi thơm dịu dàng và quyến rũ.

Tôi nói khẽ, giọng run run:

«Giang cho phép anh hôn em từ giã được không? »

Giang không trả lời. Nàng chớp nhẹ rèm mi và từ từ ngước mặt lên chờ đợi… Đó là lần đầu tiên tôi hôn Giang và đó cũng là nụ hôn đầu tiên trong cuộc đời tình ái của tôi.

Cả hai chúng tôi đều ngây ngất.

Chúng tôi không ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp mặt Giang trong dịp hè năm ấy. Những lần sau mỗi khi tôi đến tìm Giang, đều có người nhà ra nói là Giang đi vắng. Tôi nghĩ đã làm điều gì phật ý của Giang, nhưng tôi chịu không tìm ra điều ấy được… Tự ái của một con trai không cho phép tôi đến tìm Giang thêm nữa. Tôi trở lại Saigon…

Tình yêu vẫn còn đè nặng trong tâm hồn tôi. Người ta bảo tình yêu chỉ là một sự gần gũi lâu dài, tôi không nghĩ thế. Càng xa Giang, tôi càng yêu nàng, càng nhớ nàng và tôi càng khổ sở. Cha tôi nhận ra vẻ khác lạ của tôi, nhưng người làm sao hiểu được lòng tôi đang tan nát. Đã có những kỳ nghỉ lễ, dù chỉ một hai ngày, tôi cũng vội vã lên Đà Lạt, không phải để gặp nàng mà để nhìn lại cảnh xưa, tìm lại những dấu chân kỷ niệm…

Cho đến Noel năm ngoái, tôi mới gặp lại nàng, cũng trên con đường nhỏ tới suối Cam Ly. Nàng đi phía trước tôi, vẫn bộ quần áo mầu xanh ngày xưa, vẫn chiếc áo len hồng, vẫn mái tóc huyền óng ả… Nàng đang cúi đầu đếm bước, vẻ suy tư. Chỉ một giây thôi, kỷ niệm bừng sống dậy trong lòng tôi như một làn thác lũ! Tôi bước vội. Hình như nàng cũng đang để hết tâm tư trở về kỷ niệm nên tôi đến sát bên nàng mà Giang vẫn chưa hay biết.

Giọng run run vì xúc cảm, tôi gọi khẽ:

« Giang… em… »

Nàng giật mình quay lại. Tôi thấy mặt nàng đầy lo sợ nhưng lại thoáng vẻ vui mừng.

Nàng cố trấn tĩnh và mỉm cười với tôi, nụ cười héo hắt:

« Anh lên nghỉ mát? »

« Anh lên tìm Giang. »

Nàng cố giấu vẻ cảm động:

« Chắc anh nhớ Đà Lạt nhiều? »

« Không, anh chỉ nhớ Giang, lúc nào anh cũng nhớ Giang. »

Tôi thấy Giang cúi đầu, mắt long lanh như sắp khóc, chúng tôi yên lặng, đứng bên nhau thật lâu. Đột nhiên Giang úp mặt vào ngực tôi khóc nức nở, vai nàng run run…

Tôi xiết mạnh vòng tay lại, mặc cho nước mắt nàng thấm ướt cả ngực tôi qua làm vải áo, một cảm giác lạnh lẽo đang len lén truyền vào tim tôi…

Chợt Giang sẽ đẩy mạnh tôi ra và nói nhỏ qua làn nước mắt:

« Anh về đi ! Anh đừng tìm Giang nữa, chỉ làm khổ cho nhau thôi! Giang van anh, anh về đi… »

Tôi ngẩn người kinh ngạc – Tôi không sao hiểu nỗi nàng nữa! Tôi không sao hiểu được nàng!

*

Đalat ngày…

Anh Hoài yêu dấu,

Giang suy nghĩ rất nhiều trước khi viết thư cho anh. Giang biết lúc này anh đang khổ sở, anh đang mong ngóng tin của Giang, nhưng Giang cũng biết khi đọc thư, anh sẽ buồn khổ gấp trăm lần.

Không phải nói thì anh cũng hiểu, dịp hè 3 năm về trước, mùa hè của chúng ta, đã để lại cho Giang thật nhiều kỷ niệm đẹp, kỷ niệm mà có lẽ suốt đời Giang còn nhớ. Mấy tháng gần nhau, Giang đã trao trọn cho anh tất cả những cảm tình tha thiết nhất của mối tình đầu – Giang chưa bao giờ nói yêu anh, nhưng trong cử chỉ của Giang, ngôn ngữ của Giang tất cả đã nói lên tiếng yêu đương mà Giang chắc anh thừa hiểu. Anh cũng chưa bao giờ nói yêu Giang chắc anh chỉ mượn hoa để nói lên tình yêu dịu dàng đó. Giang đã sống một cuộc sống thiên thần trong sự yêu đương nhẹ nhàng và trìu mến của anh, nhưng trong thâm tâm Giang, một niềm lo sợ vẫn thường xuất hiện: Chúng ta yêu nhau mà lòng Giang thì bị ám ảnh bởi sự chia ly – Giang sợ lắm – Chúng ta quen nhau bằng bản nhạc “lá thu” - Tiếng ca của anh chiều hôm ấy vẫn ám ảnh Giang mãi mãi – Có lẽ tất cả là tiền định. Chúng ta không thể nào chống lại được sự sắp đặt của hoá công – Và bây giờ chúng ta đã xa nhau như lời bản nhạc.

Giang biết là anh khổ nhiều, nhưng Giang cũng không hơn gì anh cả. Những buổi chiều, Giang thường thẫn thờ ngồi bên cửa sổ, lòng mong được gặp anh, nhưng lại sợ anh tìm đến, hoặc đi lang thang tìm lại những kỷ niệm xưa. Giang cũng từng thấy anh thất thểu đi qua nhà Giang, áo quần xốc xếch, mặt mũi bơ phờ. Lúc đó trời đã hoàng hôn, tiếng chim chóc đang gọi nhau về tổ nghe buồn não nuột. Giang nhìn bóng anh mà nước mắt trào ra. Giang muốn chạy ra ôm lấy anh, ngã vào lòng anh để nói với anh ngàn lời thương nhớ, nhưng Giang lại sợ mình phạm tội. Anh biết không? Vì anh và Giang là hai anh em cùng mẹ khác cha… Mẹ anh không chết - Mẹ anh là mẹ của Giang đó, mẹ của chúng ta. Bà bỏ cha anh năm anh lên 2 tuổi và về với cha Giang. Đời thật trớ trêu. Những hoàn cảnh vô tình đã đẩy chúng ta đến đường cùng của vực thẳm. Chúng ta phạm tội – Vô lý thật – Chúng ta phạm tội, nhưng chúng ta vô tội. Và Giang biết quy tội ấy về ai.

Hoài ơi, em biết làm thế nào bây giờ….?

Giang.

Nguyễn Thanh Bình

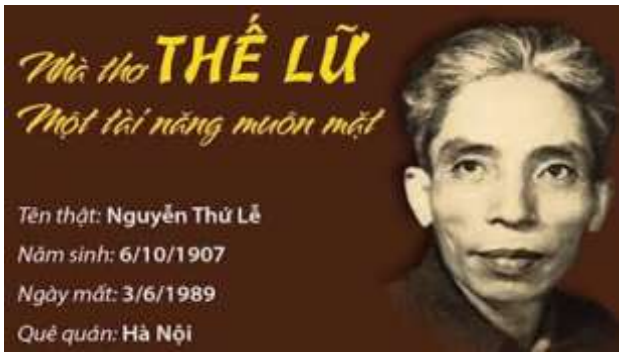
(*) LTS: Truyện ngắn “Lá thư“ đã đăng trên Nguyệt San Tình Thương vào năm 1964-1965, lúc tác giả đang là sinh viên Y Khoa 22,23 tuổi, viết với bút hiệu Yên Thảo. Sau ngày tốt ngiệp bác sĩ y khoa, ngoài tên thật Nguyễn Thanh Bình, tác giả còn viết với bút hiệu Bát Sách.



Nói lái

Lê Bá Vận

HÌNH ẢNH NÓI LÁI – RÂU ÔNG NỌ CẮM CẰM BÀ KIA



Nhà thơ THẾ LỮ. Một tài năng muôn mặt.
Tên thật: Nguyễn Thứ Lễ….

Thế Lữ (1907-1989) là bút danh do nói lái tên thật, **Nguyễn Thứ Lễ**, là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch và nhà hoạt động sân khấu. Thế Lữ nổi danh trên văn đàn vào những năm 1930, Trở thành thành viên của nhóm Tự Lực văn đoàn kể từ khi mới thành lập, năm 1934. Ông cũng dùng bút hiệu Lê Ta, giải thích "Lễ"= Lê + dấu Ngã, và Ngã=Ta..

Thế Lữ chiết giải thành 5 ký tự "ế h l t ữ". Sắp lại ế và ữ thuộc 2 chữ riêng, h và l không thế đứng chung. Rốt cuộc ta có 2 khả năng: Thế Lữ hoặc Hết Lữ.

Nói lái khá phổ biến, là một lối chơi chữ đổi chỗ âm đầu, vần hoặc thanh điệu của hai tiếng cho nhau để tạo ra từ mới mang ý nghĩa bất ngờ. Từ Lái được dùng nhiều trong khẩu ngữ, một số trong các tác phẩm văn học dân gian, viết nhằm gây tiếng cười hài hước, nói điều châm biếm, hoặc để đả kích một cách tinh tế người, sự việc, lắm khi dùng để diễn tả sự thô tục một cách kín đáo.

"Đem Râu Ông Nọ Cắm Cằm Bà Kia" là minh họa, biểu tượng của hiện tượng Nói Lai.

Hai bên Ông và Bà hoán đổi, ông trao Cằm Râu cho bà, bà nhận và đưa lại Cằm trơn.

"Đầu Ngô, mình Sở" cũng là biểu tượng của nói lái.

Hai nhân vật, một người đầu Ngô, mình Ngô, người kia đầu Sở, mình Sở.

Họ hoán đổi mình cho nhau. Người đầu Ngô nay có mình Sở…

Trong văn chương, Đầu Ngô, mình Sở, có nghĩa Đề tựa bài viết không ăn khớp với Nội dung.

Hai trường hợp trên là nói lái giữa 2 nhóm từ (ông nọ/bà kia hoặc râu ông nọ/cằm bà kia thay vì nói lái cổ điển, thu hẹp giữa 2 từ. Nói lái sẽ có phạn vi rộng, lớn hơn, tổng quát hơn, cao cấp và ý nghĩa linh hoạt hơn.

*
* *

Đại đa số các từ nói lái được tạo một cách máy móc, tùy tiện đều vô nghĩa, nên vô dụng.

Vd. Gia đình nói lái thành Ginh đà, vô nghĩa.
Chồng con nói lái thành Chon cồng.
Đất nước thành Đước nất,
Vị hôn thành Vôn hị.
Dược sĩ thành Dĩ sược.

Thiểu số còn lại, hữu nghĩa, thường biểu lộ sự sắc bén trí tuệ, dí dỏm.

Vd. Biệt thự nói lái thành Bự thiệt.
Hiện đại thành Hại điện.
Bảo điên thành Biên đảo.
Vali thành Vi la.
Các cụm từ lái này có cùng thanh dấu.

Một số Từ Lái khác, khác thanh dấu là phổ quát hơn.

Vd. Chính phủ nói lái thành Chỉnh phú.
Đầu tiên là Tiền đâu?
Tranh đấu thành Trâu đánh.
Trò chơi thành Trời cho.
Ca sĩ Chế Linh thành Lính chê.

Tuy nhiên Trời cho nói lái được 2 cách, là Trò chơi hoặc Tro Chời, vô nghĩa. Đầu tiên nói lài fhành Tiền đâu? Hoặc Điên Tầu, vô nghĩa. Chế Linh thành Lính Chê hoặc Linh Chế, vô nghĩa. Trong quá trình cấu tạo Từ Lái, các Từ Vô nghĩa nảy sinh, phải tự động được gạch bỏ,..

Một số từ lái gồm 3 chữ cũng xuất hiện.
Vũ Như Cẩn đọc lái là Vẫn Như Cũ. Nguyễn Y Vân là Vẫn Y Nguyên. Tôi lấy vợ thành Vơ lấy tội. Án Đô Vương Trịnh Bồng, vị chúa Trịnh cuối cùng thời Vua Lê – Chúa Trịnh được đọc lái, Án Đô thành Đố An và đó là thời loạn lạc, Trịnh Bồng giữ ngôi chúa chỉ được một năm.

*
* *

<u>Phương pháp Tổng quát tạo Từ Nói Lá</u>í.
Vd. Thực tập dùng từ "Chính Phủ".
Từ "Chính Phủ" gồm 3 thành phần.
+ Phân đầu là phần Phụ âm (CH và PH).
+ Phần hai là Phần Vần (ính và ủ).
+ Phân ba là Thanh dấu (dấu sắc và dấu hỏi).
Thực hành – Gồm 3 bước.

<u>- Bước</u> 1 hoán đổi vị trí 2 phụ âm đầu CH và PH.
<u>- Bước 2</u> hoán đổi vị trí 2 Vần cuối Ính và Ủ.
<u>- Bước 3</u> hoàn chỉnh đổi chỗ các dấu thanh Sắc và Hỏi.

<u>Sơ Đồ Tạo Từ Nói Lái</u> "Chính Phủ".
A) Chính Phủ - B (Phú Chỉnh – Phính Chủ) – C (Chú Phỉnh - Chỉnh Phú) – D) Phủ Chính.
<u>Giải Thích</u>:
A) "Chính Phủ" là từ gốc, khởi phát tiến trình Nói Lái.
B) Kết quả Bước 1: -1(Phú Chỉnh – Phính Chủ) là hoán đổi vị trí 2 phụ âm đầu CH và PH.
C) Kết quả Bước 2: -2(Chú Phỉnh – Chỉnh Phú) là hoán đổi 2 vần cuối, Ính và Ủ.
D) "Phủ Chính" ở cuối câu là từ đọc ngược của từ gốc.
"Chỉnh Phú", kết quả hoán đổi ví trí các dấu thanh, trùng hợp với Chỉnh Phú ở kết quả C, Bước 2.
Nhận Xét: Trong các từ lái của từ Chính Phủ được tạo thì chỉ có từ "Chú phỉnh" là hữu nghĩa.

Hệ luận**—**Các hoán đổi vị trí không xẩy ra.trong các trường hợp:
+Các phụ âm đầu giống nhau Vd. Chính Chủ. Không có từ lái Bước 1.
+ Các vần cuối giống nhau. Vd. Chính Lính. Không có từ lái Bước 2.

Ngoại Lệ - "Đơn giản" nói lái thành 'Đang giỡn'. Đúng thì phải nói "Đan giởn".
- Thừa một ký tự 'g' (Từ Huế vào miền Nam, phụ âm 'n' được đọc là 'ng' ở cuối chữ. Đan phát âm thành Đang),
- Nguyên âm 'ơ' đọc chệch ra 'a', 'Đơn' là 'Đa' (Vd. Cao đơn hoàn tán).
- C các dấu hỏi, ngã đặt sai vị trí. 'Giỡn' thì dấu 'ngã, trong khi 'Giản' mang dấu 'hỏi'..
Vd khác: Gà Vịt thành Ghịt Và, G phải viết là GH. Đèo Cả thành Đà Kẻo, C đổi thành K. Công đoàn thành Quan Đồng. C đổi thành Qu.
"Sao Vàng", nói lái thành "Sang Giàu". Đúng thì phải nói 'Sang Vào'. Song giọng Nam bộ phát âm 'Vào' thành 'Dzào' hoặc 'Giàu'.
Nói Lái là theo phát âm, thỉnh thoảng không trùng hợp với chữ viết.
Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết, có nhiều phụ âm, nguyên âm và thanh điệu nên sự tạo từ nói lái là dễ dàng và thuận lợi..

Các trường hợp ngoại lệ trên dễ xảy ra ở các câu đố, câu hò do cần đối đáp nhanh. Vd, Bên Nữ rao: "Con cá đối nằm trên cối đá…" thì bên Nam tức thì hò đáp: "Chú mèo cụt núp dưới mút kèo…" Bên Nữ chấp nhận và tiếp tục hò câu khác, măc dù Mèo cụt nói lái phải là Mụt kèo. Để câu hò đối hoan hảo, có thể đổi: "Mèo cụt/Mút kèo thành Mèo cái/Mái kèo". Tuy vậy 'c' phải đổi thành "k".

*
* *

Trong ngoại ngữ có 3 hình thái chơi chữ và tạo chữ:
<u>1) Anagram</u> (Phép đảo chữ). Sắp xếp lại các chữ cái trong một từ hoặc cụm từ. Vd. Silent
(im) thành listen (nghe). Stop thành Post.
Trong tiếng Việt thì Nguyễn Công Hoan thành Nguyễn Công Oanh. Miên thành Niêm. Tiến thành Niết, Mắt thành Tắm, Me thành Em, Cá thành Ác…
<u>2) Reduplication</u> (Từ Láy). Ví dụ: *Chit-chat* (nói chuyện phiếm), *Mishmash* (hỗn độn).
Trong tiếng Việt: Lấm Lét, Lác đác, Sạch Sành Sanh, Khít Khìn Khịt, Hí Ha Hí Hởn.
Từ Láy tiếng Việt rất phong phú, Tất cả đều được định nghĩa trong Từ điển.
Ngược lại Từ điển không ghi bất cứ từ lái nào.
<u>3) Spoonerism</u> (Nói Lái). Đặt theo tên của **Giáo sĩ William Archibald Spooner (1844-1930) ở ĐH Oxford** là người nối tiếng có thói quen đãng trí hay nói lộn ngược, ví dụ, **"You have hissed my mystery lecture"**, ***(Anh đã la ó bài giảng đầy bí ẩn của tôi*)** thành "**You have missed my history *lecture"****(Anh đã bỏ lỡ bài giảng về lịch sử của tôi).*
Một thí dụ khác: **The Lord is a shoving leopard"** thay vì **"The Lord is a loving shepherd"** ***(Chúa là một con báo hung dữ" thay***

vì "Chúa là một người chăn chiên yêu thương").
Ở 2 thí dụ trên, phụ âm h đổi chỗ cho m và phụ âm sh đổi chỗ cho l.
Tuy nhiên Spoonerism chỉ giới hạn thay đổi chỗ các phụ âm đầu, không sánh bằng Nói Lái trong tiếng Việt, có phạm vi đổi chỗ bao gồm thêm phần vần và thanh dấu.

*
* *

Nói lái nói chung nhằm 3 mục tiêu:
*1- có tính cách "bông đùa, mua vui",
*2- hoặc "mỉa mai, châm biếm, đả kích".
*3 - "diễn tả sự thô tục một cách kín đáo".

1) Bông đùa mua vui. Tức cảnh.
Vd.. Ký sư nói lái là Cư sĩ. Trời cho thành Trò chơi. Biệt thự, Bự thiệt. Câu đối - Cối đâu?
Tôi lấy vợ thành Vơ lấy tội Bán hổ chết là Bán hết chỗ. Hương giữa đèo, Heo giữa đường.
Con ngựa là Cưa ngọn, Cựa ngon. Con cua, con rồng thành Con công, con rùa. Con cóc, con sáo là Con cáo, con sóc..
2) Châm biếm, đả kích.
Thí dụ. Chính phủ là Chú phỉnh. Lưu manh là Lanh mưu. Hiện đại gây Hại điện. Đầu tiên là Tiền đâu? Đấu tranh, Tránh đâu?. Vũ Như Cẩn là Vẫn Như Cũ. Nguyễn Y Vân là Vẫn Y Nguyên. Chú trong họ, Chó trong hụ. Cô tiên khồng là không có tiền. Nhứt cư là như cứt, Nhứt Cậu là nhậu cứt là những câu khen châm biếm kẻ rất giỏi, giỏi nhứt.
3) Diên tả kín đáo sự tục tĩu.
Điển hình là các câu Kiều: "*Tiếc thay một đóa trà mi. Con ong đã tỏ đường đi, lối về"*. Hoặc: *"Nước vỏ lựu, máu mào gà. Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên*"
Đáng tiếc các câu Kiều, thơ lục bát, không sử dụng từ Lái.
Không sử dụng từ lái, nói chung gặp rất nhiều, khắp nơi, trong các so sánh, ẩn dụ, nói theo vần vd."dân ngu khu đen, ăn chắc, mặc bền", nói theo bằng, trắc vd, lên voi xuống chó, trèo cao, ngã đau. Nếu nói lái thì ăn chắc thành ắc chanh, mặc bền thành mền bặc.

Nói Lái thô tục dễ xẩy ra lúc bạn bè trò chuyện tếu, vui cười.
Giai thoại Lao Ái thời Chiến Quốc, sở hữu dương vật ngoại cỡ, được Thái hậu Triệu Cơ, mẹ Tần Thủy Hoàng, sủng ái.
Đối lai Việt Nam không kém, có Hoàng thân Trần Ích Tắc (1254-1329) là Tắc Cọ. .
Một cuộc Đại du hí là Ngạo du lớn. Mới nứt mắt đã khôn liền. "*Sự bất quá tam*" không để đến Bốn Lần.
Nói lái phải tục mới vui, mới cười được, chứ nói lái thông thường thì chẳng có gì hấp dẫn.

Người miền Trung, đặc biệt người Huế có thể xem là tổ sư nói lái?, nhất là nói lái rất tục tĩu. Bắc, Nam lai rai, ít?
Các năm 1955 – 1962, Các Thủ hiến Trung Việt mua tại Sài Gòn, 2 căn phố lầu, 27- 29 Bùi Quang Chiêu (nay Đặng Thị Nhu) để làm Học xá cho các sinh viên miền Trung vào Sài Gòn học Đại học. Đa số là người Huế. Những ai có tên Tắc, Tôn, Cao, Lan, Lê, Đại, Đạo, Đốn, Liên, Ngôn, Du, Đệ… thường bị chọc cười nói lái tục tĩu và chỉ cười trừ.
Học xá đóng cửa năm 1962, vài năm sau ĐH Huế mở cửa.

Nói lái trong tang lễ, hôn lễ.
Để chia buồn môt người vợ vừa chết, có bức phướn viết 2 chữ KHUYNH ĐỊA
Giải thích là "Méo Đất" và tất nhiên phải hiểu bằng cách nói lái.
Trong một lễ cưới có câu chúc mừng "Miêu Bất Tọa". có nghĩa ‘'Mèo Không Ngồi", tức là "Mèo Được Đứng". Nói lái kín đáo.

Nói lái trong các thơ văn câu hò, câu đối.
Trai Thủ Đức năm canh thức đủ. Gái Gò Công sáu khắc gồng co.
Con cá đối nằm trên cối đá. Lát cá thu suýt bị cú tha. Chú cò lửa đứng trước cửa lò.

Giai thoai trong dân gian thì nổi bật xuất sắc là các Trạng Trình, Trạng Lợn và Trạng Quỳnh. Trạng Trình được biết qua những câu Sấm tiên tri thời cuộc. Trạng Lợn với những chuyện tếu, châm biếm tệ nạn xã hội, giới quan lại. Tuy nhiên 2 Trạng Trình, Trạng Lợn không sử dụng từ lái, Trạng Quỳnh độc nhất là Trạng Nói lái, thanh có, tục có. Có thể nói hầu hết người Việt Mam đều nghe nói đến Trạng Quỳnh, biết tài nói lái của ông.

Giai thoại "Đại Phong". Trang Quỳnh dâng Chúa Trịnh một món ăn dân gian, là một lợ nhỏ nước chấm đặc sệt, dán tên "Đại Phong" Chúa ăn khen rất ngon miiêng. Quỳnh giải thích, Đại Phong là Gió Lớn. Gió lớn làm sập chùa. Sập chùa thì các bức tượng lo Tượng lo là Lọ Tương,

Giai Thoại "Ngọa Sơn". Trạng Quỳnh vào xin gặp Chúa. Lính hầu nói Chúa đang ngủ trưa ở hậu cung. Quỳnh ngồi chờ một lát, viết vào lá thiếp 2 chữ "Ngọa Sơn", giải thích: 'Ngọa' là Nằm. 'Sơn' là Núi. Nằm thì có Ngủ. Ngủ thì có Ngáy. Sơn là núi, núi thì có Đèo. Chúa đang bận Ngày Đèo.'.

Giai thoại "Đá Bèo". Một hôm trời nắng nóng bức, Quỳnh ra bờ ao, lấy chân đùa nghịch, đá mấy ngọn bèo. Kiệu bà Chúa đi ngang, Bà Chúa thấy lạ mắt, cho dừng kiệu, bước xuống hỏi Trạng đang làm gì. Quỳnh tỉnh bơ, đáp: "Thưa nương nương, nắng cực nên tôii đá bèo." Bà Chúa hiểu câu nói lái, thẹn đỏ mặt, vội lên kiệu, hối thúc đi thẳng một mạch. Thầm nghĩ Nói hay Đừng? Nói ra thêm chuốc nhục?

Tiêu biểu giai thoạ Nói Lái về địa danh được thể hiện trong văn chương là qua bài thơ của Bá huyện Thanh Quan *"Bước tới Đèo Nganh bóng xế tà…".* Đèo Ngang thuộc dãy Hoành Sơn, tỉnh Quảng Bình.

Đèo Ngang nói lài là Đang Nghèo. Nếu đổi tên là Đèo Nghếch sẽ thành Đếch Nghèo (hoặc Đèo Ngã – Đã Nghèo). thì dù chưa kịp giàu sang song ít nhất là không còn nghèo,

Được thế thử mở khu du lịch Đèo Nghễch để đứng Đèo chiêm ngưỡng bức tranh thủy mặc độc đáo, cảnh núi sông hùng vĩ, song sống động với "tiều vài chú, rợ mấy nhà".

Lê Bá Vận



Nhìn thu người lại nhớ thu ta
Lá me bay buổi trưa yên ả
Hai đứa mình sánh vai đi học
Hạt mưa rơi ướt tóc em qua

Tống Phước Hiệp đã xa từ ấy
Bài thơ chép trên giấy màu mơ
Vẫn còn đây e ấp mong chờ
Vĩnh Long cũ còn ai đứng đợi?

Anh bây giờ xa em vời vợi
Mỗi mùa về nghĩ ngợi nhớ ai
Vẫn thương mùa có lá me bay
Người yêu hỡi có hay thu đến?

Kim Oanh



Anh ru, em ngủ,
Trời đã vào Thu,
Cho cây rừng thay lá,
E thẹn tắm sương mù!

*****

Anh hát bài tình ca.
Ngọt như giòng sữa mẹ.
Ru em ngày thơ bé.
Cho em giấc ngủ mê.

*****

Từng nụ hôn thật êm.
Đặt trên môi em mềm.
Anh dìu em vào mộng.
Em cứ ngủ đi em.

*****

Mưa Thu đang rơi rơi.
Tí tách trên mái ngói.
Trời bắt mây thành khói.
Phủ giăng kín khung trời.

*****

Lá vàng bay theo gió.
Rủ mây về đây giăng.
Lá vàng bay đâu đó
Cho lòng ai bâng khuâng.

*****

Lá vàng bay theo gió
Em cứ ngủ đi Em.

Bài thơ nầy đã được phổ nhạc và các bạn có thể nghe trên YouTube qua link sau:
https://www.youtube.com/watch?v=dn45jLIFx6M

Viết lại Rancho Palos Verdes 21-9-2026

Tống Viết Minh

YKSG 65-72, HD 19, SB 58/57



Trái đắng

Bạch Phượng

"Canh khổ qua mẹ nấu chê đắng,
Cả một đời giải nắng dầm sương,
Sau này đi khắp muôn phương,
Làm sao nếm được tình thương mẹ già."

Dù qua một mùa hè nắng hạn, cây khổ qua trồng trong chậu vẫn đơm hoa kết trái, nhờ được vun trồng, tưới nước, chăm sóc kỹ lưỡng. Cây khổ qua được nước trổ giò, trèo lên hàng rào trắc bá. Mấy tuần sau vài quả đầu tiên đã lấp ló giữa đám lá xanh rì.

Nơi xứ lạ quê người, cái gì cũng lạ, vị "*khổ tận cam lai", đắng* lúc ban đầu, hậu ngòn ngọt phía sau, lại khiến nhiều người trân quý. Trái khổ qua ngày xưa không thèm rớ tới, nay trở thành niềm hãnh diện, mang tới biếu bạn bè.





Khổ qua *(hay còn gọi là* ***mướp đắng****) là tên phiên âm từ Hán-Việt, có nghĩa là quả dưa đắng, tiếng Ấn Độ là Karela, tiếng Nhật là Goya, Hàn Quốc gọi là Yeo-ju. Các nhà thực vật ban cho nó cái tên khoa học* ***Momordica charantia****, thuộc họ bầu bí, thảo mộc vùng nhiệt đới. Chữ Momordica xuất phát từ gốc Latinh "mordere" có nghĩa là cắn,* bắt nguồn từ hình dáng bề ngoài của trái trông như thể chúng bị ngoạm khuyết đi. Nghiên cứu gần đây cho thấy nguồn gốc di truyền của khổ qua nằm ở Châu Phi. Vào thời tiền sử, dạng hoang dã của mướp đắng là một loại thực phẩm chính giống người Kung trong những mùa khô khắc nghiệt. Chỉ vài nghìn năm trước, nó mới đến Châu Á, nhưng lộ trình không rõ. Từ Ấn Độ, cây khổ qua thuần hóa, được truyền sang Trung Quốc vào khoảng thế kỷ thứ 14, sau đó lan ra khắp vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới trong khu vực Á và Phi châu với các loại lai giống khác nhau. Hiện nay, khổ qua cũng được canh tác tại Nam Mỹ và Caribe, có lẽ do người nô lệ da đen mang đến.

Cây khổ qua là loại dây leo, thân có tua để quấn vào giàn, chu kỳ sống từ 3-4 tháng, có thể dài đến 4-5 m. Hoa đực có cuống ngắn, hoa cái cuống dài mang bầu noãn hạ. Hai loại nở riêng rẻ nên cần nhờ côn trùng, chủ yếu là con ong để thụ phấn. Cây khổ qua mọc trong vườn thành phố hiếm côn trùng, nên lắm lúc người trồng phải thay ong làm Nguyệt Lão. Cây khổ qua có thể chịu đựng nhiều điều kiện khác nhau, nhưng nảy nở tốt nhất trên đất thoát thủy và giàu chất hữu cơ, cần nhiều phân bón.









Lá *Hoa cái* *Hoa đực* *Trái xanh*

Nếu mướp đắng được để chín hoàn toàn trên cây, nó sẽ biến đổi một cách ngoạn mục, chuyển từ xanh sang màu vàng cam rực rỡ. Một hiện tượng kỳ lạ xảy ra, trái đột nhiên nổ, gập các lớp vỏ ngoài lên, để lộ phần bên trong nhớt, màu đỏ như máu chứa hạt già. Trong lúc bản thân quả trở nên đắng không ăn được, phần thịt đỏ xung quanh hạt có vị ngọt,

nhưng chứa nhiều chất độc.





Trái chín *Hạt*

Ngày nay người ta cấy nhiều giống khổ qua lạ, cho nhiều trái nhờ có sức kháng mạnh.






Khổ qua Đài Loan *Bạch Ngọc* *Thanh Ngọc* *Giống Pakistan*




Giống Ấn Độ *Giống Trung Hoa*

Thiên nhiên lắm lúc cung cấp những điều kiện hiếm có để tạo thành dị quả. Ông Kazuhiro Takashi hái được trái khổ qua có hình dạng một loài chim. Ông cho biết, chạy theo phong trào đang phổ biến ở Nhật Bản, ông dựng giàn khổ qua trước nhà, làm màn che những cơn nắng hạ thất thường. Giống cây ông trồng lấy từ Okinawa, loại nổi tiếng ngon nhất ở Nhật. Lúc đầu, ông định hái trái có hình thù cổ quái vứt đi, nhưng không ngờ nó lại biến ra hình dáng con chim thật đẹp. Có lẽ trong quá trình phát triển một phần trái bị quấn vào thân, không lớn được.



Ngoài loại khổ qua trồng trên các bình nguyên, lúc sau này người ta còn thấy xuất hiện trên thị trường loại khổ qua rừng, có tên là Ô Pan, mọc hoang ở vùng rừng thưa, trên nương rẫy vừa mới đốt, nhiều nhất ở Long Khánh và Xuân Lộc. Trái khổ qua rừng nhỏ, chỉ độ một ngón tay và rất đắng, nên ngày xưa không ai hái để ăn mà chỉ dùng làm thuốc.





Ngày nay trái khổ qua rừng rất được dân nhậu, thích ăn đắng nuốt cay, ưa chuộng trong các quán ăn ở Bình Long và Phước Long. Dưới cơn nắng gay gắt mùa hạ, ăn gỏi khổ qua, kèm thêm miếng khổ qua kho riềng, cuối cùng nhúng trái, lá và đọt khổ qua rừng tươi xanh vào nước dùng nồi lẩu, hầm bằng sườn heo thì thật là khoái khẩu.

Nông dân nghèo rớt mồng tơi, đi cấy mướn lấy công, chỉ sống nhờ vào mấy con cá lòng tong, tép riu trong đìa, đám rau trong vườn, giàn khổ qua, mướp ngoài ngõ, có đắng thì cũng rán ăn cho qua bữa. Lá và đọt khổ qua đắng quá mà cũng được dùng làm rau sống hay xào chung với rau thập tàng chấm nước kho. Món ăn chế biến từ khổ qua nhiều vô số kể, tùy theo sáng kiến của các bà nột trợ và các vật liệu có sẵn trong nhà. Nhưng phổ biến hơn hết là canh khổ qua nấu với tép hay thịt bầm, khổ qua hầm thịt hay cá thác lác, khổ qua xào trứng. Ngày nay, người ta lại còn thích thưởng thức trà khổ qua pha chanh đắng như "*hương vị cuộc đời*". Mứt khổ qua với màu vàng trong hoặc xanh ngọc bích lạ mắt, vị ngọt thanh hòa quyện cùng chút vị đắng nhẹ đậm đà thêm hương vị ngày Tết.

Từ bao thế kỷ, khổ qua được phổ biến nhờ dược tính. Các nhà nghiên cứu Đông, Tây đã khám ra một số các chất có ứng dụng hữu hiệu trong ngành thuốc chống ung thư, sốt rét, kháng virus, trị tiểu đường, tẩy giun, bảo vệ tim mạch và giảm cân. Nhưng các nhà khoa học cũng lưu ý, trái khổ qua có chứa chất gây ra triệu chứng huyết tán, cần cẩn thận trong việc tiêu thụ. Ngoài ra lớp vỏ màu đỏ bao bọc quanh hột khổ qua có thể gây độc hại cho trẻ em. Lớp áo màu đỏ này chứa hợp chất glycoprotein như **alpha-momorcharin** và ***beta-momorcharin,*** có độc tính đối với tế bào gan. Cơ thể của trẻ nhỏ, đặc biệt là hệ thống gan mật, chưa phát triển đầy đủ để có thể lọc và đào thải các độc tố này một cách an toàn như người trưởng thành.

Trong văn hóa, sự khác biệt giữa Bắc và Nam không chỉ nằm trong tên gọi mà cả ẩn ý phía sau. Tên mướp đắng của miền Bắc mang vị chát đắng, biểu tượng cho sự khắc nghiệt, lam lũ của đời sống

nghèo khó hoặc là so sánh mang tính cách châm biếm cay đắng. Dân miền Bắc có câu "***mạt cưa mướp đắng"*** *để chỉ sự chạm trán của hai kẻ lừa đảo, dựa theo câu chuyện cổ.*

"Hạt tiêu cay đắng dãi dầu,
Ớt kia cay đắng ra màu xót xa.
Mặt kia mà tưới nước hoa,
Ai đem mướp đắng mà hòa mạt cưa..."

Chuyện kể rằng..

Chàng nho sinh được thừa hưởng gia tài do cha mẹ để lại, nhưng chỉ lo lêu lỏng chơi bời, bỏ bê việc sách đèn nên thi hoài không đỗ, tiền của cạn dần. Dân làng không nở để nho sinh chết đói nên làm mai anh ta cho người đà bà góa đảm đang. Chàng nho sinh vẫn chứng nào tật ấy, ăn bám vợ, cho đến lúc tiền dành dụm của vợ cũng hết sạch. Chàng ta bèn nghĩ kế hái ra tiền mà không cần làm lụng cực nhọc. Chàng ta đến xưởng gỗ hốt mạt cưa giả làm cám heo ra chợ bán. Đến chạng vạng tối có người đàn bà đi ngang qua, đội thúng mướp đắng không ăn được, nói dối là dưa chuột, xin đổi lấy cám heo. Trong áng sáng mờ ảo buổi hoàng hôn hai người vui vẻ trao đổi hàng. Chàng nho sinh không dấu nụ cười khi nhìn giỏ mướp đắng, mụ đàn bà hí hửng mừng thầm khi vớ được mớ mạt cưa. Cả hai không ngờ mình đã bị lừa. Trong truyện Kiều, Nguyễn Du đã dùng điển tích này để tả Mã Giám Sinh và mụ Tú bà đều là hai phường bịp bợm:

"Tình cờ chẳng hẹn mà nên
Mạt cưa mướp đắng đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn bán phấn hương đã lề."

Theo triết lý dân gian Nam Bộ, chữ "khổ" (đắng) và "qua" (trôi qua, quả dưa) gửi gắm ước nguyện "cái khổ mau qua".

"Cầm lên một trái khổ qua
Khổ thì chịu khổ, qua thì qua luôn."

Qua nhiều thế hệ, vị đắng đặc trưng, khi nhai kỹ sẽ để lại dư âm ngọt ngào, tượng trưng cho tinh thần lạc quan, kiên cường vượt qua mọi gian khó, nhọc nhằn trong cuộc mưu sinh, vì vậy món khổ qua hầm xuất hiện trên mâm cỗ ngày Tết. Tô khổ qua dồn thịt cũng thường thấy trên các mâm cơm cúng mang ý nghĩa, vỏ đắng tưởng nhớ sự khó nhọc, vất vả của người đã khuất để tạo thành cái nhân ngon lành bên trong cho con cháu.

Văn chương miền Nam dành cho trái khổ qua một địa vị khiêm nhường. Trong ca dao, hò, vè hay văn học, khổ qua không xuất hiện kiêu sa đài các như hoa thơm cỏ lạ, chỉ là loài mộc mạc leo trên giàn trước hiên hay trên mảnh vườn sau hè, như bản tính chân chất người miền sông nước.

"Tôi với em hai người cùng một xóm.
Nhà của em có trồng đám khổ qua.
Mỗi bình minh còn nặng giọt sương sa.
Tôi nhìn mãi cánh tay ngà em tưới nước..."

"Dây khổ qua bông vàng nhụy trắng,
Trái khổ qua tuy đắng nhưng đượm thắm hương tình..."

(trích từ bài Vọng cổ "Trái khổ qua" của soạn giả Viễn Châu)

Văng vẳng trong gió chiều, tiếng ai hò não nuột.
Hò ơ…
Khổ qua mắc nắng, khổ qua đắng khổ qua đèo
Dầu sanh, dầu tử, dầu nghèo em cũng thương
Hò ơ…
Trách ai trồng đám dưa hường
Anh ăn vào dạ, hò ơ... thay lòng bỏ em".

Khổ qua là món ăn quảng bá trong nhiều quốc gia ở Á-Phi, ăn tươi hay nấu chín, mỗi nơi một kiểu, tùy theo thổ sản và các gia vị sẵn có.

Khác với Việt Nam, trong văn hóa Trung quốc, trái khổ qua được kính trọng, mệnh danh là *"rau của giới quý tộc"* hay *"trái của người quân tử"*, bởi vì khi nấu nó vẫn giữ nguyên vị đắng của mình và không ảnh hưởng đến mùi vị của các nguyên liệu khác, như bản tính người vị tha, cao thượng, không truyền sự đau khổ của mình cho tha nhân.

Trong văn hóa Ấn Độ, Khổ qua cũng không chỉ đơn thuần là một loài rau củ. Triết học Ấn Độ cho rằng, khổ qua là biểu tượng sức khỏe, sự cân bằng tinh thần và cuộc đời hai mặt: *ngọt và đắng; đau khổ và hạnh phúc.*

***

Món canh khổ qua hầm thịt, thuở ấu thơ thường không để mắt tới, giờ đây sao lại nhớ? Có phải vì không còn ba má cả đời ăn giùm vỏ đắng nghét, nhường lại cho đàn con thịt dồn ngon ...

Bạch Phượng





Tranh: Hương quê của Huỳnh Anh

Hương quê

Chờ em gánh nước giếng trong,
Vườn nhà hái nhánh rau đồng, lá giang,
Bếp hồng nhuốm ngọn lửa than,
Nấu cơm gạo đỏ, chiên vàng cà xanh,
Muối dưa nêm nếm trả canh,
Mặn mà hương vị nồi canh rau vườn.
Bới anh chén gạo Nàng Hương,
Mời anh thưởng thức xứ vườn món ngon,
Cá rô chiên nướng thơm giòn,
Cá trê kho tộ, dừa non thêm mùi.
Tráng miệng ngon miếng khoai lùi,
Nhâm nhi nước béo ngọt bùi chè thưng,
Nửa chìm nửa nổi lưng chừng,
Bánh trôi nhân đậu mùi gừng thơm tho.
Mời anh nếm khoanh bánh bò,
Chuối chiên, xôi vị, xôi vò, bánh gai.

Chờ em trong sớm trời mai,
Hái sen chớm nở trong ngày rạng đông,
Đun nước trên bếp than hồng,
Pha trà thoang thoảng sen nồng sương mai,
Gói anh xôi nếp hương lài,
Trời trưa ngơi nghỉ đường cày cuốc sâu,
Gạt mồ hôi tắm bùn nâu,
Xôi ngon ăn với canh bầu cá trê.
Chiều về nắng tắt ven đê,
Có ly nước mát, sum suê mận đào,
Mời anh nước mía giải lao,
Múi thanh cam quýt, khoanh đào giòn tươi.
Tà dương nắng nhạt chiều rơi,
Bếp vui anh kể chuyện đời nông gia,
Mâm cơm quyện ấm khói trà,
Cá cơm đạm bạc, hương nhà quê hương,
Đơn sơ đời sống, nguồn thương,
Đậm đà như sóng đại dương rạt rào,
Mặn mà rau muống xào chao,
Như tình chồng vợ thương nhau trọn đời.
Dù bao dâu bể đổi dời,
Còn tình gia quyến, còn đời phước duyên.

Huỳnh Anh Trần-Schroeder



(Tranh: Huỳnh Anh)



Rừng Boulognes ngắm thu vàng lá,
Notre Dame chuông đồ ngân nga,
Dòng sông Seine đầy bateaux mouches,
Cafe vỉa hè rộn nhạc guitare

Ngày xưa đó trăng tròn soi sáng,
Tháp Eiffel trăng rải lụa vàng,
Rừng Boulognes lối mòn ngập lá,
Anh thẫn thờ mơ bóng em sang.

Giờ ngồi đây, trên dòng mông mênh,
Giọt mưa chiều rơi bến sông Seine,
Không gian lạnh, cà phê khói tỏa,
Vắng em rồi đời bỗng buồn tênh.

Trong sương chiều đàn ai nức nở,
Nhạc dương cầm dạo khúc bơ vơ,
Vầng thơ vụn vịnh ngày tháng cũ,
Dòng thời gian đệm tiếng bơ phờ.

Quán cà phê người ngồi lơ đãng,
Tiếng mưa rơi giọt vỡ trên đàng,
Bóng tà dương về tràn tâm tưởng,
Ngẫn ngơ buồn sum họp ly tan.

Đâu tiếng em cười, pha lê vỡ,
Dáng thướt tha, em gái mùa thơ,
Đường Paris não nề anh bước,
Mắt mỏi mòn ướt giọt mong chờ.

Em về đâu trên dòng định mệnh,
Bỏ sau lưng thành phố mông mênh,
Anh vẫn ngồi cà phê nguội lạnh,
Vọng giọt buồn trên sóng lênh đênh.

Trách ai đây dòng đời dâu bể,
Bao đổi dời đời sống lê thê,
Làm sao quên thủ đô ánh sáng,
Thuở vào yêu, đẹp ánh trăng thề.

Giờ đường yêu anh còn đi lại,
Chiều lẻ loi, bóng ngả lối dài,
Vòng tay vắng còn tìm hơi ấm,
Một thuở yêu người, mộng tình say.

Huỳnh Anh Trần-Schroeder



Tản-mạn về VĂN-CHƯƠNG DÂN-GIAN

Nguyễn-Lê-Hiếu

Theo yêu-cầu của vài thân-hữu, trong sinh-hoạt văn-hóa tháng 9-2026, nhà thơ nhà giáo Xuân-Bích đã trình-bày một số điểm liên-quan đến nền văn-học "bình-dân", phần lớn là ca-dao tục-ngữ, phương-dao ở nhiều địa-phương và về nhiều sắc-tộc. Ông đã trình-bày đề-tài này tại nhiều diễn-đàn, kể từ ở Viện Việt-học tại California tới các lớp Viêt-ngữ tại vài trường đai-học ở Oklahoma; ông cũng đã từng viết dăm tiểu-luận về Ca-dao Tục-ngữ trong nhiều năm qua. Xuân-Bích cũng giới-thiệu nhà sưu-tầm nổi tiếng Trần-Ngọc-Ngải, người đã thống-kê được "*Tục Ngữ có 4079 câu, Thành-ngữ 5809 câu, Ca dao 5010, Dân ca 1449*" khoảng cuối thế-kỷ trước. Bảy thập-niên trước đó, Ôn-Như Nguyễn-Văn-Ngọc, khoảng năm 1928, cũng thu-thập tục-ngữ phong-dao, sắp xếp rất khoa-học: *phần I xếp theo vần đầu của từ đầu tiên, theo mẫu-tự Quốc-ngữ a, b, c; mà trong mỗi vần a, b, c lại xếp theo số từ trong câu (theo chiều dài của câu ca dao), 3, 4, 5 cho đến 23 từ, khoảng trên 6500 câu… Phần II lại xếp các bài dài hơn, từ 4 câu trở lên, theo thể phong-dao, phân loại thêm theo từng mục đề-tài.* Nhắc tới hai nhân-vật trên để nói lên tính phức-tạp, đa-dạng và cũng rất phong-phú của văn-học lâu nay được gọi là bình-dân.

o0o

Dương-Quảng-Hàm viết: *Ở nước ta, trước khi có văn-chương bác-học, đã có một nền văn-chương bình-dân truyền-khẩu;* hàm ý là văn-chương bác-học đến sau, *do các nhà học-thức viết những bài văn theo khuôn phép hẳn-hoi,* có văn-bản rõ-rệt, thường biết được tên tác-giả. Còn trước đó, *văn-chương bình-dân đời-đời do sự khẩu-truyền* mà tuy vậy, *cũng rất phong-phú, chân-phác chân thực.*

Với những dữ-kiện kể trên, những tính-từ mô-tả như truyền-khẩu, bình-dân, đại-chúng, dân-gian có còn giữ đúng ý-nghĩa như các tác-giả thế-kỷ trước đã gọi hay không? Nguyễn-Văn-Ngọc cho hay đã từng tham-khảo cả mươi cuốn Ca-dao trước khi viết cuốn Tục-ngữ Phong-dao; bà mẹ ngày xưa học ca-dao từ bà ngoại nằm trên võng mắc bên hè, mẹ thời nay đọc ca-dao từ những bộ sách in đẹp-đẽ; thế-hệ sau vào thư-viện hay lên mạng tham-khảo ca-dao; tính-chất truyền-khẩu thành lỗi-thời. Từ bình-dân được dùng để đối-chiếu với từ bác-học khi mà chữ-nghĩa chỉ dành cho giai-cấp thiểu-số có học-thức trong tổ-chức xã-hội nhất sỹ nhì nông; cho nên bình-dân gợi ý không khuôn phép, thiếu kém tính-chất cầu-kỳ cao-phẩm (preciosité); tiêu-chuẩn này hơi quá chủ-quan. Từ đại-chúng ngày trước gợi ý một ước-lượng thống-kê khi giới "học-thức" ít-ỏi so với đại-chúng ít học hay mù-chữ; với việc Quốc-ngữ phát-triển khắp nơi khắp giới, tỷ-lệ thất-học xuống, từ đại-chúng "thất-học" mất ý-nghĩa. Do đó, trong bài này, chúng tôi muốn—và sẽ—dùng nhóm từ văn-học dân-gian (folklore). Tuy-nhiên đây chỉ là ý chủ-quan của người viết. Người đọc không đồng-ý xin tự-động thay đổi thành truyền-khẩu hay bình-dân hay đại-chúng cũng không sao.

o0o

Văn-học dân-gian

Văn-học dân-gian phổ-biến rộng-rãi, phần chính là ca-dao, tục-ngữ và thành-ngữ; ngoài ra còn có thể kể truyện, hát, hò, câu đố, v.v. Truyện có *cổ-tích* gồm những câu chuyện có mạch-lạc khẩu-truyền từ nhiều đời. *Thần-thoại* là chuyện về những nhân-vật có năng-lực siêu-nhiên (supernaturel); *truyền-thuyết* giống như thần-thoại nhưng dựa vào các nhân-vật và dữ-kiện căn-bản có kể trong lịch-sử huyền-sử như chuyện Thánh-Gióng hay Thần Kim-Quy. Truyện mang *tín-ngưỡng dân-gian* như Tấm Cám và cá bống. Truyện *ngụ-ngôn* chuyên-chở bài học sống khôn sống phải. Ôn-Như Nguyễn-Văn-Ngọc xếp các bài thơ dài hơn bốn câu trên 25, 26 từ vào loại *bài hát*; hát cũng hay đi song-song với *múa*, động-tác theo nhạc-điệu nhịp-nhàng; *hò* cũng gồm diễn-xuất âm-nhạc dân-gian nhưng đi cùng với các động-tác tay chân lao-động tập-thể như kéo thuyền, tát nước, kéo cưa. Căn-bản văn-chương dân-gian vẫn gồm ca-dao, tục-ngữ và thành-ngữ.

Ca-dao

Ca-dao có ca nghĩa là hát. Hát có âm điệu trầm-

bổng lên xuống ngân-nga; thường theo vần lục-bát vì thể đó đã sẵn chứa âm-điệu và vần; tuy-nhiên đó là đa-số nên cũng còn có ca-dao theo thể khác, câu bốn tiếng hay lẫn-lộn câu dài câu ngắn, trong những trường-hợp như vậy thì âm-điệu cũng biến-chuyển. Đề-tài ca-dao thường là tình-tự yêu-thương cảm mến; nhưng cũng có ca-dao lại chỉ là những nhịp điệu vô-đề có tính-cách bỡn-cợt.

Về mặt tình-tự, ca-dao nói lên lòng tự-tin, thí-dụ về sắc-đẹp kiểu-sa của mình, cô gái đứng bên bờ ao, phong-cảnh hữu-tình, có mây sao trên trời, khóm tre xanh chung quanh, dưới chân có ao có nước, có cá lượn tung-tăng, cô gái bày lòng tin vững-chắc thơ-ngây:

Trúc xinh trúc mọc bờ ao,
em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.

Trong làng có đình là kiến-trúc nguy-nga, cô gái đến gần quan-sát rồi ca:

Trúc xinh trúc mọc đầu đình,
em xinh em đứng một mình vẫn xinh.

Cô gái Bắc-ninh còn coi nhẹ cảnh thờ-phụng linh -thiêng hơn nữa, cô tuyên-bố:

Em là con gái Bắc-ninh,
Em nghiêng vành nón, mái đình nghiêng theo…

Kiêu-sa như vậy nhưng khi đã yêu thì cũng khăng-khít gắn-bó lắm:

Đôi ta như thể con tằm,
cùng ăn một lá, cùng nằm một nong…

Còn anh chàng thì tán vào:

Đôi ta như thể con ong,
con quấn con quít, con trong con ngoài…

Duyên phận không thành thì thương-tiếc:

Tóc mai sợi ngắn sợi dài,
lấy nhau chẳng đặng, thương hoài ngàn năm.

Đa-số theo vần lục-bát nhưng cũng có ca-dao gồm những câu ngắn:

Nu-na-nu-nống,
cái cống nằm trong,
cái ong nằm ngoài,
củ khoai nếm mật,
Phật ngồi Phật khóc,
con cóc nhảy ra,
con gà tú hụ,
bà cụ thổi xôi,
nhà tôi nấu chè …

những câu ngắn không có nghĩa liên-tục mà chỉ ghép vào cho có vần; ở đây, tiếng cuối câu trên gieo vận cho tiếng đầu hay thứ hai câu sau bắt vần: nống và cống, trong và ong; hoặc là mật và Phật; cũng lại có khi vần đuôi, hai từ cuối hai câu vần vơi nhau xen lẫn trong bài ca như:

Lậy giời mưa xuống,
lấy nước tôi uống,
lấy ruộng tôi cầy…

Kể ra mấy thí-dụ cho đủ mặt đủ loại nhưng nói chung, *đa-số ca-dao vẫn mang đề-tài tình-tự hát theo vần lục-bát.*

Tục-ngữ

Tục ở đây không có nghĩa là tiếp-theo như tục-biên, viết chép thêm; cũng không mang nghĩa xuồng-xã kém lịch-sự theo tiêu-chuẩn xã-hội như ăn-tục-nói-phét. Tục đây nói về nhưng thói-quen trong xã-hội đã được dân-chúng chấp-nhận từ lâu đời—mang hai yếu-tố: đại-chúng đồng-thuận và đã qua được sự thử -thánh của thời-gian. Tục, cũng gọi là lệ, tục-lệ, có tính-cách hướng-dẫn nhưng chưa mang tính-cách trói-buộc chặt-chẽ như luật; tục-lệ chưa biến thành luật phải dứt-khoát tuân-thủ, vi-phạm luật sẽ bị phạt-hình; chứ còn vượt qua tục-lệ thì không; cùng lắm thì bị "phạt vạ" phạt tiền hay chịu lời dè-bỉu tiếng thị-phi coi như là hình-phạt "miệng thế-gian".

Đề-tài tuc-ngữ là những lời dạy-bảo cách xử-thế, nhắc nhở những sự thực người xưa đã quan-sát và thấy là đúng, trong phép cư-xử trong xã-hội hay về hiện-tượng thiên-nhiên; và ngày nay thì đại-chúng chấp-nhận coi là đúng. Do đó, tục-ngữ thành túi-khôn đại-chúng ngàn-đời. Vì là bài-học nên tục-ngữ có hình-thức ngắn-gọn, dễ nghe dễ nhớ, vần giản-dị hay có khi không có vần nhưng mang hình-thức tiểu-đối.

Nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon, Môi hở răng lạnh, là nhận-thức xã-hội. *Khẩu Phật tâm xà* hay *Lấy lửa thử vàng, gian-nan thử đức* là nhận-xét về lòng người. *Cơn mưa đằng đông vừa trông vừa chạy,* rồi *Cơn mưa đằng nam vừa làm vừa chơi* là kinh-nghiệm hiện-tượng thiên-nhiên. *Đói cho sạch rách cho thơm, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* là mấy bài học xử-thế. Tục-ngữ ngắn-gọn, vần đơn-giản hay có khi không có vần, lúc đó hay mang hình-thức câu đối *Tiên học lễ hậu học văn*, *Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.*

Thành-ngữ

Thành-ngữ chỉ những cụm từ chùm tiếng, có chuyên-chở một cái ý bóng gió, có khi gợi hình vẽ cảnh, lúc rõ-rệt, khi xa-gần. *Khỏe như voi* dựa vào hình-thù to lớn nặng-nề của con vật; *trơ như đá vững như đồng* ám-chỉ vào khối bất-động-vật không tự di-chuyển được; *giỏi việc nước đảm việc nhà* khen-ngợi người phụ-nữ chu-toàn việc công việc tư. Thành-ngữ có ý nhưng chưa thành câu nên không đủ nghĩa, không thể nơi bâng-quơ một mình mà phải gài trong một câu riêng-rẽ đi trước. Trong trường-hợp này, thành-ngữ giữ một vai-trò phụ-giúp cho câu văn thêm ý. Đi theo động-từ, thành-ngữ trở nên trạng-từ bổ-túc cho hành-động. *Khỏe như voi* là thành-ngữ có ý mà chưa thành câu. *Ông ta ăn* là một câu trọn nghĩa. Ghép thành-ngữ vào câu thành *Ông ta ăn khỏe như voi* thì cụm-từ *khỏe như voi* giữ công-dụng một trang-từ bổ-túc cho (hành-động) động-từ *ăn:* ăn làm sao? Ăn khỏe như voi. Tương-tự như *Thằng ấy bướng không nghe lời khuyên* là câu trọn-nghĩa, nhưng thêm vào *trơ như đá vững như đồng* thì thành-ngữ có công -dụng bổ-túc cho tính-từ bướng. Một tờ-báo lá-cải đăng tin một chị cán-bộ dùng khẩu súng trong tay bắn lên trời hạ được máy bay B52 của địch rồi thản-nhiên về nhà nấu cơm nuôi chồng con; khen *chị Cán giỏi việc nước đảm việc nhà;* lúc này thành-ngữ đóng

vai trò một tính-từ (xưa gọi là tĩnh-từ) biểu-diễn cái phẩm-chất của chủ-từ—bổ-túc cho danh-từ—chị Cán.

o0o

Bình-dân và Bác-học giao-thoa

Văn-chương Bình-dân, theo Dương-Quảng-Hàm, có từ trước, vốn căn-bản truyền-khẩu, có thể tự-do đa-dạng, ngược với Văn-chương Bác-học, đến sau, dụng "tiếng Hán chữ-nho" theo các văn-luật thể Đường Hán nghiêm-ngặt. Về sau, các tác-giả "bác-học" cũng có sáng-tạo bằng chữ Nôm, rồi sáng-tác cả bằng hai thứ, khi chữ Hán, lúc chữ Nôm; có khi theo các thể-văn khuôn-phép nghiêm-túc Hán-học, nhưng có khi cũng theo các thể văn thuần-túy Việt như lục-bát và song-thất lục-bát. Rồi sau này sáng-tác một bài chuyển-ngữ thành hai phiên-bản một Hán một Nôm. Các tác-phẩm này thường mang dấu-ấn dân-gian, thể lục-bát hay song-thất-lục-bát và phô-bày tâm-tư Việt. Gs. Nghiêm-Toản xếp vào loại văn-học *vừa bình-dân vừa bác-học*. Chúng tôi ôn lại hai cách tiếp-cận hơi khác nhau của hai bậc thầy về văn học mà không bàn-cãi phán-đoán thêm; ý chỉ là mượn câu chuyện mà nói thêm vê sự liên-kết—hay giao-thoa—giữa hai mảng văn-chương dân-gian và bác-học.

Văn-chương bác-học đi vào ca-dao tục-ngữ

Có những lời hay ý đẹp sáng-tạo từ trong văn-chương bác-học, được dân-gian ưa thích nên truyền nhau ca-đi-hát-lại, riết trở thành ca-dao. Một thí-dụ là câu:



Hỡi cô tát nước bên đàng,
sao cô vớt ánh trăng vàng đổ đi.

Tưởng-tượng một đêm sánh trăng, ánh trăng soi-sáng không-gian, trên mặt đường, mặt ruộng ngập nước, ánh sáng long-lanh; cô thôn-nữ nhẹ vớt ánh trăng vàng đổ đi. Câu ca-dao đang thành-hình đang được lan truyền thì bỗng đâu, nhà thơ Bàng-Bá-Lân báo-động đó là câu thơ ông sáng-tạo gần đây đã bị người ta sao chép sửa đổi. Nhà thơ nói câu thơ thực ra là:

Hỡi cô tát nước bên đàng,
sao cô lại múc trăng vàng đổ đi.

Thử hỏi xem ca-dao đã chiếm-hữu (và sửa-đổi) hay là văn-chương bác-học đã đi vào văn-chương dân-gian?

Đến như thí-dụ *trơ như đá vững như đồng* kể trên, ta thấy nguồn-gốc từ Kiều, câu 2521, khi Nguyễn-Du tả cảnh Từ-Hải mắc lừa, bị Hồ-tôn-Hiến phục binh bắn chết đứng:

Khí thiêng khi đã về thần,
Nhơn-nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng,
(2521) Trơ như đá, vững như đồng
Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng rời.

Chỉ đến khi Kiều phục khóc dưới chân thì:

Lạ thay oan-khí tương-triền
Kiều vừa phục xuống Từ liền ngả ra!

Câu 2 trong Kiều cũng thành ca-dao cửa miệng quen-thuộc:

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Trong Nam, câu này hơi biến đổi, cụ Đồ Chiểu viết trong Lục-Vân-Tiên, câu 430:

Chữ tài chữ mệnh xưa-hòa ghét nhau.

Còn trong dân-gian lại biến thành

Chữ tài chữ mệnh vốn là ghét nhau.

Rủi-ro truyền-khẩu

Văn-chương bác-học không đi thẳng vào văn-chương dân-gian mà có chút biến-hóa, *khéo là* thành *xưa-hòa*, rồi lại thành *vốn-là*.

Trường-hợp Cô tát nước bên đường hớt ánh trăng là việc có thể cãi bàn thêm. Nhà thơ Bàng-Bá-Lân, vào năm 1934, ra mắt tập thơ Tiếng Thông Reo, trong đó có bài *Tiếng hát trong trăng:*

Trời cao, mây bạc, trăng tròn
__Đê__ than hiu quạnh, tre buồn nỉ-non.
Diều ai gọi gió véo von,
Cành xoan __đùa__ ánh trăng suông dịu dàng.
Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô lại __múc__ trăng vàng __đổ__ đi?

Hơn hai thập-niên sau, năm 1957, khi phổ-biến *Thơ Bàng-Bá-Lân*, bài thơ có đề mới *Trăng Quê* và có thay-đổi hai chữ:

Trời cao, mây bạc, trăng tròn,
__Dế__ than hiu quạnh, tre buồn nỉ-non.
Diều ai gọi gió véo von,
Cành xoan __dìu__ ánh trăng suông dịu dàng.

Hai câu kết không thay đổi.

- Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô lại __múc__ trăng vàng __đổ__ đi

Nhà thơ lý-giải ánh trăng nằm tỏa khắp nơi nên không vớt đi đâu được; nhà thơ muốn mô-tả công-tác tát nước giống như múc *hình-bóng* trăng phản-chiếu trên mặt nước và đổ đi. Ông nhấn-mạnh đến việc tiếng *múc đi đôi với tiếng đổ, tạo sự nhịp-nhàng trong*

động-tác múc-đổ của cô tát-nước. Nhà thơ giải-thích nét thẩm-mỹ thi-ca bị mất đi trong câu ca-dao.



Nghĩ cho kỹ, nhà thơ sáng-tác, từng in thành văn-bản rõ-ràng mà mấy chục năm sau, vẫn còn thấy nhu-cầu sửa-chữa thay đổi; thế thì dân-gian truyền miệng, làm sao mà cấm được việc sửa chữa vài tiếng này nọ. Thành ra thi-sỹ có khái-niệm mỹ-thuật của người sáng-tạo, dân-gian có lòng yêu chuộng của thưởng-thức của dân-gian. Dân-gian nắm đằng chuôi!

Từ Ca-dao tìm về Văn-chương Bác-học

Có những câu ca-dao quá quen-thuộc trong cuộc sống hàng ngày ít khi ngờ là văn bác-học. Khi thiếu bạn nhậu—hay bạn thân-thiết—người ta hay kể câu:

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua!

Câu "ca-dao" này thoát thân từ bài *Khóc Dương-Khuê* của Nguyễn-Khuyến; trở thành câu cửa miệng ưa-chuộng vì điệp-ngữ *không*, năm tiếng trong hai câu: một tiếng trong câu 6 và bốn tiếng trong câu 8. Đoạn thơ có nhiều câu tiếp theo

Câu thơ nghĩ, đắn-đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa?
Giường kia treo vẫn hững-hờ,
Đàn kia gẩy cũng ngẩn-ngơ tiếng đàn…

Cả đoạn nói nên nỗi buồn thiếu bạn tâm-tri; mỗi câu một nhắc đến người vắng mặt và nỗi nhớ-nhung da-diết nhưng hai câu đầu đậm-đà hơn là do mấy chữ *không* thảm-thiết.

Tưởng là ca-dao dân-gian nhưng thức ra hai câu đó thoát thân từ bài thi-ca bác-học *Khóc Dương-Khuê.* Mà bài thơ Nôm này lại thoát thân từ bài thơ Hán *Vãn đồng-niên Vân-Đình tiến-sỹ Dương thương-thư*. Thế mới thấy sự liên-kết giữa hai loại văn-chương dân-gian và bác-học không đơn-giản mà còn theo hai ba nấc.



Văn-chương dân-gian đi sang sân chơi bác-học

Chừ lại nói đến cảnh đối-ngược, ca-dao tục-ngữ được đưa vào khu vườn bác-học. Mấy nữ-lưu kiêu-kỳ coi nhẹ nam-giới, đanh-đá đỏng-đảnh bảo nhau:

Ba đồng một mớ đàn ông,
Ta bỏ vào lồng ta xách đi chơi

Chắc coi họ như chim lồng cá chậu mình nắm trọn cả nhóm, điều-động cả bầy. Các nam-tử cũng chẳng vừa, coi mình làm trọng làm quý, hiếm có trên đời; mới đáp:

Một đời được mấy anh-hùng,
Một nước được mấy Đức-Ông trị-vì,
Ới chị em ta ơi, nhớ câu phu xướng phụ tùy…
Nam thì nên trọng mà nữ thì chúng tôi …cưng!

Cụ Tố-Như đưa mấy câu ca-dao trên vào truyện Kiều, khi cho Từ-Hải sang gặp Thúy-Kiều: chàng khách ngang-tàng bộp-chộp hỏi nghe nói cô kén-chọn kỹ lắm, ít ai lọt vào mắt xanh phải không?

Bấy lâu nghe tiếng má đào
Mắt xanh chẳng để ai vào, có không?
Một đời được mấy anh hùng,
Bõ chi cá chậu, ***chim lồng mà chơi?"***

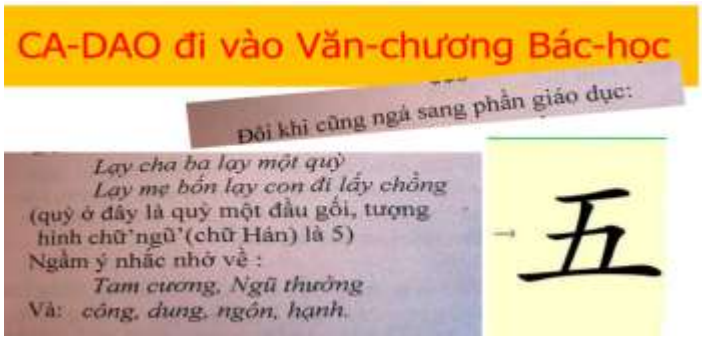




Hồ-Xuân-Hương cũng có tài gài tiếng nói dân-gian vào thơ. Dân có lệ phụ-nữ nào ngoại-tình hay bỏ-chồng-theo-trai có thể bị tội *gọt-tóc-bôi-vôi*. Bà lấy lễ Tổng Cóc nhưng không chịu được sự hành-hạ của hai bà chánh bà hai nên phải dứt tình bỏ Tổng Cóc, ra đi. Bà làm thơ tạ-từ, có hai câu kết:

Nòng-nóc đứt đuôi từ đây nhé,
Ngàn vàng khôn chuộc ***dấu bôi-vôi.***

Ca-dao đi vào lễ-giáo



Khi văn-hóa Trung-quốc xâm-nhập nước ta, mang theo lễ-giáo Nho Khổng, dân-dà có câu ca-dao loại Gia-huấn-ca; ngày xuất-giá theo về nhà chồng thì cô dâu phải lễ chào bái-biệt phụ-mẫu, có câu ca:

Lạy cha ba lạy một quỳ
Lạy mẹ bốn lạy, con đi lấy chồng.

Quỳ chống gối có hình chữ ngũ (五) nghĩa là năm; ca dao dạy con gái nhớ lời cha dạy tam-cương *ngũ* thường và lời mẹ dạy tứ-đức công, dung, ngôn, hạnh.

Ca-dao ghi câu chuyện sử



Một ca-dao nhi-đồng là trò chơi ú-tim-òa-ập; một trò chơi nhóm, một đứa trẻ xòe tay ra, tụi kia lấy ngón trỏ gõ vào bàn tay xòe ra và đồng ca; đến câu chót ú-tim-òa-ập thì bàn tay cụp lại, ngón trỏ nào rút ra trễ bị tóm thì kể là thua. Đó là dân-gian hò hát kể việc quân giặc nổ súng phá kinh-thành, vua Tự-Đức băng, ba ông hoàng tiếp kế trên ngôi; sau ông thứ-tư là vua Hàm-Nghi xuất– kinh ra chiếu Cần-vương, nhưng nửa đêm bị tên dân gian òa vào bắt nộp cho giặc.

Thành ra: *Phân Văn-chương Bác-học và Dân-gian chỉ là cho dễ trình-bày chứ thực-sự hai mảng văn-chương giao-thoa liên-kết chặt-chẽ.*

Nguyễn Lê Hiếu



Cám dỗ thì chỉ có ba
Danh-Lợi-Thú thật, quả là đảo điên
"Lợi" là nói đến bạc **TIỀN**
Có tiền thì sẽ mua TIÊN trên đời
Có tiền thuận TIỆN chẳng ngơi
Có tiền thăng TIẾN chỗ ngồi trên cao
Nhưng tiền có mua được nào
Hạnh Phúc đâu được ôm vào mà thôi
"Danh" thì nói về cái **TÔI**
Tự cao, tự ái TỘI tôi sẽ nhiều
Làm điều TỒI bại bao nhiêu
Sống trong đêm TỐI biết điều nào ra
Chúng ta phải nhớ cho là
Đừng bán TÔI rẻ cho cha bạc TIỀN
TÌNH là cái "Thú" triền miên
Phải biết chay TỊNH là điềm khôn ngoan
Phải có cá TÍNH hòan tòan
Luôn phải cảnh TỈNH sống an hàng ngày
Tình yêu biết dùng thẳng ngay
Yêu thương Thiên Chúa, yêu ngay gia đình
Nếu dùng cám dỗ thông minh
Xử dụng đúng chỗ: đời mình thảnh thơi

Trần Chính Trực



Một buổi cơm tối, nhìn hạt cơm dễ thương trong chén, mới nhớ đây là gạo đầu mùa với nhãn hiệu *"25 ST, Cánh đồng quê hương".* ST là Sóc Trăng. Hèn chi cơm thơm ngon, hạt gạo khi chưa nấu nhỏ gần bằng nửa hạt gạo Thái Lan thường mua.

Cầm chén cơm lại nhớ đến mẹ những ngày xưa, thật xa trong ký ức, ngày đó tôi 5 tuổi, mỗi lần ăn thường ngồi gần mẹ, có gì ngon mẹ bỏ vào chén cho tôi, nếu là cá, mẹ lấy xương ra trước sợ tôi hóc xương. Em trai tôi sau tôi 4 tuổi còn nằm nôi.

Nhưng nhớ mẹ nhất là lời mẹ:

'Hạt cơm là hạt ngọc trời nghe con, ăn chớ bao giờ bỏ mứa. Sau này con lớn lên khi nào bới cơm trong nồi bỏ vào chén, con tính ăn bao nhiêu thì bỏ vào chén bấy nhiêu, và nhớ vét hết chén nghe con".

Còn quá nhỏ tôi không hiểu tại sao mẹ nói hạt "*cơm là hạt ngọc trời*" cho đến vài năm sau về quê nội chứng kiến cảnh con trâu đi trước kéo cày hay bừa, người nông dân theo sau, cả trâu và người mệt nhọc trên đồng sâu để làm vữa đất, cảnh người nông dân vất vả tát gàu sòng để đưa nước vào ruộng cho đất mềm, cúi rạp mình bán lưng cho trời, bán mặt cho đất để cấy mạ, những cảnh vất vả gặt lúa khi đến mùa lúa chín đầy đồng, đem về phơi khô, đập cho hạt rơi ra, xay cho lúa tróc vỏ, bỏ vào cối và hai nông dân dùng cối giả cho hạt gạo bớt cám…Ôi không biết bao nhiêu công đoạn để tôi có bát cơm trên bàn, công khổ đổ mồ hôi, sôi nước mắt của cả người và vật để tôi có chén cơm ngon. Khi người khổ, con trâu càng khổ hơn. Tội nghiệp, trâu thật hiền lành nhẫn nại, khi cổ bị tròng dây kéo cày hay bừa không thấy nó nổi nóng, cam chịu, có lẽ nó hiểu đây là bổn phận giúp người chủ nông dân đã nuôi nấng nó.

Lần mẹ tôi nói câu dặn dò đó xảy ra một ngày mùa đông, đó là bữa cơm tối dưới ánh đèn vàng tù mù một thời xa xưa lắm. Đó là những ngày cha mẹ chỉ làm vừa đủ ăn, chưa khấm khá mấy, nhưng cảnh gia đình thật ấm cúng. Khi tấm rèm trước nhà sập xuống che những cơn gió lạnh đầu đông, cha mẹ anh em quây quần bên chiếc bàn tròn, chia nhau bữa cơm tối. Lâu lắm trên bàn ăn mới có một dĩa trứng chiên, Trứng gà thời xa xưa đó là món quý, có tiền cũng không mua được mỗi ngày.

Vào một ngày hè tôi về thăm quê nội, cả cánh đồng trước nhà bà nội một màu vàng óng ả mượt mà, khi có gió thổi qua, cánh đồng ngả nghiêng theo gió đưa mùi thơm lúa chín tháng 8 về. Cảnh đồng quê an bình, rộn rã tiếng cười mùa gặt. Tối hôm đó một bữa cơm gạo đầu mùa được đặt trên một chiếc nong thật lớn trước nhà, không có ánh đèn nhưng trăng tròn vằng vặc, gió mát từ đồng nội thổi qua, ngồi ăn bát cơm tháng 8 đầu mùa chỉ với canh rau, mấy con cá kho khô, nhưng trong đời có lẽ là bữa ăn tuyệt diệu nhất.

Nhưng sự đời không mãi yên bình.

14/8/1945 quân Nhật đầu hàng, quân đội Anh-Ấn đến giải giới quân Nhật, và quân Pháp đổ bộ trở lại Đông Dương.

Ngày 19/8/1945 Việt Minh cướp chính quyền, không lâu sau, ngày 23/8/1945 giao tranh nổ ra giữa quân đội Pháp và bộ đội Việt Minh. Ngày đó ba tôi đã có một cái radio hiệu Philips, có lẽ một trong vài cái duy nhất tại phố Hàn, thành phố ngày đó vẫn còn mang tên Tourane. Thằng bé con là tôi được nghe các bài hát từ máy phát thanh mỗi tối.

Nhiều nhất là bài "*Tiếng súng Nam Bộ*" của nhạc sĩ Đỗ Nhuận:

"Tiếng súng vang sông núi Miền Nam, ầm đất nước Việt Nam. Tiếng súng vang lừng sông núi dục ta ra tranh đấu. Tiếng súng vang sông núi Miền Nam, ầm đất nước Việt Nam. Ta muốn băng mình tới phương Nam, diệt hết quân hung tàn…"

Ngày đó có phong trào Nam Tiến và nhạc sĩ Phạm Duy đã có bài *"Xuất quân"*, sau này vẫn còn hát vang vang sau khi ông "*dinh tê*" về Hà Nội. Bài này được ông viết năm 1945:

"*Ngày bao hùng binh tiến lên. Bờ cõi vang lừng câu Quyết chiến. Bước uy nghiêm theo tiếng súng đi tung hoành…".*

Văn Cao cũng cho ra nhiều bản nhạc trong năm 1945, như "*Chiến sĩ Việt Nam*", lúc đầu mang tên

"*Chiến sĩ Việt Minh*":

"Bao chiến sĩ anh hùng, lạnh lùng vung gươm ra sa trường. Quân xung phong, nước Nam mong chờ trong tay ngươi hồn sông núi khí thiêng ghi muôn đời…", và vô số các bài hát khác như: *"Không quân Việt Nam", "Hải quân Việt Nam", "Bắc Sơn"…*

Lưu Hữu Phước với "*Tiếng gọi sinh viên*", sau này VNCH đổi thành Quốc ca của Miền Nam chúng ta, và ca khúc "*Xếp bút nghiên":*

"Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, xếp bút nghiên coi thường công danh như phù vân, sơn hà nguy biến, tiến ta tiến…"

Báo chí thời đó đã kể chuyện cậu bé Lê văn Tám, tự tẩm xăng vào người thành cây đuốc sống, và chạy đi đốt cây xăng giặc Pháp. Bài này do Trần Huy Liệu viết. Sau này giáo sư sử học Phan Huy Lê đã viết lại lời phản tỉnh của Trần Huy Liệu nói là chuyện bịa đặt, nhưng lạ là nay vẫn có công viên Lê văn Tám ở Saigon.

Ba tôi tối nào cũng bị gọi đi họp meeting như các người đàn ông trong khu phố, và lần đầu tiên tôi nghe ba tôi hát:

"80 năm sống đời tối tăm. Ta diệt trừ người thù, giết người thù, loài lang sói nén đè chúng ta. Ta diệt trừ người thù, giết người thù…". Bài hát này do nhạc sĩ Lưu Hữu Phước viết năm 1945. Ngày trước ba chỉ ngâm thơ, hát vài câu vọng cổ hay cải lương, ông không hát tân nhạc bao giờ. Đúng là một cuộc đổi đời!…

Chính những bài hát bừng bừng khí thế đấu tranh như vậy đã làm cả nước bừng tỉnh, và ai thời thanh niên thanh nữ thuở đó cũng muốn tham gia đánh giặc. Nhưng buồn thay họ như bị tình cảm che lấp lý trí quên mất ai là người dẫn đường đã lôi kéo cả dân tộc vào một cuộc chiến đau thương 30 năm máu lửa tương tàn.

Từ 1947 quân Pháp đã dần dần đẩy quân Việt Minh ra khỏi các thành phố lớn, và sau này khi vua Bảo Đại trở về làm Quốc trưởng vào năm 1949, một số người Việt Quốc gia đã tham gia quân đội Pháp. Tuy vậy một số phần tử thân Việt Minh như Vũ Anh Khanh, Thẩm Thệ Hà, Lý văn Sâm, Dương Tử Giang vẫn còn ở lại Saigon. Tiêu biểu nhất là Vũ Anh Khanh, ông viết những tác phẩm nổi tiếng như *"Nửa Bồ Xương Khô", "Cây Ná Trắc", "Sông Máu", "Đầm Ô rô", "Bên Kia Sông"…* Tác phẩm nổi tiếng của ông là bài thơ "*Hận Tha La*", một đoạn được trích đăng trong cuốn tiểu thuyết "*Nửa bồ xương khô*", sau này nhạc sĩ Dzũng Chinh phổ thành bài hát "*Tha La Xóm đạo*". Xin trích một đoạn nhỏ của bài thơ rất dài để thấy một thời ly loạn buồn thương:

Đây Tha La xóm đạo
Có trái ngọt cây lành
Tôi về thăm một dạo
Giữa mùa nắng vàng hanh.

Ngậm ngùi Tha La bảo:
Đây rừng xanh rừng xanh
Bụi đùn quanh ngõ vắng,
Khói đùn quanh nóc tranh.
Gió đùn quanh mây trắng,
Và lửa loạn xây thành.

Viễn khách ơi!
Hãy dừng chân cho hỏi,
Nắng hạ vàng ngàn hoa gạo rưng rưng.
Đây Tha La, một xóm đạo ven rừng,
Có trái ngọt, cây lành, im bóng lá,
Con đường đỏ bụi phủ mờ gót lạ.
Ngày êm êm lòng viễn khách bơ vơ!
Về chi đây? Khách hỡi? Có ai chờ?
Ai đưa đón?
Xin thưa, tôi lạc bước!
Không là duyên, không là bèo kiếp trước,
Không có ai chờ, ai đón tôi đâu!
Rồi quạnh hiu, khách lặng lẽ cúi đầu,
Tìm hoa rụng lạc loài bên vệ cỏ,
Nhìn cánh hoa bay ngẩn ngơ trong gió,
Gạo rưng rưng, nghình hoa máu rưng rưng.
Nghìn cánh hoa rơi, lòng khách bỗng bâng khuâng.
Tha La hỏi:
Khách buồn nơi đây vắng?
Không, tôi buồn vì mây trời đây trắng!…

Năm 1950 bị truy lùng ông trốn vào chiến khu Nam Bộ. Tập kết ra Bắc sau Hiệp định Genève 1954, nhưng thất vọng với những gì ông từng mong đợi, vượt biên vào Nam qua sông Bến Hải và bị bắn chết giữa dòng năm 1956, lúc ông 30 tuổi.

Chiến tranh giữa quân đội Việt Minh và quân đội Pháp Việt trở nên ác liệt bắt đầu từ 15/3/1949 đến 30/4/1949 khi Việt Minh đánh Đông Khê. Việt Minh gọi đây là chiến dịch Cao-Bắc-Lạng hay Hồng Phong 2, liên quân Việt Pháp gọi là chiến dịch biên giới, quân Việt Pháp phải rút lui cả một vùng biên giới rộng lớn tiếp giáp Trung quốc từ Cao Bằng đến Lạng Sơn, và chính thất bại này cho quân đội Việt Minh mở cửa biên giới Trung Việt nhận khí giới và viện trợ từ Trung Cộng. Cuộc chiến cứ thế tiếp diễn cho đến ngày quân Việt Minh chiếm được Điện Biên Phủ. Thế rồi chia đôi đất nước lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới Nam Bắc.

Hơn 2 triệu dân từ Bắc di cư vào Nam, và cuối năm 1954 có một vài gánh phở Bắc trên phố Hàn. Ngày đó mẹ mua cho tôi một tô phở gánh. Cảm giác kỳ diệu khi ăn tô phở Bắc lần đầu tiên. Đó là tô phở đầu tiên trong đời một thằng bé như tôi. Ông phở gánh, cũng là người đầu tiên tôi thấy một người đàn ông đi bán dạo trên phố Hàn quê tôi. Có thể nói thời gian 1954, 1955 những người bán dạo trên đường là những trẻ em bán đậu phộng rang, bán cà rem cây, hay các bà với những gánh chè đêm, hay gánh bún bò sáng, hay các bà ngồi bán dọc đường phố những món ăn như bún thịt nướng, bún nem lụi, nhưng tuyệt nhiên không thấy các ông đi bán dạo bao giờ.

Một người đàn ông gầy, da rám nắng, đầu đội

chiếc mũ *"Feutre"* bạc màu, bận chiếc sơ mi cũ và quần ngắn kaki màu vàng cũng bạc màu như chiếc nón ông đội.

Ôi tô phở nhiệm mầu, tô phở tuyệt diệu, một mùi thơm nhẹ của hồi, của quế, của tiêu chưa ăn, chưa nếm đã làm người bưng tô phở nhỏ trên tay thấy lòng mình được món ăn quý hiếm. Vài miếng thịt bò mỏng trên các miếng phở trắng, vài cọng hành cắt nhỏ, nước phở trong, vài hạt tiêu nhỏ, thế thôi, không cầu kỳ như những tô phở sau này tôi được ăn trong các quán phở trên đường Hiền Vương hay Pasteur Saigon. Tô phở gánh đầu tiên là một kỷ niệm dễ thương vẫn còn trong ký ức khi nhớ về những người Bắc Việt di cư năm 1954 đến phố Hàn.

Thời gian chầm chậm trôi qua, tôi lớn lên cùng đất nước. Miền Nam có một khoảng thời gian thanh bình vài năm trước khi khói lửa trở lại dữ dội. Thời gian thanh bình đó giúp tôi có dịp lên con tàu lửa Bắc Nam xuôi về quê Miền Trung. Tàu vẫn còn chạy trên đường "*rail*" bề ngang một mét thời Pháp thuộc, nên không thể nhanh được, nhưng đối với tôi, đó là điều tốt để ngắm cảnh ruộng đồng, cảnh đẹp hoang sơ của bãi biển Cà Ná, những làng rợp bóng dừa ở Tam Quan, Bồng Sơn, để thấy đất nước có một bờ biển dài chạy suốt từ Nam ra Bắc tiếp giáp biển Đông. Ôi, đất nước *"rừng vàng, biển bạc"*!

Những năm cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960 là những năm thanh bình nhất Miền Nam. Đâu đâu cũng vang lên tiếng hát lời ca, ca tụng đất nước thanh bình.

Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ có bài hát nổi tiếng "*Gạo trắng Trăng Thanh*", ông viết vào năm 1956, mở đầu bằng câu:

"Ai đang đi trên đường đê, tai lắng nghe muôn câu hò đê mê. Vô đây em dù trời khuya anh vẫn đưa em về…"

Nhưng con nít Saigon đổi lời thành nhạc chế với câu:

"*Ai đang đi trên cầu Bông, rớt xuống sông ướt cái quần ni lông… vô đây em, trời về khuya anh sẽ đưa em về…" Một nhạc sĩ khác mới đây chế thành: "Vô đây em, chờ quần khô anh sẽ đưa em về…"*

Nhạc sĩ Lam Phương với bài ca "*Duyên Kiếp"* theo điệu Bolero rất thịnh hành thời đó, ông viết năm 1961, bài hát mở đầu:

"*Em ơi nếu mộng không thành thì sao? Non cao đất rộng biết đâu mà tìm…*"

Con nít chế thành:

"*Em ơi nếu mộng không thành thì sao, mua ve thuốc chuột uống vô rồi đời…"*

Đây là nét văn hoá dân gian truyền khẩu rất phổ biến trong thời xa xưa đó gọi là nhạc chế, hay vè con nít rất thịnh hành biến lời ca thành những câu hóm hỉnh, vui nhộn, có phần bá đạo…

Một năm dự bị Y khoa, và 6 năm y khoa qua nhanh trong niềm vui học tập cùng thầy cùng bạn, như cá lượn trong nước, lòng tràn ngập niềm vui, mong ngày mai ra giúp đời. Ra trường quân đội gọi nhập ngũ ngay Khóa 8 Y sĩ Trưng tập. Bốn tháng quân trường thoải mái, không hành xác như quân dịch tại Trường Võ Khoa Thủ Đức. Đúng là lính kiểng, ba gai. Mới vào quân trường đã đeo hai bông mai vàng cấp bậc trung uý, quân hành lộn xộn, không đều bước, ồn ào, vô trật tự khi di hành. Lương tháng trung uý 6,000 đồng thời đó, cộng thêm 6,000 đồng lương bằng y khoa bác sĩ, như vậy là cao lắm. Ngoài đời một tô phở 5 hay 6 đồng, tiêu thoải mái. Buổi tối nghỉ, tự do, tha hồ kéo một thằng bạn thân xuống các quán gia binh nhậu cháo gà hay hột vịt lộn, uống la de. Chiều thứ bảy lên xe lam Lambretta về Saigon du hí, thăm gia đình. Sau sáu tuần học Chiến tranh chính trị là chọn đơn vị.

Vào đơn vị với 12,000 đồng lương Y sĩ trung uý cũng tạm đủ với gia đình có vợ con. Chín năm quân đội, tuy đất nước chiến tranh, nhưng có thể nói đó là những năm sung mãn và mãn nguyện nhất trong đời làm người y sĩ lo cho thương bệnh binh, không còn việc gì phải lo lắng, cứ thế cuộc đời trong quân ngũ mau chóng trôi qua. Chín năm như một giấc mộng dài, nhìn lại để thấy thương nhất các anh thương binh về từ chiến trận tàn khốc. Ngày ở Quân Y viện Long Xuyên, thường nhận các anh về từ chiến trường Hồng Ngự, Sa Đéc, và khi có cuộc chiến xâm nhập Vùng R của Việt Cộng tại Campuchia, thương binh về từ Krek, Snoul, ngày đêm. Long Xuyên hoàn toàn vắng bóng Việt Cộng vì đây là lãnh thổ Hoà Hảo… Ngày ở Tổng Y Viện Cộng Hòa thương binh về từ mặt trận Bình Long, An Lộc. Đó là mùa hè đỏ lửa 1972. Trận chiến bùng nổ dữ dội, ngoài mặt trận An Lộc, Vùng 2 với Kon-Tum, và Vùng 1 với Đông Hà Quảng Trị. Ngày đó chúa nhật tôi thường ghé trước Toà Đô Sảnh Saigon, xem triển lãm các vũ khí thâu thập được của VC và hình vinh danh anh hùng không quân diệt xe tăng địch, đó là anh Trần Thế Vinh, đại uý phi công, phi đoàn 518, Quân đoàn 1, Anh lập kỷ lục, bay nhiều ngày liên tiếp trong các ngày đầu tháng 4/1972 với máy bay cường kích Skyraider, hy sinh ngày 9/4/1972 lúc anh 25 tuổi.

Mới đó mà 51 năm qua từ ngày 30/4/1975. Đêm qua tôi nằm mơ về căn nhà villa của ba mẹ trên đường Phan Châu Trinh, phố Hàn, Đà Nẵng. Ôi căn nhà đầy ắp kỷ niệm ấu thơ, biết bao giờ tôi về lại phố Hàn để dừng lại trước căn nhà, nhớ bao nhiêu người thân trong đó có ba mẹ đã "ra đi", hay là chẳng bao giờ? Ngày mai. Cuộc đời tôi sẽ ra sao? Tôi không dám nghĩ tới nhưng nhớ đến đoạn Thánh Kinh:

"Hãy xem loài chim trời: chẳng có gieo, gặt cũng chẳng có thâu trữ vào kho tàng, mà Cha các con trên trời nuôi nó. Các con há chẳng phải là quý trọng hơn loài chim sao?"

"Còn về áo mặc cũng thế, lo lắng làm gì? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào

chúng không làm lụng, không kéo sợi, thế mà, Thầy bảo cho các con biết, ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy." Matthew 6:26-29

Nhớ đoạn Kinh Thánh này tôi lại chìm vào giấc ngủ cho đến khi ngoài vườn những chú chim hót mừng một Ngày Mới đẹp trời trên thành phố nhỏ Windermere, Florida.

Phương Tuấn



Con không cha như nhà không nóc
Hiền Phụ về con khóc nhớ cha
Cha "đi" khi con xa nhà
Để về quê với ông bà tổ tiên
Con ở xứ người đảo điên
Lam lũ chật vật lo riêng cuộc đời
Thế mà năm mốt năm rồi
Công cha nuôi dưỡng đã thời đơm bông
Cuộc sống con nay tươi hồng
Những điều cha dạy đã không phỉ lòng
Nêu gương công đức anh hùng
Yêu thương bảo bọc tận cùng ái nhân
Gian nan khổ ải thế trần
Trung kiên nhẫn nại chẳng cần kể công
Lời Chúa con luôn ngóng trông
Cha là hạt giống vun trồng một khi
Nếu hạt giống không chết đi
Thì hoa trái sẽ chẳng gì sinh ra
Hôm nay ngày lễ của cha
Nhang trầm một nén, đóa hoa hương lòng
Nhớ cha con chỉ cầu mong
Bên *Cha Tạo Hóa*, *(cha)* sống trong an bình.

Trần Chính Trực



Thu còn xa vắng khói mây
Đợi mong từ thuở trăng gầy mộng mơ
Đêm đêm vách đá mong chờ
Lá sầu rơi rụng dệt thơ lưng trời

Người nuôi cơn mộng chơi vơi
Mộng bay cao vút một thời xuân xanh
Chim non vui hót trên cành
Ngờ đâu mộng vỡ, tan thành mây trôi

Mây bay lãng đãng chân đồi
Nhẹ theo gió thoảng trôi vào tim ai
Tơ vương mái tóc trâm cài
Sương rơi giáng ngọc, miệt mài nhớ thương

Ai nuôi mộng giữa vô thường
Mộng đành tỉnh giấc canh trường tương tư
Trăng thu phủ giáng mây mù
Sương thu giăng mắc âm u cuộc tình

Một mình giữa chốn u minh
Lá thu tan tác, tình mình xót xa
Đêm đêm vọng ánh trăng tà
Trăng rơi suối vắng tơ ngà vấn vương

Thu còn xa vắng khói sương
Lối xưa còn đó, người thương mong chờ
Đường chiều ấp ủ trong mơ
Đá xanh chung thủy vẫn chờ ngàn thu…

Trần Việt Cường



ấu thơ mùa tết cổ hàn

Bây giờ tột đỉnh công hầu,
Vẫn nghe len lén nỗi sầu ấu thơ.
Nhà tôi mái lá đơn sơ,
Cơ hàn đời sống, trời mơ hao gầy.
Sớm ngày sương phủ ngọn cây,
Cám heo tôi rải lon đầy, lon vơi,
Tan trường chẳng phút rong chơi,
Chợ chiều gom góp hàng rơi, rau thừa,
Gian nan đời sống ngày xưa,
Tìm từng món vụng, cơm thừa nuôi heo.
Giòng đời thơ ấu gieo neo,
Vai gầy măng trẻ buồn theo tháng ngày.
Nắng mưa hay lạnh gió mai,
Trời đêm sương nhỏ giọt trai khẻ buồn.
Những ngày gió lộng mưa tuôn,
Áo sờn sương gió, mưa buồn chẳng ngưng.
Nắng lên, giọt nắng rưng rưng,
Nắng buồn nhân thế, nắng dừng đường đi,
Nhẹ nhàng nắng vuốt bờ mi,
Lau giòng lệ nhỏ, thầm thì ước mơ,
Cho tôi còn thắm mộng mơ,
Mơ ngày Tết đến, mong chờ pháo vui,
Cho tôi quên phút bùi ngùi,
Ngày thơ còn có nguồn vui thanh bần.
Tưng bừng tiếng pháo, nhạc lân,
Mang nguồn hy vọng trong lần xuân sang.
Chẳng mơ giấc mộng cao sang,
Chỉ mong thoát cảnh cơ hàn áo cơm,
Chỉ mong sương gió sớm hôm,
Theo hương ngày Tết ôm đồm ra đi,
Cho tôi còn mộng xuân thì,
Ngày thơ sương nắng ướt mi qua rồi,
Tìm trong pháo nổ liên hồi,
Tương lai rực rỡ quên hồi gian nan.

Huỳnh Anh Trần-Schroeder



chuyện tình đá dế

Chiều hôm qua PARIS mưa nhiều quá
Mưa thu buồn chợt nhớ chuyện ngày xưa
Chuyện ngày xưa, thành phố tạnh cơn mưa
Mình hai đứa ra đường đi bắt dế
Em bắt dế than, anh dành dế lửa
Hai đứa mình đá dế thật là vui
Dế than thua, em phụng phịu bảo: Thôi!
“Hổng đá nữa, thua rồi… hổng đá nữa!”

Thế là bé giận mình ba bốn bữa
Không nụ cười, không thèm trái me keo
Vắng bé rồi... sao lòng thấy hắt hiu
Không thấy bé trong lòng nghe nhớ nhớ

Thời gian qua… học đường cùng sách vở
Mỗi lần qua ngang cửa lén nhìn ai
Bé giờ đây đã lược giắt, trâm cài
Bên khung cửa, nắng ôm dài mái tóc
Rồi thu đến... liễu buồn trong ánh mắt
Có một người con gái bước sang sông
Để một người nghe buốt lạnh chiều đông
Ra đi mãi trốn cuộc tình câm lặng
Bao năm tháng sao bão lòng chưa lắng
Rồi hôm nay, đầu bạc trắng về đây
Nghe dế buồn... lại nhớ chuyện ngày xưa
“Chuyện ngày xưa, mình hai đứa dưới mưa”
Cơn mộng ấy... bao giờ mình quên được...!

Trần Văn Thanh
(Mùa Thu 2023)



"Ở Mỹ, thành phố nào cũng giống nhau!, câu nói đó, tôi đã nghe qua hơn một lần. Tôi đã đi qua nhiều thành phố của nước Mỹ. Từ Nam lên Bắc, từ Đông sang Tây. Từ biên giới miền Nam Mỹ — Mexico lên đến biên giới miền Bắc Mỹ — Canada. Từ bờ biển Đại Tây Dương qua bờ biển Thái Bình Dương. Đâu đâu cũng là những thành phố rập khuôn từ một lò chế tạo "made in U.S.A"! Nhà phố là những khối hình hộp, đường phố là những đường thẳng ngang dọc cắt nhau tạo thành những khu phố hình ô vuông hay ô chữ nhật. Cây cỏ được cắt xén, trồng tỉa cẩn thận, ngay hàng thẳng lối bằng máy. Tất cả ngăn nắp, sạch sẽ như đã được tiền chế! Đâu đâu cũng có bằng ấy những tiệm fast food rập cùng một khuôn mẫu: Mac Donald, Burger King, Wendy, Popeyes... Đâu đâu cũng có bằng ấy những khách sạn quen thuộc: Hilton, Sheraton, Marriott, Holiday Inn, Days inn, Best Western, Howard Johnson,... Đâu đâu cũng có những tiệm super market ấy: Safeway, Winn Dixie, Publix,… những department store ấy: Kmart, Walmart, Sears, Dillard, Macy's, Service Merchandise,... Đi mãi, đi hoài, đi cho lắm, cũng chỉ thấy thành phố nào cũng giống như thành phố bạn đang ở! Thành Phố Mỹ không có đặc thù, cá biệt.

Năm 1983, tôi đến New Orleans, Louisiana, thăm một người bạn và tôi đã kinh ngạc! Thành phố này có nhiều khu phố sao giống thành phố Sài gòn của tôi chi lạ! Quán cà phê Du Monde với những chiếc bàn phủ khăn trắng, có bồi bưng cà phê đến tận bàn. Trên vỉa hè có đặt bàn. Khách vừa ngồi uống cà phê vừa "rửa mắt". Thật y hệt nhà hàng Continental ở góc đường Tự Do - Lê Lợi ngày nào!

Ở một góc phố khác có một dinh thự với hàng rào sắt cao chót vót y hệt như dinh chú Hỏa nằm giữa 4 con đường Nguyễn văn Sâm - Phó đức Chính - Hồ văn Ngà và Ký Con. Rồi khu chợ trái cây với sập hàng bán ban đêm cứ như chợ tết Sài gòn năm xưa. Lúc đó tôi mới cho rằng thành phố New Orleans không giống những thành phố Mỹ khác. (Điều này cũng không lạ vì thành phố này có đường nét của thành phố Tây. Quả thực New Orleans do Pháp làm chủ trước khi bán lại cho Mỹ!). Và tôi yêu thành phố này qua hình bóng của Sài gòn.

Ôi, Sài gòn của tôi! Tôi nhớ Sài gòn quá đỗi! Nhớ quay quắt! Nhớ như chưa từng nhớ đến như thế! Thì ra Sài gòn vẫn ở trong tôi. Sau những năm dài vất vả trên xứ người, đến khi hội nhập được vào xã hội mới, tưởng chừng như Sài gòn đã biến mất trong tôi. Nhưng có ai ngờ, nó vẫn còn nằm đó, nghênh ngang, bề thế, và chỉ chờ cơ hội. Chỉ một kỷ niệm nào đó, giông giống, na ná, là nó sổ lồng, bung dậy như Phù Đổng Thiên Vương, vươn lên chiếm hết thần trí tôi! Sài gòn ghê gớm thật!

Sài gòn, thành phố cưu mang tôi suốt gần một nửa đời người. Tôi thuộc từng ngõ ngách, mọi tên đường phố.

Thời nhỏ của tôi là góc đường Đỗ hữu Vị - Pellerin (sau đổi thành Huỳnh Thúc Kháng-Pasteur). Ở đó có rạp chiếu bóng đã đổi tên ba lần: Les tropiques, Rạng Đông rồi Hồng Bàng. Cái tên rạp thay đổi theo lịch sử hưng phế của thành phố. (Rạp chiếu bóng Les tropiques chủ nhân là Luật sư Nguyễn Hữu Châu, chồng bà Trần Lệ Chi, chị ruột bà cố vấn Ngô đình Nhu Trần Lệ Xuân)

Ở góc bên kia, Đỗ hữu Vị - Chaigneau, có rạp chiếu bóng Nam Việt, nơi tổ chức phụ diễn tân nhạc đầu tiên trong lịch sử tân nhạc Việt Nam.

Cũng trên con đường Đỗ Hữu Vị này, có một tiệm may "Chua" nổi tiếng mà người chủ nguyên là một đầu bếp. Ông mở tiệm sau một cuộc đỏ đen ở "Đại thế giới" thắng lợi! Vợ chồng ông Chua có 2 người con trai là bạn hàng xóm của tôi thời đó.

Gần đó có trường "Bá Nghệ", sau đổi thành trường Cao Thắng. Bên kia đường là Sở Trường Tiền, nơi tôi cùng bọn nhóc trong khu phố rủ nhau đá bóng sau mỗi buổi chiều tan học. Chúng tôi đã đóng vai Rạng, Tư, Đức, Mỹ, Nhung..., những cầu thủ túc cầu lừng danh của hội tuyển Sài gòn thuở đó.

Xa xa hơn một chút, có khu Chợ Cũ với những xe mì, cửa hàng bán thịt quay, phá lấu, những tiệm bán cơm thố, cháo cá, phở lòng bò, lừng danh trong lịch sử ẩm thực của Sài gòn.

Ở khu vực này, tôi đã biết đến một vài nhân vật lừng lẫy của một thủa Sài gòn như cựu hoàng Thành Thái, ông Huyện Đỏ, nhà thầu khoán triệu phú Nguyễn đình Quát.

Cô giáo đầu tiên dạy vỡ lòng trong đời tôi là cô Hoài. Lớp học của cô nằm trên đường d'Ayot, bên kia đường rầy xe lửa, xe điện Sài gòn - Chợ Lớn. Chính con đường rầy nằm trên khúc đường Boulevard de la Somme này, tôi và chúng bạn la cà, rình mò bắt những chú dế lửa, dế than mỗi "mùa đá dế".

Từ khu Chợ Cũ, gia đình tôi đọn về khu xóm Vạn Chài đường Paul Bert, Đa Kao. Con đường có rạp chiếu bóng Kim Cương, rạp hát bội Công Thành. (lúc đó chưa có rạp chiếu bóng Văn Hoa).

Theo dòng đời phiêu bạt, gia đình tôi dọn tới khu đường Du Bonnet - Frère Louis. Ở đó có nhà thờ Huyện Sĩ với bức tượng hoàng tử Cảnh.

Khu Ngã Sáu Sài gòn lúc đó có các kiosques bán đủ thứ hàng chưa bị giải tỏa.

Tiệm phở 79, trên đường Frère Louis, lúc này đã có, nhưng chưa nổi tiếng. Chủ nhân hàng ngày vẫn tự đạp xe đạp đi lấy bánh phở và nấu phở cho khách hàng. Bên kia đường, xế tiệm phở 79, là trường nữ công Việt Nữ học đường. Cạnh đó là một bãi đất trống (về sau biến thành công viên), rồi đến hãng Nguyễn Kỳ Xương, chuyên nhập cảng phụ tùng xe hơi. Đối diện hãng Nguyễn Kỳ Xương là Dưỡng đường Thánh Phê rô và ngôi cổ mộ của một vị thánh tử đạo (Mateusz Lê Văn Gẫm là thân phụ của phú gia Lê Phát Đạt, chủ nhân xây nhà thờ Huyện Sĩ, là ông ngoại của Nam Phương Hoàng Hậu tức vợ Vua Bảo Đại).

Gia đình tôi lại dọn nhà về đường d' Ayot (sau này đổi tên là đường Nguyễn văn Sâm), vùng Cầu Ông Lãnh: Khu Cầu Ông Lãnh, cũng giống như Chợ Lớn, là những chinatown trong thành phố Sài gòn. Người Trung Hoa, ở đó, vẫn giữ nguyên phong tục, tập quán. Họ có trường học riêng, báo chí riêng, hội hè riêng. Họ giao thiệp với nhau toàn bằng tiếng Tàu. Người Việt ở đó là thiểu số. Dinh chú Hỏa nằm trong khu vực này, bề thế, cao sang, ngạo mạn như dinh một quan toàn quyền. Hui Bôn Hỏa với tiền tài, quyền lực đã bao trùm Sài gòn suốt một thời. Những dãy phố khu Cầu Ông Lãnh đến tận chợ Bến -Thành, kể cả nhà thương Đô Thành Sài gòn, đều là tài sản của chú Hỏa. Căn nhà tôi ở đường d'Ayot chủ phố cũng là chú Hỏa.

Bước chân tuổi nhỏ của tôi đã tung tăng khắp các hè phố khu chợ Cầu Ông Lãnh, khu Dân Sinh, khu chợ Bến Thành. Những ngày Tết, tôi náo nức chạy theo đoàn múa lân, xem họ trình diễn khắp hang cùng ngõ hẻm, hăng say lượm những hòn pháo lép sau khi chủ nhà đốt pháo chào mừng đoàn lân đến, khâm phục chiêm ngưỡng các võ sĩ Tàu biểu diễn võ công thiếu lâm, và vỗ tay thật lớn khi lân leo lên được ngọn cây cột để ngoạm bó rau cải và bao tiền thưởng.

Lớn lên với năm tháng, tôi theo gia đình về ở khu Võ Tánh - Phát Diệm. Ở đây gia đình tôi đã sống chen chúc giữa đám tiểu công chức cần cù và khiêm tốn của vùng Cầu Kho, Chợ Quán. Ở đây có trường tiểu học Cầu Kho, trường nữ trung học tư thục duy nhất Đức Trí, dạy chương trình tiếng Việt ở Sài gòn, còn trường Văn Lang của giáo sư Ngô duy Cầu nằm trên đường Nguyễn Cư Trinh và trường Hưng Đạo của giáo sư Nguyễn Văn Phú nằm trên đường Cống Quỳnh (tên cũ là đường Aras). Những ông bà giáo, những thầy ký với số lương thật nhường, nhưng đã cố gắng giáo dục con cái trở thành những người tốt nghiệp đại học sau này. Nhưng con cái, một khi đã có địa vị, tiền tài, lại sớm quên mất bản chất cao đẹp của phụ mẫu, lao mình vào xã hội nhớp nhúa, hời hợt của giới thượng lưu cầm quyền.

Nhà tôi ở số 241 đường Võ Tánh, cạnh bên tư dinh của Kiến Trúc Sư thời danh Hoàng Hùng. Xế đó là tư gia của giáo sư Vũ Lai Chương có cô ái nữ Tuyết Phương lúc đó là ca sĩ thiếu nhi nổi tiếng, vừa thi đậu vào trường nữ trung học Trưng Vương. Rạp Quốc Thanh vừa xây cất xong, sát bên nhà giáo sư Chương. Trong khi chờ đợi kết quả thi vào lớp đệ thất trường trung học Công lập, tôi và Tuyết Phương cùng ghi tên học lớp đệ thất trường trung học tư thục Văn Lang trên đường Nguyễn Cư Trinh, vì gần nhà. Ở khu chợ Thái Bình, rất gần nhà tôi, có 2 rạp hát bình dân là rạp Thái Bình và rạp Khải Hoàn. Tôi thích đi coi hát bóng ở rạp Khải Hoàn hơn vì rạp khang trang và lịch sự.

Sau, Mẹ tôi dọn nhà sang đường Nguyễn Tấn Nghiệm (sau đổi là Phát Diệm) cũng gần đó. Khu nhà này có tư gia giáo sư Nguyễn Văn Phú, hiệu trưởng trường Hưng Đạo và Luật sư Trần Văn Tuyên, đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân đảng lúc bấy giờ.

Ở khu này có nhà in nhật báo Tin sáng của ông Nguyễn Trung Thành có truyện chưởng "Lệnh xé xác" rất câu khách một thời.

Sau này khi đã trưởng thành, tôi về ở vùng Công Lý - Trương Tấn Bửu. Nhà số 68c đường Cách Mạng 1 tháng 11 (trước là đường Ngô Đình Khôi, sau là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Lúc này tôi nhìn đời với cặp mắt đứng đắn hơn và cũng bắt đầu biết suy tư về những bất công, những trò khốn khiếp đầy rẫy trong xã hội Sài gòn thời bấy giờ.

Ở khu này, đối diện nhà tôi là trụ sở của Vishipcoline, hệ thống tàu thủy lớn nhất thời bấy giờ. Chuyện chiếc tàu Trường Xuân chở người tỵ nạn trở lại Việt Nam từ đảo Guam sau ngày 30 tháng tư năm 1975, mà ai cũng biết, là tàu của hãng Vishipcoline mà chủ nhân lúc ấy là ông Trần đình Trường, một phú gia hào hiệp, rộng lượng. Chủ nhân sáng lập công ty Vishipcoline là ông Vũ Ngọc Lễ. Vũ đình Trường là cháu.

Ở trên đường Trương Tấn Bửu có tiệm phở gà ngon không thua kém gì các tiệm phở gà trên đường Hiền Vương.

Cũng chính nơi đây, tôi đã chứng kiến đoàn xe

tăng của quỷ tiến chiếm bộ tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Sau khi Sài gòn đổi tên, tôi vẫn còn ở đấy cho tới năm năm. Nhưng thành phố ấy không còn thân thuộc với tôi nữa. Tôi trở thành người xa lạ ngay chính trên phần đất tôi đã thuộc nằm lòng từng ngõ ngách, từng con đường!

Những căn nhà, những khu phố giông giống Sài gòn của New Orleans đã đưa trí tưởng tượng của tôi đi quá xa, trở về tận Sài gòn cách nửa vòng trái đất và ngược thời gian về những hai mươi, ba mươi năm về trước! Thế là thành phố Mỹ không phải đều giống nhau! Vì cũng có những thành phố đã đẩy tôi trở về với kỷ niệm!

Sau này, khi đã sống trên đất Mỹ ngói nghét chục năm, tôi lại có dịp đi thăm thêm nhiều thành phố hơn. Nhất là những thành phố càng có đông người Việt, tôi lại càng muốn đến ít nhất một lần, để tìm lại hương vị quê hương. Tôi đã đi qua Oklahoma City, Dallas, Houston, New Orleans, Jacksonville, Orlando, Tampa, Saint Peterburg, Washington D.C., Montreal, Toronto, v.v... Ở những nơi đó có khá nhiều ngừơ Việt mình, nhưng vẫn không tìm lại được những đặc thù của quê hương. Ở đó, người mình đã tạo dựng được một vài khu phố, một vài shopping center nho nhỏ, lạc lõng trong diện tích rộng lớn của thành phố địa phương. Muốn tìm một tiệm ăn thuần túy quê hương, một cửa hàng thuần túy Việt Nam, thật khó. Tôi vẫn nghe nói đến một “Little Saigon”, nơi tụ hội của người Việt ty nạn; một “thủ đô Sài gòn” của người Việt ở hải ngoại. Năm 1980, tôi ghé qua một lần, đó chưa phải là một trung tâm thương mại, chỉ có lác đác vài nhà hàng, vài hiệu tạp hóa, hiệu sách, băng nhạc, và phòng mạch bác sĩ. Năm 1982, tôi trở lạiLos Angeles để đi thi FLEX và ghé “Little Saigon” lần thứ hai. “Bolsa Minimall" mới xuất hiện. Đã có thêm nhiều cửa hàng hơn: tiệm chụp hình, trung tâm bang nhạc, tiệm may, tiệm uốn tóc. Phòng mạch, tiệm tạp hóa cũng nhiều hơn. Nhưng vẫn chưa có gì hấp dẫn lắm và vẫn chìm lấp trong lòng thành phố Mỹ.

Nhưng năm 1988, tôi trở lại “Little Saigon” lần thứ ba để dự tiệc cưới của người cháu gái lớn, con chị tôi, và “Sài gòn nhỏ” đã thật sự chuyển mình, biến thành một thành phố Việt hoàn toàn trong lòng nước Mỹ. “Little Saigon”, xứng đáng để mang tên đó. Suốt dọc đường Westminster, Bolsa, Magnolia, Brookhurst toàn những shopping center bề thế với các cửa hiệu mang tên hoàn toàn Việt Nam san sát, kế tiếp nhau. Sinh hoạt thật ồn ào, tấp nập kẻ mua, người bán. Xe cộ đậu khít nhau, kiếm một chỗ đậu xe thật vất vả. Người người chen chúc nhau trong các tiệm tạp hóa, tiệm ăn, cửa hàng sách báo, băng nhạc. Họ nói nói, cười cười rặt một ngôn ngữ Việt thuần túy thân yêu. Tôi có cảm tưởng đang đi giữa thành phố Sài gòn năm nào, một thành phố Sài gòn sang trọng, giàu có, sạch sẽ trước 1975, trên các đại lộ Tự Do, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo. (chứ không phải Sài gòn nghèo nàn, quê mùa, dơ dáy sau 75).

Người Việt mình có đầu óc quan lại, hám danh, ham làm lãnh tụ, chức tước, chia rẽ, bè phái, đố ky. Nhưng “Little Saigon ” là một biểu hiệu trái ngược những gì người Việt thường bị chê trách. Một người bạn làm báo bảo tôi: “Little Saigon” bề ngoài trông thịnh vượng như vậy, nhưng vốn liếng chỉ toàn của Ba Tàu!”. Biết thế, chủ những shopping center bề thế kia kia đa số đều của người Hoa như: Phước Lộc Thọ, Man Wah v.v...

Nhưng các cửa hàng nho nhỏ vẫn là của người Việt và cái thích thú nhất là khách hàng, người đi lại và tên cửa hiệu vẫn là Việt Nam. Vào “Little Saigon” như trở về Việt Nam. Nếu đừng quá khe khắt, có thể gọi “Little Saigon” là một thành công của người Việt Ty nạn.

Về thăm “thủ phủ của người Việt Tị nạn” lần này, tôi có cảm thấy phấn khởi và tìm lại được chút hương vị của quê hương ngày nào. Tôi gặp lại được một số bạn bè cũ của những thập niên '50, '60 và '70. Ôi vui biết mấy để nhắc lại những kỷ niệm ầm đềm của thời xa xưa. Những kỷ niệm ở những con đường còn mang tên Pháp. Những kỷ niệm thời tên đường được đổi tên Việt lần thứ nhất và lần thứ hai. Bao kỷ niệm từng chôn chặt sâu trong ký ức bỗng sống dậy, vỡ òa, quay quắt. Một nổi xúc động choáng ngợp lấy hồn tôi, trào dâng và ném tôi vào dĩ vãng êm đềm.

Quả thật những người bạn ấy đã mang đến cho tôi biết bao ân tình, bao cảm xúc. Nhưng ngược lại, một số nhỏ thôi, những người bạn, nhờ qua sớm, nên bây giờ thành công và là những công dân Mỹ mới, vênh váo, hợm hĩnh, dương dương tự đắc, quên hẳn (hay muốn quên?) bạn bè cũ “quê mùa”, nhiều chất Việt Nam quá. Số nhỏ này làm tôi buồn, một nổi buồn man mác, không thể nói hết được. Tôi biết những người bạn cao ngạo của tôi bây giờ, đã ra đi vào những ngày cuối tháng tư 75. Họ hoàn toàn không hiểu, không nếm mùi những gì đã xảy ra từ sau tháng tư năm đó ở quê nhà. Họ không biết gì về cuộc đổi đời, về dòng sinh mệnh của dân tộc. Những của cải phù du đó, nhiều người đã tạo dựng hơn họ gấp bội. Trong một sớm một chiều, tất cả đã sụp đổ, tan thành mây khói và còn bị đọa đầy, nhục nhã trăm bề. Những người đó đã hiểu sự cao ngạo, hợm hĩnh, coi trời bằng vung ngày nào, chỉ là trò múa rối, lố lăng, và ân hận vô cùng. Con người vẫn là con người. Của cải, tiền tài, danh vọng, quyền lực chỉ là nhất thời. Tình người, con người đối xử với nhau có tình cảm, có suy nghĩ, có lòng vị tha, có lương tâm trong sáng, mới thực là vĩnh cửu.

Tôi trở lại Florida sau mười ngày thăm “Little Saigon”. Đối với tôi “Saigon nhỏ” là một thành công của người Việt tị nạn. Tôi đã đi thăm “Little Havana” của người Cuba.

“Little Saigon” so sánh còn sạch sẽ hơn, ngăn nắp hơn. Nhưng ở “Little Havana” tôi thấy người Cuba gắn bó với nhau hơn, đoàn kết hơn. Quả thực,

họ đối xử với nhau có tình nghĩa keo sơn hơn, tình dân tộc hơn. Tuy họ là những người không thuần chủng như chúng ta. Họ rời bỏ đất nước lâu hơn chúng ta, nhưng trong họ vẫn còn ngùn ngụt lửa căm thù cộng sản! Tôi đã được đọc những tờ truyền đơn loại "Hịch truyền" của họ, lòng họ vẫn còn nóng hổi như những ngày mới vượt thoát khỏi hải đảo quê mẹ! Về sức mạnh kinh tế, họ hơn ta nhiều. Về quyền lực chính trị, họ vượt ta quá xa. Có người Việt nào làm thống đốc tiểu bang, thượng nghị sĩ, thị trưởng thành phố lớn như Miami chưa? Những lãnh tụ của họ không tỏ ra hợm hĩnh, ngạo mạn, khinh rẻ đồng hương. Họ vừa được chính quyền Mỹ nể vì, vừa được đồng hương yêu quý. Đài phát thanh, đài truyền hình của họ không phải chỉ phát hình, chỉ truyền tin mỗi tuần một lần, mỗi lần vài tiếng mà là phát mỗi ngày và rỉ rả cả 24 giờ.

Các "Lãnh tụ" của tôi ơi! Các nhà trí thức khoa bảng, giàu có, quyền thế, ngạo mạn của tôi ơi! Chúng ta còn thua các cộng đồng bạn xa lắm.

Ngoài cộng đồng người Cuba, các cộng đồng người Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, cũng hơn chúng ta nhiều. Một cộng đồng nhỏ bé hơn chúng ta, Cộng đồng của người Mèo (Hmong) do tướng Vang Pao lãnh đạo cũng có vẻ đoàn kết hơn chúng ta!

Ở trong nước, Cộng Sản Việt Nam có giai cấp cán bộ lãnh đạo hợm hĩnh, ngạo mạn, khinh rẽ đồng bào, nên chúng ta đành đoạn bỏ xứ ra đi. Đến xứ người, không lẽ chúng ta vẫn lại còn có những giai cấp ấy nữa chăng? Tôi ao ước "Saigon nhỏ" của chúng ta là cái nôi của người Việt tỵ nạn, ở đó chỉ có tình người đầy ấp dân tộc tính, không giai cấp, địa vị, quyền lực. Ở đó chỉ có người Việt yêu thương nhau, hòa đồng với nhau và cùng xử dụng một ngôn ngữ Việt, mà chúng ta ít có dịp xử dụng ở quê người. Các bạn, "Saigon nhỏ", hãy cho tôi cảm tưởng chỉ còn có "Saigon nhỏ" là nơi chốn duy nhất trên trái đất này còn tình tự dân tộc Việt.

MINH TƯỜNG
Tháng chạp năm 1988

Bài này được viết vào năm 1988, 38 năm trước, Bây giờ, năm 2026, "Sài gòn nhỏ" ở Nam California vẫn còn là nới tụ tập đông người Việt ly hương tỵ nạn CS nhiều nhất ở hải ngoại.

10 tiểu bang có đông người Việt nhất ở Mỹ và 5 thành phố chính tại mỗi bang

(Titles are generated by AI from Meta)

Hiện nay có khoảng 2.3 triệu người Việt sinh sống tại Mỹ. (tính đến năm 2024):

1. California: 35% (~802.878 người Việt)
2. Texas: 14% (~325.513 người Việt)
3. Washington: 5% (~112.233 người Việt)
4. Florida: 5% (~105.807 người Việt)
5. Georgia: 3% (~73.234 người Việt)
6. Virginia: 3% (~70.336 người Việt)
7. Massachusetts: 3% (~67.433 người Việt)
8. Các tiểu bang khác: ~32% (~730.648 người Việt)

California có số lượng người Việt đông nhất, đặc biệt tập trung tại các khu vực như Quận Cam (Orange County), Los Angeles và San Jose,

Dưới đây là danh sách 10 tiểu bang ở Mỹ có đông người Việt sinh sống nhất và 5 thành phố có nhiều người Việt tại mỗi tiểu bang:

1. California

* Thành phố: San Jose, Garden Grove, Westminster, Santa Ana, Los Angeles

California là nơi có cộng đồng người Việt lớn nhất tại Mỹ, với khu Little Saigon ở Quận Cam và một cộng đồng mạnh tại Thung lũng Silicon.

2. Texas

* Thành phố: Houston, Dallas, Arlington, Garland, Austin

Texas có cộng đồng người Việt phát triển nhanh chóng, đặc biệt tại khu vực Dallas-Fort Worth và Houston.

3. Washington

* Thành phố: Seattle, White Center, Tacoma, Bellevue, Federal Way

Tiểu Bang Washington tập trung đông người Việt ở khu vực Seattle và các vùng lân cận.

4. Florida

* Thành phố: Orlando, Tampa, Jacksonville, St. Petersburg, Miami

Florida thu hút người Việt nhờ khí hậu ấm áp và cơ hội kinh tế.

5. Virginia

* Thành phố: Falls Church, Annandale, Fairfax, Springfield, Arlington

Khu vực phía Bắc Virginia, đặc biệt là Quận Fairfax, có sự hiện diện mạnh mẽ của cộng đồng người Việt và các trung tâm văn hóa.

6. New York

* Thành phố: New York City, Brooklyn, Queens, Rochester, Buffalo

New York có dân số người nhập cư đa dạng, bao gồm nhiều người Việt.

7. Louisiana

* Thành phố: New Orleans, Harvey, Baton Rouge, Lafayette, Gretna

Louisiana có cộng đồng người Việt độc đáo, được định hình bởi vị trí gần bờ biển và ngành đánh cá, nông nghiệp.

8. Massachusetts

* Thành phố: Boston, Dorchester, Worcester, Lowell, Springfield

Massachusetts có các cộng đồng người Việt phát triển, đặc biệt tại Boston và Lowell.

9. Georgia

* Thành phố: Atlanta, Doraville, Lawrenceville, Marietta, Norcross

Khu vực Atlanta là một trung tâm quan trọng cho người Việt nhập cư.

10. Oregon

* Thành phố: Portland, Beaverton, Salem,

Eugene, Hillsboro

Portland và các khu vực lân cận tổ chức nhiều lễ hội văn hóa của cộng đồng người Việt.

- Thông tin tìm kiếm nhiều nguồn trên Google





người vợ tù chung thuỷ

Tù đày chẳng biết ngày nào ra?
Em vẫn kiên tâm vượt phong ba
Vẫn giữ một tình yêu chung thuỷ
Tìm chồng khắp núi non giang hà

Cải tạo chẳng biết ngày nào về?
Em vẫn trì chí giữ lời thề
Cứng cỏi không thay lòng đổi dạ
Đá vàng quyết giữ nghĩa phu thê

Đày ải tận rừng thiêng nước độc?
Em vẫn âm thầm đi thăm nuôi
Lặn lội đường xa không quản ngại
Bao năm dài tất tả ngược xuôi

Vinh Hồ



những mùa thu

Có lẽ những mùa thu của thuở ấy
Vẫn tháng năm cuồn cuộn chảy trong ta
Vẫn con tim đang ngày đêm bỏng cháy
Gởi về em thu tuổi nhỏ dễ thương

Có lẽ trong lòng người ở phương xa
Mùa thu ấy vẫn nằm trong ký ức
Bao đêm dài vẫn luôn luôn túc trực
Những ngày thu từ phố nhỏ thân thương

Phải chăng em đang suy nghĩ vu vơ
Và tự hỏi, sao mình khờ quá nhỉ
Dấu yêu ơi, đừng bận tâm suy nghĩ
Mùa thu xưa vẫn chảy mãi không ngừng

Suốt đời này có lẽ những mùa thu
Là sức sống trong lòng người yêu nó
Gởi tâm tư và cảm tình theo đó
Những tâm hồn sẽ yêu mãi ngày thu

Quốc Thái

KHOẢNG CÁCH VĂN HÓA và QUAN NIỆM TRỊ LIỆU BỆNH

savi



Chữa bệnh, thầy thuốc không chỉ dựa vào y học của mình mà còn phải biết liên hợp với văn hóa tập tục và tôn giáo của người bệnh. Con người tuy là hình ảnh của Thiên Chúa (St1:27) nhưng lại bị ảnh hưởng bởi nhiều trào lưu hoàn cảnh khác nhau. Khác biệt văn hóa không còn cây cầu nối liền những nền văn hóa khác nhau mà lại là cây cầu ngăn cách đang ngày càng gia tăng, vì bệnh nhân không thể chia xẻ được quan niệm của mình về bệnh tật và phương cách chữa trị bệnh của mình.

Một cô gái nhỏ đến bệnh viện vì bị nóng sốt, ăn uống không ngon miệng, bụng bên phía phải đau nhói khi bị ấn xuống. Việc chẩn đoán lúc đó quá dễ dàng. Đau sưng ruột thừa cấp tính. Các bác sĩ tại bệnh viện nhi đồng Ở Oakland miền Bắc California đã nói với cha mẹ cô bé đang lo lắng lúc đó là phải giải phẫu ngay. Nhưng cặp vợ chồng Miên đã từ chối không cho phép mổ con gái mình. Ở quê hương họ –nước Cao Miên– người chữa lành bệnh không có cắt mổ đứa trẻ ra và di chuyển cơ quan của chúng. Nếu những việc này xảy ra nó phải được phép của cộng đồng tôn giáo shaman là một hình thức tín ngưỡng cổ xưa thông qua những người trung gian để giao tiếp với Thần linh, qua đó nhờ Thần linh giúp đỡ những điều mong muốn, truyền đạt ý chí của Thần Linh, họ có nhiệm vụ trông giữ, phụng sự và cúng tế lễ cho Thần Linh cũng như của cha mẹ. Không có giấy phép này thì không thể được giải phẫu đứa trẻ.

May sao khi việc này xảy ra gia đình đứa trẻ đã có thể liên lạc ngay lập tức với thầy cúng -vị chữa lành thần linh. Không cần nhìn đứa trẻ một ông lão thắp hương và khấn vái các linh hồn, cầu xin họ mang trả lại sức khỏe cho cô bé. Rồi ông đồng ý để tiến hành ca mổ ruột thừa.

Khi nước Mỹ bước vào thế kỷ XXI, một số thay đổi sâu sắc nhất trong y khoa lại không liên quan đến công nghệ mới hay mô hình chăm sóc quản lý sức khỏe. Chúng bắt nguồn từ một sự chuyển dịch địa chấn trong quần chúng cơ cấu bệnh nhân. Hãy nhìn quanh phòng đợi của bạn. Chưa bao giờ các bác sĩ phải đối diện với một bức tranh văn hoá đa dạng đến như vậy. Và cùng với dân số ngày càng phong phú ấy là một loạt thách thức mới gây bối rối về đạo đức, lâm sàng và pháp lý. Chắc chắn, điều trị một bệnh nhân đến từ một vùng đất xa lạ có thể là điều hấp dẫn và mang tính giáo dục đối với bác sĩ; nhưng sự khác biệt ngôn ngữ và văn hoá có thể biến ngay cả vấn đề sức khỏe đơn giản nhất thành một câu đố khó hiểu. Làm sao một bác sĩ có thể khai thác bệnh sử nếu ông ta không thể nói được thứ ngôn ngữ của bệnh nhân? Bác sĩ phải phản ứng thế nào nếu một bệnh nhân đến khám với những vết bầm do một phương pháp trị liệu thay thế gây ra? Điều gì sẽ xảy ra khi bệnh nhân và bác sĩ không chia sẻ cùng một niềm tin về nguyên nhân gây bệnh?

Những vấn đề đa văn hoá trong y khoa không phải là điều mới mẻ gì, nhất là tại Hoa Kỳ. Đây từ lâu đã là một quốc gia của những người nhập cư, và suốt hai thập kỷ qua, các bác sĩ đã điều trị cho những bệnh nhân nói những ngôn ngữ khác nhau và xuất thân từ những nền văn hoá khác nhau. Điều thay đổi ngày nay chính là số lượng và mức độ đa dạng của người nhập cư. Chúng ta đang ở giữa làn sóng nhập cư lớn thứ hai trong lịch sử quốc gia này. Từ năm 1980, hơn 16 triệu người nước ngoài đã chọn Hoa Kỳ làm quê hương, và những người định cư mới vẫn tiếp tục đổ về nước Mỹ. Hơn nữa, nếu như phần lớn người nhập cư trước đây đến từ Châu Âu — cái nôi của y học phương Tây — thì những người mới ngày nay lại đến từ Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ Latin, những vùng đất có hệ thống niềm tin và thực hành y tế rất khác biệt. "*Chúng ta đang đối diện với những hệ thống niềm tin văn hoá không dễ dàng hòa tan vào cái 'nồi hầm' của nền đa văn hoá*," Ông Jean Gilbert, giám đốc chương trình năng lực văn hoá của Kaiser Permanente tại California, nhận định như vậy.

Là một nhà nhân chủng học y khoa, Gilbert xây dựng các chương trình đào tạo cho giới lâm sàng và hỗ trợ phát triển những chiến lược nhạy cảm về văn hoá cho một hệ thống chăm sóc sức khỏe phục vụ một trong những cộng đồng đa sắc tộc nhất thế giới. Một phần tư dân số California là người sinh ra ở nước ngoài, và các cơ sở của Kaiser điều trị bệnh nhân thuộc mọi nhóm sắc tộc có thể tưởng tượng được. Một bác sĩ ở San Francisco hoặc Los Angeles có thể gặp một người Hồi giáo Lebanon, một người tị nạn Guatemala, một tín đồ Do Thái Hasid, và một người Hmong gốc Lào — tất cả chỉ trong một ngày.

Nhưng không chỉ có các bác sĩ ở những thành phố lớn như California hay New York mới phải điều trị cho một dân số bệnh nhân đa dạng nữa. Các mô hình di cư và tái định cư đã lan rộng người nhập cư khắp cả nước như những cơn gió mang theo hoa hạt giống. Người Hmong vùng thượng du đã định cư ở miền núi North Carolina, người Tây Phi ở trung tâm Minnesota, và những tín hữu Ngũ Tuần gốc Nga ở Montana. "*Hiếm có nơi nào ở nước Mỹ mà không có người nhập cư, người tị nạn, hoặc những lao động nông nghiệp di cư sống trong cộng đồng*", Julia Puebla Fortier, giám đốc Trung tâm Tài nguyên về Chăm sóc Sức khỏe Đa Văn hóa tại Silver Spring, Maryland — một cơ quan chuyên cung cấp thông tin về các vấn đề y tế đa văn hóa — cho biết. Và bà nói thêm "*Vùng Trung Mỹ này và những nơi hiện nay đã từng một thời có mức độ đa dạng văn hóa đáng kinh ngạc.*"

Trở ngại rõ ràng nhất đối với các bác sĩ khi điều trị cho người nhập cư là ngôn ngữ. "Tôi từng nghe một bác sĩ nói rằng nếu ông không nói được ngôn ngữ của bệnh nhân và bệnh nhân không nói được ngôn ngữ của ông, thì việc khám và chữa bệnh có phần giống như hành nghề thú y" -Gilbert cho biết.

Phần lớn khả năng chẩn đoán của bác sĩ dựa trên những gì bệnh nhân kể lại cho họ, ngay cả khi các bác sĩ có thể tìm người thông dịch thì sự khác biệt văn hóa có thể vẫn nằm trong cùng một thể thức. Nhiều nhóm dân có những niềm tin về sức khỏe rất mạnh mẽ và khác nhau, chẳng hạn như những mâu thuẫn xung đột giữa những nguyên tắc hay nguyên lý của y khoa Tây Phương.

Bác sĩ Edmund Shaheen, một bác sĩ gia đình ở Woodland Hills, California, đã gặp nhiều khó khăn khi điều trị cho một gia đình người Mỹ gốc Mexico mắc bệnh tiểu đường, bởi vì quan niệm văn hoá của họ về sức khỏe và bệnh tật rất khác với y học Phương Tây. Gia đình này không coi trọng việc kiểm tra đường huyết thường xuyên hay tái khám định kỳ, và sự thất vọng của bác sĩ Shaheen ngày càng gia tăng khi ông nhận ra họ chưa hiểu được tầm quan trọng của việc kiểm soát bệnh tiểu đường.

Trải nghiệm ấy khiến ông nhận ra rằng, để việc điều trị có hiệu quả, bác sĩ "phải biết nhìn bệnh nhân qua lăng kính văn hoá của họ. Những khác biệt trong niềm tin và thực hành y tế – từ y học Phương Tây cho đến y học cổ truyền Trung Hoa với khái niệm khí (chi) – đều có thể ảnh hưởng sâu sắc đến cách bệnh nhân tiếp nhận và tuân thủ cách điều trị".

Những khác biệt văn hoá trong niềm tin về sức khỏe không chỉ ảnh hưởng đến cách người bệnh nhìn nhận bệnh tật, mà còn định hình cách họ phản ứng với việc điều trị. Một số gia đình người Mỹ gốc Mexico, chẳng hạn, có thể xem bệnh tiểu đường như một tình trạng không đáng lo ngại, trong khi y học Phương Tây coi đó là căn bệnh cần phải được kiểm soát chặt chẽ. Tương tự như vậy, y học cổ truyền Trung Hoa nhấn mạnh đến sự lưu thông năng lượng (khí âm dương) và bệnh tật được hiểu như sự mất cân bằng trong dòng chảy ấy.

Đối với các bác sĩ: *"thách thức là làm sao vừa duy trì chuẩn mực y khoa, vừa tôn trọng và thấu hiểu những hệ thống niềm tin khác biệt này. Chỉ khi nhận ra rằng bệnh nhân đến với họ không chỉ mang theo triệu chứng, mà còn mang theo cả một thế giới quan về văn hoá, thì việc điều trị mới có thể đạt hiệu quả tốt".*

Đối với bác sĩ Shaheen, bài học quan trọng nhất chính là: bệnh nhân không chỉ mang đến phòng khám những triệu chứng y khoa, mà còn mang theo cả một hệ thống niềm tin và giá trị văn hoá. Nếu bác sĩ không nhận ra và tôn trọng điều đó, việc điều trị sẽ dễ bị thất bại.

Gilbert nhấn mạnh rằng *"các bác sĩ cần học cách biết đặt mình vào thế giới quan của bệnh nhân. Chẩn đoán và điều trị không thể chỉ dựa trên xét nghiệm và phác đồ, mà còn phải tính đến những yếu tố văn hoá – từ cách bệnh nhân hiểu về nguyên nhân gây bệnh, cho đến cách họ nhìn nhận vai trò của gia đình và cộng đồng trong việc chăm sóc sức khỏe."*

Ông cũng cho rằng "*năng lực văn hoá (cultural competence) tức khả năng hiểu và nắm bắt văn hóa không phải là một kỹ năng phụ, mà là một phần thiết yếu trong thực hành y khoa hiện đại. Bác sĩ cần được đào tạo để hiểu rằng bệnh nhân không chỉ là những cá thể sinh học, mà còn là những con người gắn liền với truyền thống, niềm tin và cộng đồng. Khi một bác sĩ biết lắng nghe và tôn trọng hệ thống niềm tin của bệnh nhân, việc điều trị sẽ trở thành một tiến trình hợp tác thay vì đối đầu. Điều này không chỉ giúp cải thiện kết quả lâm sàng, mà còn xây dựng niềm tin giữa bệnh nhân và thầy thuốc — một yếu tố nền tảng cho mọi hình thức chăm sóc sức khỏe".*

Thực tế, nhiều hệ thống niềm tin y khoa vận hành giống như một tôn giáo: chúng cung cấp cho con người một thế giới quan, một cách lý giải nguyên nhân bệnh tật, và một khuôn khổ để ứng xử với đau khổ. Khi bệnh nhân tin rằng bệnh là do mất cân bằng năng lượng, do vi phạm điều cấm kỵ, hay do ý muốn của thần linh, thì việc điều trị y khoa hiện đại phải đối diện song song với một loại *'đức tin'*. Do đó cũng như các mục tử phải hiểu biết giáo dân của mình, bác sĩ phải học cách hiểu bệnh nhân trong bối cảnh văn hoá và niềm tin của họ. Chỉ khi thầy thuốc biết tôn trọng và đối thoại với những niềm tin ấy, thì việc chữa trị mới có thể đi cùng một đường thẳng, trở thành một hành trình chung, thay vì một cuộc xung đột trái chiều.

Những ví dụ cụ thể: một số bệnh nhân tin rằng bệnh tật là do sự mất cân bằng trong cơ thể, số khác cho rằng đó là hậu quả của việc vi phạm điều cấm kỵ, hoặc thậm chí là sự trừng phạt từ thần linh. Những niềm tin ấy không dễ dàng bị thay thế bởi lời khuyên y khoa, bởi chúng vận hành như một hệ thống tôn giáo — mang lại cho bệnh nhân sự an ủi, ý nghĩa, và một cách lý giải về đau khổ. Vì thế, bác sĩ phải học cách đối thoại với những niềm tin này, thay

vì phủ nhận chúng. Khi thầy thuốc biết tôn trọng và tìm cách kết nối giữa khoa học y học với thế giới quan văn hoá – tôn giáo của bệnh nhân, thì việc điều trị mới có thể trở thành một hành trình chung, vừa hiệu quả về lâm sàng, vừa nhân bản về tinh thần.

Trong thực tế lâm sàng, những khác biệt này hiện ra rất rõ: một số bệnh nhân tin rằng bệnh tiểu đường chỉ đơn giản là 'đường trong máu hơi cao', không cần kiểm soát nghiêm ngặt; số khác lại tin rằng bệnh là do mất cân bằng trong cơ thể, cần được điều chỉnh bằng thảo dược hoặc nghi lễ truyền thống. Với những bệnh nhân chịu ảnh hưởng của y học cổ truyền Trung Hoa, khái niệm khí (chi) và sự lưu thông năng lượng trở thành trung tâm của cách họ hiểu về sức khỏe.

Gilbert nhấn mạnh là: "*nếu bác sĩ chỉ nhìn bệnh nhân qua lăng kính y học phương Tây, thì sẽ bỏ qua cả một hệ thống niềm tin vận hành như một tôn giáo song hành. Muốn điều trị thành công, thầy thuốc phải học cách bước vào thế giới quan ấy, đối thoại với nó, và tìm ra điểm giao thoa giữa khoa học y học và niềm tin văn hoá – tôn giáo của bệnh nhân".*

Một bác sĩ kể lại rằng ông từng điều trị cho một bệnh nhân tin rằng bệnh tật là do 'gió độc' xâm nhập vào cơ thể, và cách chữa duy nhất là thực hiện nghi lễ truyền thống để xua đuổi tà khí. Trong một trường hợp khác, bệnh nhân tin rằng bệnh là do sự trừng phạt của thần linh, nên thay vì tuân thủ họa đồ điều trị, họ tìm đến các nghi lễ cầu nguyện. Những niềm tin này, dù khác biệt với y học phương Tây, lại mang đến cho bệnh nhân một ý nghĩa của sự an ủi và tình thương, giống như một tôn giáo song hành với đời sống y khoa.

Đúng vậy, nếu bác sĩ không biết cách đối thoại với những niềm tin ấy, thì việc điều trị sẽ trở thành một cuộc đối đầu. Nhưng khi thầy thuốc biết tôn trọng và tìm cách kết nối, thì y học hiện đại có thể song hành cùng niềm tin văn hoá – tôn giáo, mở ra một con đường chữa trị vừa hiệu quả vừa nhân bản.

Kết luận rằng việc đào tạo bác sĩ trong năng lực văn hoá (cultural competence) là điều không thể thiếu đối với y học hiện đại. Các chương trình y khoa cần giúp thầy thuốc hiểu rằng bệnh nhân không chỉ mang đến phòng khám những triệu chứng sinh học, mà còn mang theo cả một hệ thống niềm tin, giá trị và truyền thống. Khi bác sĩ biết lắng nghe, tôn trọng và đối thoại với những niềm tin ấy, thì việc điều trị sẽ trở thành một tiến trình hợp tác. Điều này không chỉ cải thiện kết quả lâm sàng, mà còn củng cố mối quan hệ tin cậy giữa bệnh nhân và thầy thuốc — một nền tảng thiết yếu cho mọi hình thức chăm sóc sức khỏe. Sự cảm thông giữa bác sĩ và bệnh nhân lúc đó đã đạt được. Giao cảm đã có. Bệnh tình sẽ mau thuyên giảm.

Ở cấp độ xã hội và chính sách y tế công cộng, năng lực văn hoá (cultural competence) không chỉ là vấn đề của từng bác sĩ, mà còn là trách nhiệm của toàn hệ thống chăm sóc sức khỏe. Khi cộng đồng ngày càng đa dạng, các bệnh viện và cơ sở y tế phải học cách phục vụ bệnh nhân đến từ nhiều nền văn hoá khác nhau, với những niềm tin và thực hành y tế khác biệt.

Đúng vậy, nếu hệ thống y tế không thích ứng, thì sẽ tạo ra khoảng cách giữa thầy thuốc và bệnh nhân, dẫn đến sự thiếu tin tưởng và kết quả điều trị kém. Nhưng nếu biết tôn trọng và thích hợp những yếu tố văn hoá – tôn giáo vào tiến trình chăm sóc, thì y học hiện đại có thể trở thành một nhịp cầu nối, vừa chữa lành thể xác, vừa nâng đỡ tinh thần. Tâm hồn và thể xác hòa hợp thì bệnh tật sẽ dễ dàng biến mất.

Quay trở lại với câu chuyện của bác sĩ Shaheen, Gilbert nhắc rằng những trải nghiệm như vậy không phải là ngoại lệ, mà là thực tế thường xuyên trong một xã hội đa văn hoá.

Mỗi bệnh nhân bước vào phòng khám đều mang theo một '*vũ trụ quan về niềm tin' riêng* — một cách lý giải về thân thể, bệnh tật, và sự chữa lành. Đối với một số người, bệnh là sự mất cân bằng; đối với người khác, đó là thử thách tinh thần; và với nhiều cộng đồng, bệnh tật gắn liền với những quy tắc đạo đức hoặc tôn giáo. Chính vì thế, y khoa không thể chỉ là khoa học thuần tuý; nó phải trở thành một nghệ thuật đối thoại với niềm tin. Một bác sĩ giỏi không chỉ biết đọc kết quả xét nghiệm, mà còn biết đọc 'ngôn ngữ văn hoá' của bệnh nhân, biết lắng nghe những điều họ tin, những điều họ sợ, và những điều họ hy vọng. Khi thầy thuốc bước vào thế giới quan của bệnh nhân với sự tôn trọng, thì việc chữa trị mới thực sự bắt đầu. Những khác biệt văn hoá không phải là những chi tiết bên lề, mà là những cấu trúc niềm tin định hình cách bệnh nhân hiểu về thân thể và bệnh tật.

Khi một bác sĩ bước vào phòng khám, họ không chỉ đối diện với một cơ thể sinh học, mà còn đối diện với một thế giới quan — một hệ thống ý nghĩa mà bệnh nhân dùng để diễn giải đau đớn, hy vọng, và sự chữa lành.

Trong nhiều trường hợp, hệ thống niềm tin này mạnh mẽ như một tôn giáo: nó mang lại cho bệnh nhân sự an ủi, trật tự, và cảm giác rằng bệnh tật có nguyên nhân và mục đích. Nếu bác sĩ không nhận ra điều đó, họ sẽ vô tình phủ nhận một phần quan trọng trong căn tính của bệnh nhân. Nhưng khi thầy thuốc biết tôn trọng và đối thoại với niềm tin ấy, thì y khoa hiện đại có thể trở thành một nhịp cầu nối giữa khoa học và đời sống tinh thần.

Những ví dụ này cho thấy rằng việc điều trị y khoa không bao giờ diễn ra trong khoảng không trung tính. Nó luôn diễn ra trong một bối cảnh văn hoá cụ thể, nơi bệnh nhân mang theo những niềm tin, truyền thống và cách lý giải riêng về bệnh tật. Đối với nhiều cộng đồng, những niềm tin ấy có sức mạnh định hướng hành vi tương tự như một tôn giáo: chúng giải thích vì sao con người đau bệnh, vì sao họ phải chịu đựng, và đâu là con đường dẫn đến sự chữa lành.

Gilbert nhấn mạnh rằng, khi bác sĩ hiểu được điều này, họ sẽ không còn xem những niềm tin ấy

như chướng ngại, mà như một phần của tiến trình điều trị. Thay vì cố gắng thay đổi thế giới quan của bệnh nhân, thầy thuốc có thể tìm cách kết nối giữa khoa học y học và hệ thống niềm tin văn hoá – tôn giáo, để việc chữa trị trở thành một hành trình chung, vừa hiệu quả, vừa nhân bản.

Đúng vậy, việc hiểu biết văn hoá không chỉ khiến bác sĩ tránh hiểu lầm, mà còn giúp họ xây dựng được một mối quan hệ điều trị dựa trên sự tin cậy. Khi bệnh nhân cảm thấy rằng niềm tin của họ được tôn trọng, họ sẽ cởi mở hơn, hợp tác hơn, và sẵn sàng bước vào tiến trình chữa trị. Ngược lại, khi họ cảm thấy bị phán xét hoặc bị xem thường, họ sẽ rút lui, né tránh, hoặc tìm đến những phương thức chữa trị khác phù hợp với thế giới quan của họ hơn.

Trong một xã hội đa văn hoá, thầy thuốc không thể chỉ dựa vào kiến thức y khoa để điều trị. Họ phải học cách trở thành những người 'phiên dịch văn hoá', biết chuyển ngữ giữa khoa học y học và hệ thống niềm tin của bệnh nhân. Khi làm được điều đó, họ không chỉ chữa lành thân thể, mà còn chạm đến chiều sâu tinh thần của người bệnh — nơi mà văn hoá và tôn giáo giao thoa.

Những tình huống lâm sàng như vậy cho thấy sự khác biệt văn hoá không chỉ là vấn đề giao tiếp, mà là vấn đề nhận thức: bệnh nhân và bác sĩ có thể đang sống trong hai 'vũ trụ quan' ý nghĩa khác nhau. Một bên dựa vào khoa học thực nghiệm, xét nghiệm, và phác đồ; bên kia dựa vào truyền thống, kinh nghiệm dân gian, và những niềm tin mang tính tôn giáo hoặc tâm linh.

Khi hai hệ thống ý nghĩa này va chạm, sự hiểu lầm là điều gần như chắc chắn. Nhưng nếu bác sĩ biết nhận ra và tôn trọng thế giới quan của bệnh nhân, thì sự va chạm ấy có thể biến thành một cuộc đối thoại — nơi y khoa hiện đại và niềm tin văn hoá tìm được điểm chung để cùng hướng đến sự chữa lành.

Bác sĩ bước đi qua cầu:

Để vượt qua khoảng cách giữa hai hệ thống niềm tin này, bác sĩ phải học cách '*đi qua cầu*' — nghĩa là bước vào thế giới quan của bệnh nhân với sự khiêm tốn và tôn trọng. Điều này không có nghĩa là bác sĩ phải chấp nhận mọi niềm tin của bệnh nhân, nhưng họ phải hiểu rằng những niềm tin ấy có chức năng nâng đỡ tinh thần, mang lại ý nghĩa, và giúp bệnh nhân đối diện với đau khổ.

Trong thực hành hằng ngày, việc 'đi qua cầu' có thể đơn giản như việc hỏi bệnh nhân: họ nghĩ bệnh đến từ đâu, họ tin điều gì sẽ giúp họ hồi phục, hoặc họ muốn gia đình và cộng đồng đóng vai trò gì trong tiến trình chữa trị. Những câu hỏi này mở ra một không gian đối thoại, nơi bệnh nhân cảm thấy được lắng nghe, và bác sĩ có thể điều chỉnh cách tiếp cận để phù hợp hơn với thế giới quan của người bệnh.

Trong nhiều trường hợp, sự nhạy cảm văn hoá không phải là một kỹ năng vô bổ mà là một phần thiết yếu của thực hành y khoa. Một bác sĩ có thể nắm vững kiến thức chuyên môn, nhưng nếu không hiểu được hệ thống niềm tin của bệnh nhân, thì việc điều trị sẽ dễ rơi vào bế tắc. Ngược lại, khi thầy thuốc biết kết hợp giữa khoa học y học và sự thấu cảm văn hoá, họ có thể tạo ra một mô hình chăm sóc sức khỏe toàn diện hơn — nơi thân thể và tinh thần được chữa lành song hành. Điều này đòi hỏi bác sĩ phải biết quan sát những tín hiệu văn hoá tinh tế: cách bệnh nhân nói về bệnh, cách họ diễn giải đau đớn, vai trò của gia đình trong quyết định điều trị, và những thực hành mang tính tôn giáo hoặc tâm linh mà họ tin là cần thiết. Khi thầy thuốc nhận ra những yếu tố này, họ có thể điều chỉnh cách giao tiếp, cách giải thích phác họa đồ, và thậm chí cách xây dựng niềm tin, để việc chữa trị trở nên phù hợp hơn với thế giới quan của người bệnh.

Một hệ thống niềm tin tôn giáo song hành:

Xã hội y khoa và duy trì chiều sâu văn hóa phải như một hệ thống niềm tin tôn giáo song hành. Đối với các bác sĩ trẻ, thách thức lớn nhất không nằm ở kiến thức y khoa — vốn đã được đào tạo rất bài bản — mà nằm ở việc dung hòa giữa thế giới quan khoa học mà họ được học trong giảng đường và thế giới quan văn hoá – tôn giáo mà bệnh nhân mang đến phòng khám. Nhiều bác sĩ mới ra trường cảm thấy bối rối khi đối diện với những niềm tin không ăn khớp với mô hình y học phương Tây: bệnh nhân tin vào tà khí, vào sự trừng phạt của thần linh, hoặc vào những nghi lễ truyền thống như một phần thiết yếu của tiến trình trị liệu.

Sự bối rối này là tự nhiên, bởi các trường y khoa thường đào tạo bác sĩ như những nhà khoa học, nhưng thực tế lâm sàng lại đòi hỏi họ trở thành những người đối thoại văn hoá. Khi bác sĩ trẻ học biết được rằng niềm tin của bệnh nhân không phải là '*sai lầm*' cần sửa chữa, mà là một hệ thống ý nghĩa cần được tôn trọng, họ sẽ bắt đầu phát triển năng lực văn hoá — một kỹ năng thiết yếu để hành nghề trong xã hội đa dạng đa văn hóa ngày nay.

Một mô hình cải tạo

Nhận thấy có những thách thức này, nhiều trường y khoa đã bắt đầu cải tổ chương trình đào tạo để chuẩn bị cho bác sĩ tương lai đối diện với thực tế đa văn hoá trong việc chăm sóc sức khỏe. Các khóa học về năng lực văn hoá (cultural competence) không còn bị xem là phần phụ, mà trở thành một thành tố cốt lõi trong chương trình giảng dạy. Sinh viên y khoa được khuyến khích học về các hệ thống niềm tin khác nhau, về cách các cộng đồng diễn giải bệnh tật, và về vai trò của tôn giáo, gia đình, và truyền thống trong quyết định điều trị.

Gilbert cho rằng những cải tổ này là bước đi đúng hướng, nhưng vẫn chưa đủ. Ông nhấn mạnh rằng năng lực văn hóa không thể chỉ được học qua sách vở; nó phải được rèn luyện qua trải nghiệm thực tế, qua việc tiếp xúc với bệnh nhân đến từ nhiều nền văn hoá khác nhau, và qua việc học cách lắng nghe những câu chuyện mà bệnh nhân mang

theo. Chỉ khi bác sĩ thực sự bước vào thế giới quan của người bệnh, họ mới có thể phát triển sự nhạy cảm văn hoá cần thiết để hành nghề một cách nhân bản trọn vẹn.

Tuy nhiên, ông cũng cảnh báo rằng mô hình y khoa phương Tây có những giới hạn nhất định khi đối diện với các hệ thống niềm tin mang tính tôn giáo và văn hoá mạnh mẽ. Y học hiện đại vốn dựa trên bằng chứng, thực nghiệm và lý tính; trong khi đó, nhiều cộng đồng lại dựa vào truyền thống, kinh nghiệm tập thể, và những thực hành mang tính linh thiêng để diễn giải bệnh tật. Khi hai hệ thống này gặp nhau và đụng chạm thì sự căng thẳng là điều khó tránh khỏi.

Thật vậy, nếu y khoa chỉ tập trung vào cơ thể sinh học mà bỏ qua chiều kích tinh thần và văn hoá, thì sẽ không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của bệnh nhân. Ngược lại, nếu thầy thuốc biết nhìn bệnh nhân như một con người toàn diện, với thân thể, tâm hồn, niềm tin và cộng đồng, thì y học hiện đại có thể mở rộng biên giới của mình, trở thành một mô hình chăm sóc sức khỏe nhân bản hơn.

Đối với các hệ thống niềm tin tôn giáo văn hoá có ảnh hưởng sâu sắc đến quyết định điều trị của bệnh nhân. Gilbert chỉ ra rằng, đối với một số cộng đồng, việc dùng thuốc Tây có thể bị xem là can thiệp quá mạnh vào cơ thể; trong khi đó, các phương thức chữa trị truyền thống lại được xem là 'hiền lành', phù hợp với trật tự tự nhiên. Điều này khiến nhiều bệnh nhân trì hoãn hoặc từ chối điều trị, ngay cả khi biểu đồ y khoa đã được chứng minh là hiệu quả.

Trong những trường hợp khác, niềm tin tôn giáo ảnh hưởng trực tiếp đến các quyết định quan trọng như phẫu thuật, truyền máu, hoặc chăm sóc cuối đời. Một số nhóm tôn giáo phản đối chuyền máu; số khác tin rằng sự can thiệp quá mức vào cơ thể là đi ngược lại ý muốn của thần linh. Những niềm tin này không thể bị xem nhẹ, bởi chúng định hình cách bệnh nhân hiểu về sự sống, cái chết, và ý nghĩa của đau khổ.

Chăm sóc bệnh nhân lúc cuối đời
- End of Life care

Trong chăm sóc cuối đời, ảnh hưởng của niềm tin văn hoá và tôn giáo càng trở nên rõ nét. Đối với nhiều bệnh nhân, quyết định về việc tiếp tục điều trị, ngưng điều trị, hoặc chuyển sang chăm sóc giảm nhẹ không chỉ dựa trên tiên đoán theo y khoa, mà dựa trên những quan niệm sâu xa về sự sống, cái chết, và ý nghĩa của đau khổ.

Một số cộng đồng tin rằng đau đớn có giá trị tinh thần, là một phần của hành trình thanh luyện. Số khác tin rằng sự can thiệp quá mức vào cơ thể ở giai đoạn cuối đời là đi ngược lại trật tự tự nhiên hoặc ý muốn của thần linh. Những niềm tin này ảnh hưởng trực tiếp đến cách bệnh nhân và gia đình đưa ra quyết định chữa trị, và nếu bác sĩ không hiểu được chiều sâu tôn giáo và văn hoá ấy, họ sẽ khó có thể đồng hành một cách nhân bản.

Vai trò của gia đình và cộng đồng

Vai trò của gia đình và cộng đồng trong các quyết định y khoa thường quan trọng không kém, thậm chí đôi khi còn quan trọng hơn ý kiến của chính bệnh nhân. Trong nhiều nền văn hoá, bệnh tật không phải là chuyện của một cá nhân, mà là chuyện của cả gia đình; và quyết định điều trị được đưa ra dựa trên sự đồng thuận của tập thể, chứ không chỉ dựa trên mong muốn của người bệnh.

Điều này tạo ra một thách thức lớn cho bác sĩ được đào tạo trong mô hình Tây Phương vốn nhấn mạnh tính cá nhân tự chủ (individual autonomy). Khi đối diện với những cộng đồng xem gia đình như trung tâm của mọi quyết định, bác sĩ phải học cách điều chỉnh cách tiếp cận: không chỉ nói chuyện với bệnh nhân, mà còn phải biết lắng nghe gia đình, hiểu vai trò của họ, và tôn trọng cấu trúc quyền lực – tình cảm trong cộng đồng ấy.

Khác biệt giữa tự chủ cá nhân
và tự chủ cộng đồng

Sự khác biệt giữa 'tự chủ cá nhân' và 'tự chủ tập thể' thường dẫn đến những hiểu lầm sâu sắc trong thực hành lâm sàng. Trong mô hình y khoa Phương Tây, tự chủ cá nhân được xem là nguyên tắc đạo đức tối thượng: bệnh nhân có quyền quyết định mọi điều liên quan đến cơ thể mình, và bác sĩ phải tôn trọng lựa chọn đó. Tuy nhiên, trong nhiều nền văn hoá, quyết định không bao giờ là của một cá nhân đơn lẻ, mà thuộc về gia đình hoặc cộng đồng.

Gilbert nhấn mạnh rằng, khi bác sĩ áp dụng mô hình tự chủ cá nhân một cách cứng nhắc, họ có thể vô tình gây tổn thương cho bệnh nhân đến từ những nền văn hoá đề cao tính tập thể. Ngược lại, khi thầy thuốc hiểu rằng 'tự chủ' có thể mang nhiều hình thức — cá nhân, gia đình, cộng đồng — họ sẽ biết cách điều chỉnh cách tiếp cận để tôn trọng cấu trúc văn hóa của người bệnh, đồng thời vẫn giữ được các nguyên tắc đạo đức y khoa.

Cầu nối đạo đức-ethical bridges

Để tránh những xung đột đạo đức phát sinh từ sự khác biệt giữa tự chủ cá nhân và tự chủ tập thể, Gilbert đề xuất rằng bác sĩ cần xây dựng những 'cầu nối đạo đức'. Những cầu nối này không nhằm áp đặt một mô hình này lên mô hình kia, mà nhằm tạo ra không gian đối thoại, nơi cả hai hệ thống giá trị có thể được tôn trọng.

Một cầu nối như vậy có thể bắt đầu bằng việc bác sĩ giải thích rõ ràng cho gia đình người bệnh về nguyên tắc tự chủ cá nhân trong y khoa phương Tây, đồng thời lắng nghe cách gia đình hiểu về trách nhiệm tập thể đối với người bệnh. Khi hai bên nhận ra rằng họ không phải là đối thủ, mà là những người cùng tìm kiếm điều tốt nhất cho bệnh nhân, thì sự căng thẳng đạo đức có thể được giảm thiểu.

Trong thực hành lâm sàng, những cầu nối đạo đức này không phải là lý thuyết trừu tượng, mà là những hành động rất cụ thể: dành thời gian cho gia đình, hỏi về vai trò của cộng đồng trong quyết định

điều trị, và tìm cách dung hòa giữa phác đồ y khoa và cấu trúc văn hoá của người bệnh. Khi bác sĩ làm được điều này, họ không chỉ tránh xung đột, mà còn xây dựng được một mô hình chăm sóc sức khỏe nhân bản và bền vững hơn.

Thất bại khi không nhận ra hoặc không tôn trọng các yếu tố văn hóa - tôn giáo

Gilbert đưa ra một loạt trường hợp điển hình để cho thấy hệ thống y khoa có thể thất bại như thế nào khi không nhận ra hoặc không tôn trọng các yếu tố văn hoá – tôn giáo trong quyết định điều trị. Trong nhiều tình huống, bác sĩ hoàn toàn nắm vững chuyên môn, phác họa biểu đồ điều trị rõ ràng, và tiên đoán chính xác; nhưng chỉ một sai sót nhỏ trong việc hiểu niềm tin của bệnh nhân cũng đủ khiến toàn bộ tiến trình điều trị bị sụp đổ.

Ông kể về những trường hợp bệnh nhân từ chối phẫu thuật vì tin rằng việc 'mở thân thể' sẽ làm mất đi sự bảo hộ của tổ tiên; hoặc những gia đình kiên quyết yêu cầu tiếp tục điều trị tích cực dù tiên lượng vô vọng, vì họ tin rằng việc ngừng điều trị là hành động bất kính với thần linh. Trong những tình huống này, bác sĩ có thể cảm thấy bất lực, thậm chí thất vọng, nhưng Gilbert nhấn mạnh rằng sự thất bại không nằm ở khoa học y khoa, mà nằm ở chỗ hệ thống y tế đã không chuẩn bị cho thầy thuốc khả năng đối thoại với những thế giới quan khác của mình. Ông cho rằng những thất bại này, nếu được nhìn nhận đúng cách, có thể trở thành những cơ hội học hỏi quan trọng cho cả bác sĩ lẫn hệ thống y tế. Mỗi lần tiến trình điều trị bị gián đoạn vì khác biệt văn hoá – tôn giáo, đó không phải là bằng chứng cho thấy bệnh nhân 'khó hợp tác', mà là lời nhắc nhở rằng y khoa hiện đại vẫn còn nhiều giới hạn trong việc thấu hiểu con người như một thực thể toàn diện.

Ông nhấn mạnh, khi bác sĩ dành thời gian để phân tích những thất bại ấy — hỏi xem điều gì đã bị bỏ qua, niềm tin nào đã không được lắng nghe, và cấu trúc văn hóa nào đã bị hiểu sai — họ có thể phát triển một năng lực lâm sàng sâu sắc hơn. Những bài học này không chỉ giúp cải thiện việc điều trị cho bệnh nhân thuộc cùng cộng đồng, mà còn giúp thầy thuốc trở nên nhạy bén hơn trong mọi tương tác lâm sàng.

Theo Gilbert, chính những khoảnh khắc thất bại ấy mở ra khả năng tái cấu trúc y khoa theo hướng nhân bản hơn: một nền y học biết tôn trọng sự đa dạng của thế giới quan, biết lắng nghe những câu chuyện mà bệnh nhân mang theo, và biết rằng chữa lành không chỉ là sửa chữa cơ thể, mà còn là đồng hành với con người trong toàn bộ chiều sâu văn hoá – tinh thần của họ.

Tái định nghĩa phương cách trị liệu:

Từ những phân tích này, Gilbert bắt đầu mở rộng lập luận của mình sang một vấn đề lớn hơn: cần phải tái định nghĩa khái niệm 'chữa lành' trong bối cảnh đa văn hóa toàn cầu. Ông cho rằng, trong nhiều thế kỷ, y khoa phương Tây đã xem chữa lành như một tiến trình thuần lý sinh học — sửa chữa những rối loạn của cơ thể, loại bỏ triệu chứng, và khôi phục chức năng. Nhưng trong nhiều nền văn hoá, chữa lành không chỉ là một hành động y học, mà là một hành trình mang tính tinh thần, xã hội, và cộng đồng.

Gilbert nhấn mạnh rằng, khi bệnh nhân bước vào phòng khám, họ không chỉ mang theo một cơ thể đau bệnh, mà còn mang theo một thế giới quan: những niềm tin về sự sống và cái chết, những câu chuyện gia đình, những truyền thống tôn giáo, và những thực hành mang tính linh thiêng. Nếu y khoa chỉ chữa phần thân thể mà bỏ qua phần thế giới quan ấy, thì tiến trình chữa lành sẽ thiếu sót. Do đó, ông đề xuất y khoa cần mở rộng định nghĩa của mình: chữa lành phải được hiểu như một tiến trình toàn diện, nơi thân thể, tâm hồn, niềm tin và cộng đồng được xem là những thành phần liên kết. Khi thầy thuốc biết bước vào thế giới quan của bệnh nhân, họ không chỉ chữa bệnh, mà còn đồng hành với con người trong toàn bộ chiều sâu văn hóa – tinh thần của họ vậy.

Mô hình chăm sóc sức khỏe thực sự đa văn hóa

Dựa trên những phân tích trước đó, Gilbert đưa ra một số khuyến nghị cụ thể nhằm giúp hệ thống y tế xây dựng một mô hình chăm sóc sức khỏe thực sự đa văn hoá. Trước hết, ông cho rằng các cơ sở y tế cần phát triển những chương trình đào tạo liên tục về năng lực văn hoá cho bác sĩ, y tá và nhân viên chăm sóc sức khỏe. Những chương trình này không chỉ cung cấp kiến thức về các cộng đồng khác nhau, mà còn giúp thầy thuốc học cách lắng nghe, đặt câu hỏi, và nhận diện những tín hiệu văn hóa tinh tế trong tương tác lâm sàng.

Thứ đến, Gilbert đề xuất rằng các bệnh viện và phòng khám nên hợp tác với các lãnh đạo cộng đồng, các tổ chức tôn giáo, và những người có uy tín trong cộng đồng để xây dựng cầu nối giữa y khoa và văn hóa Khi những người này tham gia vào tiến trình chăm sóc sức khỏe, họ có thể giúp giải thích phác đồ điều trị cho bệnh nhân, giảm bớt sự nghi ngờ, và tạo ra một không gian đối thoại dựa trên sự tin cậy.

Cuối cùng, ông nhấn mạnh hệ thống y tế cần xem sự đa dạng văn hoá không phải là một thách thức, mà là một nguồn lực. Khi y khoa biết học hỏi từ những thế giới quan khác nhau, nó có thể mở rộng phạm vi của mình, trở nên linh hoạt hơn, và phát triển một mô hình chăm sóc sức khỏe nhân bản, toàn diện và phù hợp với thực tế toàn cầu.

Y Khoa của thế kỷ XXI-
Một ngành đối thoại văn hóa

Trong phần tổng kết, Gilbert nhấn mạnh rằng y khoa của thế kỷ XXI phải được hiểu như một ngành đối thoại văn hoá (a discipline of cultural dialogue). Ông cho rằng, nếu y học tiếp tục vận hành như một hệ thống thuần lý tính, tách biệt khỏi những thế giới quan mà bệnh nhân mang theo, thì nó sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu của một xã hội ngày càng đa

dạng. Chữa lành, theo ông, không chỉ là hành động kỹ thuật, mà là một tiến trình nhân bản đòi hỏi sự thấu cảm, sự lắng nghe, và khả năng bước vào những hệ thống ý nghĩa khác biệt.

Ông kết luận, để thực sự chữa lành con người, bác sĩ phải trở thành những người đối thoại văn hóa: biết nhận ra những niềm tin tôn giáo – truyền thống, biết tôn trọng vai trò của gia đình và cộng đồng, và biết rằng mỗi bệnh nhân mang theo một câu chuyện phức tạp hơn nhiều so với triệu chứng lâm sàng. Khi y khoa chấp nhận vai trò này, nó sẽ vượt qua giới hạn của một ngành khoa học thuần tuý và trở thành một nghệ thuật chữa lành toàn diện.

Y Khoa liên văn hóa-Intercultural medicine

Bước sang chương mới, Gilbert mở rộng phân tích của mình sang các mô hình y khoa liên văn hóa đang được thử nghiệm tại nhiều quốc gia. Ông cho rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa, không một hệ thống y tế nào có thể vận hành hiệu quả nếu chỉ dựa vào một thế giới quan đơn nhất. Những mô hình liên văn hóa này tìm cách kết hợp y học hiện đại với các truyền thống chữa trị bản địa, nhằm tạo ra một hệ thống chăm sóc sức khỏe phù hợp hơn với thực tế đa dạng của cộng đồng.

Ông mô tả những sáng kiến tại Nam Mỹ, nơi các bệnh viện hợp tác với các thầy thuốc truyền thống của cộng đồng bản địa; tại Canada, nơi các trung tâm y tế mời các trưởng lão First Nations tham gia vào tiến trình chăm sóc; và tại New Zealand, nơi mô hình y khoa kết hợp giữa kiến thức phương Tây và triết lý chữa lành của người Māori đang được xem là một thành công đáng chú ý. Những mô hình này cho thấy rằng y khoa không cần phải loại bỏ truyền thống để trở nên hiện đại; ngược lại, nó có thể trở nên mạnh mẽ hơn khi biết tôn trọng và tích hợp các hệ thống tri thức khác nhau.

Đi sâu vào phân tích từng mô hình y khoa liên văn hoá, bắt đầu bằng việc mô tả cấu trúc tổ chức của chúng, Gilbert cho rằng những mô hình này thường được xây dựng dựa trên nguyên tắc song hành: y học hiện đại và tri thức truyền thống không cạnh tranh, mà bổ trợ cho nhau. Các bệnh viện thiết lập những không gian riêng để thầy thuốc truyền thống có thể thực hành nghi lễ, trong khi bác sĩ hiện đại đảm trách phần chẩn đoán và điều trị dựa trên bằng chứng.

Nguyên tắc vận hành của các mô hình này thường xoay quanh ba trụ cột: tôn trọng tri thức bản địa, đối thoại liên ngành, và đồng quyết định (co-decision). Tôn trọng tri thức bản địa nghĩa là thừa nhận rằng các cộng đồng có hệ thống chữa trị của riêng họ, với lịch sử và tính hiệu quả đã được kiểm chứng trong thực hành cộng đồng. Đối thoại liên ngành đòi hỏi bác sĩ và thầy thuốc truyền thống phải gặp gỡ thường xuyên, chia sẻ quan điểm, và tìm cách hiểu lẫn nhau. Đồng quyết định nghĩa là phác đồ điều trị được xây dựng dựa trên sự đồng thuận giữa hai hệ thống tri thức, chứ không phải áp đặt từ một phía.

Tuy nhiên, Gilbert cũng thẳng thắn chỉ ra những thách thức lớn khi kết hợp hai hệ thống tri thức vốn rất khác nhau. Y học hiện đại dựa trên thực nghiệm, còn tri thức truyền thống dựa trên kinh nghiệm tập thể và niềm tin linh thiêng. Điều này có thể dẫn đến xung đột về phương pháp, về mục tiêu điều trị, và về cách diễn giải bệnh tật. Nhưng ông cho rằng chính những xung đột này, nếu được quản lý đúng cách, hy vọng lại mở ra cơ hội để hai hệ thống học hỏi lẫn nhau và phát triển một mô hình chăm sóc sức khỏe toàn diện hơn.

Để minh hoạ cho hiệu quả thực tế của các mô hình y khoa liên văn hoá, Gilbert trình bày một loạt nghiên cứu các trường hợp (case studies) từ nhiều quốc gia. Những trường hợp này cho thấy rằng khi y học hiện đại và tri thức truyền thống được kết hợp một cách tôn trọng và có cấu trúc, kết quả điều trị không chỉ được cải thiện, mà mức độ tin tưởng của cộng đồng đối với hệ thống y tế cũng tăng lên đáng kể.

Một nghiên cứu tại Ecuador cho thấy rằng khi các bệnh viện hợp tác với các *yachak* (thầy thuốc bản địa), tỷ lệ bệnh nhân tuân thủ điều trị tăng gần gấp đôi. Bệnh nhân cảm thấy rằng tiến trình chữa trị phù hợp với thế giới quan của họ hơn, và họ không phải lựa chọn giữa 'truyền thống' và 'hiện đại'. Tại Canada, việc mời các trưởng lão First Nations tham gia vào các buổi tư vấn y khoa đã giúp giảm đáng kể sự nghi ngờ của cộng đồng đối với hệ thống y tế, vốn từng bị xem là xa lạ và áp đặt.

Gilbert cũng nhắc đến một trường hợp tại New Zealand, nơi mô hình kết hợp giữa y học phương Tây và triết lý chữa lành của người Māori đã giúp cải thiện kết quả điều trị trong các bệnh mãn tính. Khi bệnh nhân được phép thực hành các nghi lễ truyền thống trong bệnh viện — như *karakia* (lời cầu nguyện) — họ cảm thấy được tôn trọng, và sự hợp tác với bác sĩ trở nên sâu sắc hơn. Những kết quả này cho thấy rằng sự tích hợp văn hoá không chỉ mang tính biểu tượng, mà có tác động thực sự đến sức khỏe cộng đồng.

Từ các nghiên cứu trường hợp này, Gilbert rút ra những yếu tố then chốt quyết định sự thành công của các mô hình y khoa liên văn hoá.

Yếu tố đầu tiên là *sự tin cậy* (trust). Ông cho rằng không có bất kỳ mô hình tích hợp nào có thể vận hành nếu cộng đồng không tin rằng hệ thống y tế tôn trọng họ, lắng nghe họ, và không tìm cách loại bỏ tri thức truyền thống của họ. Niềm tin này không thể được xây dựng bằng những tuyên bố mang tính biểu tượng, mà phải được thể hiện qua những hành động cụ thể trong thực hành lâm sàng.

Yếu tố thứ hai là *đối thoại* (dialogue). Gilbert nhấn mạnh rằng đối thoại liên văn hoá không chỉ là trao đổi thông tin, mà là một tiến trình học hỏi lẫn nhau. Bác sĩ phải sẵn sàng đặt câu hỏi về những giả định của chính mình, trong khi thầy thuốc truyền

thống cũng phải mở lòng để hiểu phương pháp của y học hiện đại. Khi đối thoại được duy trì một cách chân thành, hai hệ thống tri thức có thể tìm thấy điểm chung và xây dựng phác đồ điều trị phù hợp hơn với bệnh nhân."

Yếu tố thứ ba là *tính linh hoạt* (flexibility) biết uyển chuyển của hệ thống y tế. Gilbert cho rằng một hệ thống y khoa cứng nhắc, chỉ chấp nhận một mô hình điều trị duy nhất, sẽ không thể thích ứng với thực tế đa văn hoá. Ngược lại, khi bệnh viện cho phép điều chỉnh phác đồ, mở không gian cho nghi lễ truyền thống, hoặc chấp nhận sự đồng quyết định giữa bác sĩ và thầy thuốc bản địa, thì tiến trình chữa lành trở nên toàn diện hơn và phù hợp hơn với cộng đồng.

Giới hạn và thách thức nôi tại
của các mô hình y khoa liên văn hóa

Mặc dù các mô hình y khoa liên văn hoá mang lại nhiều lợi ích, Gilbert cũng thẳng thắn chỉ ra những giới hạn và thách thức nội tại của chúng.

Thách thức đầu tiên là *xung đột tri thức* (epistemological conflict). Y học hiện đại dựa trên bằng chứng thực nghiệm, trong khi tri thức truyền thống thường dựa trên kinh nghiệm tập thể, truyền thừa, và các yếu tố linh thiêng. Khi hai hệ thống này gặp nhau, sự khác biệt về cách hiểu bệnh tật có thể dẫn đến căng thẳng sâu sắc.

Thách thức thứ hai liên hệ đến *thẩm quyền chuyên môn* (professional authority). Trong nhiều mô hình liên văn hóa, bác sĩ và thầy thuốc truyền thống phải chia sẻ quyền quyết định. Tuy nhiên, điều này có thể gây khó khăn cho các bác sĩ được đào tạo trong hệ thống phương Tây, vốn quen với việc giữ vai trò trung tâm trong tiến trình điều trị. Ngược lại, thầy thuốc truyền thống cũng có thể cảm thấy bị đe doạ khi tri thức của họ bị đặt cạnh một hệ thống khoa học có tính thẩm quyền cao hay độc quyền.

Thách thức thứ ba là *rủi ro khi không đạt được sự đồng thuận* (risk of non□consensus). Trong một số trường hợp, hai hệ thống tri thức có thể đưa ra những khuyến nghị hoàn toàn trái ngược nhau. Khi điều này xảy ra, bệnh nhân và gia đình có thể rơi vào tình trạng hoang mang, không biết nên tin vào ai. Gilbert cho rằng những tình huống này đòi hỏi một tiến trình đối thoại kiên nhẫn và sự hiện diện của những người trung gian văn hoá có khả năng giải thích, hoà giải và giúp hai bên tìm điểm chung.

Những xung đột trí thức
Và thẩm quyền trong mô hình văn hóa

Để đối phó với những xung đột tri thức và thẩm quyền trong các mô hình liên văn hóa, Gilbert đề xuất việc xây dựng những *cơ chế hòa giải văn hóa* (cultural mediation mechanisms) ngay trong cấu trúc của bệnh viện. Ông cho rằng các cơ chế này phải mang tính thể chế, chứ không chỉ dựa vào thiện chí cá nhân của bác sĩ hay thầy thuốc truyền thống.

Một cơ chế quan trọng là vai trò của *người trung gian văn hóa* (cultural mediator). Đây là những cá nhân được đào tạo để hiểu cả hai hệ thống tri thức: họ biết ngôn ngữ chuyên môn của y học hiện đại, đồng thời hiểu sâu các nghi lễ, biểu tượng và thế giới quan của cộng đồng bản địa. Người trung gian văn hóa có thể giúp giải thích phác đồ điều trị cho bệnh nhân theo cách phù hợp với niềm tin của họ, đồng thời giúp bác sĩ hiểu những lo ngại hoặc yêu cầu mang tính văn hóa – tôn giáo mà bệnh nhân đưa ra.

Thực vậy, bệnh viện cần xây dựng các *quy trình đối thoại chính thức* (formal dialogue protocols). Khi xảy ra bất đồng giữa bác sĩ và thầy thuốc truyền thống, thay vì để xung đột diễn ra tự phát, bệnh viện phải có quy trình rõ ràng: tổ chức cuộc họp liên ngành, mời người trung gian văn hóa tham gia, và tạo không gian để hai bên trình bày quan điểm. Quy trình này giúp giảm căng thẳng, tránh hiểu lầm, và đảm bảo rằng quyết định cuối cùng được đưa ra dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau.

Các cơ chế hòa giải văn hoá cuối cùng phải được xem như một phần của chất lượng chăm sóc (quality of care). Khi bệnh viện đầu tư vào những cơ chế này, họ không chỉ giải quyết xung đột, mà còn xây dựng một môi trường chữa lành toàn diện, nơi bệnh nhân cảm thấy được nhìn thấy, được lắng nghe, và được tôn trọng trong toàn bộ chiều sâu văn hóa– tinh thần của họ. Thay đổi vai trò của bác sĩ, biến họ thành những tác nhân đối thoại liên văn hoá trong hệ thống y tế hiện đại.

Bác sĩ và vai trò tác nhân đối thoại liên văn hoá
trong hệ thống y tế hiện đại.

Gilbert cho rằng việc thiết lập các cơ chế hoà giải văn hoá không chỉ thay đổi cấu trúc của bệnh viện, mà còn làm biến đổi sâu sắc vai trò của bác sĩ trong hệ thống y tế hiện đại. Khi y khoa bước vào không gian liên văn hoá, bác sĩ không còn chỉ là người chẩn đoán và điều trị, mà trở thành một *tác nhân đối thoại* (agent of dialogue), một người có khả năng kết nối các thế giới quan khác nhau để phục vụ tiến trình trị liệu. Ông nhấn mạnh rằng bác sĩ của thế kỷ XXI phải phát triển một năng lực mới: *năng lực đối thoại liên văn hoá* (intercultural dialogical competence). Năng lực này bao gồm khả năng nhận diện các yếu tố văn hoá trong lời nói và hành vi của bệnh nhân; khả năng đặt câu hỏi một cách tôn trọng; khả năng giải thích biểu đồ điều trị bằng ngôn ngữ phù hợp với niềm tin của cộng đồng; và khả năng hợp tác với các thầy thuốc truyền thống mà không xem họ là đối thủ. khi bác sĩ chấp nhận vai trò này, họ trở thành những người thực hành một hình thức y khoa mở rộng — một y khoa biết rằng chữa lành không chỉ là sửa chữa cơ thể, mà còn là xây dựng cầu nối giữa các hệ thống với ý nghĩa. Điều này không làm giảm giá trị của khoa học y học; ngược lại, nó làm cho khoa học trở nên nhân bản hơn, linh hoạt hơn, và phù hợp hơn với thực tế đa văn hoá của thế giới.

Cần cải tổ sâu rông chương trình đào tạo Bác sĩ

Gilbert cho rằng để chuẩn bị cho thế hệ bác sĩ mới bước vào môi trường liên văn hoá đầy phức tạp, các trường y khoa phải tiến hành một cuộc cải

tổ sâu rộng trong chương trình đào tạo. Ông nhấn mạnh năng lực lâm sàng của bác sĩ không thể chỉ dựa trên kiến thức sinh học, giải phẫu, dược lý và kỹ năng thực hành mà phải bao gồm cả khả năng hiểu con người trong bối cảnh văn hoá – xã hội của họ.

Theo ông, các trường y cần đưa vào chương trình học những môn về nhân chủng học y khoa (medical anthropology), xã hội học sức khỏe (sociology of health), và nghiên cứu tôn giáo trong y khoa (religion and medicine). Những môn này giúp sinh viên y khoa nhận ra rằng bệnh tật không chỉ là một hiện tượng sinh học, mà còn là một trải nghiệm mang tính biểu tượng, tinh thần và cộng đồng. Khi hiểu điều này, sinh viên sẽ phát triển khả năng lắng nghe bệnh nhân với sự nhạy cảm văn hoá cao hơn.

Ông cũng đề xuất sinh viên y khoa phải được đào tạo về kỹ năng đối thoại liên văn hóa: cách đặt câu hỏi mà không gây tổn thương, cách nhận diện những tín hiệu văn hóa trong lời nói và hành vi của bệnh nhân, và cách hợp tác với các thầy thuốc truyền thống trong những bối cảnh đa văn hóa. Gilbert cho rằng những kỹ năng này quan trọng không kém việc đọc phim X-quang hay thực hiện thủ thuật lâm sàng.

Cuối cùng, ông nhấn mạnh rằng các trường y cần tạo cơ hội cho sinh viên tiếp xúc trực tiếp với cộng đồng đa văn hóa thông qua thực tập, nghiên cứu thực địa, và các chương trình trao đổi quốc tế. Khi sinh viên được trải nghiệm thực tế, họ sẽ hiểu sâu hơn về sự đa dạng của thế giới quan và phát triển năng lực đối thoại mà sách vở không thể truyền đạt đầy đủ.

Bác sĩ phải là cầu nối giữa khoa học và các nền văn hóa

Gilbert cho rằng sự thay đổi trong đào tạo y khoa sẽ dẫn đến một mô hình chăm sóc sức khỏe hoàn toàn mới, trong đó bác sĩ không chỉ là chuyên gia kỹ thuật mà còn là những người kiến tạo cầu nối giữa khoa học và văn hóa. Khi bác sĩ được trang bị năng lực đối thoại liên văn hoá, họ có thể bước vào những không gian chữa lành phức tạp, nơi bệnh tật được hiểu không chỉ qua triệu chứng sinh học mà qua toàn bộ hệ thống ý nghĩa của bệnh nhân. Ông nhấn mạnh mô hình chăm sóc sức khỏe mới này không xem văn hóa như một yếu tố phụ, mà như một thành phần cốt lõi của tiến trình chữa lành. Bác sĩ phải biết rằng mỗi quyết định lâm sàng đều diễn ra trong một bối cảnh văn hóa cụ thể: cách bệnh nhân hiểu đau đớn, cách gia đình tham gia vào điều trị, cách cộng đồng diễn giải bệnh tật, và cách tôn giáo định hình hy vọng hoặc nỗi sợ của người bệnh.

Trong mô hình này, bác sĩ trở thành những người ‘dịch thuật’ giữa hai thế giới: họ dịch ngôn ngữ của khoa học sang ngôn ngữ của cộng đồng, và dịch những lo âu, niềm tin, nghi lễ của bệnh nhân sang ngôn ngữ của y khoa. Khi làm được điều này, họ không chỉ cải thiện kết quả điều trị, mà còn xây dựng một nền y học nhân bản, nơi khoa học và văn hóa không đối nghịch, mà cùng nhau phục vụ tiến trình phục hồi chữa lành. Bác sĩ đồng thời phải là cha phần hồn như một linh mục hay thượng tọa vậy.

Một hệ thống y tế quốc gia và chính sách công sâu rộng

Khi mô hình chăm sóc sức khỏe mới — dựa trên đối thoại liên văn hoá và sự hợp tác giữa các hệ thống tri thức — được triển khai rộng rãi, nó sẽ tạo ra những tác động sâu rộng đối với hệ thống y tế quốc gia và chính sách công. Các quốc gia đa sắc tộc, đa tôn giáo và đa truyền thống không thể tiếp tục vận hành một hệ thống y tế đơn văn hóa mà không gây ra những bất bình đẳng nghiêm trọng.

Chính sách y tế quốc gia phải bắt đầu thừa nhận rằng văn hóa là một yếu tố cấu trúc của sức khỏe cộng đồng. Điều này có nghĩa là các bộ y tế cần xây dựng những khung pháp lý cho phép bệnh viện hợp tác với các thầy thuốc truyền thống, công nhận vai trò của người trung gian văn hóa, và đầu tư vào các chương trình đào tạo liên văn hóa cho nhân viên y tế. Khi văn hóa được đưa vào chính sách, hệ thống y tế sẽ trở nên linh hoạt hơn và phù hợp hơn với thực tế xã hội. Lúc đó các chính phủ cần xem mô hình liên văn hóa như một chiến lược dài hạn để giảm bất bình đẳng y tế. Nhiều cộng đồng thiểu số không tin tưởng hệ thống y tế chính thống vì họ cảm thấy bị xem nhẹ hoặc bị buộc phải từ bỏ truyền thống của họ. Khi chính sách công tạo điều kiện cho sự tôn trọng và đối thoại, niềm tin của cộng đồng sẽ tăng lên, dẫn đến việc tiếp cận dịch vụ y tế tốt hơn và kết quả điều trị sẽ cao hơn.

Cuối cùng, chúng ta thấy được là sự tích hợp văn hóa trong y tế không chỉ là một cải cách kỹ thuật, mà là một sự thay đổi trong cách quốc gia hiểu về sức khỏe. Khi chính sách công thừa nhận rằng chữa lành là một tiến trình vừa sinh học vừa văn hóa, hệ thống y tế sẽ trở thành một không gian nhân bản hơn, nơi mọi cộng đồng đều cảm thấy được nhìn thấy và được tôn trọng hơn.

Hệ quả triết học của việc tái định nghĩa khoa trị liệu.

Như một tiến trình liên văn hóa -bao gồm cách thay đổi quan niệm về con người, về bệnh tật, và về vai trò của cộng đồng trong y khoa- việc tái định nghĩa khoa trị liệu / chữa lành như một tiến trình liên văn hóa không chỉ có tác động thực tiễn đối với hệ thống y tế, mà còn kéo theo những hệ quả triết học sâu sắc. Khi y khoa thừa nhận rằng bệnh tật không chỉ là một rối loạn sinh học, mà là một trải nghiệm mang tính biểu tượng và tinh thần và cộng đồng, thì quan niệm về con người cũng phải được mở rộng. Trong mô hình liên văn hóa, con người không thể được hiểu như một cá thể tách biệt, mà như một thực thể được định hình bởi các mối quan hệ với gia đình, với cộng đồng, với truyền thống, và với thế giới linh thiêng. Bệnh tật, theo đó, không chỉ là sự suy giảm chức năng của cơ thể, mà là sự gián đoạn trong mạng lưới ý nghĩa mà cá nhân đang sống. Chữa lành vì thế trở thành tiến trình tái lập trật tự — không chỉ trong thân thể, mà trong toàn bộ hệ thống

quan hệ và biểu tượng của bệnh nhân.

Mô hình liên văn hóa buộc y khoa phải xem cộng đồng như một tác nhân chữa lành. Trong nhiều truyền thống, cộng đồng không chỉ hỗ trợ bệnh nhân về mặt tâm lý mà còn tham gia trực tiếp vào tiến trình chữa trị tâm linh thông qua nghi lễ, cầu nguyện, hoặc các hình thức chăm sóc tập thể. Khi y khoa thừa nhận vai trò này, nó mở ra một quan niệm mới về sức khỏe: *sức khỏe không chỉ là thuộc tính của cá nhân, mà là trạng thái hài hòa của cả cộng đồng xã hội vật chất và tâm linh*.

Cuối cùng, việc tái định nghĩa chữa lành theo hướng liên văn hóa đặt ra câu hỏi triết học về bản chất của y khoa: liệu y khoa là một ngành khoa học thuần túy, hay là một thực hành nhân bản gắn liền với những hệ thống ý nghĩa mà con người được tạo ra? Câu trả lời nằm ở sự kết hợp: y khoa phải giữ vững nền tảng khoa học của mình, nhưng đồng thời phải mở rộng để trở thành một nghệ thuật đối thoại với văn hóa, với truyền thống, và với những chiều sâu tinh thần của con người tức thân linh / linh hồn.

Như phần kết luận tổng hợp toàn bộ lập luận đã trình bày và một nền y khoa biết đối thoại với sự đa dạng của thế giới không phải là một lựa chọn mang tính lý tưởng, mà là một nhu cầu thiết yếu của thời đại thì khi xã hội ngày càng đa văn hóa, y khoa không thể tiếp tục vận hành như một hệ thống đơn nhất, tách biệt khỏi những thế giới quan mà bệnh nhân mang theo.

Khoa trị liệu trong thế kỷ XXI phải được hiểu như một tiến trình đa dạng: vừa sinh học, vừa xã hội, vừa văn hóa, vừa tinh thần. Khi bác sĩ biết bước vào những chiều sâu này, họ không chỉ chữa bệnh mà còn đồng hành với con người trong toàn bộ phức tạp của đời sống con người và xã hội. Điều này đòi hỏi y khoa phải mở rộng chính mình — từ một ngành khoa học thuần túy trở thành một nghệ thuật đối thoại với truyền thống, với cộng đồng, và với những hệ thống tư tưởng, ý nghĩa mà bệnh nhân đang sống. Vì vậy tương lai của y khoa phụ thuộc vào khả năng trong việc lắng nghe: lắng nghe những câu chuyện, những niềm tin, những nghi lễ, và những nỗi sợ hãi mà bệnh nhân mang theo. Khi y khoa biết lắng nghe, nó sẽ trở thành một không gian chữa lành toàn diện, nơi mọi cộng đồng — dù có khác biệt về văn **hóa**, tôn giáo hay truyền thống — đều cảm thấy được tôn trọng và được nhìn nhận.

Các mô hình chính sách quốc tế

Sang chương kế tiếp, Gilbert mở rộng phân tích sang các mô hình chính sách quốc tế đang thử nghiệm việc tích hợp văn hóa vào hệ thống y tế quốc gia. Ông cho rằng trong hai thập niên gần đây, nhiều quốc gia đã bắt đầu nhận ra rằng sự đa dạng văn hóa không chỉ là một đặc điểm xã hội, mà là một yếu tố cấu trúc của sức khỏe cộng đồng. Vì thế, họ đã triển khai những chính sách nhằm đưa tri thức bản địa, truyền thống tôn giáo, và các thực hành cộng đồng vào tiến trình chăm sóc sức khỏe như trường hợp của Bolivia và Peru, nơi các bộ y tế đã chính thức công nhận vai trò của thầy thuốc truyền thống trong hệ thống y tế quốc gia. Điều này không chỉ mang tính biểu tượng, mà còn tạo ra khung pháp lý để các bệnh viện hợp tác với các *curanderos*, *yatiris* và những người chữa trị bản địa khác. Khi được công nhận, họ có thể tham gia vào tiến trình điều trị mà không bị xem là ‘phi khoa học’ hay ‘ngoài lề’.

Ông cũng phân tích mô hình của Canada, nơi chính sách y tế dành cho các cộng đồng First Nations và Inuit đã chuyển từ cách tiếp cận ‘áp đặt từ trên xuống’ sang mô hình ‘đồng quản trị’ (co-governance). Trong mô hình này, các cộng đồng bản địa có quyền tham gia vào việc thiết kế dịch vụ y tế, lựa chọn phương pháp điều trị, và xác định vai trò của nghi lễ truyền thống trong bệnh viện. Gilbert cho rằng đây là một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng niềm tin giữa cộng đồng niềm tin và hệ thống y tế.

Cuối cùng, ông đề cập đến New Zealand, nơi triết lý *hauora* của người Māori đã được tích hợp vào chính sách y tế quốc gia. *Hauora* xem sức khỏe như sự hài hòa giữa thân thể, tâm trí, gia đình và tinh thần. Khi triết lý này được đưa vào chính sách, nó đã thay đổi cách hệ thống y tế hiểu về bệnh tật và chữa lành, mở ra một mô hình chăm sóc toàn diện hơn.

Từ những kinh nghiệm quốc tế này, Gilbert rút ra một loạt bài học có thể được áp dụng cho các hệ thống y tế khác trên thế giới. Bài học đầu tiên là tầm quan trọng của việc *chính thức công nhận* (formal recognition) đối với tri thức và thực hành truyền thống. Khi nhà nước công nhận vai trò của thầy thuốc bản địa hoặc các nghi lễ chữa trị truyền thống, điều này không chỉ tạo ra sự tôn trọng mang tính biểu tượng, mà còn mở đường cho sự hợp tác thực chất giữa hai hệ thống tri thức.

Bài học thứ hai là sự cần thiết của *cơ chế đồng quản trị* (co-governance mechanisms). Gilbert cho rằng các cộng đồng thiểu số hoặc bản địa phải có tiếng nói trong việc thiết kế dịch vụ y tế dành cho họ. Khi cộng đồng tham gia vào việc xây dựng chính sách, họ sẽ tin tưởng hệ thống y tế hơn, và các dịch vụ được tạo ra sẽ phù hợp hơn với nhu cầu văn hóa– xã hội của họ.

Bài học thứ ba là tầm quan trọng của *khung pháp lý linh hoạt* (flexible legal frameworks). Nhiều quốc gia thất bại trong việc tích hợp văn hóa vào y tế vì họ cố gắng áp dụng một mô hình cứng nhắc, không cho phép điều chỉnh theo từng cộng đồng. Gilbert nhấn mạnh rằng chính sách phải đủ linh hoạt để thích ứng với sự đa dạng của các truyền thống, nghi lễ và hệ thống tri thức.

Cuối cùng, ông cho rằng các quốc gia cần đầu tư vào việc *đào tạo liên văn hóa* (intercultural training) cho nhân viên y tế. Không có chính sách nào có thể thành công nếu bác sĩ, y tá và nhân viên

chăm sóc sức khỏe không được trang bị năng lực đối thoại với các thế giới quan khác nhau. Đào tạo liên văn hóa phải trở thành một phần của chiến lược quốc gia về sức khỏe cộng đồng.

Những thách thức cần phải nghĩ tới.

Tuy nhiên, Gilbert cũng cảnh báo rằng việc áp dụng các mô hình liên văn hóa vào chính sách y tế quốc gia không phải là một tiến trình dễ dàng.

Thách thức đầu tiên là *vấn đề ngân sách* (budgetary constraints). Các cơ chế đối thoại, đào tạo liên văn hóa, và hợp tác với thầy thuốc truyền thống đòi hỏi nguồn lực đáng kể. Nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước có hệ thống y tế đang chịu áp lực tài chính, thường xem các yếu tố văn hóa như 'phần bổ sung' không cấp thiết, và vì thế dễ bị cắt giảm.

Thách thức thứ hai là *sự phản đối từ giới chuyên môn* (professional resistance). Gilbert cho rằng một bộ phận bác sĩ và nhà quản lý y tế vẫn giữ quan điểm rằng y khoa phải dựa hoàn toàn trên bằng chứng thực nghiệm, và bất kỳ sự tích hợp nào với tri thức truyền thống đều có nguy cơ 'làm suy yếu tính khoa học'. Quan điểm này dẫn đến sự chống đối mạnh mẽ đối với các mô hình liên văn hóa, đặc biệt trong những hệ thống y tế có tính thứ bậc cao.

Thách thức thứ ba là *căng thẳng giữa khoa học và truyền thống* (tension between science and tradition). Trong nhiều trường hợp, các nghi lễ hoặc phương pháp chữa trị truyền thống có thể không phù hợp với tiêu chuẩn an toàn hoặc đạo đức của y khoa hiện đại. Khi điều này xảy ra, nhà hoạch định chính sách phải đối mặt với câu hỏi khó: làm sao tôn trọng văn hóa mà vẫn bảo vệ bệnh nhân khỏi những thực hành có thể gây hại?

Những thách thức này -Gilbert nhấn mạnh- không phải là lý do để từ bỏ mô hình liên văn hoá, mà là lời nhắc nhở rằng việc tích hợp văn hóa vào y tế đòi hỏi sự kiên nhẫn, đối thoại và thiết kế chính sách tinh tế. Ông cho rằng nếu các quốc gia chấp nhận rằng sức khỏe là một hiện tượng vừa sinh học vừa văn hóa, thì họ sẽ tìm được cách vượt qua những căng thẳng này để xây dựng một hệ thống y tế nhân bản hơn.

Tuy nhiên, Gilbert cũng cảnh báo rằng việc áp dụng các mô hình liên văn hóa vào chính sách y tế quốc gia không phải là một tiến trình dễ dàng. Thách thức đầu tiên là *vấn đề ngân sách* (budgetary constraints). Các cơ chế đối thoại, đào tạo liên văn hóa, và hợp tác với thầy thuốc truyền thống đòi hỏi nguồn lực đáng kể. Nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước có hệ thống y tế đang chịu áp lực tài chính, thường xem các yếu tố văn hóa như 'phần bổ sung' không cấp thiết, và vì thế dễ bị cắt giảm.

Gilbert nhấn mạnh rằng những thách thức này không phải là lý do để từ bỏ mô hình liên văn hoá, mà là lời nhắc nhở rằng việc tích hợp văn hóa vào y tế đòi hỏi sự kiên nhẫn, đối thoại và thiết kế chính sách tinh tế. Ông cho rằng nếu các quốc gia chấp nhận rằng sức khỏe là một hiện tượng vừa sinh học vừa văn hóa, thì họ sẽ tìm được cách vượt qua những căng thẳng này để xây dựng một hệ thống y tế nhân bản

Kết luận

Xin kể một câu chuyện để kết luận bài viết. Một gia đình người Hmong sinh sống lập nghiệp ở Fresno, CA đã từ chối đề nghị của bác sĩ để chữa ngón chân bị tật (clubfeet) của đứa con trai 7 tuổi. Gia đình tin rằng con bà sinh ra bị tật như vậy là do lỗi phạm của tổ tiên. Chữa trị nó là xúc phạm đến thần linh. Khi nhà thương đem trường hợp này ra tòa, ông tòa đã đứng về phía gia đình người bệnh.

Rối loan đã xẩy ra khi nhân viên y tế cung cấp dịch vụ không hiểu được cách thực hành sức khỏe của bệnh nhân. BS Barbara Stagger, MD là giám đốc bệnh viện nhi đồng ở Oakland nói với họ khi nhà thương bắt đầu chữa những người từ miền Đông Nam Á Châu đang định cư sống ở vùng San Francisco Bay vào thập niên 1970 và đầu thập niên 1980. Một số trẻ nít đến khám bệnh với những vết bầm tím ở lưng và đốt cháy trên bụng. Trong vài trường hợp, các bác sĩ đã báo động cho quận về sự việc hơi lạ kỳ này như môt thứ bạo hành trẻ con. "Chúng tôi không hiểu được một đồng bạc cắc cạo lên da cho trầy sớt rồi đốt bằng cỏ tại sao lại là hình thức chữa lành bệnh," BS Stagger một chuyên viên y khoa người lớn đã nói. Cuối cùng nhân viên bệnh viện đã gặp các bô lão của cộng đồng và hỏi cho ra sự việc tại sao. Hiện nay nhiều bác sĩ đã thường xuyên chữa bệnh cho những người gốc Đông Nam Á Châu đã nhận biết và hiểu ra những dấu vết do đồng xu cọ sát, giác hơi và ngải cứu (moxibustion) tương tự như châm cứu tạo ra,-BS Staggers nói: "*Chúng tôi hiểu rằng điều đó có thể hay không thể giúp chữa được bệnh, nhưng nhận ra đó như là một hình thức chữa lành không chủ ý làm đau đớn".*

những kinh nghiệm như vậy đã báo động cho nhiều cơ quan và cá nhân hành nghề ý tế về sự quan trọng của điều gọi là *"khả năng văn hóa – cultural competence".* Với nhận thức này những luật mới của liên bang và tiểu bang đòi hỏi người cung cấp dịch vụ y tế sức khỏe phải cung cấp việc chăm sóc đó cẩn thận đúng tiêu chuẩn văn hóa và ngôn ngữ. Bộ Y Tế đã nêu ra nhiều sai sót lỗi phạm của nhiều bệnh viện và nhân viên y tế trong những năm gần dây là không cắt nghĩa những việc làm của mình. "Đây không phải chỉ là vấn đề nó tốt cần phải làm" -Fortier nói- "mà là vấn đề pháp lý cần phải làm nó đang tới."

Câu chuyện kể lại cũng đã xưa rồi từ năm 1999, cả gần một thập niên trước. Nhưng dư âm vẫn còn và ảnh hưởng vẫn chưa chấm dứt vì làn sóng di tản di cư tỵ nạn vẫn thường xuyên đổ vào Hoa Kỳ.

Savi

Fleming Island, Florida
Oct. 13, 2026